GIÁO PHẬN SÀI GÒN - TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁO ÁN

GIÁO LÝ VÀO ĐỜI 1

LUÂN LÝ



MỤC LỤC

1. Ánh sáng trần gian và muối cho đời 3
2. Lương tâm 11
3. Hành vi nhân linh 21
4. Nhân đức đối thần 28
5. Các nhân đức luân lý 34
6. Tội 39
7. Bảy mối tội đầu 47
8. Hiến chương Nước Trời 51
9. Thập giới, luật của tự do và tình yêu 56
10. Tôn thờ Thiên Chúa 62
11. Kêu cầu Thiên Chúa 76
12. Ngày Chúa nhật 81
13. Sống hiếu thảo 88
14. Tôn trọng sự sống 101
15. Sống trong sạch 109
16. Sống công bình 123
17. Tôn trọng sự thật 133
18. Cầu nguyện 141
19. Những khó khăn của việc cầu nguyện 153
20. Đời ta đi về đâu? 163

Bài 1

ÁNH SÁNG TRẦN GIAN VÀ MUỐI CHO ĐỜI

Phẩm giá con người bắt nguồn từ việc con người được sáng tạo theo hình ảnh và giống Thiên Chúa. Phẩm giá này được kiện toàn trong ơn gọi đến hưởng hạnh phúc với Thiên Chúa. Con người có trách nhiệm dùng tự do đạt tới sự viên mãn ấy. Bằng những hành vi có ý thức, con người quy hướng, hay không, vào những gì tốt đẹp. Thiên Chúa hứa ban và lương tâm công nhận. Con người sử dụng toàn thể đời sống giác quan và tinh thần làm chất liệu để xây dựng bản thân và tăng trưởng nội tâm. Nhờ ân sủng trợ giúp, con người tiến triển trên đường nhân đức, xa lánh tội lỗi và nếu lỡ phạm tội như người con hoang đàng, biết phó thác vào lòng thương của Cha Trên Trời. Nhờ đó, con người đạt tới đức ái hoàn hảo.

I. BẢN CHẤT CỦA LUÂN LÝ THẦN HỌC:

Theo thần học Kitô giáo, đặc tính luân lý các hành động của con người cốt yếu ở tại sự liên kết giữa con người với ý muốn của Thiên Chúa. Hành động của con người được coi là tốt theo luân lý nếu hợp với Ý muốn Chúa, ngược lại bị coi là xấu theo luân lý nếu không hợp với Ý muốn Chúa.

1. Ý muốn Chúa thể hiện qua:

a/ Tiếng nói trong nội tâm con người,

b/ Trong thiên nhiên,

c/ Trong Kinh Thánh mạc khải: Giao Ước và Luật lệ.

Con người đáp lại tiếng của Thiên Chúa trong lương tâm mình, trong việc chấp nhận các trật tự thế giới hữu hình này, cũng như qua việc tuân giữ Giao ước, Luật lệ.

2. Lợi ích của việc chấp nhận là:

"Nếu các ngươi vâng nghe tiếng Ta và nắm giữ Giao Ước Ta, các ngươi sẽ là sở hữu của Ta giữa các dân."(Xh 19,5).

Và Chúa Giêsu dạy: "Không phải bất cứ ai thưa với Thầy: "Lạy Chúa! lạy Chúa!" là được vào Nước Trời cả đâu! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy ở trên trời, mới được vào mà thôi. (Mt 7,21).

Do đó, bản chất của Luân lý Thần học ở tại: Con người (thành tâm đáp lại lời mời gọi của Chúa), sống hòa hợp với ý muốn của Chúa, thì hành động và lối sống của con người là tốt theo luân lý. Ngược lại, nếu con người không (thành tâm đáp lại lời mời gọi của Chúa), không sống hòa hợp với ý muốn của Chúa, hành động và lối sống của con người là xấu theo luân lý.

II. MỤC ĐÍCH TỐI CHUNG CỦA HÀNH VI LUÂN LÝ:

Công đồng Vaticanô II xác nhận: "Ý nghĩa cao cả nhất của nhân phẩm con người là con người được kêu gọi tới kết hợp với Thiên Chúa. Ngay từ lúc mới sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa. Thực thế, con người hiện hữu chỉ là do Thiên Chúa đã vì yêu thương nên tạo dựng con người, và cũng vì yêu thương mà luôn luôn bảo tồn con người. Hơn nữa con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý một khi tự ý nhìn nhận tình yêu ấy và phó thác cho Đấng tạo dựng mình". (MV 19)

1. Có hạnh phúc Tương đối và hạnh phúc Tuyệt đối:

a. Hạnh phúc tương đối của con người là chính mình. Đó là những thỏa mãn con người muốn đạt được trong cuộc sống về tình yêu, tiền bạc, tiếng tốt... những hạnh phúc này có nhiều khuyết điểm không đáp ứng được những đòi hỏi của hạnh phúc thật như lòng người mong ước. (Tình chỉ vui khi còn dang dở... Hết tiền hết bạc hết ông tôi... Được tiếng khen ho hen chẳng còn).

b. Hạnh phúc tuyệt đối hay hạnh phúc tối chung, hạnh phúc thật của con người, theo thánh Tôma Aquinô, đòi 4 điều kiện: + Cao cả nhất,

+ Thỏa mọi ước vọng,

+ Loại mọi khuyết điểm,

+ Tồn tại mãi mãi.

Những điều này chỉ tìm thấy nơi Thiên Chúa, ở đời sau,

Vậy mục đích hay Tiêu chuẩn tối chung mọi hành vi luân lý của con người là được chính Thiên Chúa, là được sống kết hợp với Chúa trong tình yêu muôn đời.

2. Con người là hình ảnh của Thiên Chúa:

a. "Khi mặc khải mầu nhiệm Chúa Cha và tình yêu của Ngài, Đức Kitô đã cho con người biết rõ về chính bản chất của họ và tỏ cho họ biết thiên chức rất cao cả của họ" (x.GS 22,1).

Trong Đức Kitô "hình ảnh của Thiên Chúa vô hình", con người được tạo dựng "theo hình ảnh và giống" Đấng Sáng Tạo. Hình ảnh này đã bị nguyên tội làm biến dạng, nay được phục hồi vẻ đẹp nguyên thủy trong Đức Kitô. Đấng Cứu Chuộc và Cứu Độ, và còn được ân sủng Thiên Chúa làm tăng thêm vẻ rực rỡ (x.GS 2).

Mỗi con người đều mang hình ảnh Thiên Chúa. Hình ảnh ấy rực sáng trong sự hiệp thông nhân vị, giống sự hiệp nhất của Ba Ngôi Thiên Chúa.

b. Được ban cho một "linh hồn bất tử", con người là "thụ tạo duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên vì chính họ". Ngay từ lúc tượng thai, con người được Thiên Chúa tiền định để hưởng hạnh phúc đời đời.

Con người được tham dự vào ánh sáng và sức mạnh của Thánh Thần Thiên Chúa. Nhờ lý trí, họ hiểu được trật tự muôn loài do Đấng Sáng Tạo thiết lập. Nhờ ý chí, họ có khả năng hướng tới sự thiện hảo đích thực. Con người đạt tới sự viên mãn của mình bằng cách "tìm kiếm và yêu mến những gì là chân, là thiện" (x.GS 15,2).

c. Nhờ có linh hồn với các khả năng tinh thần là lý trí và ý chí, con người được hưởng tự do, "dấu chỉ rõ ràng nhất con người là hình ảnh Thiên Chúa" (x.GS 17)

Nhờ lý trí, con người nhận ra tiếng nói của Thiên Chúa thúc đẩy mình "làm lành lánh dữ" (x.GS 16). Mỗi người phải vâng theo lề luật ấy, luật đang âm vang trong lương tâm mình, và thực hiện trong tình yêu mến Thiên Chúa và tha nhân. Việc thực thi đời sống luân lý chứng nhận phẩm giá của con người.

d. "Ngay từ đầu lịch sử, con người bị thần Dữ cám dỗ nên đã lạm dụng tự do của mình" (x.GS 13,1). Họ đã sa chước cám dỗ và làm điều ác. Dù vẫn còn ước muốn điều thiện, nhưng bản tính họ đã bị thương tổn vì nguyên tội. Con người nghiêng chiều về sự dữ và có thể sai lầm:

"Trong chính con người đã có sự chia rẽ. Vì thế, tất cả cuộc sống con người, cá nhân hay tập thể, đều biểu hiện như một cuộc chiến bi thảm, giữa tốt và xấu, giữa ánh sáng và tối tăm" (x.GS 13,2).

e. Nhờ cuộc khổ nạn, Đức Kitô giải thoát chúng ta khỏi Satan và tội lỗi; nhờ đó, chúng ta đáng được hưởng đời sống mới trong Chúa Thánh Thần. Ân sủng của Người phục hồi những gì tội lỗi đã làm hư hỏng nơi chúng ta.

Ai tin vào Đức Kitô thì trở nên con cái Thiên Chúa. Ơn nghĩa tử này biến đổi con người bằng cách giúp họ sống theo gương Đức Kitô. Nhờ đó, họ có khả năng hành động đúng đắn và thực thi điều lành. Sống kết hiệp với Đấng Cứu độ, người môn đệ đạt tới đức ái hoàn hảo, tới sự thánh thiện. Đời sống luân lý được trưởng thành trong ân sủng, sẽ triển nở thành đời sống vĩnh cửu trong vinh quang Nước Trời.

3. Vinh phúc Kitô giáo:

a. Tân Ước dùng nhiều cách để diễn tả hạnh phúc đích thực mà Thiên Chúa mời gọi con người đến hưởng: Nước Thiên Chúa (Mt 4,17); hưởng nhan thánh Chúa: "Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa" (Mt 5,8); được vào hưởng niềm vui của Chúa (Mt 25,21); được an nghỉ trong Chúa.

"Nơi đó chúng ta sẽ an nghỉ và chiêm ngắm, chiêm ngắm và yêu mến, yêu mến và ca ngợi. Cuối cùng là như vậy, mãi mãi như vậy. Chúng ta còn có cùng đích nào khác ngoài việc đạt vương quốc vô tận"?

b. Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta để nhận biết, phục vụ, yêu mến Ngài và nhờ đó được hưởng phúc Thiên Đàng. Hạnh phúc đích thực là được thông phần bản tính Thiên Chúa (2Pr 1,4) và sự sống đời đời (Ga 17,3); nhờ đó, con người được đi vào trong vinh quang của Đức Kitô và hưởng cuộc sống của Ba Ngôi.

Hạnh phúc đích thực vượt quá trí tuệ và sức lực con người. Đó là kết quả của hồng ân nhưng không của Thiên Chúa. Vì thế, ta gọi hạnh phúc này, cũng như ân sủng chuẩn bị con người vào hưởng sự hoan lạc của Thiên Chúa là ân huệ siêu nhiên.

c. "Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa". "Không ai trông thấy Thiên Chúa mà còn sống" vì Ngài cao cả và vinh quang vô biên. Chúa Cha là Đấng con người không thể thấu hiểu được. Vì lòng yêu thương nhân hậu đối với nhân loại, với quyền năng tuyệt đối, Thiên Chúa ban cho những ai yêu mến Ngài được đặc ân chiêm ngắm Ngài. "Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được"

Hạnh phúc Thiên Chúa hứa đặt chúng ta trước những lựa chọn luân lý quyết định, mời gọi ta thanh luyện tâm hồn khỏi những bản năng xấu và tìm kiếm tình yêu Thiên Chúa trên hết mọi sự. Hạnh phúc Chúa hứa dạy ta biết rằng hạnh phúc đích thực không ở nơi của cải hay tiện nghi, cũng không phải trong vinh quang trần thế hay quyền lực, cũng không ở trong bất cứ một công trình nào của con người, dù hữu ích như khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, cũng không ở trong bất cứ thụ tạo nào, nhưng chỉ ở nơi Thiên Chúa, nguồn mạch mọi thiện hảo và tình yêu:

"Ngày nay, giàu sang là vị thần vĩ đại, được đông đảo quần chúng sùng bái tôn thờ. Họ đo lường hạnh phúc bằng tài sản; danh dự cũng đo bằng tài sản... Tất cả đều do quan niệm: có tiền mua tiên cũng được. Giàu sang là một trong những ngẫu tượng của thời đại. Một ngẫu tượng nữa là danh vọng.... Danh vọng, được mọi người biết đến, được tiếng tăm lừng lẫy trên thế giới. Được các phương tiện truyền thông nói đến, danh vọng đã trở thành như điều thiện hảo tuyệt đối, điều thiện hảo tối thượng, đối tượng được người ta tôn thờ sùng bái" (Newman).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Thế nào là nên thánh?

- Thiên Chúa là Đấng Thánh nên những gì gắn bó, gần gũi với Thiên Chúa thì gọi là Thánh. Nên Thánh là nên giống Chúa trong lời nói, tư tưởng, hành động. Chúa Giêsu nói: "Ta là ánh sáng thế gian" bây giờ Chúa lại nói: "Chính anh em là ánh sáng cho trần gian". Chúa đã nâng con người lên trên các tạo vật, cho chúng ta được làm con Thiên Chúa. Con của Thiên Chúa thì phải sống sao cho xứng với Thánh Danh của Ngài.

2. Việc thực thi đời sống luân lý chứng nhân phẩm giá con người? Ý tác giả muốn nói gì?

- Hành vi có tính luân lý là hành vi có ý thức và có tự do, những công việc làm càng có ý thức và tự do càng khẳng định phẩm giá con người. Ví dụ: người mất trí hành động như một người điên không ý thức, không biết mình làm gì.

- Trẻ con chưa có lý trí không ai chấp với hành động của chúng.

- Người có lý trí, có tự do, hành động có ý thức biết phán đoán đúng sai, nên làm hoặc không nên làm. Không phải như cái máy hành động theo sự sai khiến của người khác, mà không nhận thức được giá trị công việc của mình.

Câu Chuyện

4 NGƯỜI VỢ



Một thương nhân rất giàu, có 4 bà vợ.

Ông yêu người vợ thứ tư nhất, luôn mua sắm cho bà ta những bộ đồ sang trọng đắt tiền. Ông nâng niu chiều chuộng, coi người vợ thứ tư như một món đồ trang sức quý.

Ông cũng rất yêu người vợ thứ ba. Ông tự hào về người vợ này và luôn muốn "khoe" vợ với bạn bè. Tuy nhiên, trong ông luôn thường trực nỗi lo sợ bà bỏ đi với người đàn ông khác.

Ông cũng yêu người vợ thứ hai. Ông coi bà như người bạn tâm tình, người giúp ông vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Bất cứ khi nào gặp khúc mắc, ông đều tìm đến bà.

Người vợ thứ nhất lại là người rất chân thành, chung thủy, luôn kề vai sát cánh bên ông lo toan chu đáo chuyện gia đình. Tuy nhiên, ông lại không yêu bà vợ thứ nhất. Mặc dù bà rất yêu ông, ông hầu như chẳng bao giờ chú ý đến bà.

Một ngày, ông ngã bệnh. Ông tự biết rằng mình sắp từ giã cõi trần. Ông nghĩ về cuộc sống giàu sang xa hoa và tự nhủ: "Hiện mình có 4 bà vợ. Nhưng khi mình chết, lại chỉ có một mình. Thật cô đơn làm sao!"

Ông hỏi bà vợ thứ tư: "Tôi yêu mình nhất, luôn dành cho mình sự quan tâm đặc biệt và những điều tốt đẹp nhất. Tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa, liệu khi tôi chết, mình có nguyện đi theo tôi không?"

"Không đâu" - Bà vợ thứ tư đáp lại và bỏ đi.

Câu trả lời và thái độ như một nhát dao cứa vào tim ông.

Ông hỏi bà vợ thứ ba: "Tôi yêu bà nhiều lắm, tôi sắp chết rồi, bà có nguyện theo tôi không?"

"Không, cuộc sống vẫn đang đẹp mà. Sau khi ông chết, tôi sẽ tái hôn".

Trái tim ông run lên đau đớn.

Ông hỏi bà vợ thứ hai: "Bất cứ khi nào gặp vấn đề khó khăn rắc rối gì tôi cũng đều tìm đến bà. Bây giờ tôi xin bà hãy kề vai sát cánh cùng tôi lần cuối cùng. Khi tôi chết, bà có nguyện đi theo tôi không?"

Bà vợ thứ hai trả lời: "Xin lỗi, lúc này tôi không thể giúp ông được. Nếu có, tôi chỉ đưa linh cữu ông ra mộ thôi".

Ông nghe câu trả lời mà như sét đánh ngang tai. Ông thực sự quá đau đớn vì người mà ông nghĩ có thể tin tưởng nhất cũng bỏ rơi ông.

Bỗng có một giọng nói cất lên: "Tôi sẽ đi cùng ông, đi đến bất cứ nơi nào ông tới". Ông dáo dác tìm kiếm chủ nhân của giọng nói và nhận ra đó chính là người vợ thứ nhất, người mà chẳng mấy khi ông để ý tới. Trông bà gầy và xanh xao quá. Rưng rưng xúc động, ông nói: "Đáng lẽ ra trước đây tôi phải chăm sóc bà nhiều hơn nữa".

Chỉ có duy nhất người vợ cả, người thường bị ta bỏ mặc, lãng quên khi sống... là kiên quyết đi theo, yêu thương ta cả cuộc đời.

Mỗi chúng ta ai cũng có 4 bà vợ:

Bà vợ thứ tư chính là **thân thể** của chúng ta. Cho dù ta có chăm chút, trau chuốt bồi dưỡng đến mấy, rồi nó cũng rời bỏ ta khi ta chết.

Còn bà vợ thứ ba? Đó chính là **của cải, địa vị**. Khi chúng ta chết, chúng sẵn sàng đi theo người khác.

Bà vợ thứ hai chính là **gia đình và bạn bè**. Cho dù có yêu thương thân thiết đến mức độ nào, khi ta chết, họ cũng chỉ khóc đưa ta ra mộ mà thôi.

Bà vợ thứ nhất chính là **tâm hồn ta**, thường bị lãng quên khi ta chạy theo tiền tài, địa vị, danh vọng, của cải, nhưng nó sẽ theo ta suốt cuộc đời.

Tốt hơn hết là nuôi dưỡng tâm hồn ngay từ bây giờ, vì đó là "người" thân tín nhất bên ta. Đừng để phải hối hận vì đã lãng quên nó.

BÀ MẸ MẶT SẸO

Một cậu bé mời mẹ tham dự buổi họp phụ huynh đầu tiên ở trường tiểu học. Điều cậu bé sợ đã thành sự thật, mẹ cậu bé nhận lời. Đây là lần đầu tiên bạn bè và giáo viên chủ nhiệm gặp mẹ cậu bé và cậu rất xấu hổ về vẻ bề ngoài của mẹ mình. Mặc dù cũng là một phụ nữ đẹp, nhưng một vết sẹo lớn che gần toàn bộ mặt bên phải của cô. Cậu bé không bao giờ muốn hỏi mẹ mình, tại sao bị vết sẹo lớn vậy.

Vào buổi họp mặt, mọi người có ấn tượng rất đẹp về sự dịu dàng và vẻ đẹp tự nhiên của người mẹ mặc cho vết sẹo đập vào mắt họ, cậu bé xấu hổ và giấu mình vào một góc tránh mặt mọi người. Ở đó, cậu bé nghe mẹ mình nói chuyện với cô giáo.

Cô giáo của cậu hỏi: "Làm sao chị bị vết sẹo trên mặt như vậy?"

Người mẹ trả lời: "Khi con tôi còn bé, nó đang ở trong phòng thì lửa bốc lên. Mọi người đều sợ không dám vào vì ngọn lửa đã bốc lên quá cao, thế là tôi chạy vào. Khi tôi chạy đến chỗ nó, tôi thấy một xà nhà đang rơi xuống người nó và tôi vội vàng lấy mình che cho nó. Tôi bị đánh đến ngất xỉu nhưng may mắn là các anh lính cứu hỏa đã vào và cứu cả hai mẹ con tôi." Người mẹ chạm vào vết sẹo nhăn nhúm trên mặt. "Vết sẹo không chữa được nữa, nhưng cho tới hôm nay, tôi chưa hề hối tiếc về điều mình đã làm."

Đến đây, cậu bé ra khỏi chỗ nấp của mình chạy về phía mẹ, nước mắt lưng tròng. Cậu bé ôm lấy mẹ mình và cảm nhận sự hy sinh của mẹ dành cho mình. Cậu bé nắm chặt tay mẹ suốt cả ngày hôm đó.

Bài 2

LƯƠNG TÂM

"Con người khám phá ra tận đáy lương tâm một lề luật mà chính con người không đặt ra cho mình, nhưng vẫn phải tuân theo. Tiếng nói của lương tâm luôn luôn kêu gọi con người phải yêu mến và thi hành điều thiện tránh điều ác. Tiếng nói ấy âm vang đúng lúc trong tâm hồn của chính con người... Quả thật, con người có một lề luật được Thiên Chúa khắc ghi trong tâm hồn. Tuân theo lề luật ấy chính là phẩm giá của con người... lương tâm là tâm điểm sâu lắng nhất và là cung thánh của con người; nơi đây con người hiện diện một mình với Thiên Chúa và tiếng của Ngài vang dội trong thâm tâm họ" (GS 16)

I. PHÁN QUYẾT CỦA LƯƠNG TÂM:

1. Lương tâm hiện diện trong lòng người và ra lệnh (Rm 2,14-16) đúng lúc cho con người làm lành lánh dữ. Lương tâm phán đoán các lựa chọn cụ thể bằng cách tán thành lựa chọn tốt, tố giác lựa chọn xấu (x.Rm 1,32). Lương tâm chứng nhận thế giá của chân lý bằng cách quy chiếu về Thiên Chúa là sự thiện tối thượng, Đấng thu hút và ban mệnh lệnh cho con người. Khi nghe theo tiếng lương tâm, người khôn ngoan có thể cảm nhận được Thiên Chúa đang nói với mình.

2. Lương tâm là một phán quyết của lý trí; nhờ đó, con người nhận biết một hành vi cụ thể mình định làm, đang làm hay đã làm, là tốt hay xấu. Trong lời nói và hành động, con người phải trung thành tuân theo điều mình biết là chính đáng và ngay lành. Nhờ phán quyết của lương tâm, con người ý thức và nhận ra những quy định của luật Thiên Chúa.

3. "Lương tâm là lề luật của tinh thần con người, nhưng vượt trên con người. Mỗi người phải quay về với nội tâm, để có thể nghe được và tuân theo tiếng lương tâm. Ngày nay, việc quay về với nội tâm càng cần thiết hơn bao giờ hết, vì nếp sống hiện đại thường làm chúng ta trốn tránh suy nghĩ, kiểm điểm hay phản tỉnh:

"Anh em hãy quay về tự vấn lương tâm....Hãy quay về với nội tâm. Trong mọi sự anh em làm, hãy nhìn lên Thiên Chúa, Ngài chứng giám cho anh em". (T.Âu-tinh)

4. Phẩm giá của nhân vị bao hàm và đòi buộc con người phải có lương tâm ngay thẳng. Lương tâm gồm ba điều:

♦ Nhận biết các nguyên tắc luân lý;

♦ Áp dụng vào việc cân nhắc thực tiễn các lý do và lợi ích trong những hoàn cảnh cụ thể;

♦ Cuối cùng phán quyết về các hành vi cụ thể sắp làm hay đã làm. Nhờ phán quyết khôn ngoan của lương tâm, con người nhìn nhận, trong thực tiễn và cụ thể, chân lý điều thiện đã được lý trí nêu lên. Người khôn ngoan là người chọn theo phán quyết này.

5. Với lương tâm, chúng ta nhận trách nhiệm về những hành vi đã thực hiện. Nếu con người làm điều xấu, phán đoán ngay chính của lương tâm làm chứng cho chân lý phổ quát của điều thiện và tố cáo việc lựa chọn sai trái. Lời kết án của lương tâm có thể dẫn con người đến hy vọng vào lòng thương xót của Thiên Chúa. Khi xác định lỗi lầm đã phạm, lương tâm nhắc nhở ta phải cầu xin ơn tha thứ, thực hành điều thiện và luôn trau dồi nhân đức nhờ ân sủng của Thiên Chúa trợ giúp: *"Chúng ta sẽ được an lòng trước mặt Thiên Chúa. Vì nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta, thì Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta, và Người biết hết mọi sự"* (1Ga 3,19-20)

Con người có quyền hành động theo lương tâm và trong tự do, để tự mình có những quyết định luân lý. "Không được cưỡng bức ai hành động trái với lương tâm của họ. Cũng không được ngăn cản họ hành động theo lương tâm, nhất là trong lãnh vực tôn giáo "(DH 3)

II. RÈN LUYỆN LƯƠNG TÂM:

1. Lương tâm phải được rèn luyện và phán đoán luân lý phải được soi sáng. Một lương tâm được rèn luyện tốt sẽ phán đoán ngay thẳng và chân thật. Lương tâm này sẽ đưa ra những phán quyết theo lý trí, phù hợp với điều kiện đích thực như Đấng Sáng Tạo đầy khôn ngoan muốn. Việc giáo dục lương tâm rất cần thiết cho những người chịu các ảnh hưởng tiêu cực và bị tội lỗi cám dỗ làm theo ý riêng và bỏ những giáo huấn chính thức.

2. Giáo dục lương tâm là nhiệm vụ phải theo đuổi suốt đời. Ngay từ thời thơ ấu, trẻ con phải được hướng dẫn để nhận biết và thực hành luật nội tâm đã được lương tâm công nhận.

Một nền giáo dục tốt dạy con người sống đức hạnh, bảo vệ và giải thoát con người khỏi sợ hãi, ích kỷ và kiêu căng, những mặc cảm tội lỗi và thái độ tự mãn, những thứ phát xuất từ sự yếu đuối và dễ sai lầm của con người. Giáo dục lương tâm bảo đảm tự do và tạo bình an trong tâm hồn.

3. Lời Chúa là ánh sáng chỉ đường để rèn luyện lương tâm. Chúng ta phải lãnh hội Lời Chúa trong đức tin, trong kinh nguyện và đem ra thực hành; phải kiểm điểm lương tâm dưới ánh sáng Thập Giá Đức Kitô; nhờ ơn Chúa Thánh Thần trợ giúp, có các chứng từ và lời khuyên nhủ của anh em giúp đỡ, được giáo huấn chính thức của Hội Thánh hướng dẫn (DH 14).

III. CHỌN LỰA THEO LƯƠNG TÂM:

1. Khi phải đứng trước một chọn lựa, lương tâm có thể phán đoán đúng, hợp theo lý trí và luật Thiên Chúa, hoặc ngược lại, phán đoán sai.

Đôi khi gặp những hoàn cảnh không phán đoán chắc chắn được nên khó quyết định, con người phải luôn luôn tìm kiếm điều công chính và thiện hảo, cũng như nhận định đâu là thánh ý trong lề luật Thiên Chúa.

Muốn vậy, chúng ta phải cố gắng giải thích đúng đắn kinh nghiệm của mình và các dấu chỉ thời đại, nhờ vào đức khôn ngoan, lời khuyên bảo của những người hiểu biết cũng như sự trợ lực của Chúa Thánh Thần và ân sủng của Người.

2. Một vài quy tắc có thể áp dụng trong mọi trường hợp:

♦ Không bao giờ được phép làm điều xấu để đạt một kết quả tốt.

♦ Khuôn vàng thước ngọc: "Tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta" (Mt 7,12; x.Lc 6,31; Tb 4,15).

♦ Đức ái Kitô giáo luôn luôn đòi chúng ta tôn trọng tha nhân và lương tâm của họ. "Phạm đến anh em và làm thương tổn lương tâm của họ... là phạm đến Đức Kitô" (1Cr 8,12). "Tốt nhất là tránh những gì gây cớ cho anh em mình vấp ngã" (Rm 14,21).

IV. PHÁN ĐOÁN SAI LẦM:

1. Con người luôn luôn phải tuân theo phán đoán chắc chắn của lương tâm mình. Nếu chủ ý hành động nghịch với phán đoán ấy, con người tự kết án chính mình. Nhưng có thể lương tâm thiếu hiểu biết nên phán đoán sai lầm về các hành vi sẽ làm hoặc đã làm.

Thông thường, cá nhân phải chịu trách nhiệm về sự thiếu hiểu biết ấy. Điều này xảy đến khi: "Con người không mấy lo lắng tìm kiếm chân lý và điều thiện, cũng như khi vì thói quen phạm tội mà lương tâm dần dần trở nên mù quáng" (x.GS 16). Trong các trường hợp đó, con người phải chịu trách nhiệm về điều xấu đã làm.

2. Những lệch lạc trong phán đoán luân lý có thể xuất phát từ thiếu hiểu biết về Đức Kitô và Tin Mừng; gương xấu của người khác; nô lệ các đam mê; nghĩ sai lạc về tự do lương tâm; khước từ quyền bính và giáo huấn của Hội Thánh; thiếu hoán cải và bác ái.

Nếu không thể khắc phục được tình trạng thiếu hiểu biết, hoặc nếu phán đoán sai lạc không do trách nhiệm của chủ thể luân lý, thì người đó không chịu trách nhiệm về điều xấu đã làm. Tuy nhiên, điều xấu ấy vẫn là điều xấu, một khiếm khuyết, một rối loạn. Do đó, phải ra sức uốn nắn lương tâm cho khỏi sai lầm.

3. Lương tâm tốt lành và trong sáng của người tín hữu còn được đức tin chân chính soi sáng, vì đức ái xuất phát đồng thời từ "một tâm hồn trong sạch, một lương tâm ngay thẳng và một đức tin chân chính" (1Tm 1,5)

"Lương tâm ngay thẳng càng thắng thế thì những cá nhân và cộng đoàn càng tránh được độc đoán mù quáng và càng nỗ lực tuân phục những tiêu chuẩn khách quan của luân lý" (x.GS 16)

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao nói rằng tiếng lương tâm là tiếng Chúa?

- Lương tâm là tiếng nói bên trong, cụ thể trước một hành động. Nó không phải là ý nghĩ thoáng qua mà là một sự lựa chọn, một quyết định. Quyết định ấy đúng thì người ấy sẽ được bình an, và ngược lại sẽ mất bình yên và sẽ bị lương tâm khiển trách vì lương tâm là tiếng Chúa trong lòng ta.

- Tiếng lương tâm ở trong ta nhưng không lệ thuộc ta, nó sẽ chống lại hành động và ước muốn sai trái của ta. Đồng thời qua tiếng lương tâm. Thiên Chúa sẽ hướng dẫn và đánh giá các hành vi cụ thể của ta. Vì thế lương tâm thật là tiếng Chúa trong lòng ta.

2. Làm thế nào để có lương tâm nhạy bén, đúng đắn?

- Chiếc tàu vượt biển luôn căn cứ vào kim la bàn để định hướng, vì thế ta phải tuân theo sự phán đoán chắc chắn của lương tâm. Để có lương tâm nhạy bén, đúng đắn ta phải thực hiện việc giáo dục lương tâm, tập cho lương tâm có những phản ứng lành mạnh: khử trừ ích kỷ, tự mãn, mặc cảm tội lỗi. Lời Chúa là cơ sở cho việc huấn luyện lương tâm, dưới đây là những hướng dẫn cho phán đoán của ta.

. Không làm điều xấu để đạt kết quả tốt.

. Điều gì mình muốn người khác làm cho mình, hãy làm cho người ta.

. Nên tránh những gì gây cớ cho anh em vấp ngã (tôn trọng phán đoán lương tâm của người khác).

BẬT GỐC

Gần đây, một loạt liên tiếp những vụ việc xảy ra, được nhận định như những "thiên tai" và "nhân tai" trong xã hội Việt Nam. Những sự kiện ấy khiến chúng ta suy nghĩ về đời sống con người, với hy vọng mỗi người sẽ đóng góp phần mình để làm cho xã hội tốt đẹp hơn. Xin trích dẫn một vài trường hợp:

"Chiều nay 17-8-2012, khi cơn giông kèm theo gió lớn xảy ra do ảnh hưởng của cơn bão số 5, một vụ việc thương tâm đã xảy ra trên phố Lò Đúc (Hà Nội), một cây lớn bật rễ đã đè bẹp một chiếc xe taxi đậu trước số nhà 95F, phố Lò Đúc, làm tài xế tử vong ngay sau đó" (Trang điện tử "Tin Mới", 17-8-21012).

"Lúc gần 10g sáng ngày 22-8-2012, cây xà cừ cổ thụ trên đường Trần Nhân Tông, gần cổng chính của Công Viên Thống Nhất (Hà Nội), có đường kính thân hai người ôm đã bật gốc, dù thời tiết bình thường, trời nắng ráo, gió nhẹ" (Vietnamnet 22-8-2012).

"Một vụ sạt lở xảy ra vào khoảng 7g30 phút sáng ngày 19-8-2012 khiến đoạn đường Lê Văn Lương kéo dài, đoạn qua khu đô thị Dương Nội bị xẻ đôi, xuất hiện hố tử thần giữa đường" (Vietnamnet 19-8-2012).

"Cơ quan CSĐT công an huyện Bình Chánh đang ngồi phối hợp cùng các đơn vị nghiệp vụ công an TP.HCM truy bắt hung thủ gây ra vụ cướp tiệm vàng táo tợn giữa ban ngày tại tiệm vàng Minh Mẫn đóng tại xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP.HCM ngày 4-8-2012" (Trang điện tử "Pháp Luật" ngày 7-8-2012).

"Nguồn tin riêng của Dân trí từ Cơ quan CSĐT Công an TP.Hà Nội cho biết: Công an Hà Nội đã có Quyết định truy nã đặc biệt đối với Nguyễn Tuấn Minh sinh năm 1973 tại Hà Nội, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đào tạo Mua bán trực tuyến (Muaban24)" (Dân trí 29-8-2012).

Nếu trích dẫn tiếp thì những thông tin sẽ còn rất dài, tưởng như vô tận.

Để trả lời cho câu hỏi tại sao cây bật gốc, người ta đưa ra câu trả lời vừa nhanh vừa đơn giản: "Tại bão". Nhưng: "Tại sao không có bão mà một cây cổ thụ lớn đến người ôm vẫn đổ?" Không có câu trả lời.

Thật là khôi hài khi cây cổ thụ trăm tuổi "bỗng dưng muốn nằm" vào lúc thời tiết rất đẹp. Người ta không thể đổ cho trời, vì trời hoàn toàn "vô tội" trong vụ này.

Để trả lời cho câu hỏi tại sao đường sụt lún gây nên "hố tử thần", vị Chánh thanh tra giao thông vận tải Hà Nội lý luận là do tác động của ngoại cảnh(!?). Sau đó, vị Chánh thanh tra này lại khẳng định: *"Đường lún là do các rãnh cao su bong tróc, đứt gãy, kết hợp với mưa to làm nước lún sâu vào nền đường"* (Trang tin điện tử "Dân trí", ngày 19-8-2012). Thế là "thủ phạm" vụ này đã rõ: đó là mấy cái rãnh cao su. Mà mấy cái rãnh cao su lợi hại thật, đến nỗi làm cho đường há ra, nuốt gọn cả cái cổng chào kiên cố được dựng nhân sự kiện Ngàn Năm Thăng Long - Hà Nội!

Để trả lời cho câu hỏi tại sao bây giờ xảy ra nhiều vụ lừa đảo và cướp bóc giết người như vậy, người ta đổ cho cái nghèo. Vì nghèo mà làm bậy. Nhưng trong thực tế, khá nhiều thủ phạm gây tội ác không phải xuất thân từ những gia đình nghèo. Họ là con nhà giàu, được gọi bằng những danh xưng rất truyền thống và cũng rất hiện đại: "con quan", "thiếu gia", "cậu ấm, cô chiêu"... Họ thường ỷ thế bố mẹ, cậy có ô dù bảo vệ, liều lĩnh đâm chém, gây rối mà vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật, thách thức công luận, coi thường đạo lý.

Quy tội và đổ trách nhiệm cho người khác, đó là một nết xấu thường có nơi con người. Ngay từ ban đầu lịch sử, trong vườn Địa đàng, vừa khi nghe tiếng Chúa hỏi về việc ăn trái cây giữa vườn, ông Ađam đã trả lời tỉnh queo: *"Người đàn bà Chúa cho làm bạn với con, chính nàng đã cho con trái cây cậy ấy và con đã ăn"* (St 3.12). Ađam đã đổ lỗi cho người đàn bà, đồng thời đổ lỗi cho Chúa, vì khi nói *"người đàn bà Chúa cho làm bạn với con"*, ông ngụ ý rằng Chúa cho ông điều không tốt, Chúa là nguyên nhân dẫn đến việc ông phạm tội, vậy thì trách nhiệm phần nào cũng thuộc về Chúa. Ađam vô tư thản nhiên khi đưa ra cách lập luận như vậy.

Vậy là, theo lý luận của những người có trách nhiệm, cây đổ là do bão, bão là do trời, đường lún là do mưa, mưa là hiện tượng thiên nhiên, chỉ có ông Trời mới làm được. Những người thi công đường bộ và những người quản lý cây xanh đô thị chẳng có lỗi gì.

Thực ra, có một lý do chính thường bị người ta lảng tránh, đó là lương tâm con người đã bị bật gốc. Trời đang nắng và gió nhẹ, bỗng cây đổ, là do con người chặt hết rễ cây để xây nhà và làm đường. Trời vừa mưa, mọi tuyến phố ngập là do con người hết ao hồ và hệ thống tiêu nước. Đường sụt lún, là do con người gây nên. Lòng tham của con người là nguyên nhân dẫn tới bao tai hại. Con người phải lãnh trách nhiệm về mình. Gần đây, một vài tác giả nói về một loại hình văn hóa mới, đó là "văn hóa nhận lỗi". Đây là phương thuốc căn bản, tối ưu để chữa căn bệnh tạm gọi là "bệnh bật gốc" này. Thật là hài hước khi nhìn những hình ảnh đăng trên internet cho thấy một cây rất cao rất lớn mà rễ chỉ còn chút xíu. Những cụm rễ như chòm râu lởm chởm, bên cạnh vết nứt toác, nom như nụ cười nham nhở giễu cợt sự vô tâm của con người.

Từ sự kiện cây bị bật gốc, đường bị xẻ ngang, chúng ta liên tưởng những vấn đề nhân cách và đạo đức trong xã hội: tham nhũng hối lộ, cướp bóc giết người, thi cử gian lận, thực phẩm nhiễm độc, sa đọa luân lý, tan vỡ gia đình... Trước những sự việc xảy ra, người ta thường đổ lỗi cho môi trường xã hội. Nhưng xã hội là một khái niệm rất rộng và rất mơ hồ. Xã hội là tất cả mọi người và xã hội cũng chẳng là ai cả. Đổ thừa xã hội là đổ thừa cho tất cả mọi người. Quy hết trách nhiệm cho xã hội chẳng khác gì đánh bùn sang ao. Ai cũng có trách nhiệm cả mà cuối cùng chẳng ai có trách nhiệm.

Muốn giải quyết được những vấn đề gây nhức nhối trong thời đại chúng ta, thiết tưởng phải chữa căn bệnh này từ gốc. Sức sống của cây nằm ở chỗ mà nó không hiển lộ ra cho mọi người có thể thấy được. Nó ở tại bộ rễ sâu dưới mặt đất. Nếu không chăm sóc cho những rễ này thì hoa và lá sẽ tàn lụi và cây sẽ mất dần sự sống, đến chỗ khô héo và chết.

Cây bật gốc là vì cây mất hết rễ, con người gian ác vì vô giáo dục. Đây là cái giá phải trả cho những quan niệm lệch lạc một thời về giáo dục, khi người ta chú trọng đến tuyên truyền "lập trường giai cấp" hơn là huấn luyện đạo đức con người. Phương châm giáo dục từ xa xưa "tiên học lễ hậu học văn" có thời đã bị quên lãng, nhường chỗ cho một thứ giáo dục bát nháo, thi đua bằng cấp, ồn ào về số lượng. Truyền thống tốt

đẹp của người Việt Nam "tôn sư trọng đạo" đã bị thay thế bằng bạo lực học đường, dẫn tới tình trạng học sinh đâm chém thầy cô giáo. Điều kỳ lạ là trong lúc người ta lo ngại và thất vọng về kết quả học tập của học sinh, thi kỳ thi tốt nghiệp năm 2012 này, tỷ lệ tốt nghiệp lại cao ngất ngưởng, tạo ra những "con số đẹp như mơ". Trang tin điện tử Giadinh.net ngày 18-6-2012 đăng thông tin từ ông Nguyễn Hoài Chương, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Theo ông, tỷ lệ tốt nghiệp của thành phố năm nay đạt 98,18%. Hà Nội, một trong những địa phương có số lượng thí sinh dự thi cao nhất nước, năm nay có tỷ lệ đỗ 98,24% ở bậc Trung học phổ thông. Tại Hải Phòng, năm nay toàn thành phố chỉ có 55 học sinh trượt tốt nghiệp, học sinh các trường Trung học phổ thông đỗ tốt nghiệp đạt 99,82%. Cứ dựa vào những thông tin này, thì chúng ta phải ăn mừng, vì con cháu chúng ta càng ngày càng giỏi. Chả thế mà cuối năm 2011 Bộ Giáo Dục và Đào tạo đã "ra chỉ tiêu" đến năm học 2019-2020, nước ta sẽ có 29.000 tiến sĩ dạy đại học (x. Trang tin điện tử trường Trung học Phổ thông Amsterdam Hà Nội, 4-1-2012). Nhưng hỡi ôi, số các vụ trộm cắp, lừa đảo, giết người mà thủ phạm ở tuổi học sinh cũng tăng tỷ lệ thuận với tỷ lệ thi tốt nghiệp. Phải chăng phần "rễ" của xã hội quá mỏng không đủ sức nâng đỡ và giữ vững con người trước cơn lốc hưởng thụ hôm nay? Cũng giống như người ta cắt rễ cây để xây cao ốc, hiện nay phần rễ đạo đức của xã hội cũng bị cắt hết để chạy theo phần nổi hào nhoáng của cuộc sống đua chen hằng ngày.

Trước những vấn đề nóng bỏng của gia đình và xã hội, nhiều người thốt lên: "xã hội này mất gốc rồi!". Thật vậy, chúng ta đang đánh mất truyền thống tốt đẹp của người Việt được in đậm nét trong những câu cao dao thuở nào "bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn". Chúng ta cũng đang đánh mất truyền thống "nhất tự vi sư bán tự vi sư" nơi nhà trường, đánh mất lòng hiếu thảo, thủy chung trong gia đình. Những nét đẹp này của nền văn hóa Việt, xem ra ngày càng hiếm thấy giữa một xã hội đầy bon chen và đậm mùi bạo lực hôm nay. Một khi "mất gốc" thì tội ác sẽ lên ngôi và thống trị xã hội.

Làm thế nào để chữa được căn bệnh này? Tương lai dân tộc sẽ đi về đâu? Nhiều người đã đặt ra câu hỏi. Để giải bài toán hóc búa này, muộn còn hơn không, chúng ta phải xây dựng một nền giáo dục dựa trên lương tâm và đạo đức của con người. Đó là cái "gốc" cho cây Việt Nam được vững vàng. Những người lãnh đạo cũng cần nhận ra giá trị đạo đức và vai trò quan trọng của các tôn giáo. Khi không còn tin vào những giá trị siêu nhiên, con người sẽ bị chệch hướng cuộc đời. Chối bỏ Thượng Đế là nguyên nhân của bạo lực. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã nhiều lần quả quyết như thế. *"Sự chối bỏ Thiên Chúa làm băng hoại con người, khiến con người không còn mẫu mực nữa, và dẫn họ đến bạo lực"* (Diễn từ tại Assist, nhân ngày các đại diện tôn giáo cùng cầu nguyện cho hòa bình 27-11-2011). Công bằng là một yếu tố không thể thiếu để có một xã hội văn minh và phát triển, vì *"một Nhà nước, nếu không được tổ chức theo sự công bằng sẽ chỉ là một băng đảng trộm cướp"* (Thông điệp Thiên Chúa là Tình yêu, số 28).

Nhận định về vai trò của các tôn giáo trong việc xây dựng một xã hội dân chủ và bền vững. Tiến sĩ Nguyễn Quang Hưng, thuộc Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã viết: *"Sự khủng hoảng đạo đức Việt Nam hiện nay do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc truyền bá chủ nghĩa duy vật và vô thần, hạ thấp vai trò của tôn giáo, nhất là thời kỳ trước Đổi mới. Việc phủ nhận các giá trị tôn giáo, đề cao chủ nghĩa duy vật vô thần tới mức cực đoan vô hình trung cổ vũ cho cái "văn hóa" tiêu dùng phàm tục"*. Rồi tác giả kết luận: *"Khủng hoảng đạo đức xã hội ở Việt Nam đã tới mức báo động và có thể còn kéo dài, đòi hỏi nỗ lực của các cấp chính quyền, các tổ chức tôn giáo và từng người dân để khắc phục"* (x. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 211, trang 29 và 33). Hy vọng ước mong của một tri thức ngoài công giáo được nhiều người để ý quan tâm.

Một căn nhà vững chắc là nhờ mọi bộ phận của căn nhà ấy đều được gắn kết chặt chẽ với nhau. Một gia đình hạnh phúc được thể hiện qua tình yêu thương của mọi thành viên trong gia đình ấy. Căn nhà Việt Nam, muốn được vững chắc, cần có sự chung sức chung lòng của mọi người, nơi đó, các tôn giáo được phát huy chức năng của mình, nhằm cộng tác xây dựng một cuộc sống an bình và phát triển.

Gm Giuse Vũ Văn Thiên

Bài 3

HÀNH VI NHÂN LINH

Tự do làm cho con người thành một chủ thể luân lý. Khi hành động có chủ ý, con người nói được là cha đẻ các hành vi của mình. Các hành vi nhân linh, nghĩa là đã được tự do lựa chọn theo phán đoán lương tâm, đều có tính luân lý: có thể tốt hoặc xấu.

Thiên Chúa đã sáng tạo con người có lý trí và ban cho họ phẩm giá của một nhân vị để hành động có sáng kiến và biết làm chủ các hành vi của mình. "Thiên Chúa muốn để con người tự định liệu, hầu con người tự mình đi tìm Đấng Sáng Tạo và nhờ tự do kết hiệp với Ngài, con người tiến tới sự hoàn thiện trọn vẹn và hạnh phúc"(GS 17)

"Con người có lý trí, nên giống Thiên Chúa; con người được dựng nên có tự do và làm chủ các hành vi của mình" (T.Irênê).

I. TỰ DO VÀ TRÁCH NHIỆM:

1. Tự do là khả năng bắt nguồn từ lý trí và ý chí, để hành động hay không hành động, làm việc này hoặc việc nọ; nhờ đó, con người có thể thực hiện những hành vi có ý thức. Nhờ có ý chí tự do, con người tự quyết định về bản thân. Nhờ tự do, con người phát triển và trưởng thành trong chân lý và sự thiện. Tự do đạt tới mức hoàn hảo khi quy hướng về Thiên Chúa, nguồn hạnh phúc của ta.

Bao lâu chưa dứt khoát gắn chặt vào Thiên Chúa là sự thiện hảo tối hậu của mình, thì tự do còn bao hàm khả năng lựa chọn giữa thiện và ác; do đó, con người có thể tiến tới trên đường hoàn thiện hoặc thoái lui và phạm tội. Tự do là đặc tính của hành vi nhân linh. Vì có tự do, nên con người được khen ngợi hay bị chê trách, có công hay có tội.

2. Càng làm điều thiện, con người càng trở nên tự do. Chỉ có tự do đích thực khi con người phục vụ cho điều thiện và công bằng. Khi bất tuân ý Chúa và chọn điều ác, con người lạm dụng tự do và trở nên "nô lệ tội lỗi" (Rm 6,17). Có tự do, con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình theo mức độ chủ ý. Người càng đức hạnh, hiểu biết về sự thiện và sống khổ hạnh, ý chí càng làm chủ được các hành vi.

Việc quy lỗi và trách nhiệm về một hành động có thể được giảm bớt hay xóa bỏ do thiếu hiểu biết, sơ suất, do áp lực, sợ hãi, do thói quen, do tâm lý bất ổn, do các nhân tố tâm lý hay xã hội.

3. Con người phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi trực tiếp chủ ý của mình:

♦ Trong vườn địa đàng, sau khi con người phạm tội, Thiên Chúa chất vấn Evà: "Ngươi đã làm gì thế?" Chúa cũng hỏi Cain như vậy (St 4,10). Sau khi Đavít phạm tội ngoại tình với vợ Uria và ra lệnh giết ông này, ngôn sứ Nathan cũng đặt câu hỏi tương tự với vua.

♦ Một hành động có thể là gián tiếp chủ ý khi nó là hậu quả của sự chểnh mảng đối với điều phải biết hay phải làm; ví dụ: gây ra tai nạn vì không biết luật đi đường.

Một hậu quả, không do tác nhân cố tình gây nên, có thể được dung thứ; ví dụ: người mẹ kiệt sức vì chăm sóc đứa con đau yếu. Một hậu quả xấu sẽ không bị quy lỗi nếu nó không phải là mục đích hay phương tiện chủ ý của tác nhân; ví dụ: một người bị thiệt mạng vì muốn cứu người khác. Tác nhân bị quy lỗi khi có thể thấy trước hậu quả xấu và có thể tránh được; ví dụ: người say rượu lái xe cán chết người.

II. TỰ DO CỦA CON NGƯỜI TRONG NHIỆM CỤC CỨU ĐỘ:

1. Tự do và tội lỗi. Tự do của con người có giới hạn và có thể lầm lạc. Quả thực, con người đã sa ngã, đã tự ý phạm tội khi từ chối ý định yêu thương của Thiên Chúa, con người tự lừa dối mình và trở thành nô lệ tội lỗi. Sự tha hóa đầu tiên này kéo theo vô số những tha hóa khác. Ngay từ đầu, lịch sử nhân loại cho thấy nhiều tai họa và áp bức phát xuất từ tâm địa con người lạm dụng tự do.

2. Tự do bị đe dọa. Tự do không phải là muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Quan niệm "con người là một chủ thể tự do, tự túc tự mãn, chỉ cần lo cho lợi ích riêng mình bằng cách lo hưởng thụ các lạc thú trần thế" là điều sai lầm. Mặt khác, những điều kiện về kinh tế và xã hội, chính trị và văn hóa cần thiết để thực thi tự do cách chính đáng, lắm khi bị phủ nhận và vi phạm. Những sự mù quáng và bất công này làm băng hoại đời sống luân lý và tạo dịp cho kẻ mạnh cũng như người yếu phạm tội nghịch đức ái.

3. Nhờ thập giá vinh hiển, Đức Kitô đã cứu độ tất cả mọi người. Người cứu chuộc họ khỏi ách nô lệ tội lỗi. "Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta". Trong Người, chúng ta được hiệp thông với "sự thật nhờ đó chúng ta được tự do". Thiên Chúa đã ban Thánh Thần cho chúng ta và như thánh Phaolô dạy: "Ở đâu có Thánh Thần thì ở đó có tự do" (2Cr 3,17).

Ân sủng Đức Kitô không hề chèn ép tự do của chúng ta, khi tự do đi đúng hướng của Thiên Chúa và điều thiện mà Thiên Chúa đã đặt trong lòng con người. Trái lại, kinh nghiệm Kitô giáo, đặc biệt trong sự cầu nguyện, cho thấy: càng ngoan ngoãn vâng theo sự thúc đẩy của ân sủng, chúng ta càng được gia tăng tự do nội tâm và lòng quả cảm trước thử thách, cũng như những áp lực và ràng buộc của thế giới bên ngoài. Nhờ tác động của ân sủng, Thánh Thần dẫn chúng ta đến sự tự do thiêng liêng để chúng ta trở thành những người tự nguyện cộng tác vào công trình của Ngài trong Hội Thánh và thế giới.

III. NGUỒN GỐC CỦA TÍNH LUÂN LÝ:

Tính luân lý của các hành vi nhân linh tùy thuộc:

- Đối tượng được lựa chọn;
- Mục đích nhắm tới hay ý hướng;
- Các hoàn cảnh của hành động.

1. Đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh tạo nên "nguồn gốc", hay yếu tố cấu thành tính luân lý của các hành vi nhân linh.

Đối tượng được lựa chọn là một thiện ích tác nhân chủ ý nhắm tới. Đó là chất liệu của một hành vi nhân linh. Đối tượng được lựa chọn xác định tính luân lý của hành vi ý chí, tùy theo lý trí nhận biết và phán đoán có phù hợp hay không với sự thiện đích thực. Những quy tắc khách quan về luân lý nói lên trật tự thuần lý về thiện ác được lương tâm công nhận.

2. Khác với đối tượng, ý hướng thuộc về chủ thể hành động. Ý hướng phát xuất từ ý chí tự do và xác định mục đích của hành động, nên là một yếu tố căn bản để đánh giá tính luân lý của hành động. Mục đích là điểm đầu tiên ý hướng nhắm tới, là mục tiêu hành động theo đuổi. Ý hướng là động tác của ý chí nhắm đến mục đích, định hướng cho hành động, nhằm thiện ích tác nhân đang mong đợi. Ý hướng không chỉ giới hạn vào việc định hướng cho từng hành động riêng lẻ, mà còn có thể phối trí

nhiều hành động khác nhau nhắm đến cùng một mục tiêu. Ý hướng có thể định hướng toàn bộ cuộc sống chúng ta đến một cùng đích. Ví dụ: một công việc có mục đích giúp đỡ tha nhân, đồng thời có thể do tình yêu Thiên Chúa là cùng đích của mọi hành động thúc đẩy. Một hành động có thể do nhiều ý hướng, như giúp đỡ kẻ khác để nhờ vả hay để khoe khoang.

Một ý hướng tốt (ví dụ: giúp đỡ tha nhân) không thể làm cho một hành vi sai trái (ví dụ: nói dối, nói xấu), trở thành tốt hay đúng. Cứu cánh không biện minh cho phương tiện. Như thế, không thể biện minh cho việc kết án một người vô tội như phương tiện chính đáng để cứu dân chúng. Ngược lại, một hành vi tự nó là tốt (ví dụ: bố thí) có thể trở thành xấu khi có ý xấu, ví dụ: tìm hư danh (Mt 6,2-4).

3. Các hoàn cảnh, kể cả những hậu quả, là những yếu tố phụ của một hành vi luân lý. Chúng góp phần gia tăng hay giảm bớt tính chất tốt hay xấu về mặt luân lý của những hành vi nhân linh (Ví dụ: lấy cắp nhiều hay ít), Chúng cũng có thể giảm bớt hay gia tăng trách nhiệm của tác nhân (hành động vì sợ chết). Tự chúng, các hoàn cảnh không thể thay đổi phẩm chất luân lý của chính hành vi. Chúng không thể làm cho một hành vi tự nó là xấu, trở nên tốt hay đúng.

IV. HÀNH VI TỐT VÀ HÀNH VI XẤU:

Một hành vi tốt về mặt luân lý đòi hỏi đối tượng, mục đích và các hoàn cảnh đều phải tốt. Mục đích xấu làm cho hành động trở nên xấu, dù đối tượng tự nó là tốt (Vd: cầu nguyện và chay tịnh "để người khác trông thấy").

Nguyên đối tượng được lựa chọn có thể làm cho toàn bộ hành động trở nên xấu. Có những hành vi cụ thể, như tội tà dâm, luôn luôn là sai, vì ngay khi chọn lựa, ý chí đã lệch lạc, đó là một điều xấu luân lý.

Do đó, người ta mắc phải sai lầm khi thẩm định tính luân lý của một hành động mà chỉ xét ý hướng hoặc hoàn cảnh (môi trường, áp lực xã hội, cưỡng bách hoặc do cần thiết phải hành động.....). Chưa cần xét đến hoàn cảnh và ý hướng, có những hành vi tự bản chất luôn là bất chính nghiêm trọng do đối tượng; ví dụ: lộng ngôn, bội thề, sát nhân và ngoại tình. Không được phép làm điều xấu, để đạt một kết quả tốt.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Bạn hiểu thế nào về nguyên tắc: "mục đích không thể biện minh cho phương tiện"?

- Mục đích là cái vạch ra làm đích nhằm đạt tới.
- Phương tiện là cách thức thực hiện

- Dù có mục đích tốt nhưng mình phải dùng những phương thế tốt để đạt mục đích đó. Ví dụ: Mình muốn có điểm tốt trong học tập để làm vui lòng cha mẹ nhưng mình không cố gắng học tập mà lại tìm mọi cách để quay cóp là không được.

2. Bạn biết gì về luân lý hoàn cảnh

Luân lý hoàn cảnh:

- Hoàn cảnh tự nó không làm thay đổi tình trạng tốt hay xấu của một hành vi. Ví dụ: Gia đình ta nghèo mà cha mẹ lại đang lâm bệnh, ta đi ăn cắp để có cái ăn qua ngày, có tiền mua thuốc cho cha mẹ. Hành vi ăn cắp đó vẫn là xấu, ta không thể đổ lỗi cho hoàn cảnh được.

- Hoàn cảnh chỉ có thể làm giảm bớt hay gia tăng tính trầm trọng của một hành vi hay trách nhiệm của người gây ra nhưng không thể hóa tốt một hành vi tự bản chất đã xấu.

- Giảm bớt: Trên đường đi chơi xa, xe bị hư không thể về nhà kịp để xem lễ Chủ Nhật. Ta vẫn có lỗi nhưng tội được giảm bớt do gặp tình huống bất khả kháng.

- Gia tăng: Ta bỏ lễ Chủ Nhật để đi chơi đã là phạm tội trọng nhưng còn rủ rê bạn bè cùng bỏ lễ như ta thì tội càng gia tăng.

Tóm lại, mỗi người chúng ta đều không có đủ hiểu biết và không có thẩm quyền xét đoán người khác chỉ Thiên Chúa là Đấng toàn năng thấu suất mọi sự. Chính Ngài mới có quyền phán xét nhân loại.

ÁO MƯA

Trận bão lửa đầu tiên phát xuất từ Châu Phi hay đúng hơn trên chuyến máy bay đưa Đức Bênêđictô XVI từ Rôma qua Youndé, thủ đô Cameroun. Hôm ấy, ngày 18.3.2009, phóng viên Philippe Visseyrias của Đài France 2, đặt câu hỏi với Đức Giáo Hoàng và yêu cầu ngài trả lời bằng tiếng Pháp: "Thưa Đức Chúa Cha, trong rất nhiều thảm họa đang giáng xuống Châu Phi, ta thấy có và nhất là có thảm họa do việc phát triển bệnh AIDS gây ra. Chủ trương của Giáo Hội Công Giáo trong đường lối chống lại thảm họa này thường bị coi là không thực tiễn và không hữu hiệu. Liệu ngài có đề cập đến chủ đề này trong chuyến tông du chăng?"

Đức Bênêđictô XVI: *"Tôi dám nói ngược lại. Tôi nghĩ rằng tác nhân có hiệu năng nhất, hiện diện đích thực nhất trong cuộc đấu tranh chống lại bệnh AIDS chính là Giáo Hội Công Giáo, nhờ các phong trào và nhiều tổ chức khác nhau của Giáo Hội. Tôi nghĩ tới cộng đồng Sant'Egidio đang làm rất nhiều trong cuộc đấu tranh chống bệnh AIDS kể cả không khai lẫn ở hậu trường. Tôi cũng nghĩ tới tu hội của Thánh Camillius thành Lellis, và nhiều tổ chức khác, và tất cả các Nữ Tu đang chăm sóc người bệnh.*

Tôi xin nói rằng vấn đề bệnh AIDS này không thể khắc phục được duy nhất bằng tiền, dù tiền là điều cần thiết. Nếu không có chiều kích nhân bản, nếu người Châu Phi không chịu tự giúp mình (bằng tác phong có trách nhiệm), thì ra không thể khắc phục vấn đề ấy bằng việc phân phát đồ phòng ngừa: ngược nhất, làm rõ chiều kích nhân bản của tính dục, điều này muốn nói: việc canh tân thiêng liêng và nhân bản sẽ mang theo nó những phương thức mới trong việc đối xử với người khác. Thứ hai, trên hết (phải có) tình bạn chân thực đối với những người đang đau khổ, một lòng sẵn sàng chịu hy sinh và thực hành việc hãm mình (self-denial), (để) đi với người đang đau khổ.

Và do đó, các nhân tố giúp và dẫn tới tiến bộ thực sự là đây: cố gắng kép nhằm canh tân con người của ta từ bên trong, đem lại sức mạnh thiêng liêng và nhân bản để ta có tác phong thích đáng đối với thân xác mình và thân xác người khác, và khả năng biết chịu khổ với những người đang đau khổ, luôn hiện diện với họ trong các tình thế chịu thử thách. Thiển nghĩ đó là giải pháp thích đáng,

và Giáo Hội đang thực hành giải pháp này, nhờ đó, đang góp phần một cách lớn lao và quan yêu"

Giáo Hội xác tín như thế và Giáo Hội đã dồn mọi nỗ lực của mình vào cuộc đấu tranh chống lại bệnh AIDS dựa trên xác tín này. Nếu nói rằng xác tín ấy thiếu thực tiễn và không hữu hiệu, thì điều trước nhất phải nói nó thiếu thực tiễn ở chổ nào và nó không hữu hiệu ra sao. Bởi nếu dùng các phương tiện phòng ngừa như áo mưa chẳng hạn mà cứu được một số người, nhưng thực tế bệnh AIDS vẫn thống trị và con số những người mắc bệnh AIDS tại Châu Phi vẫn cứ gia tăng, thì người ta đâu có quyền coi là nó thực tiễn và hữu hiệu hơn phương thức của Giáo Hội, một phương thức cũng đã cứu được nhiều người, những người thực sự thực hành phương thức ấy.

CÔ Y TÁ TRẺ VÀ ÔNG BÁC SĨ GIÀ

Trong một ca phẫu thuật, cô y tá trẻ tuổi lần đầu tiên được tham gia ca mổ đã nói với bác sĩ phẫu thuật khi ông đang chuẩn bị khâu vết mổ lại: "Bác sĩ, chúng ta còn một miếng gạc chưa lấy ra khỏi bệnh nhân".

Ông bác sĩ, khá lớn tuổi, nói một cách quyết đoán: "Tôi đã lấy hết toàn bộ số gạc ra rồi. Chúng ta bắt đầu khâu vết mổ lại!".

Cô gái vẫn cương quyết:"Không được! Chúng ta đã dùng hết mười hai miếng gạc, trong khi mới lấy ra mười một miếng".

Bác sĩ nghiêm khắc nói với cô: "Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm! Khâu vết mổ lại!"

Cô lập tức kêu lớn lên: "Bác sĩ không được làm như vậy! Ông phải có trách nhiệm với bệnh nhân chứ!"

Bác sĩ lúc này mới mỉm cười, ông mở bàn tay mình ra với miếng gạc thứ mười hai đang nằm ở đó, rồi nói: "Cô đã chính thức trở thành phụ tá phẫu thuật của tôi rồi đó".

Ông đã thử thách sự chân chính của cô y tá trẻ, và cô đã có được điều ấy.

Trong cuộc sống, cũng còn biết bao người đang sống "mũ ni che tai" cho yên phận, mà không đủ dũng cảm như cô y tá trẻ tuổi kia, để có thể kiên trì với bản thân, để có thể làm việc trong danh dự, để có thể dám mạo hiểm trước các thách thức của cuộc sống và đủ bất khuất để theo đuổi các mục tiêu của mình.

Bài 4

NHÂN ĐỨC ĐỐI THẦN

Các đức tính nhân bản bắt nguồn từ những nhân đức đối thần. Nhân đức đối thần đem lại cho con người những khả năng thông phần bản tính Thiên Chúa (2Pr 1,4). Vì quy chiếu trực tiếp về Thiên Chúa, các nhân đức đối thần giúp người Kitô hữu sống với Ba Ngôi Chí Thánh. Thiên Chúa Ba Ngôi và Duy Nhất là căn nguyên, động lực và đối tượng của nhân đức đối thần.

Ân sủng Thiên Chúa thanh luyện và nâng cao các đức tính mà con người có được nhờ giáo dục, nhờ các hành vi chủ ý và nhờ kiên trì tập luyện. Nhờ Thiên Chúa trợ giúp, các đức tính tôi luyện tính tình và giúp ta dễ dàng làm điều thiện. Người đức độ phấn khởi tập luyện các đức tính.

Vì bị tội lỗi làm tổn thương, con người khó giữ được thế quân bình luân lý. Ơn cứu độ của Đức Kitô đem lại cho chúng ta ân sủng cần thiết để kiên tâm trau dồi các đức tính. Mỗi người phải luôn cầu xin ơn soi sáng, cậy nhờ đến các bí tích, cộng tác với Chúa Thánh Thần, nghe theo tiếng Người gọi để yêu mến điều thiện và lánh xa điều ác.

Các nhân đức đối thần là nền tảng, linh hồn và nét đặc thù của hoạt động luân lý Kitô giáo. Chúng định hình và làm sinh động mọi đức tính luân lý, Thiên Chúa ban các nhân đức này cho tín hữu, để họ có khả năng hành động như con cái Thiên Chúa và đáng hưởng sự sống muôn đời. Nhân đức đối thần là bảo chứng Chúa Thánh Thần hiện diện và tác động trong những năng lực của con người. Có ba nhân đức đối thần: tin, cậy, mến (1Cr 13,13).

I. ĐỨC TIN

1. Đức tin là nhân đức đối thần, nhờ đó chúng ta tin vào Thiên Chúa, tin tất cả những gì Người nói và mặc khải cho chúng ta cũng như những gì Hội Thánh dạy phải tin, vì Thiên Chúa là chân lý. "Trong đức tin, con người phó thác toàn thân cho Thiên Chúa một cách tự do"(DV 5) "Người công chính nhờ đức tin sẽ được sống" (Rm 1,17). "Chỉ đức tin hành động nhờ đức mến, mới có hiệu lực."

2. Những người không phạm tội nghịch với đức tin, đều có hồng ân đức tin. "Đức tin không có hành động là đức tin chết"

(Gcb 2,26). Đức tin mà không có đức cậy và đức mến, sẽ không kết hợp trọn vẹn người tín hữu với Đức Kitô và không làm cho họ trở nên chi thể sống động trong Thân Thể Người.

3. Người môn đệ Đức Kitô không những phải gìn giữ và sống đức tin, nhưng còn tuyên xưng, can đảm làm chứng và truyền bá đức tin: "Mọi tín hữu phải sẵn sàng tuyên xưng Đức Kitô trước mặt mọi người và bước theo Người trên đường thập giá, giữa những cuộc bách hại Hội Thánh không ngừng gặp phải" (LG 42). Việc phục vụ và làm chứng cho đức tin cần thiết cho ơn cứu độ. "Ai nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ thì Thầy cũng chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời" (x.Mt 10,32-33).

II. ĐỨC CẬY

1. Đức cậy là nhân đức đối thần, nhờ đó, chúng ta khao khát Nước Trời và sự sống vĩnh cửu như hạnh phúc đời mình, khi tin tưởng vào các lời hứa của Đức Kitô và phó thác vào ơn trợ lực của Chúa Thánh Thần chứ không dựa vào sức mình. "Ta hãy tiếp tục tuyên xưng niềm hy vọng của chúng ta cách vững vàng vì Đấng đã hứa là Đấng trung tín" (Dt 10,23). "Thiên Chúa tuôn đổ đầy tràn ơn Thánh Thần xuống trên chúng ta, nhờ Đức Giêsu Kitô Đấng Cứu Độ chúng ta. Như vậy, một khi nên công chính nhờ ân sủng Đức Kitô, chúng ta được thừa hưởng sự sống đời đời như chúng ta vẫn hy vọng" (Tt 3,6-7)

2. Đức cậy đáp ứng khát vọng hạnh phúc Thiên Chúa đã đặt trong lòng mọi người, đảm nhận các niềm hy vọng gợi hứng cho sinh hoạt của con người, thanh luyện và quy hướng các hy vọng ấy về Nước Trời. Đức cậy bảo vệ chúng ta khỏi thất vọng, nâng đỡ khi ta bị bỏ rơi, giúp ta phấn khởi mong đợi hạnh phúc muôn đời, giải thoát ta khỏi lòng ích kỷ và đưa ta đến hạnh phúc của đức mến.

3. Đức cậy Kitô giáo tiếp nhận và kiện toàn niềm hy vọng của Israel. Niềm hy vọng này bắt nguồn và noi theo lòng trông cậy của Abraham. Tổ phụ Abraham được mãn nguyện vì Thiên Chúa thực hiện những lời hứa nơi Isaac, được thanh luyện qua việc thử thách hiến tế Isaac. "Mặc dầu không còn gì để trông cậy, ông vẫn cậy trông và vững tin; do đó, ông trở thành tổ phụ nhiều dân tộc" (Rm 4,18).

4. Đức cậy Kitô giáo được triển khai ngay trong bài giảng đầu tiên của Đức Giêsu về các mối phúc. Các mối phúc hướng niềm hy vọng của chúng ta lên Thiên Quốc như hướng về miền đất hứa mới, vạch đường chỉ lối xuyên qua những thử thách đang chờ đợi các môn đệ của Đức Giêsu. Nhờ công ơn và cuộc khổ nạn của Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa gìn giữ chúng ta trong đức cậy: "Chúng ta sẽ không phải thất vọng" (Rm 5,5). "Đối với chúng ta, niềm hy vọng đó cũng tựa như cái neo chắc chắn và bền vững của tâm hồn, để đi sâu vào bên trong... nơi Đức Giêsu đã vào như người tiền phong mở đường cho ta" (Dt 6,19-20). Đức cậy cũng là vũ khí bảo vệ ta trong cuộc chiến để được cứu độ: "mặc áo giáp là đức tin và đức mến, đội mũ chiến là niềm hy vọng ơn cứu độ" (1Tx 5,8). Đức cậy mang lại cho ta niềm vui, ngay trong thử thách: "Hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn lúc gặp gian truân ..." (Rm 12,12). Đức cậy được diễn tả và nuôi dưỡng trong kinh nguyện, nhất là kinh Lạy Cha, bản tóm lược tất cả những gì mà đức cậy gợi lên trong ta.

Do đó, chúng ta có thể hy vọng được hưởng vinh quang thiên quốc mà Thiên Chúa đã hứa ban cho những ai yêu mến Người và thực thi ý Người (Mt 7,21). Trong mọi hoàn cảnh, mỗi người phải hy vọng sẽ được ơn Thiên Chúa trợ giúp "bền đỗ đến cùng" và được hưởng niềm vui thiên quốc như phần thưởng đời đời Thiên Chúa ban, vì các việc lành đã thực hiện nhờ ân sủng Đức Kitô. Với lòng trông cậy, Hội Thánh cầu nguyện cho "mọi người được cứu độ", Hội Thánh mong được kết hợp với Đức Kitô, Phu Quân của mình, trong vinh quang thiên quốc.

III. ĐỨC MẾN

1. Đức mến là nhân đức đối thần, nhờ đó, chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, và vì yêu Chúa, chúng ta yêu mến người thân cận như chính mình.

Đức Giêsu đặt đức mến làm điều răn mới (Ga 13,34). Khi yêu mến những kẻ thuộc về Người "đến cùng" (Ga 13,1), Người biểu lộ tình yêu Người đã nhận được từ Chúa Cha. Khi yêu thương nhau, các môn đệ noi gương Đức Giêsu, Đấng đã yêu mến họ. Vì thế, Đức Giêsu nói: "Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em như vậy. Anh em hãy ở trong tình yêu của Thầy". "Đây là điều răn của Thầy: Anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 15,12).

2. Đức mến là hoa trái của Thánh Thần và là sự viên mãn của lề luật. Yêu mến là giữ các điều răn của Thiên Chúa và của Đức Kitô: "Hãy ở trong tình thương của Thầy. Nếu anh em giữ các điều răn của Thầy, thì anh em sẽ ở trong tình thương của Thầy" (Ga 15,9-10) (Rm 13,8-10).

Đức Kitô đã chịu chết vì yêu mến chúng ta, ngay lúc chúng ta còn là "thù nghịch" với Thiên Chúa (Rm 5,10). Chúa đòi ta yêu thương như Người, yêu cả những kẻ thù nghịch, thân cận với những người xa lạ, yêu mến trẻ em và người nghèo như chính Người (Mt 25,40-45).

Thánh tông đồ Phaolô liệt kê một loạt các đặc điểm của đức mến: "Đức mến thì nhẫn nhục, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, chịu đựng tất cả" (1Cr 13,4-7).

Thánh tông đồ còn nói: "không có đức mến, tôi cũng chẳng là gì...". Tất cả những đặc ân, công việc phục vụ hay nhân đức mà "không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi" (1Cr 13,1-4). Đức mến cao trọng hơn mọi đức tính, đứng đầu các nhân đức đối thần. "Hiện nay đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến" (1Cr 13,13).

3. Đức mến gợi hứng và thúc đẩy việc tập luyện mọi đức tính. Đức mến là "mối dây liên kết tuyệt hảo" (Cl 3,14) là mô thể của các đức tính; liên kết và phối hợp các đức tính; là nguồn mạch và cùng đích của việc thực hành các đức tính trong đời sống Kitô hữu. Đức mến bảo đảm, thanh luyện và nâng khả năng yêu thương của con người lên mức hoàn thiện siêu nhiên, trở thành tình yêu thiêng liêng.

4. Đời sống luân lý được sinh động nhờ đức mến mới đem lại cho người Kitô hữu sự tự do thiêng liêng của con cái Thiên Chúa. Trong tương quan với Thiên Chúa, Kitô hữu không còn là kẻ nô lệ sống trong sợ hãi hay người làm công ăn lương, nhưng là người con đáp lại tình thương của "Đấng đã yêu thương chúng ta trước" (1Ga 4,19).

Nếu xa lánh sự dữ vì sợ bị phạt, chúng ta sống như tên nô lệ. Nếu chạy theo phần thưởng, chúng ta khác nào kẻ làm thuê. Nếu chúng ta tuân phục vì chính sự thiện và vì yêu mến Đấng ban hành lề luật, chúng ta mới thực sự là con (T.Basiliô Cả).

5. Hoa trái của đức mến là niềm vui, bình an và lòng thương xót. Đức mến đòi buộc ta phải làm điều thiện và sửa lỗi huynh đệ. Đức mến là tử tế, bất vụ lợi và hào phóng, là tình thân và sự hiệp thông: *"Tột đỉnh của mọi công việc là tình thương. Đó là mức đến mà chúng ta cố gắng chạy tới, và khi tới đích, chúng ta sẽ nghỉ ngơi trong tình yêu"* (T.Âu tinh).

IV. HỒNG ÂN VÀ HOA TRÁI CỦA THÁNH THẦN:

Chúa Thánh Thần ban các hồng ân nâng đỡ đời sống luân lý của tín hữu. Các hồng ân này là những xu hướng bền vững giúp con người dễ dàng sống theo Thánh Thần.

Các hoa trái của Thánh Thần là những điều thiện hảo Thánh Thần ban cho chúng ta như hoa quả đầu mùa của vinh quang vĩnh cửu. Truyền thống Hội Thánh kể ra mười hai hoa trái của Thánh Thần "Bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nại, nhân từ, lương thiện, hiền hòa, khoan dung, trung tín, khiêm nhu, tiết độ và thanh khiết" (Gl 5,22-23)

CÂU HỎI THẢO LUẬN.

1. Tại sao gọi 3 nhân đức tin, cậy, mến là nhân đức đối thần?

- Gọi 3 nhân đức tin, cậy, mến là nhân đức đối thần vì cả 3 nhân đức đều do Thiên Chúa, phát suất từ Thiên Chúa và trực tiếp quy về Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa là đối tượng, là bảo chứng để ta sống lòng tin, lòng cậy trông và lòng yêu mến.

2. Điều gì nghịch với nhân đức đối thần?

- Nghịch với đức tin là: nghi ngờ, không tin. Không tin vào lời dạy bảo của Thiên Chúa và của Hội Thánh thay mặt Chúa để hướng dẫn ta. Hoặc nghi ngờ mầu nhiệm của Thiên Chúa, hay tin tào lao, tin bói toán, thờ tà thần, kiêng kỵ nhảm nhí. Chúng ta phải tin vào lời Chúa trong Kinh Thánh và những điều Hội Thánh truyền dạy.

- Nghịch với đức cậy là: tuyệt vọng, không cậy trông vào tình thương của Thiên Chúa, sống buông xuôi ở lì trong tội. Kêu ngạo, tự tin vào khả năng không cần đến Thiên Chúa hoặc ỷ lại, lạm dụng tình thương của Thiên Chúa.

- Nghịch với đức mến là: ghen ghét, hận thù, ích kỷ chỉ biết bản thân, không yêu thương bác ái với mọi người, hoặc lôi cuốn, xô đẩy những người xung quanh vào con đường xấu.

BỊ KẾT TỘI BỎ HỒI GIÁO SANG KITÔ GIÁO, MỘT PHỤ NỮ SUDAN BỊ KẾT ÁN TREO CỔ.

Đặng Tự Do 5/16/2014

Hôm 16 tháng 5, một tòa án Sudan đã đưa ra phán quyết tàn bạo là treo cổ một phụ nữ đang mang thai vì phạm tội bỏ Hồi giáo để gia nhập Kitô Giáo..

Cô Meriam Yehya Ibrahim, 27 tuổi, có cha là người Hồi Giáo và mẹ là tín hữu Kitô. Trước tòa, Meriam luôn kiên quyết cho rằng mình theo đạo mẹ và đã là Kitô hữu từ nhỏ. Cô nói: "Tôi là một Kitô hữu, và tôi chưa bao giờ phạm tội bội giáo"

Tuy nhiên, luật lệ Hồi Giáo buộc con cái của người Hồi Giáo phải theo Hồi Giáo.

Những thân nhân họ nội của cô đã tố cáo cô trước tòa vì cô đã kết hôn với một Kitô hữu. Luật lệ Hồi Giáo không cho phép một phụ nữ kết hôn với một Kitô hữu nên tòa đã truyền đánh Meriam 100 hèo vì tội ngoại tình và truyền cho cô trong ba ngày, tức là đến ngày 15 tháng 5, phải tuyên bố trở lại đạo Hồi nếu không sẽ bị tử hình.

Hết hạn định này, Meriam bị đưa ra trước tòa. Cô khảng khái cự tuyệt không theo đạo Hồi.

Trong phán quyết sau cùng, thẩm phán nói: "Chúng tôi đã cho cô ba ngày để suy nghĩ, nhưng vì cô kiên quyết không trở về Hồi giáo, tôi kết án cô bị treo cổ."

Meriam Yehya Ibrahim, mới 27 tuổi mỉm cười đón nhận phúc tử đạo.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa ra thông cáo nói chính phủ Mỹ "quan ngại sâu sắc" trước phán quyết này.

Trong khi đó Ahmed Bilal Osman, Bộ trưởng Bộ văn hóa thông tin của Sudan, nói với Agence France-Presse rằng "không chỉ Sudan. Ở Saudi Arabia, và tất cả các quốc gia Hồi giáo khác, không một người Hồi giáo nào được phép cải đạo"

Bài 5

CÁC NHÂN ĐỨC LUÂN LÝ

"Những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực, tinh tuyền, những gì đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy để ý" (Pl 4,8).

Nhân đức là một xu hướng thường xuyên và kiên định để làm điều thiện, không những giúp thực hiện những hành vi tốt, mà còn cống hiến hết khả năng của mình. Người nhân đức hướng về điều thiện với tất cả năng lực thể xác và tinh thần. Họ cố gắng theo đuổi điều thiện và dứt khoát thực hiện bằng những hành động cụ thể. *"Mục đích của đời sống đức hạnh là nên giống Thiên Chúa"* (T.Grêgôriô thành Nice).

I. CÁC ĐỨC TÍNH NHÂN BẢN:

Các đức tính nhân bản là những thái độ kiên định, những xu hướng bền vững, thói quen hướng thiện của lý trí và ý chí, giúp con người điều chỉnh các hành vi, điều tiết các đam mê, và hướng dẫn cách ăn nết ở của ta theo lý trí và đức tin. Các đức tính này đem lại cho con người sự thoải mái, tự chủ và an vui, để sống một cuộc đời tốt lành. Người nhân đức tự nguyện làm điều thiện.

Muốn có được các đức tính luân lý này, con người phải cố gắng tập luyện. Đây là hoa trái đồng thời cũng là mầm mống cho những hành vi tốt. Các đức tính hướng mọi năng lực của con người đến sự hiệp thông với tình yêu Thiên Chúa.

II. CÁC ĐỨC TÍNH CĂN BẢN:

Có bốn đức tính đóng vai trò "bản lề," quy tụ các đức tính khác, gọi là các đức tính "căn bản": khôn ngoan, công bình, can đảm và tiết độ. "Con người mến chuộng điều chính trực ư? thì chính Khôn Ngoan sản sinh các nhân đức: Quả vậy, khôn ngoan dạy cho biết sống tiết độ, khôn ngoan, công bình và can đảm" (Kn 8,7). Các đức tính này được Kinh Thánh khen ngợi dưới nhiều tên gọi khác:

1. Khôn ngoan là đức tính giúp lý trí thực tiễn trong mọi hoàn cảnh, nhận ra điều thiện đích thực và chọn lựa những phương thế tốt để đạt tới. "Người khôn ngoan thì đắn đo từng

bước" (Cn 14,15). "Anh em hãy sống chừng mực và tiết độ để có thể cầu nguyện được" (1Pr 4,7). Như Aristote, thánh Tôma cũng viết: "khôn ngoan là quy tắc đúng đắn để hành động". Không nên lầm lẫn đức tính khôn ngoan với tính nhút nhát và sợ sệt, tráo trở hay giả hình. Khôn ngoan là người dẫn đường cho các đức tính, hướng dẫn các đức tính khác bằng cách vạch ra quy tắc và mức độ phải giữ. Đức khôn ngoan trực tiếp hướng dẫn phán đoán của lương tâm. Dựa theo phán đoán này, người khôn ngoan chọn cách ứng xử của mình. Nhờ đức tính này, chúng ta áp dụng đúng đắn các nguyên tắc luân lý vào từng trường hợp cụ thể, và không còn do dự về điều thiện phải làm và điều ác phải tránh.

2. Công bình là đức tính luân lý thể hiện qua quyết tâm trả cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa và trả cho tha nhân những gì thuộc về tha nhân. Công bình đối với Thiên Chúa được gọi là "nhân đức thờ phượng". Đối với con người, công bình là tôn trọng quyền lợi của mỗi người và sống hài hòa bằng cách đối xử minh chính đối với mọi người và thực thi công ích.Theo Kinh Thánh, người công chính sống ngay thẳng trong mọi tư tưởng và cư xử chính trực với tha nhân. "Các ngươi không được thiên vị người yếu thế, cũng không được nể mặt người quyền quý, nhưng hãy xét xử công minh cho đồng bào" (Lv 19,15). "Người làm chủ hãy đối xử công bằng và đồng đều với các nô lệ, vì biết rằng cả anh em nữa cũng có một Chủ trên trời"(Cl 4,1).

3. Can đảm là đức tính luân lý giúp chúng ta kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện giữa những khó khăn trong đời. Đức can đảm giúp ta cương quyết chống lại các cơn cám dỗ và vượt qua các chướng ngại trong đời sống luân lý. Nhờ can đảm, ta thắng được sợ hãi, ngay cả cái chết, đương đầu với thử thách và bách hại, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì chính nghĩa. "Chúa là sức mạnh tôi, là Đấng tôi ca ngợi" (Tv 118,14). "Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khốn khó, nhưng can đảm lên, Thầy đã thắng thế gian"(Ga 16,33).

4. Tiết độ là đức tính luân lý giúp ta điều tiết sức lôi cuốn của những lạc thú và sử dụng chừng mực những của cải trần thế. Tiết độ giúp ý chí làm chủ các bản năng và kềm chế các ham muốn trong giới hạn chính đáng. Người tiết độ hướng các thèm muốn giác quan về điều thiện và luôn thận trọng, "không

chiều theo những đam mê của lòng mình" (Hc 5,2). "Con đừng buông theo các tham vọng của con, nhưng hãy kềm chế các dục vọng" (Hc 18,30). Tân Ước gọi tiết độ là "chừng mực" hay "điều độ", chúng ta phải sống "chừng mực, công chính và đạo đức ở thế gian này" (Tt 2,12).

"Sống tốt lành không gì khác hơn là yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn và hết sức lực mình. Chúng ta dành cho Ngài một tình yêu trọn vẹn (nhờ tiết độ), không gì lay chuyển nổi (nhờ can đảm), chỉ vâng phục một mình Ngài (nhờ công bình), luôn tỉnh thức để khỏi sa vào cạm bẫy của mưu mô và gian dối (nhờ khôn ngoan)".

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Nói rằng: Những nhân đức luân lý là những thái độ kiên định, những xu hướng bền vững. Bạn hiểu thế nào về 'thái độ kiên định', và "xu hướng bền vững"?

"Thái độ kiên định": là hành vi thường xuyên thành nếp chứ không phải một thái độ nhất thời, hay thay đổi. Hướng chiều tự nhiên trong phán đoán trong hành vi của mình theo một hướng nhất định.

"Xu hướng bền vững" là không để bị lung lay mặc dù gặp khó khăn trở ngại. Ví dụ: lâu lâu mới có một lần nói thật thì không phải là nhân đức thật thà.

2. "Công bình là tôn trọng quyền lợi của mỗi người". Theo bạn hiểu, con người ta có những quyền lợi gì mà người khác phải tôn trọng. Bạn có biết "nhân quyền" là gì không?

- Một số quyền lợi mà người khác phải tôn trọng:

  * Quyền được sống.

  * Quyền tự do chọn lựa nghề nghiệp, người bạn đời…

  * Quyền được suy nghĩ và trình bày suy nghĩ của mình.

  * Quyền được theo một tôn giáo và thực hành tôn giáo của mình…

- Nhân quyền:

  * Là những quyền căn bản của con người.

Câu Chuyện Có Thật:

GIÁ TRỊ MỘT LY SỮA

(Trích nguồn: Cô Giáo Hong Le)

Một cậu bé nghèo phải đi bán hàng rong để kiếm tiền học. Một hôm, dạ dày cậu trống rỗng cậu đói đến lả người. Thò tay vào túi, cậu thấy chỉ còn sót lại duy nhất có một đồng. Nhưng đó là tiền cậu hứa mua bánh cho mấy đứa em ở nhà.

Tần ngần một lát, cậu quyết định ghé vào ngôi nhà phía trước để xin chút gì đó bỏ bụng. Thế nhưng, người mở cửa là một thiếu phụ trẻ đẹp. Khiến cậu bối rối và ngập ngừng, nên thay vì hỏi xin ăn, cậu chỉ dám xin một ly nước. Thấy dáng vẻ nghèo khổ và đói lả của cậu bé, người phụ nữ thay vì rót nước đã đem ra cho cậu một ly sữa lớn. Cậu chậm rãi nhấp từng ngụm sữa rồi hỏi: Cháu nợ cô bao nhiêu ạ?

Người phụ nữ trả lời: cháu không nợ cô cái gì cả. Mẹ cô đã dạy không bao giờ nhận tiền trả cho lòng tốt.

Cậu bé cảm kích đáp: Cháu sẽ biết ơn cô từ sâu thẳm trái tim cháu.

Đó là ly sữa thơm ngon nhất mà cậu từng được uống. Khi ra đi, cậu cảm thấy khỏe khoắn hơn và niềm tin của cậu vào con người như cũng mãnh liệt hơn. Trước đó, cậu như muốn đầu hàng số phận. Nhiều năm sau, người phụ nữ bị ốm nặng. Các bác sĩ địa phương đều bó tay. Họ chuyển bà đến thành phố lớn để các chuyên gia nghiên cứu căn bệnh lạ lùng này. Tiến sĩ Howard Kelly được mời đến tham vấn. Khi ông nghe tên thị trấn nơi người phụ nữ ở, một tia sáng ánh lên trong mắt ông. Ngay lập tức, ông khoác áo choàng và đi đến phòng bệnh của người phụ nữ nọ. Ông nhận ra ngay ân nhân của mình năm xưa.

Quay về phòng hội chẩn, ông quyết định sẽ dốc hết sức để cứu sống bệnh nhân này. Và cuối cùng nỗ lực của ông cũng được thành công. Tiến sĩ Howard Kelly đề nghị phòng y vụ chuyển cho ông hóa đơn viện phí của ân nhân để xem lại. Ông viết vài chữ bên lề của tờ biên lai và cho chuyển nó đến người phụ nữ. Bệnh người phụ nữ đã thuyên giảm và sau đó khỏi hoàn toàn.

Trước ngày bà xuất viện, bác sĩ Kelly yêu cầu phòng y vụ chuyển hóa đơn để xem lại. Ông viết vài chữ bên lề của tờ biên lai. Nhận hóa đơn, người phụ nữ hồi hộp mở ra đọc. Bà dự đoán rằng số tiền phải trả rất cao, có lẽ bà sẽ phải làm việc cật lực cả đời mới trả hết.

Ngỡ ngàng, bà đọc thấy bên lề hóa đơn một hàng chữ: "Đã được thanh toán bằng một ly sữa. Ký tên: Bác sĩ Howard Kelly."

Bạn thân mến, đâu đó vẫn có những hành động vô ơn nhưng không phải luôn luôn như vậy. Đừng quá bi quan về cuộc đời, vì vẫn còn đó những tấm lòng nhân hậu … Có những thứ giá trị tuy nhỏ nhưng trong hoàn cảnh nhất định đem lại một giá trị rất lớn lao. Hãy quảng đại khi trao tặng và sống xứng đáng với những gì đã lãnh nhận.

(Câu chuyện có thật về Dr. Howard Kelly - Vị bác sĩ lỗi lạc, đã sáng lập ra Khoa Ung thư tại trường Đại học John Hopkins năm 1895).

Bài 6

TỘI

I. LÒNG THƯƠNG XÓT NGƯỜI TỘI LỖI:

Tin Mừng là mặc khải được thực hiện nơi Đức Giêsu Kitô, về lòng thương xót của Thiên Chúa đối với tội nhân. Thiên thần loan báo cho Thánh Giuse: "Ông đặt tên con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân mình khỏi tội" (Mt 1,21). Đức Giêsu cũng nói về bí tích Thánh Thể, bí tích cứu chuộc. "Đây là Máu Thầy, Máu Giao Ước, sẽ đổ ra cho mọi người được tha tội" (Mt 26,28).

1. "Thiên Chúa đã tạo dựng chúng ta không cần có chúng ta cộng tác; nhưng Người đã không muốn cứu độ chúng ta mà không có chúng ta góp phần" (T.Âu tinh). Để đón nhận lòng thương xót của Người chúng ta cần thú nhận tội lỗi. "Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội, thì chúng ta tự lừa dối mình, và sự thật không ở trong chúng ta. Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi mình, thì Thiên Chúa là Đấng trung thành và công chính sẽ tha tội cho chúng ta và thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính" (1Ga 1,8-9).

2. Thánh Phaolô quả quyết: "Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội". Thiên Chúa ban ân sủng để vạch trần tội lỗi nhằm hoán cải lòng ta và "làm cho ta nên công chính, để được sống đời đời nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta" (Rm 5,20-21). Như bác sĩ xem xét vết thương trước khi băng bó, Thiên Chúa dùng lời và Thánh Thần giúp chúng ta thấy rõ tội lỗi:

3. Hoán cải đòi hỏi tội nhân phải ý thức rõ về tội lỗi của mình; do đó bao hàm một phán quyết từ bên trong của lương tâm. Phán quyết này là bằng chứng Thánh Thần chân lý hoạt động trong tâm hồn con người và cũng là khởi điểm để Thiên Chúa ban lại ân sủng và tình yêu: "Hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần". Như thế trong việc ý thức tội lỗi, chúng ta nhận ra một hồng ân kép: ơn giúp lương tâm nhận biết chân lý, ơn giúp chúng ta tin chắc được ơn cứu chuộc. Thánh Thần chân lý cũng là Đấng an ủi (DV 31).

II. ĐỊNH NGHĨA TỘI LỖI:

1. Tội là lỗi phạm đến lý trí, chân lý, lương tâm ngay chính, là thiếu tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và tha nhân, vì quyến luyến lệch lạc với thụ tạo. Tội làm tổn thương bản tính con người và vi phạm đến tình liên đới giữa nhân loại. Vì thế, tội được định nghĩa như: "Một lời nói, một hành vi, một ước muốn trái với lề luật vĩnh cửu".

2. Tội là xúc phạm đến Thiên Chúa. "Con đã xúc phạm đến Chúa, đến một mình Chúa, dám làm điều dữ trái mắt Ngài" (Tv 51,6). Tội chống lại tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta và khiến lòng ta xa lánh Người. Cũng như đầu tiên tội là một sự bất tuân, một sự nổi loạn chống Thiên Chúa, lại muốn "trở nên như những vị thần" biết và quyết định điều thiện, điều ác (St 3,5). Như thế, tội là "yêu mình đến mức khinh thị Thiên Chúa" (T.Âutinh). Vì kiêu căng tự cao tự đại, tội hoàn toàn trái ngược với thái độ vâng phục của Đức Giêsu, Đấng thực hiện ơn cứu độ (x.Pl 2,6-9).

III. TỘI LỖI MUÔN MẶT:

1. Tội lỗi rất đa dạng. Thánh Kinh nhiều lần liệt kê các thứ tội. Thư Galát đối nghịch các công việc của xác thịt với hoa trái của Thánh Thần. "Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là: dâm bôm, ô uế, phóng đãng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tị, say sưa, chè chén và những điều khác giống như vậy. Tôi bảo trước cho anh em, như tôi đã từng bảo: những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa" (Gl 5,19-21; x.Rm 1,28-32).

2. Chúng ta có thể phân biệt tội lỗi theo đối tượng, như đối với các hành vi nhân linh, hoặc theo các nhân đức mà chúng đối nghịch cách thái quá hay bất cập, hoặc theo các điều răn mà chúng vi phạm. Chúng ta cũng có thể phân loại tội lỗi dựa theo tương quan với Thiên Chúa, với tha nhân hoặc với chính bản thân; "Vì tự lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian và vu khống. Đó mới là những cái làm cho con người ra ô uế" (Mt 15,19-20). Nhưng trong lòng con người cũng còn có đức mến, nguồn gốc của các việc lành và thanh sạch, dù đức mến cũng bị tội làm tổn thương.

IV. MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG CỦA TỘI:

1. Tội trọng và tội nhẹ: Nếu nói Tội là xúc phạm đến Thiên Chúa thì không có tội nào là nhẹ nhưng tội được đánh giá theo mức độ nghiêm trọng: Kinh nghiệm của con người cũng xác nhận điều này. Truyền thống Hội Thánh nhận cách phân biệt tội trọng và tội nhẹ như đã có trong Thánh Kinh.

Tội trọng phá hủy đức mến trong lòng con người do vi phạm nghiêm trọng luật Thiên Chúa. Khi phạm tội, con người quay lưng với Thiên Chúa là cùng đích và chân phúc của mình, bằng cách yêu chuộng một thụ tạo thấp kém hơn. Tội nhẹ không phá hủy nhưng xúc phạm và gây tổn thương đức mến.

Tội trọng đánh vào nguyên lý sống còn trong chúng ta là đức mến, nên cần đến một sáng kiến của Thiên Chúa giàu lòng xót thương và một cuộc hoán cải nội tâm trong bí tích Giao Hòa.

2. Một tội được coi là trọng khi hội đủ ba điều kiện: "Phạm một lỗi nặng, với đầy đủ ý thức và cố tình".

Lỗi nặng được xác định trong Mười Điều Răn, như Đức Giêsu trả lời người thanh niên giàu có: "Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thảo kính cha mẹ" (Mc 10,19). Tội có thể nặng hoặc nhẹ: tội giết người nặng hơn trộm cắp. Phải xét đến cả phẩm giá của người bị xúc phạm: tội hành hung cha mẹ nặng hơn tội hành hung một người lạ.

Tội trọng đòi phải có nhận thức đầy đủ và hoàn toàn ưng thuận. Điều này giả thiết người phạm tội phải biết hành vi đó là tội, trái với luật Thiên Chúa. Tội trọng bao hàm một sự ưng thuận có suy nghĩ cặn kẽ để trở thành một lựa chọn cá nhân. Việc thiếu hiểu biết do lỗi mình và lòng chai đá không làm giảm bớt, mà còn gia tăng tính cách cố tình của tội lỗi.

Nếu thiếu hiểu biết ngoài ý muốn, người phạm lỗi nặng có thể được giảm hoặc miễn trách nhiệm. Nhưng không ai được coi là không biết đến những nguyên tắc của luân lý đã được ghi khắc trong lương tâm mỗi người. Các thúc đẩy của bản năng, các đam mê, áp lực bên ngoài, hoặc những rối loạn do bệnh tật, cũng có thể làm cho hành vi phạm lỗi bớt tính cách tự ý và tự do. Nặng nhất là tội phạm do ác tâm, vì chủ ý lựa chọn điều xấu.

3. Cũng như tình yêu, tội trọng là một chọn lựa triệt để của tự do con người. Khi phạm tội trọng, con người đánh mất đức mến, tự tước bỏ ơn thánh hóa, tức là tình trạng ân sủng. Nếu tội trọng không được chuộc lại bằng việc hối cải của tội nhân và bằng ơn tha thứ của Thiên Chúa, người mắc tội trọng sẽ bị loại khỏi vương quốc của Đức Kitô và bị án phạt đời đời trong hỏa ngục, vì tự do của chúng ta có khả năng thực hiện những lựa chọn vĩnh viễn, không đảo ngược được. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể phán đoán một hành vi là lỗi nặng, chúng ta vẫn phải dành quyền phán xét người đó cho Thiên Chúa công bình và giàu lòng thương xót.

4. Chúng ta phạm tội nhẹ khi vi phạm luật luân lý trong điều nhẹ, hay lỗi điều nặng nhưng không hoàn toàn hiểu biết hay ưng thuận.

Tội nhẹ làm suy yếu đức mến, cho thấy lòng quyến luyến lệch lạc của cải trần thế, ngăn cản chúng ta tiến triển trong việc thực hành các đức tính và điều thiện. Người phạm tội nhẹ đáng chịu những hình phạt hữu hạn. Ai cố tình phạm tội nhẹ và không sám hối sẽ đi dần đến chỗ phạm tội trọng, Tuy nhiên, người phạm tội nhẹ không cắt đứt giao ước với Thiên Chúa, với ân sủng Thiên Chúa trợ giúp, con người có thể điều chỉnh lại tình trạng này. "Tội nhẹ không làm mất ơn thánh hóa hay ơn thần hóa và đức mến, nên cũng không làm mất phúc thật vĩnh cửu".

Bao lâu con người còn mang thân xác, thì không thể tránh được mọi tội, ít là các tội nhẹ. Nhưng các tội mà ta gọi là nhẹ, bạn chớ xem nó như vô hại: nếu bạn coi chúng như vô hại khi bạn cân nhắc chúng, thì bạn hãy run sợ khi bạn đếm chúng. Nhiều vật nhỏ hợp thành một khối to, nhiều giọt nước làm đầy một con sông, nhiều hạt lúa làm thành một đụn. Vậy thì còn hy vọng gì? Trước hết đi xưng tội đã... (T.Âu Tinh, Thư Gioan)

"Mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chứ tội nói phạm thượng đến Thần Khí sẽ chẳng được tha" (Mt 12,31). Lòng Thiên Chúa thương xót không có giới hạn, nhưng ai cố tình không hối cải và khước từ lòng Thiên Chúa thương xót thì cũng khước từ sự tha tội và ơn cứu độ do Chúa Thánh Thần ban cho (x.DV 46). Lòng chai dạ đá như thế có thể đưa tới chỗ không hối cải trong giờ sau hết và phải hư mất đời đời.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Sám hối là gì? ăn năn tội cách trọn là thế nào?

- *Sám hối* là ý thức được tình trạng tội lỗi của mình, quyết tâm chừa cải và quay trở về với Chúa. Có 2 cách sám hối:

+ Một là ăn năn tội cách trọn.

+ Hai là ăn năn tội cách chẳng trọn.

Ăn năn tội cách trọn là thực lòng sám hối những tội mình đã phạm đến Chúa là Đấng yêu thương mình và quyết tâm chừa cải (ăn năn tội cách trọn đặt tình thương của Chúa lên trên tội của mình).

2. Tội phạm đến Chúa Thánh Thần là tội gì?

- Tội phạm đến Chúa Thánh Thần là tội cố chấp. Tội không thể tha thứ vì người có tội biết mình có tội mà không sám hối, cứ ở lì trong tội. Đó là điều xúc phạm đến Ngôi Ba Thiên Chúa là nguồn tình yêu và tha thứ nên đó được gọi là tội phạm đến Chúa Thánh Thần.

CẬU HỌC TRÒ CÁ BIỆT ĐÃ DẠY CHO CÔ GIÁO MỘT BÀI HỌC KHÔNG BAO GIỜ QUÊN.



Ngày khai giảng đầu tiên, Thompson đứng trước mặt các học sinh lớp 5 của mình. Cô nhìn các em học sinh, nói rằng cô sẽ yêu thương mỗi em đều như nhau. Nhưng điều này dường như là không thể... Ngồi hàng ghế đầu có một bé trai, cậu bé tên là Teddy Stoddard. Cô phát hiện, Teddy không chơi cùng các bạn. Áo quần cậu bé rất nhếch nhác, người cũng không sạch sẽ, hơn nữa lại không được các bạn yêu quý. Thompson rất thích dùng bút đỏ vẽ dấu gạch chéo lên bài thi của cậu.

Không lâu sau, ngôi trường của Thompson yêu cầu giáo viên thẩm định thông tin về từng học sinh trong những năm qua, cô đem hồ sơ của Teddy để cuối cùng mới xem. Nhưng khi xem, cô đã vô cùng kinh ngạc.

Thầy chủ nhiệm năm 1 của Teddy viết: "Teddy là một đứa bé thông minh, luôn mang trên mặt nụ cười. Bài tập ghi rất sạch sẽ, rất có lễ phép, cậu bé mang đến niềm vui cho mọi người xung quanh".

Thầy giáo năm thứ 2 viết: "Teddy là một học sinh ưu tú, rất được bạn bè yêu mến, nhưng cậu bé rất buồn, bởi vì căn bệnh của mẹ cậu bé đã đến giai đoạn cuối, cuộc sống gia đình đang rất khó khăn".

Thầy giáo năm thứ 3 viết: "Mẹ qua đời là một bi kịch rất lớn đối với Teddy. Cậu bé muốn cố gắng, nhưng cha cậu không có ý thức trách nhiệm, nếu không áp dụng một ít biện pháp thì gia đình sẽ gây ra nhiều ảnh hưởng bất lợi đối với Teddy".

Thầy giáo năm thứ 4 viết: "Tính tình của Teddy rất quái gở, không có hứng thú với học tập. Cậu bé không có người bạn nào, hay ngủ gật trên lớp".

Lúc này, Thompson nhận ra vấn đề, cô cảm thấy xấu hổ vì hành vi của mình.

Đến lễ giáng sinh, khi các em học sinh tặng quà cho cô, cô càng cảm thấy xấu hổ hơn nữa. Quà của các bạn khác đều dùng giấy loại tốt sáng ngời, bên trên còn có dây lụa xinh đẹp, duy chỉ có Teddy là không phải.

Món quà của cậu bé dùng loại giấy rất dày bao lại, giấy này là từ túi tạp hóa. Cô rất khó khăn mới mở được món quà. Đó là một vòng tay bằng đá thủy tinh bị mất một viên, còn có một lọ nước hoa chỉ còn 1/4 lọ. Mấy đứa bé khác bắt đầu cười, cô ngăn bọn nhỏ lại, rồi lớn tiếng khen vòng tay rất đẹp, cô mang nó trên tay, còn thoa một ít nước hoa lên cổ tay.

Ngày tan học hôm đó, Teddy Stoddard đã nói một câu trước khi về: "Cô Thompson à! Mùi hương trên người cô hôm nay giống mẹ con trước kia vậy!" Sau khi bọn nhỏ về, cô đã khóc hàng giờ liền.

Từ ngày đó trở đi, thay vì chỉ chăm chú nghiên cứu dạy đọc, làm văn, số học như thế nào nữa, cô Thompson đặc biệt chú trọng nghiên cứu làm sao để giáo dục bọn nhỏ cho tốt hơn. Cô bắt đầu đặc biệt chú ý tới Teddy. Cùng học với cô, đầu óc cậu bé đã trở nên linh hoạt... Cô càng khích lệ, phản ứng của cậu bé lại càng nhanh nhẹn.

Đến cuối năm, Teddy đã trở thành cậu bé thông minh nhất lớp, cho dù cô đã từng nói sẽ yêu thương bọn nhỏ đều như nhau, nhưng Teddy trở thành "con cưng" của cô. Một năm sau, Thompson phát hiện một mảnh giấy ở khe cửa nhà mình, là của Teddy ghi, cậu bé nói rằng, cô là cô giáo giỏi nhất mà cả đời cậu bé gặp được. Sáu năm sau, cô lại nhận được một mảnh giấy khác của Teddy, cậu bé nói mình đã tốt nghiệp trung học, thành tích xếp hạng đứng thứ ba trong lớp, cô vẫn là cô giáo giỏi nhất mà cậu bé từng gặp.

Nhiều năm sau, Thompson nhận được một phong thư, lần này Teddy nói, sau khi tốt nghiệp đại học, cậu bé quyết định tiếp tục lưu lại trường để đào tạo chuyên sâu. Cậu bé còn nói, cô Thompson vẫn là cô giáo tốt nhất mà cả đời cậu gặp được. Trên chữ ký lần này còn thêm một chút: Tiến sĩ Y Khoa Teddy F Stoddard.

Mùa xuân năm đó, Teddy lại gởi một phong thư, cậu nói mình sắp kết hôn, không biết cô Thompson có thể tham dự lễ cưới của cậu không, và cô sẽ được ngồi ở chiếc ghế dành cho mẹ của cậu.

Đương nhiên, cô đã đi. Cô còn đeo chiếc vòng tay thủy tinh, dùng loại nước hoa mẹ Teddy đã từng dùng. Khi cô trò ôm nhau, tiến sĩ Teddy Stoddard nhẹ nhàng nói bên tai Thompson: "Cảm ơn cô Thompson nhiều! Cảm ơn cô đã cho con biết rằng mình còn có giá trị". Đôi mắt ngấn lệ, cô thì thầm nói: "Teddy, con đã lầm rồi, chính con đã dạy ta, mãi đến khi gặp con, cô mới biết làm cô giáo là như thế nào".

(Nguồn: mạng thư viện)

CHUYỆN "ÔNG LÃO ĂN MÀY VÀ ĐẠI GIA ROLLS ROYCE' XÔN XAO MẠNG"

Một anh chàng trai trẻ tuổi giàu có lái một chiếc xe sang trọng hiệu Rolls Royce đang dừng ở ngã tư để chờ đèn đỏ. Đúng lúc đó có một người đàn ông đến gần chiếc xe của anh ta, gõ vào chiếc cửa kính ô tô, van xin: "Làm ơn cho tôi xin ít tiền! Tôi nhịn đói mấy hôm nay rồi".

Người thanh niên kéo cửa kính xuống và lên tiếng: "Tôi cho ông một điếu thuốc nhé, trên xe tôi có thuốc lá rất ngon." Người ăn xin nài nỉ: "Tôi không hút thuốc, cho tôi ít tiền đi".

Người thanh niên lại nói: "Vậy ông uống rượu nhé, trên xe tôi có loại rượu tốt nhất trên thế giới." –"Không, tôi không uống rượu, cho tôi tiền, tôi cần tiền."

Người thanh niên kiên nhẫn: "Hay thế này nhé, tôi đưa ông đến một sòng bạc gần đây, ông giúp tôi chơi một ván; nếu thắng thì tiền sẽ là của ông, nếu thua thì tôi chịu. Được chứ?" –"Tôi không biết cược bài bạc, tôi cần tiền."

"Thế thì đi mát xa, tôi sẽ giúp ông hưởng thụ một chút hương vị cuộc sống, chi phí tôi bao tất, đồng ý chưa?" – "Không, tôi không thích đi, xin cho tôi tiền".

Chàng thanh niên dần hết nhẫn nại nhìn người ăn xin: "Vậy ông lên xe đi, tôi đưa ông về nhà tôi, để vợ tôi xem xét tại sao một người đàn ông không hút thuốc, không uống rượu, không bài bạc, cũng không chơi bời lung tung lại biến thành bộ dạng như thế này?" Lúc này người ăn xin mới thấy xấu hổ, quay lưng bước đi.

Bài 7

BẢY MỐI TỘI ĐẦU

I. Đã phạm tội một lần, người ta bị lôi cuốn phạm tội nữa. Những hành vi xấu được lặp đi lặp lại sinh ra thói xấu. Hậu quả là con người nghiêng chiều về điều ác, mờ tối lương tâm và lệch lạc trong việc đánh giá cụ thể điều lành và điều dữ. Như thế tội lỗi sinh sôi nảy nở thêm lên, nhưng không thể phá hủy hoàn toàn cảm thức luân lý.

1. Thiên Chúa không cám dỗ ta nhưng Ngài để cho ta chịu cám dỗ nhằm: Rèn luyện ta trưởng thành, vững chắc, bền vững trên con đường đã chọn. Để ta biết mình yếu đuối, cần khiêm tốn và nương tựa vào Chúa. Để ta biết cảm thông và đại lượng với những người yếu đuối. Để ta lập công vì ta hiểu rằng Thiên Chúa giúp sức cho ta, trong cơn cám dỗ Ngài ở bên ta.

- Bị cám dỗ chưa phải là tội, vì chính Đức Giêsu cũng chịu cám dỗ trong sa mạc. Nhưng Người đã chế ngự và chiến thắng được quỷ thần. Ta chỉ phạm tội khi ưng thuận điều bị cám dỗ hoặc chủ tâm lao mình vào cơn cám dỗ.

2. Các thói xấu có thể được xếp loại dựa theo các nhân đức mà chúng đối nghịch hay theo các mối tội đầu như bản liệt kê của thánh Gioan Casianô và Grêgôriô Cả được gọi là mối tội đầu vì chúng sinh ra những tội khác, những thói xấu khác. Các mối tội đầu là: kiêu ngạo, hà tiện, mê dâm dục, ghen ghét, hờn giận, mê ăn uống, làm biếng.

3. Truyền thống huấn giáo cũng nhắc đến các thứ "tội kêu thấu đến trời". Đó là: máu của Abel (St 4,10), tội của dân Sôđôma (St 18,20;19,13); tiếng kêu than của dân bị áp bức ở Ai Cập (Xh 3,7-10); tiếng than van của người ngoại kiều cư trú trên đất nước, của cô nhi quả phụ (Xh 22,20-22); người làm thuê bị đối xử bất công (Gc 5,4)

4. Tội là một hành vi cá nhân. Ngoài ra, chúng ta còn có trách nhiệm mang các tội do những người khác phạm, khi chúng ta cộng tác vào đó, bằng cách:

- Tham gia cách trực tiếp và cố tình;
- Ra lệnh, xúi giục hoặc tán thành;

♦ Che đậy, hoặc không ngăn cản, khi có bổn phận phải can ngăn;

♦ Bao che những người làm điều ác.

Tội làm cho con người trở thành đồng lõa với nhau, và để cho dục vọng, bạo lực, bất công thống trị. Tội lỗi tạo nên những tình trạng xã hội và những định chế nghịch lại với lòng nhân hậu của Thiên Chúa. Các "tổ chức tội ác" vừa biểu lộ vừa là hậu quả của các tội cá nhân. Chúng xúi giục các nạn nhân cùng phạm tội. Hiểu nghĩa loại suy, có thể gọi chúng là "tội xã hội", "tội tập thể".

II. TÍNH LUÂN LÝ CỦA NHỮNG ĐAM MÊ:

Con người hướng về hạnh phúc đích thực bằng những hành vi chủ ý: những đam mê hay tình cảm con người cảm nhận, có thể giúp con người chuẩn bị và góp phần đi tìm hạnh phúc.

Các đam mê:

Thuật ngữ "đam mê" nằm trong di sản Kitô giáo. Tình cảm hay đam mê là những cảm xúc hay rung động của khả năng cảm giác, khiến ta hành động hay không hành động tùy theo điều ta cảm nhận hay tưởng tượng là tốt hoặc xấu.

Các đam mê là thành phần tự nhiên của sinh hoạt tâm lý con người. Chúng nối kết đời sống cảm giác và đời sống tinh thần. Theo lời Đức Kitô, tâm hồn là nguồn phát xuất các rung động đam mê (x.Mc 7,21).

Có nhiều thứ đam mê. Đam mê căn bản nhất là tình yêu do điều thiện hảo lôi cuốn. Tình yêu tác động lên ước muốn điều thiện hảo chưa có và niềm hy vọng sẽ đạt được. Vận hành này chỉ kết thúc trong hoan lạc và niềm vui do chiếm hữu được điều đó. E ngại điều xấu, làm phát sinh lòng thù ghét, ghê tởm và sợ hãi trước điều xấu đang hăm dọa. Rung động này dẫn đến buồn phiền vì điều dữ đang hoành hành hay phẫn nộ chống lại nó.

III. ĐAM MÊ VÀ ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ:

Tự bản chất, đam mê không tốt không xấu. Đam mê mang giá trị luân lý tùy mức độ liên hệ thật sự với lý trí và ý chí. Đam mê được coi là có chủ ý "khi do ý chí điều khiển hay ý chí không ngăn cản". Muốn đạt tới mức hoàn hảo luân lý hay nhân linh, con người cần phải dùng lý trí điều khiển các đam mê.

Những tình cảm cao thượng không quyết định tính luân lý hay sự thánh thiện của con người; chúng chỉ là kho dự trữ vô tận những hình ảnh và cảm xúc được biểu lộ trong đời sống luân lý. Về mặt luân lý, đam mê sẽ tốt nếu góp phần vào một hành động tốt, và xấu trong trường hợp ngược lại. Ý chí ngay thẳng hướng các cảm xúc về điều thiện và hạnh phúc đích thực, ý chí xấu không chống nổi các đam mê hỗn loạn và làm cho chúng trở nên dữ dội hơn. Các cảm xúc và tình cảm có thể được đón nhận trong các nhân đức, hoặc bị băng hoại trong các thói xấu.

Trong đời sống Kitô hữu, Chúa Thánh Thần thực hiện công trình của Người, bằng cách huy động mọi sự nơi con người, kể cả những đau khổ, sợ hãi và buồn phiền, như trong cơn hấp hối và cuộc khổ nạn của Đức Kitô. Trong Người, những tình cảm của chúng ta được kiện toàn nhờ đức ái và hạnh phúc đích thực.

Con người đạt tới mức hoàn thiện luân lý bằng cách vươn tới điều thiện hảo, không chỉ với ý chí, mà còn với các ham muốn của giác quan; như lời thánh vịnh: "Cả tấm thân con cùng là tấc dạ, những hướng lên Chúa Trời hằng sống mà hớn hở reo mừng" (Tv 84,3)

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Cám dỗ là gì?

- Cám dỗ là những hạnh phúc nhất thời, hấp dẫn, những nhu cầu cần thiết tạm bợ, lôi cuốn ta vào con đường xấu để đạt được mục đích của mình. Bị cám dỗ là chuyện bình thường nhưng vượt qua cám dỗ mới là phi thường.

2. Phải nhìn vào lòng thương xót của chúa hơn là vào tội mình "nếu không nhìn vào tội mình thì làm sao mà biết sám hối"? bạn thấy những lời dạy này có mâu thuẫn không ?

- Hai lời dạy trên đều khuyên ta khi đã lỡ phạm tội phải biết sám hối quay trở về với Thiên Chúa. Khi ta phạm tội Thiên Chúa luôn soi sáng, cho ta biết nhìn ra lẽ phải. Tiếng nói của Ngài luôn đặt trong nội tâm mỗi người giúp ta nhận xét đúng, sai. Phải nhìn vào tội mình để thấy hậu quả nghiêm trọng của tội mình gây ra, tội ta có thể lớn nhưng phải có ánh sáng là lòng khoan dung và tình yêu của Thiên Chúa để ta thấy rõ hơn những sai lỗi của mình và dựa vào lòng thương xót của Chúa mà sám hối.

NHÀ SƯ VÀ CÔ LÁI ĐÒ.....!!!

Cô lái đò đưa khách qua sông. Đò cập bến cố lái thu tiền từng người, sau hết đến Nhà sư.

- Cô lái đò đòi tiền "gấp đôi". - Nhà sư ngạc nhiên hỏi vì sao? Cô lái mỉm cười: "Vì Thầy nhìn em..." Nhà sư nín lặng và bước lên bờ.

Một hôm nhà sư lại qua sông. Lần này cô lái đò đòi tiền "gấp ba" lần - Nhà sư hỏi vì sao? Cô lái cười bảo: "Lần này Thầy nhìn em dưới nước". Nhà sư nín lặng trả tiền và bước lên bờ.

Lần khác Nhà sư lại qua sông. Vừa bước lên đò Nhà sư nhắm mắt nghiền mắt lại đi vào thiền định. Đò cập bến cô lái đò thu tiền "gấp năm" lần - Nhà sư hỏi vì sao? Cô lái đáp: "Thầy không nhìn nhưng còn nghĩ tới em". Nhà sư trả tiền và lên bờ.

Một hôm Nhà sư lại qua sông. Lần này, Nhà sư nhìn thẳng vào cô lái đò... Đò cập bến, Nhà sư cười hỏi lần này phải trả bao nhiêu?

Cô lái đáp: Em xin đưa Thầy qua sông, không thu tiền. Thiền sư hỏi: "Vì sao vậy?" Cô lái cười đáp: "Thầy nhìn mà không còn nghĩ tới em nữa, do vậy em xin đưa Thầy qua sông thôi..."

Nói một cách khác: "Mọi sự từ TÂM mà ra..."

Sống ở đời chỉ có chữ TÂM là đáng quý!

Một phút suy tư: Chữ TÂM.

Tâm là một điểm tuy nhỏ nhưng quan trọng, nên người ta mới gọi là tâm điểm.

Tâm của con người càng quan trọng hơn vì nó nói lên nhân cách của một con người:

- Tâm lệch lạc thì cuộc sống nghiêng ngả đảo điên.
- Tâm gian dối thì cuộc sống bất an.
- Tâm đố kỵ thì cuộc sống mất vui.
- Tâm tham lam thì cuộc sống dối trá ...

Cho nên, ta không những đem tâm của mình đặt ngay trên ngực để yêu thương, mà còn:

- Đặt trên tay để giúp đỡ người khác.
- Đặt trên mắt để nhìn thấy nỗi khổ của tha nhân.
- Đặt trên trán để mau mắn chạy đến với người cùng khổ.
- Đặt trên miệng để nói lời an ủi với người bất hạnh.
- Đặt trên tai để biết nghe lời than trách, góp ý của người khác.
- Đặt trên vai để biết chịu trách nhiệm và chia sẽ trách nhiệm với anh chị em.

Thân xác không tim thì thân xác chết, làm người không có tâm thì cuộc sống chỉ có hận thù và là mối nguy hiểm cho mọi người.

Bài 8

HIẾN CHƯƠNG NƯỚC TRỜI

Các mối phúc là trọng tâm của những lời Chúa Giêsu rao giảng. Khi công bố các mối phúc, Người lặp lại các lời Thiên Chúa hứa với dân tuyển chọn từ thời Abraham. Người kiện toàn những lời hứa này bằng cách hướng chúng về Nước Trời, chứ không còn là việc chiếm một vùng đất nào nữa.

"Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó,
vì Nước Trời là của họ.
Phúc thay ai hiền lành,
vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.
Phúa thay ai sầu khổ,
vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.
Phúc thay ai khát khao nên người công chính,
vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.
Phúc thay ai xót thương người,
vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.
Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.
Phúc thay ai xây dựng hoà bình,
vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.
Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,
vì Nước Trời là của họ.
Phúc cho anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả,
bách hại và vu khống đủ điều xấu xa.
Anh em hãy vui mừng hớn hở,
vì phần thưởng dành cho anh em
ở trên trời rất lớn lao"(Mt 5,3-12).

Các mối phúc phản ánh dung mạo và đức ái của Chúa Giêsu Kitô. Chúng cho thấy ơn gọi của các tín hữu là được liên kết với vinh quang cuộc khổ nạn và phục sinh của Người, soi sáng những hành động và thái độ đặc trưng của nếp sống Kitô giáo.

Các mối phúc là những lời hứa, có vẻ ngược đời, nâng đỡ niềm hy vọng khi con người gặp hoạn nạn. Chúng công bố những phúc lộc và ân thưởng các môn đệ đã được âm thầm hưởng nhận. Chúng đã biểu hiện công khai trong đời sống Đức Trinh Nữ Maria và chư thánh.

I. KHÁT VỌNG HẠNH PHÚC:

1. Các mối phúc đáp ứng khát vọng tự nhiên của con người là muốn được hạnh phúc. Khát vọng này bắt nguồn từ Thiên Chúa. Người đã đặt nó trong tâm hồn con người để lôi kéo họ đến với Người, Đấng duy nhất có thể thỏa mãn khát vọng này:

- "Mọi người đều muốn sống hạnh phúc. Chẳng ai phủ nhận điều này, dù họ không nói ra."

2. - "Lạy Chúa, con phải tìm Chúa thế nào? Vì khi con tìm Chúa là Thiên Chúa của con, là con tìm hạnh phúc. Con muốn tìm Chúa để linh hồn con được sống vì thân xác sống nhờ linh hồn và linh hồn con sống nhờ Chúa" (T.Âu-tinh)

"Chỉ có Chúa mới làm con no thỏa" (T.Tôma Aquinô)

Các mối phúc cho thấy mục đích của đời sống con người, cùng đích của các hành vi nhân linh: Thiên Chúa kêu gọi chúng ta đến hưởng hạnh phúc của Người. Ơn gọi này được ban cho từng cá nhân, cũng như cho toàn Hội Thánh, Dân Mới gồm những kẻ đón nhận và sống lời hứa đó trong đức tin.

II. HẠNH PHÚC ĐÍCH THỰC THEO KITÔ GIÁO:

1. Tân Ước dùng nhiều cách để diễn tả hạnh phúc đích thực mà Thiên Chúa mời gọi con người đến hưởng: Nước Thiên Chúa đến (Mt 4,17); hưởng nhan thánh Chúa: "Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa" (Mt 5,8; 1Ga 3,2; 1Cr 13,12); được vào hưởng niềm vui của Chúa (Mt 25,21.23); được an nghỉ trong Chúa (Dt 4,7-11).

Thiên Chúa dựng nên chúng ta để nhận biết, phục vụ, yêu mến Ngài và nhờ đó được hưởng phúc Thiên Đàng. Hạnh phúc đích thực là được thông phần bản tính Thiên Chúa (2 Pr 1,4) và sự sống đời đời (Ga 17,3); nhờ đó, con người được đi vào trong vinh quang của Đức Kitô và hưởng cuộc sống của Ba Ngôi.

2. Hạnh phúc đích thực vượt quá trí tuệ và sức lực con người. Đó là kết quả của hồng ân nhưng không của Thiên Chúa. Vì thế, ta gọi hạnh phúc này, cũng như ân sủng chuẩn bị con người vào hưởng sự hoan lạc của Thiên Chúa là ân huệ siêu nhiên.

"Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa". "Không ai trông thấy Thiên Chúa mà còn sống" vì Ngài cao cả và vinh quang vô biên. Chúa Cha là Đấng con người không thể thấu hiểu được. Vì lòng yêu thương nhân hậu đối với nhân loại, với quyền năng tuyệt đối, Thiên Chúa ban cho những ai yêu mến Ngài được đặc ân chiêm ngắm Ngài. "Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được"

3. Hạnh phúc Thiên Chúa hứa đặt chúng ta trước những lựa chọn luân lý quyết định, mời gọi ta thanh luyện tâm hồn khỏi những bản năng xấu và tìm kiếm tình yêu Thiên Chúa trên hết mọi sự. Hạnh phúc Chúa hứa dạy ta biết rằng hạnh phúc đích thực không ở nơi của cải hay tiện nghi, cũng không phải trong vinh quang trần thế hay quyền lực, cũng không ở trong bất cứ một công trình nào của con người, dù hữu ích như khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, cũng không ở trong bất cứ thụ tạo nào, nhưng chỉ ở nơi Thiên Chúa, nguồn mạch mọi thiện hảo và tình yêu.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Bạn hiểu thế nào về mối phúc: "cho những kẻ ưu phiền", "những kẻ đói khát công chính"?

- *Phúc "cho những kẻ ưu phiền":* Những kẻ ưu phiền là người không thể vui khi thấy tội lỗi, sự xấu hoành hành, không bắt tay với sự dữ. Thí dụ: người mẹ giận dữ, ưu phiền khi thấy con mình trộm cắp của người khác và buộc con phải hoàn trả cho người ta của đã ăn cắp. Những kẻ ưu phiền là người thấy sự dữ của thế gian mà ưu phiền.

- *Mối phúc "cho những kẻ đói khát công chính":* Những kẻ đói khát công chính là những người luôn khao khát, nỗ lực làm cho công lý và những điều ngay chính ngự trị trên thế gian. Khao khát sự công chính là luôn mong mỏi sự công bằng, mong cho nước Chúa hiện diện nơi thế gian.

2. Sao lại nói: "tinh thần nước trời đối nghịch với sự khôn ngoan thế tục"?

+ *Tinh thần nước trời:* Là tinh thần hiền hoà, khiêm tốn, bao dung trong cách ăn nết ở của người con Chúa.

+ *Sự khôn ngoan thế tục:* Tôn thờ của cải, phô trương quyền lực, đấu tranh dã man, loại trừ nhau, tranh giành quyền lực…Tất cả những điều này đối nghịch với tinh thần Nước Trời.

BI KỊCH CUỘC ĐỜI CỦA TỶ PHÚ NHẬT BẢN TỪNG GIÀU NHẤT THẾ GIỚI

Mỗi tỷ phú đều có một giai thoại đáng học hỏi, đúng là "nghèo lâu giàu thì mấy chốc".

Trong suốt thời kỳ bùng nổ kinh tế vào những năm 80, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng nhanh chóng và đã tạo ra rất nhiều tỷ phú. Và 1 trong những doanh nhân, tỷ phú điển hình sản sinh ra trong thời kỳ này là Yoshiaki Tsutsuni.

Tsutsumi là người đàn ông giàu nhất thế giới trong 4 năm liên tiếp kể từ 1987 cho đến 1990 theo xếp hạng của Forbes. Cụ thể trong năm 1989, ông là người giàu nhất thế giới với khối tài sản 15 tỷ USD. Với số tiền đó, Tsutsuni vượt qua hàng loạt tên tuổi khác bao gồm cả Sam Walton - nhà sáng lập chuỗi siêu thị Walmart với khối tài sản 13,3 tỷ USD.



Yasujiro Tsutsumi khi còn trẻ.

Tsutsumi may mắn được sinh ra trong một gia đình giàu có. Cha của Tsutsumi là tộc trưởng của 1 trong những gia tộc có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong xã hội Nhật Bản hiện đại.

Yasujirô Tsutsumi khi đó là chủ tịch của tập đoàn Seibu - sở hữu rất nhiều thứ từ tàu lửa, khu resort nghỉ dưỡng, trung tâm mua sắm Seibu, đội bóng Seibu Lions và rất nhiều mảng kinh doanh khác.

Sự cố bong bóng bất động sản đổ vỡ vào những năm 1986 - 1991 khiến toàn bộ nền kinh tế Nhật lao dốc. Điều này đã khiến đế chế Seibu chao đảo. Tuy nhiên, còn một yếu tố khác khiến Seibu sụp đổ hoàn toàn.

Trong năm 2004, chính phủ Nhật Bản đã thiết lập những quy chuẩn kế toán và quản trị tập đoàn chặt chẽ. Tập đoàn Seibu đã rơi vào tầm ngắm và bị phanh phui rất nhiều sai phạm. Cuối cùng họ đã buộc phải hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tokyo.

Đây chính là những năm tháng tồi tệ nhất trong cuộc đời Yoshiaki Tsutsumi nói riêng và thanh danh của gia tộc Tsutsumi nói chung. Trong năm 2005, ông bị bắt vì cáo buộc giao dịch ngầm và làm giả giấy tờ. Hình phạt của ông là gần 50.000 USD và ngồi tù 4 năm.

Tuy nhiên, nỗi hổ thẹn của ông không phải là việc bị phạt và ngồi tù mà là mất đi đế chế Seibu. Khi Seibu gặp phải bê bối, Tsutsumi buộc phải rời khỏi vị trí ông đang nắm giữ trong tập đoàn.



Ngài Yasujiro Tsutsumi - Nhà sáng lập tập đoàn Seibu.

Bài 9

THẬP GIỚI, LUẬT CỦA TỰ DO VÀ TÌNH YÊU

I. "THƯA THẦY, TÔI PHẢI LÀM GÌ...?"

1. "Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?" Để trả lời cho người thanh niên, Đức Giêsu nêu lên sự cần thiết phải nhận biết Thiên Chúa như "Đấng tốt lành duy nhất", như sự thiện tuyệt hảo và như nguồn mạch của mọi điều thiện. Rồi Đức Giêsu tuyên bố: "Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn". Ngài liệt kê các điều răn về yêu người: "Ngươi không được giết người, ngươi không được ngoại tình, ngươi không được trộm cắp, ngươi không được làm chứng gian, ngươi phải thảo kính cha mẹ". Sau hết, Đức Giêsu tóm tắt các điều răn kể trên cách tích cực rằng: "Ngươi phải yêu đồng loại như yêu chính mình" (Mt 19,16-19).

2. Đức Giêsu còn thêm: "Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy về bán tài sản của anh mà bố thí cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời, rồi hãy đến theo tôi" (Mt 19,21). Câu trả lời này không hủy bỏ câu trả lời trước. Muốn đi theo Đức Giêsu, phải tuân giữ các điều răn. Luật cũ không bị bãi bỏ, nhưng chúng ta được mời gọi tìm thấy sự viên mãn của lề luật nơi con người của Thầy mình, Đấng chu toàn tuyệt hảo lề luật. Trong Tin Mừng Nhất Lãm, lời Đức Giêsu mời gọi thanh niên giàu có đi theo Người với lòng vâng phục của người môn đệ và tuân giữ các điều răn, còn được kết hợp với lời mời sống nghèo khó và khiết tịnh (Mt 19,6-12.21.23-29). Các lời khuyên Phúc Âm không thể tách khỏi các điều răn.

3. Đức Giêsu vẫn tôn trọng mười điều răn, nhưng cho thấy sức mạnh của Thánh Thần đang tác động nơi các điều răn ấy. Ngài đã rao giảng sự "công chính vượt trên sự công chính của các kinh sư và Pharisêu" (Mt 5,20), cũng như của dân ngoại (Mt 5,46-47). Ngài cho thấy tất cả những đòi hỏi của các điều răn. "Anh em đã nghe luật dạy người xưa rằng: Chớ giết người... còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình thì cũng đáng bị đưa ra tòa rồi" (Mt 5,21-22).

4. Khi được hỏi: "Điều răn nào là điều răn trọng nhất?" (Mt 22,36), Đức Giêsu đáp: "Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa ngươi hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn ngươi; đó là điều răn trọng nhất và là điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy là: Ngươi phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả luật Môsen và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy" (Mt 22,37-40). Thập Giới phải được giải thích dưới ánh sáng của điều răn mến Chúa yêu người, vì yêu thương là chu toàn lề luật.

II. THẬP GIỚI TRONG THÁNH KINH:

Từ Hi lạp "Dekalogos" trong Thánh Kinh có nghĩa là "Mười Lời", chúng ta quen gọi là Thập Giới (Xh 34,28). Thập Giới được Thiên Chúa mặc khải cho dân Người trên núi thánh. Mười lời này "tự ngón tay Người" đã viết (Xh 31,18), khác với các điều luật khác do Môsen viết. Thập Giới là Lời Chúa theo một nghĩa rất đặc biệt và được lưu truyền đến chúng ta trong sách Xuất Hành (Xh 20,1-17) và sách Đệ Nhị Luật (Đnl 5,6-22). Từ thời Cựu Ước, các Sách Thánh luôn quy chiếu về "Thập Giới" (ví dụ: Hs 4,2; Cn 7,9; Ed 18,5-9), nhưng ý nghĩa của chúng chỉ được mặc khải trọn vẹn trong thời Tân Ước, nơi Đức Giêsu.

1. Trước hết, Thập Giới phải được hiểu trong bối cảnh của cuộc Xuất Hành, biến cố giải phóng vĩ đại của Thiên Chúa ở trung tâm của giao ước cũ. Dù được viết dưới hình thức tiêu cực, cấm đoán hay dưới hình thức tích cực (như "hãy tôn kính cha mẹ"), "Thập Giới" đưa ra những điều kiện của một đời sống được giải thoát khỏi ách nô lệ tội lỗi. Thập Giới là con đường sống: "Phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, đi theo đường lối của Người, và tuân giữ các mệnh lệnh, thánh chỉ, quyết định của Người, để anh em được sống, được thêm đông đúc" (Đnl 30,16).

Chúng ta thấy rõ sức mạnh giải thoát của Thập Giới, thí dụ điều răn nghỉ ngày hưu lễ, áp dụng cho cả người ngoại kiều và nô lệ: "Ngươi hãy nhớ, ngươi đã làm nô lệ tại đất Ai Cập và Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa ngươi ra khỏi đó" (Đnl 5,15).

2. "Thập Giới" tóm tắt và công bố Luật của Thiên Chúa: "Những lời ấy Đức Chúa đã lớn tiếng phán với toàn thể đại hội anh em, trên núi từ trong đám lửa, giữa mây đen mù mịt. Người không thêm gì cả và viết những lời ấy trên hai bia đá rồi ban cho tôi" (Đnl 5,22). Vì thế, hai bia đá này được gọi là "Bia Chứng Ước" (Xh 25,16), vì ghi khắc các điều khoản của giao ước đã ký kết giữa Thiên Chúa và dân Người. Các "Bia Chứng Ước" (Xh 31,18; 32,15; 34,29) phải được đặt vào "Hòm Bia Chứng Ước".

3. "Thập Giới" được Thiên Chúa công bố trong một cuộc thần hiện ("Đức Chúa đã phán với anh em, mặt đối mặt, trên núi, từ trong đám lửa": Đnl 5,4). Qua Thập Giới, Thiên Chúa mặc khải về chính bản thân Ngài và về vinh quang của Ngài. Khi ban các điều răn, Thiên Chúa ban tặng chính mình và bày tỏ thánh ý Ngài. Khi cho con người biết thánh ý, Thiên Chúa mặc khải chính mình cho Dân Thánh.

Việc ban tặng các điều răn và lề luật là thành phần của giao ước do Thiên Chúa ký kết với những kẻ thuộc về Ngài. Theo sách Xuất Hành, "Thập Giới" được mặc khải giữa lúc đề nghị (Xh 19) lập giao ước và lúc ký kết giao ước (Xh 24), sau khi dân chúng đã cam kết "thi hành và tuân theo tất cả những gì Đức Chúa đã phán" (Xh 24,7). Thập Giới được truyền đạt trong tương quan với Giao Ước. ("Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, đã thiết lập giao ước với chúng ta tại núi Khorép": Đnl 5,2).

4. Các điều răn chỉ có ý nghĩa trọn vẹn trong Giao Ước. Theo Thánh Kinh, cách hành động theo luân lý của con người có được đầy đủ ý nghĩa của nó trong và nhờ Giao Ước. Điều thứ nhất của "Mười Lời" nhắc lại rằng chính Thiên Chúa đã yêu thương dân Ngài trước.

Các điều răn theo nghĩa hẹp chỉ giữ vai trò thứ yếu, chúng diễn tả những hệ luận của việc con người thuộc về Thiên Chúa như Giao Ước qui định. Đời sống luân lý là lời đáp cho khởi xướng đầy yêu thương của Thiên Chúa, đó là sự nhận biết, sự suy phục Thiên Chúa và thờ phượng tạ ơn. Đó là sự cộng tác vào dự định mà Thiên Chúa đang theo đuổi trong lịch sử.

III. THẬP GIỚI TRONG TRUYỀN THỐNG HỘI THÁNH:

Trung thành với Thánh Kinh và theo gương Đức Giêsu, truyền thống của Hội Thánh nhìn nhận Mười Điều Răn có tầm quan trọng và ý nghĩa hàng đầu. Mười điều răn là hiến pháp của dân Thiên Chúa, quy định các tương quan với Thiên Chúa và với nhau nhằm quy tụ và xây dựng một cộng đoàn dân Chúa quanh Giavê.

Đức Giêsu tuân giữ và củng cố mười điều răn: Người nối kết luật mến Chúa yêu người và đóng ấn giao ước giữa Thiên Chúa và con người bằng chính máu của Người.

1. Kitô hữu với mười điều răn:

♦ Có sự tiếp nối Giao ước: Hội thánh tiếp nối sứ mệnh và vai trò của Israel, Hội thánh là dân riêng, là dân thật của Thiên Chúa. Hội thánh giữ mười điều răn.

♦ Thiên Chúa đóng ấn tương quan giữa Thiên Chúa với con người và con người với nhau bằng máu của Con Ngài. Người Kitô hữu tuân giữ mười điều răn trong tâm tình con thảo theo tinh thần của Đức Kitô: không phải để nên công chính, nhưng để nên hoàn thiện như Cha trên trời.

♦ Hơn nữa, Kitô hữu phải dám sống đức ái hoàn hảo, dám hy sinh tài sản, bố thí cho người nghèo và theo Chúa Giêsu.

2. Mọi người phải tuân giữ Thập Giới:

Thập Giới nêu lên những bổn phận cơ bản của con người đối với Thiên Chúa và với tha nhân, nên tự bản chất là những nghĩa vụ quan trọng. Thập Giới bất biến và có giá trị cho mọi thời và mọi nơi. Không ai có thể chuẩn miễn Mười Điều Răn được Thiên Chúa ghi khắc trong tâm khảm con người.

Trách nhiệm tuân giữ Mười Điều Răn còn buộc ta giữ những nghĩa vụ theo chất thể tự nó là nhẹ. Chẳng hạn điều răn thứ năm ngăn cấm nhục mạ kẻ khác bằng lời nói; điều này có thể trở thành một tội nặng tùy hoàn cảnh và ý định của người nói.

3. "Không có Thầy, anh em không làm gì được":

Đức Giêsu nói: "Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai luôn kết hợp với Thầy và Thầy luôn kết hợp với người ấy, người ấy sinh hoa kết quả dồi dào, vì không có Thầy, anh em không làm

được gì" (Ga 15,5). Hoa quả ở đây là sự thánh thiện của một đời sống phong phú, nhờ kết hợp với Đức Kitô. Khi chúng ta tin vào Đức Giêsu Kitô, thông hiệp vào các mầu nhiệm của Người và giữ các điều răn của Người, Đấng Cứu Thế sẽ đích thân đến trong chúng ta để yêu thương Cha của Người và các anh em của Người cũng là Cha và anh em chúng ta. Nhờ Thánh Thần, chính Đức Giêsu trở thành qui luật nội tâm sống động cho mọi hoạt động của chúng ta. "Đây là điều răn của Thầy, anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 15,12).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Sao lại gọi thập giới là luật của tình yêu?

Gọi thập giới là luật của tình yêu vì 10 Điều Răn là kết quả của Giao Ước tình yêu giữa Thiên Chúa Giavê và dân riêng của Ngài. Với lòng tín nhiệm và biết ơn dân đã tự nguyện tuân giữ 10 Điều Răn mà tình yêu Thiên Chúa ban cho họ. Vì thế Mười Điều Răn được gọi là luật của tự do và tình yêu.

2. Mười điều răn là luật cựu ước, sao Hội thánh thuộc về Tân Ước lại tuân giữ?

Thập giới là luật của Cựu Ước nhưng là luật của tự do và tình yêu của cả phía Chúa và phía dân. Ngày nay Giáo Hội ở thời Tân Ước nhưng cũng thừa hưởng lời hứa và tình yêu mà Thiên Chúa đã dành cho dân riêng Ngài. Vì thế Giáo Hội vẫn trân trọng và đón nhận Thập giới như là của chính mình.

BỊ PHIẾN QUÂN THIÊU SỐNG, BÉ GÁI VẪN XIN MẸ "THA THỨ CHO IS"

Một bé gái 12 tuổi người Thiên Chúa giáo bị IS thiêu sống ngay trong chính căn nhà của mình vẫn cố dùng chút sức lực cuối cùng của mình trong lúc hấp hối để căn dặn người nhà tha thứ cho phiến quân.

Theo Independent, mẹ của cô bé cho biết lính thánh chiến IS đã kéo đến đốt nhà của họ ở Mosul, miền bắc Iraq do gia đình không kịp nộp một khoản thuế tôn giáo gọi là Jaziya.

Khoản thuế này được áp đặt lên tất cả những người không theo đạo Hồi sống ở các vùng do IS chiếm đóng và được tính dựa trên thu nhập ròng của họ. Người mẹ kể rằng, những tay súng IS đã kéo đến trước cửa nhà cô và nói cô có hai lựa chọn, hoặc là bị đuổi khỏi nhà, hoặc trả thuế Jaziya.

Theo nhà hoạt động nhân quyền Jacqueline Issac, người mẹ đã nói với các tay súng rằng cô sẽ trả thuế, nhưng xin chúng chờ một lúc vì con gái cô vẫn còn đang tắm trong nhà.

Tuy nhiên các tay súng này không thèm chờ và đã cầm đuốc đốt căn nhà ngay lập tức. Cả người mẹ và cô con gái đều thoát ra khỏi căn nhà đang cháy, nhưng cô bé đã tử vong sau đó vài giờ vì bị bỏng cấp độ 4.



© Được VietnamPlus cung cấp

Cô Issac cho biết: "Cô con gái đã bị bỏng cấp độ 4 và người mẹ đã làm mọi điều có thể để cứu cô bé. Cô ấy vội đưa con đến bệnh viện, nhưng cô bé đã chết trong vòng tay mẹ. Lời trăn trối cuối cùng của cô bé là: 'Hãy tha thứ cho họ'."

Tuần trước, Cha Martin Hermis Dawood, một mục sư trưởng ở Baghdad nhận định cộng đồng Thiên Chúa giáo ở Iraq sẽ biến mất trong vòng 5 năm nữa vì mối đe dọa từ IS. Cha Dawodd đã từng khuyên những con chiên thuộc giáo đoàn của mình, những người có ý định rời khỏi Iraq hãy mạnh mẽ hơn, nhưng trước sự lớn mạnh của IS, ông đã khuyên họ hãy ra đi.

Cha Dawood ước tính tổng số người Thiên Chúa Chaldean, dòng chính thống Syria và thành viên nhà thờ Assyria phía Đông ở Iraq đã giảm từ 1,3 triệu người cách đây 20 năm xuống còn 400.000 người hiện nay.

Cha Dawood chia sẻ "Chúng tôi đang bị mắc kẹt ở giữa. Báo chí đăng hình biếm họa nhà tiên tri Mohammed ở châu Âu, nhưng cộng đồng người Thiên Chúa ở đây bị tấn công. Chuyện gì xảy ra ở Bỉ hay Hà Lan, chúng tôi ở đây phải trả giá. Chúng tôi biết rõ không phải mọi người Hồi giáo là khủng bố, nhưng làn sóng này đang lên không chỉ ở Iraq mà là cả Trung Đông. Cả thế giới đang diễn ra một cuộc vật lộn, và chúng tôi sẽ bị thiêu cháy bởi ngọn lửa đó một ngày không xa".

Bài 10

TÔN THỜ THIÊN CHÚA

Đức Giêsu đã tóm tắt các bổn phận của con người đối với Thiên Chúa như sau: "Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn ngươi" (Mt 22,37; Lc 10,27). Đây là âm vang của lời hiệu triệu long trọng: "Nghe đây, hỡi Israel: Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất" (Đnl 6,4).

Thiên Chúa yêu thương chúng ta trước. Tình yêu của Thiên Chúa duy nhất được nhắc đến trong lời thứ nhất của "Mười Lời". Các điều răn sau đó giải thích câu trả lời của tình yêu mà con người được kêu gọi để đáp lại Thiên Chúa.

Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta. Ngươi không được tạo tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ. Ngươi không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ (Xh 20,2-5) (Đnl 5,6-9).

Đã có lời chép rằng: "Ngươi phải thờ lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi và phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi" (Mt 4,10).

I. "CHÍNH ĐỨC CHÚA, THIÊN CHÚA CỦA NGƯƠI, LÀ ĐẤNG NGƯỜI PHẢI PHỤNG THỜ; CHÍNH NGÀI LÀ ĐẤNG NGƯỜI PHẢI PHỤNG SỰ":

Thiên Chúa tự mặc khải bằng cách nhắc lại hành động đầy quyền năng, nhân hậu và giải thoát của Ngài trong lịch sử: "Ta đã đem ngươi ra khỏi Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ". Lời đầu tiên chứa đựng giới răn thứ nhất của Lề luật: "Chính Đức Chúa Thiên Chúa của anh em là Đấng anh em phải kính sợ, chính Ngài là Đấng anh em phải phụng thờ...Anh em không được theo các thần khác" (Đnl 6,13-14). Lời mời gọi đầu tiên và đòi hỏi chính đáng của Thiên Chúa là con người phải đón nhận và tôn thờ Ngài.

Thiên Chúa duy nhất và chân thật trước hết đã mặc khải vinh quang của Ngài cho Israel (Xh 19,16-25; 24,15-18). Ngài cũng

mặc khải ơn gọi và bản chất của con người gắn liền với mặc khải về Thiên Chúa. Con người được mời gọi làm chứng cho Thiên Chúa bằng cách sống xứng với bản chất là thụ tạo được dựng nên "theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa".

Điều răn thứ nhất bao gồm đức tin, đức cậy và đức mến. Khi nói đến Thiên Chúa là Đấng thường hằng, bất biến bất di bất dịch, chúng ta tuyên xưng Ngài trung tín và tuyệt đối công bình. Do đó, chúng ta phải đón nhận các lời của Ngài, hoàn toàn tin tưởng và trông cậy vào Ngài. Ngài là Đấng Toàn Năng, nhân từ và hằng giáng phúc thi ân. Ai lại không hy vọng vào Ngài? Và ai lại không yêu mến Ngài khi thấy Ngài yêu thương và trìu mến đổ tràn muôn ơn trên chúng ta? Do đó, trong Thánh Kinh, khi khởi đầu hay kết thúc các huấn lệnh, Thiên Chúa phán: "Ta là Đức Chúa" (x. Giáo lý Rôma 3, 2, 4).

1. Đức tin: Đời sống luân lý của chúng ta bắt nguồn trong lòng tin vào Thiên Chúa, Đấng mặc khải tình yêu của Người cho chúng ta. Thánh Phaolô nói đến "tin mà vâng phục Thiên Chúa" (Rm 1,5; 16,26) như là một nghĩa vụ hàng đầu. Theo thánh Phaolô, "không nhận biết Thiên Chúa" là nguyên nhân và lời giải thích cho mọi lệch lạc luân lý (x.Rm 1,18-32). Bổn phận của chúng ta đối với Thiên Chúa là tin vào Người và làm chứng về Người.

Điều răn thứ nhất buộc chúng ta nuôi dưỡng và giữ gìn đức tin cách cẩn trọng; đồng thời loại bỏ tất cả những gì nghịch cùng đức tin. Có nhiều tội nghịch cùng đức tin.

Cố tình hoài nghi trong lãnh vực đức tin là tội xem thường hay không nhìn nhận là chân thật những điều Thiên Chúa mặc khải và Hội Thánh dạy phải tin. Tội vô tình hoài nghi là do dự không tin, không cố gắng vượt qua những vấn nạn đức tin hay khủng hoảng trước bóng tối của đức tin. Nếu cố chấp, hoài nghi sẽ làm cho tâm trí nên mù quáng.

Vô tín là khinh thường chân lý mặc khải hay cố tình từ chối không tin. "Lạc giáo là khi người tín hữu đã chịu phép Rửa Tội lại ngoan cố phủ nhận hay nghi ngờ một chân lý phải tin nhận. Bội giáo là tội chối bỏ toàn bộ đức tin Kitô giáo. Ly giáo là từ chối tùng phục Đức Giáo Hoàng hay từ chối hiệp thông với các phần tử của Hội Thánh đang phục quyền ngài" (x.CIC Can 751).

2. Đức cậy: Khi Thiên Chúa tự mặc khải và kêu gọi con người, con người không thể đáp trả trọn vẹn tình yêu của Chúa bằng sức riêng mình. Họ phải trông cậy Chúa sẽ ban cho khả năng, để đáp trả tình yêu của Người và hành động cho phù hợp với các điều răn của đức mến. Cậy trông là hết lòng mong đợi được Thiên Chúa chúc phúc cho diện kiến Tôn Nhan Người. Cậy trông còn bao hàm thái độ sợ mất lòng Chúa và bị trừng phạt.

Điều răn thứ nhất cũng nhắm đến các tội nghịch cùng đức cậy, như ngã lòng và tự phụ:

Con người ngã lòng, khi không còn trông cậy Chúa sẽ ban cho mình ơn cứu độ, trợ giúp mình đạt ơn cứu độ hay tha thứ tội lỗi của mình. Điều này nghịch với Thiên Chúa là Đấng nhân từ, công bằng, bởi Chúa luôn trung thành với mọi lời Người hứa và giàu lòng thương xót.

Có hai loại tự phụ: quá tin vào sức riêng (tưởng mình có thể tự cứu rỗi mà không cần sự giúp đỡ của ơn trên); hoặc ỷ lại vào Thiên Chúa toàn năng và giàu lòng thương xót (tưởng mình sẽ được tha thứ mà không cần hối cải và được vinh quang mà không cần lập công).

3. Đức mến: Khi tin vào tình yêu Thiên Chúa, con người phải đáp trả tình yêu của Người bằng một tình yêu chân thành. Điều răn thứ nhất dạy chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, và yêu toàn thể thụ tạo vì Người và cho Người (Đnl 6,4-5).

Có nhiều tội nghịch với tình yêu Thiên Chúa. Lãnh đạm là tội xem thường hay không lưu tâm đến tình yêu Thiên Chúa, không biết đến bản chất và sức mạnh của tình yêu Thiên Chúa. Vong ân là tội quên lãng hay từ chối nhận biết tình yêu Thiên Chúa và đáp trả tình yêu Thiên Chúa bằng tình yêu của mình. Nguội lạnh là tội do dự, chểnh mảng trong việc đáp lại tình yêu của Thiên Chúa, hay từ chối dấn thân theo đức mến. Tội lười biếng trong việc thiêng liêng có thể đưa tới từ khước niềm vui Thiên Chúa ban và khinh chê mọi lợi ích thiêng liêng. Tội oán ghét Thiên Chúa là do kiêu ngạo, chống lại tình yêu của Người, cho rằng Người không tốt lành và chối từ Thiên Chúa vì Người cấm phạm tội và trừng trị bằng hình phạt.

II. "NGƯƠI PHẢI THỜ PHƯỢNG MỘT MÌNH NGÀI MÀ THÔI":

Các nhân đức đối thần: tin, cậy, mến, định hình và đem lại sức sống cho các đức tính luân lý. Đức mến đòi buộc chúng ta là thụ tạo phải cảm tạ ơn Thiên Chúa cho xứng đáng, vì đã mang ơn Người. Nhân đức thờ phượng giúp chúng ta sống tâm tình này.

1. Thờ lạy: Hành vi đầu tiên của nhân đức thờ phượng là thờ lạy Thiên Chúa, nghĩa là nhận biết Người là Thiên Chúa, là Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc, là Chúa và Thầy của mọi loài, là Tình Yêu vô biên và giàu lòng thương xót. Dựa vào sách Đệ Nhị Luật (Đnl 6,13), Đức Giêsu nói: "Ngươi phải bái lạy Đức Chúa, là Thiên Chúa của ngươi, và phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi" (Lc 4,8)

Thờ lạy Thiên Chúa là tôn kính và tuyệt đối quy phục Ngài vì nhận biết "tính hư vô của thụ tạo", nghĩa là thụ tạo không thể hiện hữu nếu không bởi Thiên Chúa. Thờ lạy Thiên Chúa là ca ngợi Ngài, như Đức Maria trong kinh Magnificat, là chúc tụng Ngài, hạ mình khiêm tốn tuyên xưng với lòng biết ơn rằng Thiên Chúa đã làm những việc trọng đại và Danh Ngài chí thánh (Lc 1,46-49). Việc thờ lạy Thiên Chúa duy nhất, giải thoát con người khỏi thái độ khép kín, khỏi ách nô lệ tội lỗi và khỏi tội thờ ngẫu tượng là trần gian.

2. Cầu nguyện: Các hành vi tin cậy mến, như điều răn thứ nhất truyền dạy, được chu toàn trong kinh nguyện. Nâng tâm hồn lên tới Thiên Chúa là cách diễn tả việc chúng ta thờ lạy Ngài: lời kinh ca ngợi và tạ ơn, lời kinh chuyển cầu và van xin. Cầu nguyện là điều kiện hết sức cần thiết để có thể tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa: "Phải cầu nguyện luôn, không được nản chí" (Lc 18,1).

3. Hy lễ: Là điều chính đáng việc dâng lên Thiên Chúa những hy lễ để tỏ lòng thờ lạy và tạ ơn, khẩn cầu và hiệp thông với Người. "Mọi công việc thực hiện để được gắn bó với Thiên Chúa trong sự hiệp thông thánh thiện và như vậy chúng ta có thể được hạnh phúc, đều là hy lễ đích thực".

Để có thể là hy lễ thật, Hy lễ bên ngoài phải là sự diễn tả tâm tình bên trong: "Tế phẩm dâng Ngài là tâm lòng tan nát khiêm cung..." (Tv 51,19). Các ngôn sứ thời Cựu Ước thường lên án

các lễ tế được thực hiện mà người dâng thiếu tâm tình bên trong (Am 5,21-25) hay không liên kết với tình thương đối với tha nhân (Is 1,10-20) Đức Giêsu nhắc lại lời của ngôn sứ Hôsê: "Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế" (x. Mt 9,13; 12,7; Hs 6,6). Chỉ có một lễ tế trọn hảo duy nhất là hy lễ Đức Kitô dâng trên Thập giá, bằng sự tận hiến cho tình yêu của Chúa Cha và để cứu độ chúng ta. Khi chúng ta kết hợp mình với hy lễ của Ngài, chúng ta có thể biến cuộc đời mình thành hy lễ dâng lên Thiên Chúa.

4. Các lời hứa và lời khấn: Trong nhiều hoàn cảnh, Kitô hữu được mời gọi để tuyên lời hứa với Thiên Chúa. Các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức, Hôn Phối và Truyền Chức Thánh luôn kèm theo những lời hứa. Do lòng đạo đức cá nhân, người Kitô hữu có thể hứa với Chúa thực hiện một hành vi, một kinh nguyện, việc bố thí, việc hành hương... Việc trung thành tuân giữ lời hứa với Chúa, chứng tỏ sự tôn trọng với uy linh Thiên Chúa và đối với tình yêu dâng lên Thiên Chúa hằng trung tín.

"Lời khấn là một lời hứa có suy nghĩ và tự do dâng lên Thiên Chúa, về một điều thiện khả thi và tốt hơn. Vì thuộc về đức thờ phượng, lời khấn buộc phải được chu toàn" (GL 1191,1). Lời khấn là một hành vi đạo đức, nhờ đó người tín hữu tự hiến cho Thiên Chúa hay hứa thực hiện một việc tốt dâng kính Người. Qua việc chu toàn lời khấn, họ dâng lên Thiên Chúa điều họ đã hứa và thánh hiến. Sách Công Vụ Tông Đồ cho thấy thánh Phaolô luôn lo lắng chu toàn điều đã khấn.

Hội Thánh công nhận giá trị gương mẫu của những lời khấn sống theo các lời khuyên Phúc âm. Trong một số trường hợp, Hội Thánh có thể miễn chuẩn những lời khấn và lời hứa, vì những lý do chính đáng.

III. BỔN PHẬN XÃ HỘI VỀ TÔN GIÁO VÀ QUYỀN TỰ DO TÔN GIÁO:

1. "Mọi người đều buộc phải đi tìm chân lý, đặc biệt là những gì liên quan tới Thiên Chúa và Hội Thánh của Người. Khi đã nhận ra chân lý, họ phải tiếp nhận và trung thành với chân lý ấy". Trách nhiệm này xuất phát từ "chính bản tính của con người", không ngăn cản chúng ta "chân thành tôn trọng" các tôn giáo khác "thường cũng mang lại những tia sáng của chân lý đang

chiếu soi cho mọi người"(NA 2). Trách nhiệm này cũng không mâu thuẫn với đức mến đòi hỏi các tín hữu "phải yêu thương, khôn ngoan, kiên nhẫn để tiếp xúc với những ai còn lầm lạc hay thiếu hiểu biết về vấn đề đức tin" (x.DH 14).

2. Cá nhân cũng như xã hội đều phải tôn thờ Thiên Chúa cách xứng hợp. Đây là "giáo lý truyền thống công giáo về trách nhiệm luân lý của con người và của xã hội đối với tôn giáo chân thực và Hội Thánh duy nhất của Đức Kitô". Người Kitô hữu có trách nhiệm xã hội là khơi dậy trong lòng mọi người tình yêu đối với chân lý và sự thiện, và phải trân trọng tình yêu đó. Trách nhiệm này buộc họ phải truyền bá việc tôn thờ của tôn giáo duy nhất và chân thực, đang thể hiện trong Hội Thánh công giáo và tông truyền (x.DH 1). Người Kitô hữu được mời gọi trở thành ánh sáng thế gian (x.AA 13). Nhờ đó, Hội Thánh minh chứng vương quyền của Đức Kitô trên vạn vật, đặc biệt là trên xã hội loài người (x.Lêô XIII; Piô XI).

"Trong vấn đề tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm mình, cũng như không bị ngăn trở, để hành động theo lương tâm cách riêng tư hay công khai, hoặc một mình hoặc chung với những người khác trong những giới hạn họ được phép. Quyền này căn cứ trên chính bản tính của nhân vị mà phẩm giá của họ cho họ được tự do để gắn bó với chân lý thần linh, một chân lý siêu việt trên trật tự trần thế. Do đó, quyền này vẫn tồn tại cả nơi những người không thực hiện nghĩa vụ tìm kiếm và gắn bó với chân lý" (DH 2).

"Nếu như, vì những hoàn cảnh đặc biệt, như trong một số dân tộc hiện nay, một tôn giáo nào đó được luật pháp nhà nước nhìn nhận, thì mọi người vẫn phải công nhận và tôn trọng quyền tự do tôn giáo của mọi công dân cũng như của những tập thể tôn giáo khác" (x.DH 6).

3. Quyền tự do tôn giáo không cho phép lương tâm con người được đi theo hay phổ biến điều sai lạc, nhưng đây là quyền tự nhiên của con người, quyền được tự do theo dân luật nghĩa là được chính quyền bảo vệ khỏi những áp lực bên ngoài, để thực thi tự do tôn giáo, trong giới hạn thích đáng. Quyền tự nhiên này phải được luật pháp xã hội tôn trọng, phải là một quyền công dân (x.DH 2).

4. Quyền tự do tôn giáo không phải là vô hạn, cũng không thể giới hạn hẹp do "trật tự công cộng" theo chủ nghĩa thực nghiệm hay tự nhiên. Chính quyền phải có một đường lối chính trị khôn ngoan để xác định những "giới hạn thích đáng" của quyền tự do tôn giáo cho mỗi hoàn cảnh xã hội, căn cứ vào những đòi hỏi của công ích. Những giới hạn này phải được chính quyền xác nhận "theo những quy tắc pháp lý phù hợp với trật tự luân lý khách quan" (DH 7).

IV. "NGƯƠI KHÔNG ĐƯỢC CÓ THẦN NÀO KHÁC ĐỐI NGHỊCH VỚI TA":

Điều răn thứ nhất cấm tôn thờ những thần khác ngoài Đức Chúa Độc Nhất đã tự mặc khải cho dân, cấm mê tín và vô tôn giáo. Có thể nói mê tín là một lòng đạo quá mức và sai trái. Vô tôn giáo là một thói xấu nghịch với nhân đức thờ phượng vì thiếu lòng đạo.

1. Mê tín là lệch lạc trong tâm tình tôn giáo và trong cách thể hiện tâm tình này. Mê tín cũng có thể xảy đến khi chúng ta thờ phượng Thiên Chúa chân thật; ví dụ như gán một ý nghĩa ma thuật cho một số thực hành vốn chính đáng hay cần thiết. Nếu cho rằng chỉ cần đọc các lời kinh hay làm các dấu chỉ bí tích là có hiệu quả, bất chấp những tâm tình phải có bên trong, người ta rơi vào mê tín (Mt 23,16-22).

2. Thờ ngẫu tượng. Điều răn thứ nhất lên án thuyết đa thần, buộc con người không được tin vào thần nào khác ngoài Thiên Chúa, không được tôn kính các thần linh nào khác ngoài Thiên Chúa duy nhất. Thánh Kinh luôn nhắc lại việc từ bỏ các ngẫu tượng "bằng vàng, bằng bạc, do tay người làm ra", "có miệng mà không nói được, có mắt mà không thấy được"... Các ngẫu tượng là hão huyền nên ai thờ ngẫu tượng sẽ trở thành hão huyền, kẻ làm ra hoặc tin ở tượng thần cũng giống như chúng vậy". Ngược lại, Thiên Chúa là "Đấng Hằng Sống", Đấng làm cho sống (x.Gs 3,10; Tv 42,3; ...) và can thiệp vào lịch sử.

Thờ ngẫu tượng không chỉ là sai lầm của dân ngoại, nhưng còn là một cám dỗ thường xuyên đối với tín hữu. Thờ ngẫu tượng là tôn thờ và kính bái một thụ tạo thay vì Thiên Chúa, cho dù đó là thần linh hay ma quỉ (ví dụ: giáo phái thờ Satan), quyền lực,

khoái lạc, chủng tộc, tổ tiên, nhà nước, bạc tiền v.v. Đức Giêsu dạy: "Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được" (Mt 6,24). Rất nhiều vị tử đạo đã chết vì không chịu thờ phượng "Con Thú" (x.Kh 13-14) dù chỉ giả vờ thôi. Ai thờ ngẫu tượng là mặc nhiên không nhìn nhận Thiên Chúa là Chúa Tể duy nhất, nên không thể thông hiệp với Thiên Chúa (x.Ga 5,20; Ep 5,5).

3. Bói toán và ma thuật. Thiên Chúa có thể cho các ngôn sứ hay các thánh nhân biết về tương lai. Tuy vậy, thái độ đúng đắn của Kitô hữu là phó thác hoàn toàn trong tay Chúa Quan Phòng những gì thuộc về tương lai và từ bỏ mọi thứ tò mò thiếu lành mạnh trong lãnh vực này, nhưng ai không tiên liệu là người thiếu trách nhiệm.

Phải loại bỏ mọi hình thức bói toán: cậy nhờ Satan hay ma quỉ, gọi hồn người chết hay những cách khác ngỡ rằng sẽ đoán được tương lai (x.Đnl 18,10; Gr 29,8). Coi tử vi, chiêm tinh, xem chỉ tay, giải điều mộng, xin xăm, bói toán quá khứ vị lai, đồng bóng, là những hình thức che giấu ước muốn có quyền trên thời gian, trên lịch sử và trên cả con người, cũng như ước muốn liên kết với các thế lực huyền bí. Điều này nghịch lại với lòng tôn kính và thần phục chỉ dành cho Thiên Chúa.

Ai muốn dùng ma thuật hay pháp thuật để chế ngự các thế lực huyền bí, bắt chúng phục vụ mình và nắm được quyền lực siêu phàm trên người khác dù là để chữa bệnh, cũng lỗi nặng nhân đức thờ phượng. Các việc nầy càng đáng lên án hơn nữa khi có dụng ý hại người, hay nhờ đến sự can thiệp của ma quỉ. Mang bùa cũng là điều đáng trách. Chiêu hồn thường đi kèm cả bói toán hay ma thuật. Hội Thánh cảnh giác các tín hữu phải xa lánh các điều ấy. Khi dùng các phương thuốc gia truyền, không được kêu cầu các thế lực ma quỉ cũng như lợi dụng sự nhẹ dạ của người khác.

V. NHỮNG TỘI NGHỊCH VỚI ĐỨC THỜ PHƯỢNG:

Điều răn thứ nhất kết án những tội nghịch với đức thờ phượng: thử thách Thiên Chúa bằng lời nói hay hành động; phạm thánh và mại thánh.

1. Thử thách Thiên Chúa là dùng lời nói hay hành động để thử lòng nhân hậu và quyền toàn năng của Thiên Chúa. Đây là điều Satan muốn Đức Giêsu làm, khi xúi giục Người gieo mình từ trên nóc Đền Thờ xuống và ép buộc Thiên Chúa can thiệp. Đức Giêsu dùng Lời Chúa đối lại: "Ngươi đừng thử thách Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi" (Đnl 6,16). Thách đố như vậy là xúc phạm đến Thiên Chúa là Đấng chúng ta phải cậy trông vì là Đấng Sáng Tạo và là Đức Chúa. Thử thách Thiên Chúa luôn ẩn chứa thái độ ngờ vực tình yêu thương, sự quan phòng và quyền năng của Thiên Chúa (1Cr 10,9; Xh 17,2-7; Tv 95,9).

2. Phạm thánh là xúc phạm hay cư xử bất xứng đối với các bí tích và các hành vi phụng vụ khác, cũng như đối với người, đồ vật và các nơi đã thánh hiến cho Thiên Chúa. Phạm thánh là tội nặng, đặc biệt khi phạm đến Thánh Thể, bởi vì trong bí tích nầy, chính Đức Kitô hiện diện thực sự. (GL 1367-1376).

3. Mại thánh (Cv 8,9-24) là mua hay bán những thực tại thiêng liêng. Khi phù thủy Simon muốn mua quyền năng Thánh Thần mà ông thấy đang hoạt động nơi các tông đồ, Phêrô đã trả lời: "Bạc của anh tiêu tan luôn với anh cho rồi, và anh tưởng có thể lấy tiền mà mua ân huệ của Thiên Chúa" (Cv 8,20). Như thế, vị tông đồ đã hành động phù hợp với lời Đức Giêsu: "Anh em đã được cho không, cũng hãy cho không" (Mt 10,8; Is 55,1). Không thể chiếm hữu những của cải thiêng liêng và sử dụng như chủ hay người có toàn quyền, bởi vì những điều ấy là do Thiên Chúa ban tặng nên con người chỉ có thể đón nhận như quà tặng nhưng không từ Thiên Chúa.

4. Chủ nghĩa vô thần: chỉ nhiều hiện tượng rất khác nhau. Hình thức thông thường là chủ nghĩa duy vật thực hành; chủ nghĩa này giới hạn nhu cầu và tham vọng của con người trong không gian và thời gian. Chủ nghĩa nhân bản vô thần nhận định sai lầm, khi coi "con người là chính cùng đích cho mình, là kẻ tạo nên và điều khiển lịch sử riêng mình" (GS 20,1). Một hình thức khác của chủ nghĩa vô thần hiện nay muốn giải phóng con người bằng một cuộc giải phóng kinh tế và xã hội; "hình thức vô thần này cho rằng tự bản chất tôn giáo ngăn cản sự giải phóng trên, vì khi gây cho con người niềm hy vọng hão huyền vào cuộc sống mai hậu, tôn giáo đã làm cho họ xao lãng việc xây dựng xã hội trần thế" (GS 20,2).

Chủ nghĩa vô thần là một tội nghịch nhân đức thờ phượng, vì từ chối hay phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa (Rm 1,18). Trách nhiệm tinh thần về lỗi nầy có thể giảm bớt nhiều ít, tùy ý định và hoàn cảnh mỗi người. "Người tín hữu có thể chịu phần trách nhiệm không phải là nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ che giấu hơn là bày tỏ chân dung đích thực của Thiên Chúa và tôn giáo" (x.GS 19,3).

5. Chủ nghĩa bất khả tri: có nhiều dạng thức. Trong một số trường hợp, người theo chủ nghĩa này không phủ nhận Thiên Chúa, nhưng tin có một Đấng siêu việt không tự mặc khải nên không ai nói được gì về Ngài. Trong những trường hợp khác, người theo chủ nghĩa này không đề cập đến Thiên Chúa, vì cho rằng không thể chứng minh, xác nhận hay phủ nhận về Ngài.

Đôi khi chủ nghĩa bất khả tri ẩn chứa một cố gắng tìm kiếm nào đó về Thiên Chúa, nhưng cũng có thể biểu hiện một thái độ thờ ơ, một cách trốn thoát trước vấn đề tối hậu của con người, và một sự lười biếng của lương tâm. Chủ nghĩa bất khả tri thường đồng nghĩa với chủ nghĩa vô thần thực hành.

VI. "NGƯƠI KHÔNG ĐƯỢC LÀM CHO MÌNH BẤT CỨ HÌNH TƯỢNG NÀO VỀ THIÊN CHÚA...":

1. Mệnh lệnh của Thiên Chúa cấm mọi hình thức tạc tượng vẽ hình Thiên Chúa. Sách Đệ Nhị Luật giải thích: "Anh em đã không thấy hình bóng nào, ngày Đức Chúa phán với anh em tại núi Khorép từ trong đám lửa, vì thế đừng có ra hư hỏng mà làm cho mình một tượng mang hình ảnh bất cứ cái gì..." (Đnl 4,15-16). Chính Thiên Chúa tuyệt đối siêu phàm đã tự mặc khải cho Israel. "Người là mọi sự" nhưng đồng thời, "vượt trên tất cả các công trình Người làm" (Hc 43,27-28). Người là "nguồn mạch mọi vẻ đẹp" (Kn 13,3).

Tuy nhiên, từ thời Cựu Ước, Thiên Chúa đã truyền lệnh hay cho phép làm những hình tượng biểu trưng ơn cứu độ nhờ Ngôi Lời nhập thể: ví dụ con rắn đồng (Ds 21,4-9, Kn 16,5-14, Ga 3,14-15), khám giao ước và các Kêrubim (Xh 25,10-22; 1V 6,23-28; 7,23-26).

2. Dựa vào mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể mà Công Đồng chung thứ bảy, ở Nicêa (năm 787), đã biện minh cho việc tôn kính ảnh tượng thánh, như ảnh tượng Đức Kitô, Mẹ Thiên Chúa, các thiên thần và tất cả các thánh, để chống lại chủ trương bài ảnh tượng. Khi nhập thể, Con Thiên Chúa đã mở ra một "kế hoạch" mới cho ảnh tượng.

Việc các Kitô hữu tôn kính ảnh tượng, không nghịch lại điều răn thứ nhất cấm thờ ngẫu tượng. Thực vậy, "khi tôn kính một ảnh tượng, chúng ta hướng tâm hồn lên đến nguyên ảnh" và "tôn kính một ảnh tượng là tôn kính chính Đấng được miêu tả". Đối với ảnh tượng thánh, chúng ta 'chỉ tôn kính' chứ không thờ phượng như Thiên Chúa.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Chúa Giêsu làm gương cho ta như thế nào trong việc tôn thờ Thiên Chúa?

Chúa Giêsu là tấm gương sáng cho chúng ta trong việc tôn thờ Thiên Chúa. Người kết hiệp với Chúa Cha trong suốt cuộc đời. Người luôn luôn lấy ý Chúa Cha làm ý mình: "Của ăn của ta là làm theo ý Đấng đã sai ta". Suốt cuộc đời Người đã vâng phục ý Cha cho đến chết. Tuy nhiên Chúa Giêsu cũng mang bản tính con người. Nghĩ tới cuộc khổ nạn Người cũng sợ hãi, toát mồ hôi máu trong vườn cây Dầu.... Nhưng Người đã cương quyết đón nhận ý Cha: "Lạy Cha, nếu được xin cho con khỏi uống chén này. Nhưng đừng theo ý con, mà xin vâng theo ý Cha".

2. Tội phạm đến đức thờ phượng là những tội mào? Tại sao lại phạm đến đức thờ phượng?

Tội phạm đén đức thờ phượng là tội thất vọng và tự phụ.

♦ Thất vọng:

Người thất vọng phản bội Thiên Chúa tốt lành. Thí dụ: Tội ta lớn quá, hoặc ta phạm nhiều tội ác quá Thiên Chúa không thể tha thứ, từ đó trở nên mặc cảm tự ti, chán nản, buông xuôi cuộc đời, ngày càng lấn sâu, ở lì trong tội và lôi cuốn những người khác sa ngã, lập bè đảng, tệ hơn nữa là tin vào tội lỗi và những yếu đuối của mình dấn sâu vào cuộc sống ngược chiều với lời dạy của Chúa. Phải nhớ rằng, tội ta tuy lớn nhưng lòng thương xót của Chúa còn lớn hơn, con người ta tuy yếu đuối nhưng ân

sủng Chúa lớn lao hơn. Ngài luôn sẵn sàng tha thứ nếu ta thật lòng ăn năn quay trở về với Ngài, sẵn sàng ban ơn giúp ta làm lại cuộc đời.

♦ Tự phụ:

Có 2 lối tự phụ là tự mãn về khả năng và ỷ lại vào lòng thương xót Chúa.

Tự mãn về khả năng: Những khả năng Thiên Chúa ban cho như thông minh, sắc đẹp, địa vị, sức khoẻ, giàu sang….. mà không chấp nhận đó là hồng ân của Chúa ban cho. Tự cho mình là tài giỏi, giàu có, quyền lực dẫn đến kiêu ngạo không cần Thiên Chúa, xem thường những người xung quanh. Phải biết khiêm tốn nhìn nhận: "Không có Thiên Chúa chúng con không làm được gì". Chúa trao cho bạn 2, 5, 10 nén thì sau này bạn sẽ phải trả lời với Chúa về những gì mình đã lãnh nhận.

Ỷ lại vào lòng thương xót của Thiên Chúa: Biết làm điều xấu, trái ngược với lề luật của Thiên Chúa là xúc phạm đến Ngài như: ăn trộm, làm chứng gian, vu khống, giết người… là có tội nhưng vị lợi lộc người ta cứ phạm rồi nghĩ rằng đi xưng tội Chúa sẽ tha hết, như thế là không đúng, là lợi dụng tình yêu của Thiên Chúa. Có ơn Chúa giúp nhưng phải có sự cộng tác của chúng ta. Ơn Chúa bao la nhưng đón nhận được hồng ân của Ngài là do sự cộng tác của con người: "Không phải cứ kêu Lạy Chúa, Lạy Chúa là được vào Nước Trời".

NHỮNG NGƯỜI THÁCH THỨC THIÊN CHÚA ĐÃ ĐƯỢC HỒI ĐÁP

1 - **John Lennon**, ca sĩ của ban nhạc The Beatles, Anh quốc. Trong lúc được tạp chí American Magazine phỏng vấn, John Lennon nói: "Thiên Chúa Giáo sẽ không còn, sẽ biến mất. Tôi không có gì phải tranh cãi về điều đó. Tôi chắc chắn như thế. Ông Giêsu thì được, nhưng những kẻ theo Ông thì quá ngây ngô (ý muốn nói là bị Ông Giêsu lừa gạt). Ngày nay, chúng tôi, ban nhạc The Beatles nổi tiếng hơn Ông Giêsu." (1966). Sau khi John Lennon tuyên bố lời trên đây, hắn bị bắn sáu lần. Không biết sau khi bị bắn sáu lần, John Lennon có ăn năn hay không? Nhưng mọi người đã biết 'The Beatles' đã chết.

2 - **Tancredo Neves**, người Ba tây (Brazil). Trong lúc vận động tranh cử tổng thống, hắn tuyên bố: "Nếu tôi có được 500,000 người trong đảng bầu cho, thì thách thức cả Thượng Đế cũng không thể đẩy tôi ra khỏi chức vụ tổng thống." Tancredo Neves được số phiếu hắn muốn, nhưng một ngày trước ngày nhận chức tổng thống, hắn lăn ra chết mà không ai biết lý do tại sao.

3 - **Cazuza**, viết nhạc, ca sĩ, nhà thơ. Trong một buổi trình diễn ở Canecio (Rio de Janeiro), lúc hút thuốc lá, hắn thổi khói thuốc vào không khí và nói: "Thượng Đế, phần đó cho ngươi." Hắn bị bịnh liệt kháng (Aids), chết ở tuổi 32, trong tình trạng cực kỳ đau đớn và rên siết mãi mới chết được.

4 - Một nhà báo hỏi người thiết lập chiếc **tàu Titanic**, về sự an toàn của chiếc tàu, thì kẻ thiết lập chiếc tàu, nói: "Thách thức cả Thượng Đế cũng không thể đánh chìm được nó." Kết quả ra sao, mọi người đã biết.

5 - **Marilyn Monroe**, diễn viên điện ảnh. Trong một xuất trình diễn, được Billy Graham đến thăm. Bill Graham nói: Chúa Thánh Thần sai ông đến để nói với cô. Nghe xong, Marilyn Monroe, nói: "Tôi không cần Giêsu của ông". Một tuần sau, người ta thấy xác Marilyn chết cô đơn trong một chung cư.

6 - **Bon Scott**, ca sĩ của ban nhạc AC/DC. Một bản nhạc hắn ca vào năm 1979, có câu: "Đừng ngăn cản tôi. Tôi đang đi xuống tận cùng; xuống con đường cao tốc đến hỏa ngục." Ngày 19/2/1980, Bon Scott chết vì nghẹt thở, do cơn ói mửa của hắn.

7 - Năm 2005, thành phố Campinas, Ba tây (Brazil), có một nhóm bạn lái xe đến đón một cô bạn của họ... Người mẹ cùng đi với cô con gái đến chiếc xe. Người mẹ lo lắng khi thấy bạn của con gái bà say rượu. Bà nắm tay đứa con gái, lúc đó đã ngồi vào xe: "Con gái của mẹ. Con hãy xin Chúa cùng đi với con và xin Ngài che chở con." Đứa con gái trả lời: "Ông Ta có đi thì vào cốp xe, trong xe không còn chỗ cho Ông ta." Ít giờ sau, tin tức cho biết chiếc xe bị tai nạn, không người nào sống sót. Chiếc xe bị hư hại đến độ, không ai có thể nhận biết đó là xe loại gì, nhưng có một điều làm cho những người cảnh sát hết sức ngạc nhiên, là cốp xe không bị hư hỏng; theo họ, điều đó không thể xảy ra trong một tai nạn khủng khiếp như thế; và có một điều làm cho mọi người càng ngỡ ngàng hơn, là trong cốp xe có một hộp trứng, nhưng không một quả trứng nào bị vỡ.

8 - **Christine Hewitt** (người Jamaica), là nhà báo và hoạt náo viên. Cô nói: "Thánh Kinh là quyển sách tồi tệ nhất thế giới đã được viết." Tháng sáu năm 2006, cô bị cháy rụi trong khi cô lái chiếc xe của cô.

9 - Năm 1954, sau khi chiếm Miền Bắc, một toán công an Cộng sản vào nhà dòng kín Bùi Chu lục soát. Khi đến Nhà Nguyện, lúc các nữ tu chầu Mình Thánh, một tên công an lớn tiếng la lối: "Chúa của các ngươi ở đâu?" Nữ tu chỉ Nhà Tạm trên bàn thờ, tên công an này lấy súng mang trên người nhắm Nhà Tạm, bắn, làm chén thánh và Mình Thánh Chúa đổ ra vương vãi. Bắn xong, hắn vẫn đứng yên, chỉa súng vào Nhà Tạm như muốn bắn tiếp. Các nữ tu vô cùng đau lòng vì Mình Thánh Chúa bị xúc phạm, nên quỳ xuống, van xin anh đừng bắn nữa; nhưng khi chạm đến anh, mới biết linh hồn anh lìa xác từ lúc nào rồi.

10 - Năm 1963, sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị một số tướng tá phản bội lật đổ, một số người bên lương tràn vào tòa Tỉnh trưởng Thừa Thiên, Huế, đập phá "tàn tích gia đình trị". Khi thấy bức tượng Thánh Gioan Tẩy Giả, Quan Thầy của Tổng Thống Diệm, một thanh niên trèo lên vác búa đập vỡ mặt mũi bức tượng, nhưng hắn bị trật chân ngã xuống và chết ngay lập tức. Sự kiện này xảy ra trước mắt nhiều người chứng kiến.

11 - **Voltaire** là kẻ chống Thiên Chúa và đánh phá Hội Thánh Công Giáo rất quyết liệt. Không một lời gian dối và vu oan nào mà ông không làm. Ông chiêu tập một nhóm lấy tên là "Beelzebub" (tên của tướng quỷ). Năm 1753 ông đã lên án Thiên Chúa: "20 năm nữa Thiên Chúa về hưu, vì không còn ai phục vụ Ngài." 20 năm sau, năm 1773, Voltaire tắt thở trong cái chết thê thảm. Ông thấy những hình ảnh làm ông run sợ, ông hét lên: "Một bàn tay đang kéo tôi đến với Thiên Chúa...Quỷ bắt tôi... Tôi trông thấy hỏa ngục." Ông tru tréo như thú vật hung dữ. Ông lấy móng tay cấu xé thịt mình ra từng miếng. Một bà già thường giúp người hấp hối; sau khi chứng kiến cái chết của Voltaire, đã nói: "Khi ấy tôi ở gần giường của Voltaire đang hấp hối, tôi không muốn nhìn thấy một người vô đạo chết nữa." Một người khác cũng chứng kiến cái chết của Voltaire, nói: "Nếu quỷ có thể chết được, cũng không chết dữ như Voltaire."

Bài 11

KÊU CẦU THIÊN CHÚA

Ngươi không được kêu tên Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi mà làm điều bất xứng (Xh 20,7; Đnl 5,11).

"Anh em còn nghe luật dạy người xưa rằng: "Ngươi chớ bội thề... còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết, đừng thề chi cả" (Mt 5,33-34).

I. DANH THIÊN CHÚA LÀ THÁNH:

Điều răn thứ hai dạy phải tôn kính danh Thiên Chúa. Cũng như điều răn trước, điều răn này thuộc về nhân đức thờ phượng và đặc biệt quy định việc sử dụng ngôn từ để diễn đạt các sự thánh.

1. Trong các lời mặc khải, lời mặc khải về Danh Thiên Chúa chiếm vị trí hàng đầu. Thiên Chúa bày tỏ Danh Ngài cho những kẻ tin, mặc khải cho họ chính mầu nhiệm bản thân Ngài. Điều này cho thấy Thiên Chúa tín nhiệm và thân thiết với con người. "Danh của Thiên Chúa là Thánh", nên con người không được lạm dụng. Họ phải ghi nhớ Danh Thánh ấy trong kính cẩn tôn thờ và yêu mến (Dcr 2,17). Chỉ được kêu cầu Danh Thánh để chúc tụng, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa mà thôi (Tv 29,2).

Tôn kính Danh Thiên Chúa là tôn kính chính Thiên Chúa và mọi thực tại thánh. Cảm thức về sự thánh thiêng thuộc nhân đức thờ phượng:

2. Người tín hữu phải làm chứng cho Danh Thiên Chúa, bằng cách can đảm tuyên xưng đức tin (x.Mt 10,32; 1Tm 6,12). Việc rao giảng và huấn giáo phải được thực hiện trong tinh thần thờ phượng và tôn kính đối với Thánh Danh Đức Giêsu, Chúa chúng ta.

Điều răn thứ hai cấm lạm dụng Danh Thiên Chúa, nghĩa là sử dụng bất xứng đối với danh của Thiên Chúa, của Đức Giêsu Kitô, Đức Trinh Nữ Maria và các thánh.

Những lời hứa với tha nhân nhân danh Thiên Chúa, đều liên hệ đến danh dự, sự trung thành, sự chân thật và uy quyền của Thiên Chúa, nên phải được tôn trọng theo lẽ công bình. Thất hứa là lạm dụng danh Thiên Chúa, và biến Thiên Chúa thành kẻ nói dối (1Ga 1,10).

3. Lộng ngôn vi phạm trực tiếp điều răn thứ hai. Lộng ngôn là xúc phạm đến Thiên Chúa trong lòng hay ngoài miệng bằng những lời hận thù, than trách, thách thức; là nói xấu Thiên Chúa, bất kính trong lời nói, và lạm dụng Danh Thánh Thiên Chúa. Thánh Giacôbê khiển trách những kẻ nói xúc phạm đến Danh Thánh cao đẹp "của Chúa Giêsu" đã được kêu khấn trên họ (Gc 2,7). Luật cấm nói lộng ngôn, cũng cấm nói phạm đến Hội Thánh Chúa Kitô, các thánh và những sự thánh. Người ta cũng phạm tội lộng ngôn khi lạm dụng danh Thiên Chúa để che đậy những hành vi tội ác, để bắt các dân tộc làm nô lệ, để tra tấn hoặc giết người. Lạm dụng danh Thiên Chúa để phạm tội ác là gây cớ cho người ta ghét đạo.

Lộng ngôn nghịch lại với bổn phận tôn trọng Thiên Chúa và Danh thánh Ngài. Lộng ngôn là một tội trọng.

4. Kêu tên Chúa vô cớ, dù không có ý xúc phạm cũng là thiếu tôn kính Thiên Chúa. Điều răn thứ hai cấm sử dụng Danh Thiên Chúa vào việc ma thuật.

Danh Thiên Chúa thật cao cả, khi được kêu cầu cách tôn kính, xứng với sự vĩ đại và uy nghi của Ngài. Danh Thiên Chúa là thánh, khi được kêu cầu với lòng tôn kính và sợ xúc phạm tới Ngài (T.Augustinô)

II. LẠM DỤNG DANH THIÊN CHÚA:

1. Điều răn thứ hai cấm thề gian. Thề là lấy Chúa làm chứng cho điều mình xác quyết, là kêu cầu Thiên Chúa chân thật để bảo đảm mình nói thật. Lời thề là lời cam kết nhân danh Thiên Chúa "Chính Thiên Chúa là Đấng anh em phải kính sợ, là Đấng anh em phải phụng thờ; anh em sẽ nhân danh Ngài mà thề" (x.Đnl 6,13).

Người tín hữu có bổn phận phải bài trừ thói thề gian. Vì Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo và là Đức Chúa, nên Ngài là mẫu mực mọi sự chân thật. Lời nói của con người có thể phù hợp hay trái nghịch với Thiên Chúa là chính Sự Thật. Lời thề chân thật và chính đáng cho thấy lời nói con người phù hợp với chân lý của Thiên Chúa. Thề gian là kêu cầu Thiên Chúa làm chứng cho một lời nói dối.

2. Bội thề là thề hứa một điều gì, nhưng không có ý giữ hay không giữ lời thề. Người bội thề thiếu lòng tôn kính nghiêm trọng đối với Thiên Chúa, họ làm một việc xấu là phạm đến thánh danh Thiên Chúa.

Theo gương thánh Phaolô (2Cr 1,23; Ga 1,20), truyền thống Hội Thánh vẫn hiểu lời của Đức Giêsu là không cấm thề nếu có lý do nghiêm trọng và chính đáng (ví dụ trước tòa án) "Lời thề là kêu cầu đến danh Thiên Chúa để làm chứng cho sự thật, nên chỉ được thề khi nói sự thật, có suy xét và theo công lý" (GL 1199,1).

3. Sự thánh thiện của Danh Thánh, đòi buộc không được nại Danh đó mà làm những việc phù phiếm và không được thề trong những hoàn cảnh có thể bị cắt nghĩa là đồng tình với quyền lực đòi buộc thề cách bất công. Khi bị chính quyền bất hợp pháp buộc phải thề, có quyền từ chối. Phải từ chối, khi được yêu cầu thề vì những mục đích nghịch với nhân phẩm hay nghịch với sự hiệp thông trong Hội Thánh.

III. DANH HIỆU KITÔ HỮU (Tên Thánh):

1. Chúng ta nhận bí tích Thánh Tẩy "nhân danh Cha và Con và Thánh Thần" (Mt 28,19). Trong phép Rửa, danh Thiên Chúa thánh hóa con người và Kitô hữu nhận được một tên riêng trong Hội Thánh. Tên này có thể là tên của một vị thánh, nghĩa là của một môn đệ đã sống đời trung thành mẫu mực với Chúa. Vị thánh bổn mạng nêu gương sống đức mến và luôn chuyển cầu cho ta. "Tên thánh" cũng có thể nêu lên một mầu nhiệm Kitô giáo hay một nhân đức. "Cha mẹ, người đỡ đầu và cha xứ cần lưu tâm đừng đặt tên không phù hợp với ý nghĩa Kitô giáo" (GL 855).

2. Người Kitô hữu khi thức dậy, khi bắt đầu kinh nguyện và việc làm, đều làm dấu Thánh Giá "Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen". Người tín hữu dâng trọn vẹn ngày sống để tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu Đấng Cứu Thế ban ân sủng giúp họ hành động trong Thánh Thần như con thảo của Chúa Cha. Dấu Thánh Giá giúp ta mạnh sức, để vượt qua các cơn cám dỗ và những lúc khó khăn.

3. Thiên Chúa gọi từng người bằng chính tên của họ (Is 43,1; Ga 10,3). Tên của mỗi người là thánh thiêng. Tên là người, nên phải được tôn trọng như dấu chỉ nhân phẩm của người mang tên đó.

Mỗi người sẽ mang tên của mình mãi mãi. Chỉ trong Nước Trời, tính độc đáo và huyền nhiệm của những ai đã được ghi dấu bằng Danh Thiên Chúa mới được bộc lộ trọn vẹn trong ánh sáng "Ai chiến thắng ... Ta sẽ ban cho một viên sỏi trắng, trên đó có khắc một tên mới mà chẳng ai biết được, ngoài người lãnh nhận nó" (Kh 2,17).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Thiên chúa đã được biết đến dưới những danh hiệu nào?

Theo quan điểm Israel, Danh Thiên Chúa do Ngài mặc khải là "Giavê", "Đức Chúa", nhưng vì kính trọng danh Chúa nên người Israel dùng nhiều danh hiệu khác để thay thế như: Đấng Tự Hữu, Đấng Hằng Có, Đấng Độc Nhất, Chúa Vũ Trụ, Chủ nhân loại, Chủ Lịch Sử.....

2. Bạn hiểu thề là gì? Hội thánh cho phép thề trong những trường hợp nào?

Thề là lấy danh Chúa hay một ai đó có đầy đủ thẩm quyền hoặc lòng tin để làm chứng cho lời nói hay lời cam kết của mình. Thiên Chúa không ngại làm chứng cho lời thề nhưng ai đã nại đến danh Chúa làm chứng thì phải giữ, vì chỉ có Chúa mới giải được lời thề. Chính Chúa Giêsu dạy. "Đừng nên thề!"

Nhưng trong một số trường hợp quan trọng Hội Thánh cho phép thề, đó là 3 trường hợp:

+ Hôn nhân: 2 người trao nhẫn và thề hứa.
+ Khấn hứa: lời khấn của các tu sĩ.
+ Toà án: đặt tay lên Sách Thánh thề sẽ trung thực.

MC XINH ĐẸP ĐỔI MẠNG SỐNG ĐỂ GIỮ THAI NHI



Sau khi em bé ra đời khỏe mạnh được 100 ngày, cô đã không còn trên cõi đời nữa.

Người mẹ trẻ này tên là Khưu Viên Viên, sinh năm 1988 tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Năm 2010, sau khi lấy chồng, Viên Viên theo chồng đến Trịnh Châu để làm MC tại một đài truyền hình.

"Cô ấy là một nhân viên đầy tham vọng và có lương tâm", "Làm việc 14 giờ mỗi ngày là điều bình thường đối với cô ấy và Viên Viên không bao giờ phàn nàn về điều đó", đồng nghiệp của Viên Viên chia sẻ.

Người mẹ 26 tuổi này phát hiện cô mang thai vào tháng 3 nhưng vào tháng 7, Viên Viên chẩn đoán bị mắc ung thư. Cô quyết định từ bỏ phương pháp điều trị bằng hóa chất để bảo vệ con mình. Do đó, các tế bào ung thư bắt đầu lan nhanh khắp cơ thể của người mẹ trẻ.

"Cô ấy biết không điều gì có thể hoàn hảo nhưng cô ấy nói sẽ không hối tiếc về những gì cô đã lựa chọn" - chồng của Viên Viên đau khổ thuật lại.

Vào tháng 9, Viên Viên không thể chống chọi lại những cơn đau nên phải vào viện để điều trị. Cô đã trải qua hai cuộc phẫu thuật để loại bỏ các khối u. Tuy nhiên, sau 20 ngày điều trị, các bác sĩ nói với gia đình cô rằng, căn bệnh ung thư của cô đã lan quá nhanh và không thể kiểm soát, cô cũng không còn nhiều thời gian. Và sau đó, Viên Viên đã lựa chọn trở về Trịnh Châu với gia đình mình.

Viên Viên đã qua đời vào ngày 10/12 vừa qua, khi gia đình cô đang bận rộn chuẩn bị một bữa ăn tối để mừng con trai cô 100 ngày tuổi. Đám tang của người mẹ trẻ dũng cảm và giàu đức hi sinh đã được tổ chức ngày hôm qua (12/12) tại một nhà tang lễ ở Trịnh Châu thu hút sự chú ý của đông đảo dư luận. Nhiều người đã đến chia buồn cùng gia đình và cầu nguyện cho linh hồn của Viên Viên sớm lên thiên đường

Thông tin và hình ảnh về câu chuyện cảm động tình mẫu tử của Viên Viên được cư dân mạng Trung Quốc truyền tay nhau một cách nhanh chóng. Nhiều người đã thể hiện sự tôn trọng của họ đối với người mẹ trẻ có tình yêu vô điều kiện đối với đứa con của mình thông qua những dòng bình luận.

"Cô ấy là một nữ thần và người mẹ tuyệt vời. Hãy yên nghỉ nhé!" - một cư dân mạng bình luận.

Theo **Lê Nguyên** *(Dân Việt)*

Bài 12

NGÀY CHÚA NHẬT

"Ngươi hãy nhớ ngày sabát, mà coi đó là ngày thánh. Trong sáu ngày, ngươi sẽ lao động và làm mọi công việc của ngươi. Còn ngày thứ bảy là ngày sabát kính Đức Chúa, Thiên Chúa ngươi. Ngày đó, ngươi không được làm công việc nào" (Xh 20,8-10) (Đnl 5,12-15).

"Ngày sabát được làm ra vì con người chứ không phải con người vì ngày sabát". Bởi đó, Con Người làm chủ luôn cả ngày sabát (Mc 2,27-28).

I. NGÀY SABÁT:

Điều răn thứ ba của Thập Giới nhấn mạnh việc thánh hóa ngày sabát. "Ngày thứ bảy là ngày sabát, một ngày nghỉ hoàn toàn để dâng cho Đức Chúa" (Xh 31,15).

1. Về ngày Sabát, Thánh Kinh gợi cho Dân Chúa tưởng nhớ công trình sáng tạo. "Vì trong sáu ngày, Đức Chúa đã dựng nên trời đất, biển khơi và muôn loài trong đó, nhưng Người đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy Đức Chúa đã chúc phúc cho ngày sabát và coi đó là ngày thánh" (Xh 20,11).

Trong ngày của Đức Chúa, Thánh Kinh còn giúp Dân Chúa tưởng nhớ biến cố giải phóng Israel khỏi ách nô lệ Ai Cập. "Ngươi hãy nhớ ngươi đã làm nô lệ tại đất Ai Cập và Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa ngươi ra khỏi. Bởi vậy Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi đã truyền cho ngươi cử hành ngày sabát" (Đnl 5,15).

2. Thiên Chúa ban cho Israel ngày sabát, để họ tuân giữ như một dấu chỉ giao ước vững bền (Xh 31,16). Ngày sabát được hiến dâng cho Thiên Chúa, là ngày thánh dành để chúc tụng Thiên Chúa, ca ngợi công trình sáng tạo và những kỳ công Người đã thực hiện để cứu Israel.

Hành động của Thiên Chúa là mẫu mực cho đời sống con người. "Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã ngưng các việc và nghỉ ngơi" (Xh 31,17), thì con người cũng phải "ngưng làm việc" để những người khác, nhất là kẻ nghèo "lấy lại sức" (Xh 23,12).

Ngày Sabát ngắt quãng các công việc hằng ngày và cho tạm nghỉ ngơi. Ngày sabát phản kháng khía cạnh nô lệ của công ăn việc làm và thái độ tôn thờ tiền bạc (2Sb 36,21).

3. Tin Mừng ghi lại nhiều lần Đức Giêsu bị tố cáo đã phạm luật ngày sabát, nhưng chưa bao giờ Người lỗi phạm sự thánh thiện của ngày này (Mc 1,21; Ga 9,16).

Người dùng uy quyền đưa ra ý nghĩa đích thực của ngày này: "Ngày sabát được lập ra vì loài người chứ không phải loài người vì ngày sabát" (Mc 2,27). Đức Kitô tuyên phán "Ngày sabát phải làm điều lành hơn là làm điều dữ, cứu sống hơn là giết chết" (Mc 3,4). Ngày sabát là ngày của Đức Chúa giàu lòng thương xót và là ngày tôn vinh Thiên Chúa (x.Mt 12,5; Ga 7,23). "Con người làm chủ luôn cả ngày sabát" (Mc 2,28).

II. NGÀY CỦA CHÚA:

Này là ngày Thiên Chúa đã làm, ta hãy reo vui mừng rỡ (Tv 118,24).

1. Ngày Phục Sinh: công trình sáng tạo mới.

Chúa Giêsu đã sống lại từ trong kẻ chết vào "ngày thứ nhất trong tuần", ngày phục sinh của Đức Kitô. Vì là "ngày thứ nhất" nên nhắc đến cuộc sáng tạo đầu tiên; vì là "ngày thứ tám" liền sau ngày Sabát (Mc 16,1; Mt 28,1), nên mang ý nghĩa một công trình sáng tạo mới đã được khai mở với biến cố Đức Kitô phục sinh. Đối với các Kitô hữu, đây là ngày thứ nhất của mọi ngày, ngày lễ quan trọng nhất trong các lễ, ngày của Đức Chúa, ngày "Chúa nhật".

2. Chúa Nhật - ngày sabát viên mãn.

Chúa nhật khác hẳn ngày sabát và được Kitô hữu mừng hằng tuần thay cho ngày sabát. Qua cuộc phục sinh của Đức Kitô, Chúa nhật hoàn tất ý nghĩa thiêng liêng của ngày sabát Do Thái, và báo trước sự an nghỉ đời đời của con người trong Thiên Chúa. Phụng tự theo lề luật chuẩn bị cho mầu nhiệm Đức Kitô, và những nghi thức của luật cũ đều qui hướng về Chúa Kitô (1Cr 10,11):

"Những ai sống theo luật cũ, nay đạt tới niềm hy vọng mới, họ không còn giữ ngày sabát nữa, nhưng giữ ngày của Chúa, vì trong ngày đó đời sống chúng ta được chúc phúc nhờ Người và nhờ cuộc tử nạn của Người" (T.Inhace d'Antioche).

Việc cử hành ngày Chúa nhật tuân theo qui định luân lý tự nhiên đã được ghi khắc trong lòng con người, "Thờ phượng Thiên Chúa cách hữu hình, công khai, và đều đặn, để nhớ đến ơn huệ phổ quát Thiên Chúa ban cho toàn thể nhân loại" (T.Tôma Aquinô). Việc cử hành ngày Chúa nhật chu toàn giới luật của Cựu Ước.

Việc giữ ngày Chúa nhật và cử hành Thánh thể, là trung tâm đời sống của Hội Thánh. "Theo truyền thống các tông đồ, ngày Chúa Nhật, ngày cử hành mầu nhiệm vượt qua, phải được giữ trong toàn thể Hội Thánh như ngày lễ buộc" (GL 1246,1).

"Ngoài ra còn phải giữ các ngày lễ: Sinh Nhật Chúa Giêsu Kitô, lễ Hiển Linh, lễ Chúa Lên Trời, lễ Mình Máu Thánh Chúa Kitô, lễ Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, lễ Đức Mẹ Lên Trời, lễ Thánh Giuse, lễ các Thánh Phêrô và Phaolô tông đồ, lễ Các Thánh" (CIC 1246,1).

Từ thời các tông đồ, các Kitô hữu đã có thói quen tập họp ngày Chúa nhật (Cv 2,42-46; 1Cr 11,17). Thư gởi người Do Thái nhắc lại rằng: "Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp như vài người quen làm, trái lại phải khuyến khích nhau" (Dt 10,25).

"Giáo xứ" là cộng đồng tín hữu nhất định được thiết lập cách bền vững, trong một Giáo Hội địa phương, và việc săn sóc mục vụ được ủy thác cho linh mục chính xứ, như vị mục tử riêng của giáo xứ, dưới quyền của giám mục giáo phận" (GL 313,1). Giáo xứ là nơi mọi tín hữu có thể tập họp để cử hành Thánh Thể mỗi Chúa Nhật. Giáo xứ hướng dẫn dân Chúa vào đời sống phụng vụ, và tập họp họ để cử hành Phụng Vụ, truyền cho họ giáo lý cứu độ của Đức Kitô, thực thi đức ái qua các công việc từ thiện và huynh đệ:

"Ở nhà, bạn không thể cầu nguyện như ở nhà thờ được, vì ở nhà thờ có đông người cùng chung tấm lòng dâng lời cầu khẩn lên Thiên Chúa. Hơn nữa, còn có sự hiệp ý đồng tâm, có dây liên kết đức mến và kinh nguyện của các linh mục." (T.Gioan Kim khẩu).

3. Luật giữ ngày Chúa Nhật.

Điều răn của Hội Thánh xác định rõ luật của Chúa: "các tín hữu buộc phải dự Thánh Lễ vào ngày Chúa Nhật và các ngày

lễ buộc" (GL 1247). "Ai tham dự thánh lễ theo nghi thức công giáo vào chính ngày lễ hoặc chiều hôm trước, là chu toàn luật buộc dự lễ" (GL 1248,1).

Thánh lễ Chúa Nhật đặt nền tảng và xác định toàn bộ cuộc sống người tín hữu. Do đó, mọi tín hữu phải tham dự thánh lễ ngày lễ buộc, trừ khi có lý do quan trọng (như bệnh hoạn, chăm sóc trẻ sơ sinh) hay được cha sở miễn chuẩn (GL 1245). Ai cố tình vi phạm sẽ mắc tội trọng.

Khi cùng tham dự thánh lễ Chúa Nhật, người tín hữu minh chứng sự gắn bó và trung thành với Đức Kitô và Hội Thánh, bày tỏ sự hiệp thông trong đức tin và đức mến. Họ cùng nhau làm chứng cho sự thánh thiện của Thiên Chúa và cho niềm hy vọng vào ơn cứu chuộc. Họ nâng đỡ nhau dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần. "Nếu như không có thừa tác viên thánh hay vì lý do khẩn trọng mà người tín hữu không thể tham dự thánh lễ, thì Hội Thánh khuyên họ tham dự vào cử hành Phụng Vụ Lời Chúa trong nhà thờ giáo xứ hay một nơi thánh khác theo qui định của giám mục giáo phận, hoặc dành một thời gian thích hợp để cầu nguyện cá nhân hay cùng với cả gia đình, và nếu có thể cùng với một nhóm gia đình".

4. Ngày hồng ân - ngày nghỉ:

Như Thiên Chúa "nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy, sau khi hoàn tất cả công trình" (x.St 2,2), đời sống con người cũng theo nhịp như thế giữa lao động và nghỉ ngơi. Khi lập ra ngày Chúa Nhật, Thiên Chúa muốn mọi người có thời giờ nghỉ ngơi và giải trí, để có thể chăm lo đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo (GS 67,3).

Ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc, các tín hữu tránh lao động và các sinh hoạt ngăn trở việc thờ phượng Thiên Chúa, việc hưởng niềm vui trong ngày của Chúa, việc bác ái và tịnh dưỡng thể xác cũng như tinh thần. Luật giữ ngày Chúa Nhật có thể được miễn chuẩn, khi có trách nhiệm gia đình hay nghĩa vụ xã hội quan trọng. Nhưng tín hữu cũng phải coi chừng, đừng để những miễn chuẩn này dẫn đến thói quen thờ ơ với việc thờ phượng, với cuộc sống gia đình hay sức khỏe của mình.

Khi hưởng những giờ nhàn rỗi, người tín hữu nên nhớ đến anh chị em của mình, những người cùng có nhu cầu và quyền lợi như mình, nhưng không được nghỉ ngơi vì nghèo khổ và túng cực. Theo truyền thống đạo đức công giáo, ngày Chúa Nhật phải là ngày dành riêng để làm việc lành và khiêm tốn phục vụ cho bệnh nhân, kẻ tàn tật và già lão. Người tín hữu cũng phải thánh hiến ngày Chúa Nhật bằng cách dành thời giờ để chú tâm đến gia đình và thân hữu, những người mà thường nhật họ khó chú tâm tới. Ngày Chúa Nhật cũng là thời gian suy tư, tĩnh lặng, rèn luyện và suy niệm cần thiết để đời sống nội tâm của tín hữu được phát triển.

5. Với tinh thần điều độ và yêu thương, người tín hữu phải tránh những bốc đồng và bạo lực thường gặp thấy nơi các cuộc giải trí tập thể. Dù có những nhu cầu cấp bách về kinh tế, nhà cầm quyền phải lo cho công dân có thời gian nghỉ ngơi và thờ phượng Thiên Chúa. Chủ nhân cũng có trách nhiệm như vậy với công nhân của mình

Trong tinh thần tôn trọng sự tự do tôn giáo và thiện ích chung, người Kitô hữu phải đấu tranh để các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ của Hội Thánh được luật pháp công nhận. Họ phải nêu gương công khai về cầu nguyện, thờ phượng và sống vui tươi, bảo vệ truyền thống của mình như một đóng góp quí báu cho đời sống tinh thần của cộng đồng nhân loại. Cho dù luật lệ hiện hành của một nước hay những lý do khác buộc phải lao động ngày Chúa Nhật, ngày này vẫn được sống như là ngày giải thoát và cho chúng ta tham dự vào "cộng đoàn mừng lễ", "vào đại hội giữa các con đầu lòng của Thiên Chúa, là những kẻ đã được ghi tên trên trời" (Dt 12,22-23).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Người do thái giữ ngày sabat là ngày thứ bảy. Tại sao các Kitô hữu lại chuyển qua giữ ngày Chúa nhật?

Người Kitô hữu giữa ngày Chúa Nhật vì đó là ngày của Chúa, ngày Chúa Giêsu phục sinh, chiến thắng tội lỗi, sự chết. Nhắc nhớ chúng ta công trình sáng tạo mới và tình yêu cứu chuộc của Thiên Chúa, đưa nhân loại vào sự sống mới: sự sống con cái Chúa.

2. Chúng ta phải sống ngày Chúa nhật như thế nào cho đúng ý Hội thánh dạy?

Hội Thánh dạy chúng ta giữ ngày Chúa Nhật:

a. Tôn vinh thiên Chúa:

+ Học hỏi lời Chúa, tham dự thánh lễ.

+ Làm các việc đạo đức như làm sạch nhà Chúa, viếng nơi thờ phượng.

+ Thực thi bác ái, thăm hỏi người thân, bạn bè, bệnh nhân, giúp đỡ người khác.

b. Để nghỉ ngơi:

+ Chăm lo sức khoẻ, làm đẹp bản thân, vệ sinh cá nhân, gia đình.

+ Sum họp gia đình, ăn chung bữa cơm, gia đình đoàn tụ biểu lộ tình thân.

+ Giải trí, thể thao, tham quan, giúp bạn bè, các em ôn bài.....tạo nguồn vui nghỉ ngơi cho mình và cho những người xung quanh.

CHIẾC VÉ XEM XIẾC

Có lần khi còn nhỏ, tôi và bố đừng xếp hàng mua vé vào rạp xiếc. Đến phút cuối chỉ còn lại bố con tôi và một gia đình nữa đứng trước quầy bán vé. Gia đình đó khiến tôi thật sự ấn tượng. Họ có tám đứa con và có lẽ tất cả đều chưa đến tuổi 12. Nếu nhìn có lẽ bạn sẽ bảo họ ko giàu lắm, bởi họ mặc quần áo ko đắt tiền nhưng trông sạch sẽ. Lũ trẻ rất ngoan ngoãn, tất cả đều đứng ngay ngắn trong hàng cứ hai đứa một nắm tay nhau sau lưng bố mẹ.

Chúng đang háo hức tranh luận với nhau về những chú hề, các chú voi và vô số trò khác chúng sắp được xem tối hôm đó. Nhìn chúng, người ta dễ đoán rằng trước đó chúng chưa từng được xem xiếc bao giờ. Buổi đi xem hôm nay chắc hẳn sẽ là một kỷ niệm đáng nhớ trong đời với chúng. Phía đầu "đội ngũ" là bố mẹ lũ trẻ, trông họ thật hãnh diện. Người mẹ đang nắm tay chồng, ánh mắt nhìn chồng như muốn nói: "Trông anh giống như chàng hiệp sĩ trong bộ áo giáp hùng dũng của em", còn người bố, mỉm cười rạng rỡ tự hào, nhìn vở như thể đáp lại: "Còn em cũng thật tuyệt vời".

Khi đó cô bán vé hỏi người bố muốn mua bao nhiêu vé. Ông tự hào nói: "Xin cho tôi tám vé trẻ em và hai vé người lớn để tôi đưa cả nhà vào xem xiếc" Cô bán vé nói giá tiền.

Nghe xong, người vợ buông thõng tay chồng, đầu bà cúi xuống còn ông bố bắt đầu run run mấp máy môi. Nghiêng người gần hơn 1 chút, ông bố hỏi lại: "Cô vừa bảo bao nhiêu?" Cô bán vé nhắc lại số tiền cho ông.

Rõ ràng là ông bố không đủ tiền mua vé. Làm sao để ông có thể quay lại nói với các con là ông không có đủ tiền để đưa chúng vào xem xiếc? Chứng kiến cảnh tượng đó, cha tôi thò tay vào túi rút ra tờ 20$ và thả nhẹ xuống đất. (mặc dù chúng tôi chả giàu có chút nào!). Sau đó, ông cúi xuống, nhặt đồng tiền lên, vỗ nhẹ vai người bố và bảo: "Xin lỗi ông, ông làm rơi tiền này".

Người đàn ông hiểu chuyện. Thực tình ông ấy không ngửa tay xin bố thí nhưng rõ ràng rất trân trọng sự giúp đỡ trong tình huống trớ trêu dở cười dở khóc này. Ông nhìn thẳng vào mắt cha tôi, nắm chặt lấy tay cha bằng cả hai tay, xiết chặt lên tờ 20$, môi run run và giọt nước mắt đã lăn trào trên gò má, Ông nói: "Cảm ơn ngài. Số tiền này quả thực rất ý nghĩa với tôi và cả gia đình tôi".

Sau đó tôi và bố ra xe về nhà. Đêm đó chúng tôi không xem được xiếc nhưng rõ ràng chuyến đi không hề vô nghĩa.

Bài 13.

SỐNG HIẾU THẢO

"Hãy trọng kính cha mẹ ngươi, để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, ban cho ngươi" (Xh 20,12).

"Người hằng vâng phục các ngài" (Lc 2,51).

Chính Đức Giêsu cũng nhấn mạnh về "điều răn này của Thiên Chúa". Thánh tông đồ Phaolô cũng dạy: "Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ, theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. "Hãy tôn kính cha mẹ". Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: "để ngươi được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này" (Ep 6,13; Đnl 5,16).

Điều răn thứ tư mở đầu phần hai của Thập Giới, ấn định trật tự của đức ái. Thiên Chúa muốn rằng sau Ngài, chúng ta phải tôn kính cha mẹ, vì đã sinh thành dưỡng dục, và dạy chúng ta biết Thiên Chúa. Chúng ta cũng phải tôn kính những người được Thiên Chúa trao ban quyền hành để mưu ích cho chúng ta.

Điều răn này được trình bày dưới hình thức tích cực, ấn định những bổn phận phải chu toàn, và chuẩn bị cho những điều răn tiếp theo, đòi buộc con người phải tôn trọng sự sống, hôn nhân, của cải trần thế và lời nói. Ấy là một trong những nền tảng của học thuyết xã hội của Hội Thánh.

Điều răn thứ tư nói đến bổn phận con cái đối với cha mẹ, vì đây là tương quan phổ quát nhất. Điều răn này còn rộng mở tới bổn phận của học trò đối với thầy, thợ với chủ, kẻ thuộc cấp đối với người chỉ huy, công dân đối với tổ quốc và với tất cả những người điều hành, cai trị đất nước.

Điều răn này cũng bao hàm và hiểu ngầm những bổn phận của cha mẹ, giám hộ, thầy cô, người lãnh đạo, nhà cầm quyền, nghĩa là tất cả những ai có quyền trên kẻ khác hay trên một tập thể.

Điều răn thứ tư có kèm theo phần thưởng: "Ngươi hãy trọng kính cha mẹ để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, ban cho ngươi" (Xh 20,12;).

Ai tôn trọng điều răn này, ngoài những lợi ích thiêng liêng, còn nhận được những lợi ích trần thế là an bình và thịnh vượng. Ngược lại, vi phạm điều răn nầy sẽ gây nhiều thiệt hại lớn cho cộng đoàn và cho cá nhân.

I. GIA ĐÌNH TRONG KẾ HOẠCH CỦA THIÊN CHÚA:

1. Bản chất của gia đình: Hôn nhân và gia đình được thiết lập trên sự ưng thuận của đôi vợ chồng, nhằm vào lợi ích của họ cũng như vào việc sinh sản và giáo dục con cái. Tình yêu vợ chồng và việc sinh sản con cái tạo ra những tương quan nhân vị và những trách nhiệm hàng đầu, giữa những phần tử trong gia đình.

Vợ chồng và con cái tạo thành một gia đình. Gia đình tự hình thành và có trước sự công nhận của công quyền. Người ta xem gia đình là nền tảng để từ đó xác định những tương quan khác trong thân tộc.

Khi tạo dựng người nam và người nữ, Thiên Chúa đã thiết lập gia đình và đặt nền tảng cơ bản cho nó. Các phần tử trong gia đình đều bình đẳng về nhân phẩm. Vì lợi ích chung của các phần tử và của xã hội, gia đình có một số trách nhiệm, quyền lợi và bổn phận.

2. Gia đình Kitô giáo: "Gia đình Kitô giáo bày tỏ và thể hiện một cách đặc biệt sự hiệp thông trong Hội Thánh vì lẽ đó... phải được coi là một "Hội Thánh tại gia" (FC 21, LG 11), là cộng đoàn đức tin, đức cậy và đức mến (Ep 5,21-6,4, Col 3,18-21; 1 Pr 3,1-7). Tân Ước cho thấy gia đình có một tầm quan trọng đặc biệt trong Hội Thánh.

Gia đình Kitô giáo là một hiệp thông nhân vị là dấu chỉ và hình ảnh của sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Việc sinh sản và giáo dục con cái phản ánh công trình sáng tạo của Chúa Cha. Gia đình được mời gọi tham dự vào sự cầu nguyện và hy tế của Đức Kitô. Kinh nguyện hằng ngày và chăm đọc Lời Chúa củng cố đức mến trong gia đình. Gia đình Kitô giáo mang sứ mạng loan báo Tin Mừng truyền giáo.

Những mối tương quan trong gia đình đưa tới những cảm nghĩ, những tình nghĩa, những sở thích, những quyền lợi giống nhau, nhất là do việc biết tôn trọng lẫn nhau. Gia đình là một cộng đoàn ưu việt được mời gọi để thực hiện "sự đồng tâm nhất trí giữa vợ chồng và sự ân cần cộng tác của cha mẹ trong việc giáo dục con cái" (x.GS 52,1).

II. GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI:

1. Gia đình là tế bào căn bản của đời sống xã hội, là xã hội tự nhiên, nơi đó, người nam và người nữ được mời gọi tận hiến cho nhau trong tình yêu và trong việc thông truyền sự sống. Quyền bính, sự ổn định và đời sống tương giao nơi gia đình là nền tảng cho tự do, an ninh và tình huynh đệ của xã hội.

Gia đình là cộng đoàn, nơi đó từ thời thơ ấu, con người được học biết tôn trọng những giá trị luân lý, tôn thờ Thiên Chúa và biết sử dụng tự do. Đời sống gia đình chuẩn bị cho đời sống xã hội.

2. Gia đình phải sống thế nào để các thành viên biết quan tâm và nhận trách nhiệm đối với những người trẻ và những người già, người đau yếu, tật nguyền và nghèo khổ. Có nhiều gia đình đôi khi không đủ sức giúp nhau như vậy. Bấy giờ, những người khác, những gia đình khác và xã hội, phải chăm lo cho những người này. "Thăm viếng cô nhi quả phụ lâm cảnh gian truân, và giữ mình cho khỏi mọi vết nhơ của thế gian là đạo đức tinh tuyền và không tì ố trước mặt Thiên Chúa Cha" (Gc 1,27)

Gia đình phải được xã hội giúp đỡ và bảo vệ bằng những biện pháp thích ứng. Nơi nào các gia đình không đủ khả năng chu toàn phận vụ, các tổ chức xã hội khác có bổn phận trợ giúp và nâng đỡ cơ chế gia đình. Theo nguyên tắc bổ trợ, những cộng đoàn lớn không được lấn quyền hay xen vào đời sống của các gia đình.

3. Gia đình rất cần thiết cho đời sống và phúc lợi xã hội (x.GS 47,1), nên xã hội đặc biệt có trách nhiệm nâng đỡ và củng cố hôn nhân và gia đình. "Chính quyền phải nhìn nhận, bênh vực và phát huy bản chất đích thực của hôn nhân và gia đình, phải bảo vệ nền luân lý chung và giúp cho gia đình được sung túc, vì đó là những bổn phận mà chính quyền phải coi như một sứ mạng thiêng liêng phải chu toàn".

♦ Quyền tự do lập gia đình, quyền sinh con cái và giáo dục chúng theo những xác tín luân lý và tôn giáo của mình;

♦ Quyền bảo toàn dây liên kết vững bền của hôn nhân và cơ chế gia đình;

♦ Quyền tự do tuyên xưng đức tin và thông truyền đức tin, quyền giáo dục đức tin cho con cái bằng những phương tiện và cơ chế cần thiết;

♦ Quyền tư hữu, tự do làm việc, có việc làm, có nhà ở, tự do di cư;

♦ Quyền được chăm sóc y tế trợ cấp tuổi già, phụ cấp gia đình, tùy theo cơ chế của các quốc gia;

♦ Quyền được bảo vệ an ninh và cuộc sống lành mạnh, tránh các nguy cơ như: xì ke ma túy, dâm ô đồi trụy, nghiện rượu v.v....

♦ Quyền tự do liên kết với các gia đình khác để lập hội đoàn và như thế, được đại diện bên cạnh công quyền (x.FC 46).

4. Điều răn thứ tư cũng làm sáng tỏ các mối tương quan khác trong xã hội: Anh chị em ruột, là con cái của cha mẹ chúng ta; anh chị em họ, là những con cái của tổ tiên chúng ta; đồng bào là con cái của tổ quốc; các tín hữu là con cái của Mẹ Hội Thánh; mỗi con người là một người con của Đấng chúng ta gọi là "Cha chúng con". Do đó, các mối tương quan với tha nhân đều là những tương quan nhân vị. Tha nhân không phải là một "cá nhân" giữa tập thể, nhưng là "một con người" phải được mọi người đặc biệt lưu tâm và tôn trọng.

5. Con người họp thành những cộng đồng nhân loại. Để quản trị các cộng đồng một cách tốt đẹp, không những phải bảo đảm các quyền chu toàn các bổn phận, tuân giữ các khế ước, nhưng phải có lòng nhân hậu của người biết mưu cầu công bình và tình huynh đệ, nhờ đó có được quan hệ tốt đẹp giữa chủ và thợ, giữa nhà cầm quyền và công dân.

III- BỔN PHẬN CỦA CÁC PHẦN TỬ TRONG GIA ĐÌNH:

1. Bổn phận con cái:

a) Tình phụ tử của Thiên Chúa là nguồn mạch của tình phụ tử nơi loài người (Ep 3,14). Vinh dự của cha mẹ đặt trên nền tảng này. Lòng tôn kính của con cái còn vị thành niên hay đã trưởng thành, phát sinh từ lòng yêu mến tự nhiên liên kết chúng với cha mẹ (x.Pr 1,8; Tb 4,3-4). Chính luật Chúa đòi hỏi lòng tôn kính ấy (x.Xh 20,12).

Lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ phát xuất từ sự biết ơn đối với những người đã cho chúng được sống và nhờ tình yêu và công lao của họ, giúp chúng lớn lên về tầm vóc, khôn ngoan và ân sủng. "Hãy hết lòng tôn kính cha con, và đừng quên ơn mẹ đã mang nặng đẻ đau. Hãy luôn nhớ công ơn dưỡng dục sinh thành, công ơn ấy con lấy chi đáp đền cho cân xứng"? (Hc 7,27-28).

b) Lòng hiếu thảo được bày tỏ qua sự ngoan ngoãn và vâng phục chân thành. "Hỡi con, lệnh cha con truyền, hãy lo tuân giữ; lời mẹ con dạy, chớ bỏ ngoài tai... Những lời đó sẽ hướng dẫn con lúc con đi, sẽ giữ gìn con khi con nằm, sẽ cùng con chuyện trò khi con thức dậy" (Cn 6,20-22). "Con khôn giữ lời cha nghiêm huấn, kẻ nhạo báng chẳng nghe lời sửa dạy" (Cn 13,1).

Bao lâu còn chung sống với cha mẹ, con cái phải tuân giữ mọi điều cha mẹ dạy, vì lợi ích của mình và của gia đình. "Kẻ làm con hãy vâng lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là điều đẹp lòng Chúa" (Cl 3,20) (x.Ep 6,1). Trẻ em còn phải vâng lời thầy cô và người giám hộ. Theo lương tâm, nếu thấy vâng theo một lệnh truyền nào đó là làm điều xấu, thì con cái không buộc phải vâng lời.

c) Khi trưởng thành, con cái vẫn phải tôn kính cha mẹ, biết đón trước ý muốn của các ngài, sẵn sàng bàn hỏi và chấp nhận những lời khuyên cáo đúng đắn của cha mẹ. Khi không còn chung sống với cha me, con cái vẫn phải tôn kính, vì lòng tôn kính này bắt nguồn từ sự kính sợ Thiên Chúa, một trong bảy ơn Chúa Thánh Thần.

d) Điều răn thứ tư còn cho những người con đã trưởng thành biết trách nhiệm của họ đối với cha me, về vật chất cũng như tinh thần, khi các ngài già yếu, bệnh tật, cô đơn hay hoạn nạn. Chúa Giêsu nhắc lại bổn phận biết ơn này (x.Mc 7,10-12).

"Đức Chúa làm cho người cha được vẻ vang vì con cái, cho người mẹ thêm uy quyền đối với các con. Ai tôn kính cha thì bù đắp lỗi lầm, ai trọng kính mẹ thì tích trữ kho báu. Ai thờ cha sẽ được vui mừng vì con cái, khi cầu nguyện họ sẽ được lắng nghe. Ai trọng quí cha sẽ được trường thọ và ai vâng lệnh Đức Chúa sẽ làm cho mẹ an lòng" (Hc 3,2-6).

"Con ơi, hãy săn sóc cha con, khi người đến tuổi già, bao lâu người còn sống, chớ làm người buồn tủi. Người có lú lẫn, con cũng phải cảm thông, chớ cậy mình sung sức mà khinh dể người. Ai bỏ rơi cha mình thì khác nào kẻ lộng ngôn, ai chọc giận mẹ mình, sẽ bị Đức Chúa nguyền rủa" (Hc 3,12-13,16).

Lòng hiếu thảo tạo bầu khí thuận hòa trong đời sống gia đình, ảnh hưởng đến các mối tương quan giữa anh chị em. Lòng hiếu thảo sưởi ấm bầu khí gia đình. "Con cháu là vinh quang của tuổi già" (Cn 17,6). "Anh em hãy ăn ở khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại". Hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau" (Ep 4,2).

2. Bổn phận của cha mẹ:

a) Tình yêu vợ chồng không chỉ triển nở qua việc sinh con, mà còn qua việc giáo dục đời sống luân lý và tâm linh cho chúng nữa. "Vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục quan trọng đến nỗi không gì thay thế được" (GE 3). Quyền và bổn phận giáo dục con cái là quyền và bổn phận căn bản, bất khả nhượng (x.FC 36).

Cha mẹ phải xem con cái như những người con của Thiên Chúa và tôn trọng chúng như những nhân vị. Họ phải dạy cho con cái biết chu toàn luật Thiên Chúa, bằng cách chính họ cũng cho thấy mình vâng phục thánh ý Cha trên trời.

b) Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái. Họ thể hiện trách nhiệm này qua việc xây dựng một mái ấm gia đình dựa trên tình âu yếm, lòng tha thứ, tôn trọng lẫn nhau, chung thủy và tinh thần phục vụ vô vị lợi. Mái ấm gia đình là nơi thích hợp cho việc giáo dục các đức tính, nơi đây con cái học biết hy sinh, phán đoán lành mạnh, tự chủ, là những điều kiện cho tự do đích thực. Cha mẹ phải dạy cho con cái biết "coi trọng các chiều kích tâm linh hơn là những gì thuộc thể lý và bản năng" (CA 36). Cha mẹ có trách nhiệm quan trọng là phải nên gương tốt cho con cái. Khi biết nhìn nhận những thiếu sót của mình trước mặt con cái, cha mẹ có uy tín hơn để hướng dẫn và sửa dạy con cái:

c) "Thương con cho roi cho vọt, ai biết giáo dục con sẽ được thỏa lòng về con" (Hc 30,1-2). "Những bậc làm cha mẹ đừng làm cho con cái tức giận, nhưng hãy giáo dục chúng bằng cách khuyên răn và sửa dạy thay mặt Chúa" (Ep 6,4). Gia đình

là môi trường tự nhiên để chuẩn bị con người sống tình liên đới và nhận các trách nhiệm trong cộng đồng. Cha mẹ phải dạy cho con cái biết tránh những thái độ thỏa hiệp và sa đọa đang đe dọa xã hội loài người.

Nhờ ơn bí tích Hôn Phối, cha mẹ nhận trách nhiệm và đặc quyền giáo dục đức tin cho con cái. Cha mẹ là những sứ giả đầu tiên của đức tin, khai tâm cho con về các mầu nhiệm đức tin từ lúc chúng còn nhỏ. Họ phải đưa con cái, hòa nhập vào đời sống của Hội Thánh ngay từ lúc còn thơ bé. Nếp sống gia đình có thể tạo nên những tâm tình tốt đẹp, chuẩn bị và nâng đỡ đức tin sống động cho con trong suốt cuộc đời.

d) Cha mẹ phải giáo dục đức tin cho con cái ngay từ tuổi ấu thơ. Việc giáo dục này khởi đầu ngay khi các phần tử trong gia đình giúp nhau lớn lên trong đức tin, nhờ chứng từ của một đời sống đạo phù hợp với Tin Mừng. Việc dạy giáo lý trong gia đình đi trước, đồng hành và làm phong phú thêm các hình thức giáo dục đức tin khác. Cha mẹ có sứ mạng dạy cho con cái biết cầu nguyện và khám phá ra ơn gọi làm con Thiên Chúa (x.LG 11). Giáo xứ là cộng đồng Thánh Thể và là trung tâm đời sống phụng vụ của các gia đình Kitô giáo, nên là nơi tốt nhất để giáo dục đức tin cho trẻ em và cha mẹ chúng.

e) Con cái cũng góp phần giúp cho cha mẹ sống thánh thiện (GS 48,4). Mọi người và mỗi người phải biết quảng đại và sẵn sàng tha thứ cho nhau khi gặp những xúc phạm, gây gỗ, bất công và thiếu quan tâm (Mt 18,21-22, Lc 17,4). Tình yêu thương lẫn nhau và đức ái của Chúa Kitô đòi buộc như thế.

Khi con cái còn nhỏ, cha mẹ tôn trọng và yêu thương chúng qua việc chăm sóc và lưu tâm dưỡng dục, đáp ứng những nhu cầu thể xác và tâm linh của chúng. Khi chúng lớn lên, cha mẹ tôn trọng và tận tụy giáo dục con cái biết sử dụng lý trí và tự do.

g) Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái, nên có quyền chọn lựa cho con cái một trường học theo ý mình. Quyền này là quyền căn bản. Cha mẹ phải cố gắng chọn lựa trường học nào giúp chu toàn tốt nhất trách vụ của người giáo dục đức tin (GE 6). Nhà Nước có bổn phận bảo đảm và giúp đỡ để cha mẹ thực thi quyền ấy.

Khi đến tuổi trưởng thành, con cái có bổn phận và có quyền chọn lựa nghề nghiệp và bậc sống. Con cái có những trách nhiệm mới nhưng vẫn giữ tương quan đầy tín nhiệm đối với cha mẹ, sẵn sàng bàn hỏi, lắng nghe ý kiến và lời khuyên bảo của cha mẹ. Cha mẹ phải tránh ép buộc con cái trong việc chọn nghề, cũng như trong việc chọn người bạn đời. Dù phải dè dặt, cha mẹ vẫn có thể giúp đỡ con cái bằng những ý kiến khôn ngoan, nhất là khi con cái chuẩn bị lập gia đình.

Có những người không lập gia đình để chăm sóc cha mẹ, anh chị em, hoặc để dồn hết tâm trí vào một nghề nghiệp hay một lý do cao đẹp khác. Họ có thể góp phần lớn lao vào lợi ích của gia đình nhân loại.

IV. GIA ĐÌNH VÀ NƯỚC TRỜI:

1. Các liên hệ gia đình rất quan trọng nhưng không tuyệt đối. Đứa trẻ càng lớn lên, vươn tới tuổi trưởng thành và tự chủ về mặt nhân bản và thiêng liêng, ơn gọi riêng do Thiên Chúa ban càng được khẳng định rõ ràng và mạnh mẽ hơn. Cha mẹ phải tôn trọng và cổ võ con cái đáp trả và đi theo ơn gọi ấy. Phải xác tín rằng ơn gọi đầu tiên của Kitô hữu là đi theo Đức Giêsu (Mt 16,25). "Ai yêu cha mẹ hơn Thầy thì không đáng làm môn đệ Thầy, ai yêu con trai hay con gái mình hơn Thầy thì không đáng làm môn đệ Thầy" (Mt 10,37).

2. Trở thành môn đệ Đức Giêsu, là chấp nhận lời mời gọi thuộc về gia đình Thiên Chúa và sống như Người: "Ai thi hành ý muốn của Cha Ta, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em và là mẹ Ta" (Mt 12,49).

Với tâm tình vui mừng và biết ơn, cha mẹ phải đón nhận và tôn trọng ơn Thiên Chúa mời gọi trong số con cái mình đi theo Người, trong đời sống trinh khiết vì Nước Trời, trong đời thánh hiến, hay trong thừa tác vụ tư tế.

V. QUYỀN BÍNH TRONG XÃ HỘI DÂN SỰ:

Điều răn thứ tư cũng dạy ta phải tôn trọng tất cả những ai được Thiên Chúa trao ban một quyền bính trong xã hội để mưu ích cho chúng ta. Điều răn này soi sáng các bổn phận của những người thực thi quyền bính cũng như những kẻ được phục vụ.

1. Bổn phận của chính quyền dân sự:

a) Những người cầm quyền phải thực thi quyền bính như người phục vụ: "Ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm đầy tớ anh em" (Mt 20,26). Về mặt luân lý, việc thực thi quyền bính phải căn cứ vào Thiên Chúa là Đấng ban quyền, vào lý trí tự nhiên và đối tượng đặc thù của quyền này. Không ai được quyền truyền lệnh hay thiết lập điều gì trái với nhân phẩm và luật tự nhiên.

b) Phải thực thi quyền bính theo trật tự chính đáng các giá trị giúp mọi người dễ dàng sử dụng tự do và trách nhiệm. Cấp trên phải khôn ngoan thực thi công bằng phân phối bằng cách quan tâm đến nhu cầu và phần đóng góp của mỗi người, để tạo sự hòa thuận. Họ phải lưu tâm đừng để cho các luật lệ và các qui định được ban hành tạo nguy cơ đối nghịch lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể.

Chính quyền phải tôn trọng các quyền căn bản của con người. Phải thực thi công bình với lòng nhân đạo khi tôn trọng quyền của từng người, nhất là quyền của các gia đình và những người khốn cùng.

c) Các quyền chính trị gắn liền với tư cách công dân, có thể và phải được công nhận theo các đòi hỏi của công ích. Các quyền ấy không thể bị công quyền đình chỉ khi không có lý do chính đáng và tương xứng. Việc thực thi các quyền chính trị nhằm mưu cầu lợi ích chung của quốc gia và của cộng đồng nhân loại.

2. Bổn phận công dân:

Sự cộng tác trung thực của người công dân bao hàm quyền, đôi khi là bổn phận, phải lên tiếng phê phán những gì họ cho là có hại cho nhân phẩm và lợi ích của cộng đồng.

a) Người công dân phải góp phần với chính quyền để mưu ích cho xã hội trong tinh thần tôn trọng chân lý, công bằng, liên đới và tự do. Lòng yêu mến và phục vụ Tổ Quốc phát xuất từ bổn phận tri ân và đòi hỏi của đức ái. Nhiệm vụ tùng phục quyền bính hợp pháp và phục vụ công ích đòi hỏi người công dân chu toàn vai trò của mình trong đời sống của cộng đồng chính trị.

Bổn phận tùng phục quyền bính và có trách nhiệm đối với công ích buộc người công dân phải đóng thuế, bầu cử và bảo vệ quê hương.

b) "Người Kitô hữu cư ngụ trên quê hương mình, như những ngoại kiều thường trú. Họ chu toàn mọi bổn phận công dân và gánh chịu tất cả như ngoại kiều... Họ vâng phục luật pháp hiện hành nhưng đời sống của họ vượt trên luật pháp... Thiên Chúa đã cho họ một địa vị cao quí đến độ họ không bỏ đi được".

c) Những quốc gia giàu hơn có bổn phận đón nhận theo khả năng, những người nước ngoài đến tìm kiếm an ninh và sinh kế mà họ không có được nơi chính quê hương họ. Chính quyền phải để tâm tôn trọng luật tự nhiên vốn đòi hỏi phải bảo vệ những khách kiều cư.

d) Theo lương tâm, người công dân không được tuân theo những luật lệ của chính quyền dân sự khi chúng ngược lại các đòi hỏi luân lý, nghịch với các quyền cơ bản của con người hay giáo huấn của Tin Mừng. Khi những đòi hỏi của chính quyền nghịch với đòi hỏi của lương tâm ngay thẳng, Kitô hữu từ chối vâng phục chính quyền, vì phải phân biệt giữa việc phục vụ Thiên Chúa và việc phục vụ cộng đồng chính trị. "Của Xêda, trả về Xêda; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa" (Mt 22,21). "Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời loài người" (Cv 5,29)

e. Không được sử dụng vũ khí chống lại một chính quyền áp bức, trừ khi hội đủ các điều kiện sau đây:

+ Có bằng cớ chắc chắn chính quyền vi phạm nghiêm trọng và lâu dài các quyền căn bản.

+ Sau khi đã dùng mọi phương thế khác.

+ Không gây ra những xáo trộn tệ hại hơn.

+ Có đủ cơ sở để hy vọng thành công.

+ Nếu không tìm được giải pháp nào khác tốt hơn.

3. Cộng đồng chính trị và Hội Thánh:

a) Mọi cơ chế đều minh nhiên hay mặc nhiên dựa trên một nhân sinh quan. Từ đó, rút ra những tiêu chuẩn để phán đoán bậc thang các giá trị và đường lối hành động. Đa số các xã hội xây dựng cơ chế của mình dựa trên một điểm ưu việt nào đó của con người so với vạn vật. Chỉ có tôn giáo được Thiên Chúa mặc khải, mới nhận ra được nguồn gốc và định mệnh của con người, nơi Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc. Hội Thánh mời

gọi các chính quyền nên có phán đoán và những quyết định dựa trên chân lý mặc khải về Thiên Chúa và con người.

b) Do sứ mạng và thẩm quyền của mình, Hội Thánh không tự đồng hóa với cộng đồng chính trị, nhưng Hội Thánh vừa là dấu chỉ, vừa là người bảo vệ tính siêu việt của nhân vị. "Hội Thánh tôn trọng và cổ võ tự do chính trị cũng như trách nhiệm của các công dân" (x.GS 76,3).

c) Hội Thánh có sứ mệnh "nói lên nhận định luân lý của mình cả trong những vấn đề liên quan tới lãnh vực chính trị, khi các quyền căn bản của con người hay phần rỗi các linh hồn đòi hỏi, bằng cách sử dụng mọi phương tiện và chỉ những phương tiện nào phù hợp với Tin Mừng và lợi ích của thời đại và hoàn cảnh khác nhau" (x.GS 76,5).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Theo bạn thế nào là một người con hiếu thảo?

-Ngoài Thiên Chúa ra không ai yêu thương và hiểu con cái bằng cha mẹ. Các ngài sẵn sàng hy sinh cho con cái mà không cần đáp lại.

- Khi còn trẻ thơ người con hiếu thảo là người biết kính trọng, vâng lời cha mẹ trong những điều hợp lẽ phải, siêng năng giúp đỡ cha mẹ trong các bổn phận hằng ngày và cầu nguyện cho các ngài. Đối với con đã lớn, sống hiếu thảo là còn phải phụng dưỡng cha mẹ về vật chất cũng như tinh thần. Nhất là khi cha mẹ già yếu, phải chăm sóc giúp đỡ, năng tới lui, thăm viếng, dành cho các ngài những gì tốt đẹp nhất và dạy cho con cái biết kính yêu tôn trọng ông bà. Khi cha mẹ qua đời, phải siêng năng cầu nguyện, xin lễ đọc kinh cho các ngài.

2. Hãy kể cho các bạn nghe về một gương mẫu hiếu thảo mà bạn biết?

Gương Chúa Giêsu, các thánh, trong kho tàng văn học, những người tốt xung quanh em…….

HOA CHO MẸ

Một ngôi mộ đơn sơ gần mộ cha mẹ tôi làm cho tôi chú ý đến. Ngôi mộ phủ nhiều hoa trường xuân... Vật trang trí đáng kể chỉ là một thánh giá gỗ, làm thủ công trên đó khắc tên người và số tuổi: Hai mươi hai tuổi. Mỗi lần đến đây, tôi đều nhận thấy ngôi mộ được chăm sóc cẩn thận. Trí tưởng tượng của tôi thêu dệt đủ chuyện về con người yểu mệnh nằm dưới lòng đất kia.

Có lần, tôi nhìn thấy một người đàn ông đang bước đi xa dần ngôi mộ. Từ xa trông ông ấy có vẻ già. Tôi đoán chắc ông vừa đến thăm mộ của vợ mình.

Cách đây hai năm, trong khi tôi dọn sạch mộ của cha mẹ mình, tôi đã thấy ông cúi gập người xuống mộ của vợ ông. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn trộm ông. Thấy ông không có dụng cụ gì để làm. Tôi đề nghị cho ông mượn. Ông nhận lời với lòng biết ơn. Sau đó, chúng tôi chuyện trò với nhau thoải mái và tôi hỏi đó là mộ ai vậy.

Ông trả lời: Đây là mộ mẹ tôi. Mẹ chết trẻ năm 1912 do bị sưng phổi. Lúc ấy tôi mới một tuổi rưỡi và thực sự chưa biết mẹ mình. Chính tôi đã làm cây thánh giá này cho mẹ. Tôi là người duy nhất đến thăm mẹ vì mẹ không còn con cái nào khác. Cha tôi lấy vợ khác và bà mẹ kế chỉ quan tâm đến các em cùng cha khác mẹ của tôi. Do đó tôi có thói quen đến đây để chuyện trò với mẹ, cả chuyện vui lẫn chuyện buồn. Sau đó, cuộc sống đưa tôi xa nơi đây nhưng tôi không hề quên mộ mẹ. Với tôi, ngôi mộ chính là ngôi nhà thân thương như của những người khác. Khi tôi đến đây, tôi nghĩ như mình trở về nhà mình. Giờ đây tôi càng lúc càng khó đi lại hơn. Nhưng bao lâu đôi chân tôi còn đi được, tôi vẫn đến thăm mẹ ít là hai lần mỗi năm. Tôi đã 80 tuổi, ai biết tôi còn đến đây được mấy lần nữa.

Tôi im lặng lắng nghe, sửng sốt. Nước mắt tôi tự nhiên chảy tràn: lần đầu tiên tôi gặp một tình yêu vô tư đến thế.

Tôi đã may mắn hơn vì còn nhớ bao kỷ niệm vui buồn về cha mẹ mình. Nhưng ông già dễ thương này có giữ kỷ niệm nào về mẹ đâu? Có chăng là một ảnh chụp đã ố vàng của người mà người ta bảo đó là mẹ ông. Thế thôi.

Ông đã gắn bó sâu xa biết bao suốt cuộc đời khi thường xuyên đến thăm mộ một phụ nữ trẻ, mà ông chưa biết được tình mẫu tử.

Chúng tôi chào nhau. Tôi thật sự xúc động vì tôi biết cuộc đời vừa trao cho tôi một món quà tuyệt vời. Nó cho tôi nhận biết tình cảm chân thành của một con người bình thường và cao thượng đối với mẹ mình. Trên đường về, tôi không ngừng suy nghĩ về chuyện này. Tôi quyết định nếu như thấy cỏ dại mọc lên bên ngôi mộ này, tôi sẽ dọn sạch ngay và chăm sóc ngôi mộ này như mộ của cha mẹ mình - thay cho người con già hiếu thảo ấy, một ngày nào đó.

Maria Levay

HOA HỒNG TẶNG MẸ

Anh dừng lại tiệm bán hoa để gửi hoa tặng mẹ qua đường bưu điện. Mẹ sống cách chỗ anh khoảng 300 km. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh hỏi nó tại sao lại khóc.

Nó nức nở: cháu muốn mua một hoa hồng để tặng mẹ, nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá một hoa hồng đến 2 đô la.

Anh mỉm cười và nói: Đến đây chú sẽ mua cho cháu.

Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hồng để gửi cho mẹ anh. Xong xuôi, anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không.

Nó vui mừng nhìn anh và trả lời: Dạ, chú cho cháu đi nhờ đến nhà mẹ cháu. Rồi nó chỉ đường cho anh đến một nghĩa trang, nơi có một phần mộ vừa mới đắp. Nó chỉ ngôi mộ và nói: Đây là nhà của mẹ cháu.

Nói xong, nó ân cần đặt nhánh hoa hồng lên mộ. Tức thì anh quay lại tiệm bán hoa, hủy bỏ dịch vụ gửi hoa vừa rồi và mua một bó hồng thật đẹp. Suốt đêm đó, anh đã lái một mạch 300 km về nhà mẹ anh để trao tận tay bà bó hoa.

Bài 14

TÔN TRỌNG SỰ SỐNG

Ngươi chớ giết người (Xh 20,13).

"Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: Chớ giết người. Ai giết người sẽ bị đưa ra tòa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai giận anh em mình, thì cũng đáng bị đưa ra tòa rồi" (Mt 5,21-22).

"Sự sống của con người là điều linh thánh, vì từ ban đầu sự sống này nằm trong quyền lực sáng tạo của Thiên Chúa và luôn liên kết với cứu cánh duy nhất của mình là chính Đấng Sáng Tạo. Từ khởi thủy cho đến cùng tận đời người, chỉ có Thiên Chúa là chủ sự sống: trong bất cứ hoàn cảnh nào, không ai được phép trực tiếp hủy hoại mạng sống người vô tội" (x."Donum Vitae" trang 5).

I. TÔN TRỌNG SỰ SỐNG CON NGƯỜI:

1. Chứng cứ trong lịch sử cứu độ:

a) Trong trình thuật Cain giết em là Aben (St 4,8-12), Thánh Kinh cho thấy ngay từ đầu lịch sử loài người, trong lòng người có sự giận dữ và ganh tị là hậu quả của nguyên tội. Con người trở thành kẻ thù của đồng loại. Thiên Chúa vạch rõ huynh đệ tương tàn là một tội ác: "Ngươi đã làm gì? Máu của em ngươi từ mặt đất kêu thấu đến Ta. Thì bây giờ, ngươi bị nguyền rủa, bị lưu đày khỏi mặt đất đã banh miệng uống máu em ngươi, do tay ngươi làm đổ ra" (St 4,10-11).

Giao ước giữa Thiên Chúa và loài người đầy những lời nhắc nhở: Thiên Chúa ban hồng ân sự sống cho con người; còn con người không ngừng chém giết nhau.

b) Thánh Kinh giải thích điều răn thứ năm: "Ngươi không được giết kẻ vô tội và người công chính" (Xh 23,7). Cố ý giết kẻ vô tội là lỗi nặng phạm đến phẩm giá con người, phạm đến luật vàng của Đức Kitô và sự thánh thiện của Đấng Sáng Tạo. Luật cấm giết người có giá trị phổ quát, buộc mọi người và mỗi người, mọi lúc và mọi nơi.

2. Tự vệ:

a) Quyền tự vệ chính đáng của cá nhân hay tập thể không phải là ngoại lệ của luật cấm giết người vô tội, nghĩa là cấm cố sát. "Hành động tự vệ đưa đến hai hậu quả: một là cứu lấy chính mạng sống mình, hai là giết kẻ tấn công. Chỉ được phép nhắm tới điều trước, chứ không phải điều sau" (T.Tôma Aquinô).

b) Để tự vệ, không được sử dụng bạo lực quá mức cần thiết, nhưng được ứng phó cách tương xứng....Và để được cứu rỗi, chúng ta không buộc phải từ bỏ hành động tự vệ chính đáng, để tránh giết kẻ khác, vì chúng ta có bổn phận phải giữ gìn mạng sống mình hơn là mạng sống của kẻ khác (T.Tôma Aquinô).

c) Tự vệ chính đáng không những là quyền, nhưng còn là một trọng trách đối với người có trách nhiệm bảo vệ mạng sống kẻ khác. Việc bảo vệ công ích đòi phải đặt kẻ xâm phạm bất chính vào tình trạng không thể tác hại. Vì lý do này, những nhà chức trách hợp pháp có quyền sử dụng cả đến vũ khí để ngăn chận những kẻ xâm phạm đến cộng đồng dân sự được ủy thác cho mình.

3. Tội cố ý giết người:

a) Điều răn thứ năm coi việc giết người cách cố tình và trực tiếp là một tội trọng. Kẻ sát nhân và đồng lõa phạm cùng một tội "tiếng máu kêu oan đến trời."(St 10)

Tội giết con cái, anh em, cha mẹ, vợ chồng là những tội ác ghê tởm vì cắt đứt liên hệ tình thân. Không thể biện minh cho bất cứ một tội sát nhân nào vì lý do bảo vệ nòi giống tốt hay y tế xã hội, dù chánh quyền có ra lệnh.

b) Điều răn thứ năm cũng cấm những hành động cố ý gây chết người cách gián tiếp. Nếu không có lý do nghiêm trọng, luật luân lý cấm không được phép đặt một người vào chỗ nguy hiểm sinh tử, cũng như không được phép từ chối giúp đỡ một người đang lâm nguy.

4. Phá thai:

a) Sự sống con người phải được tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ từ lúc được thụ thai. Ngay từ giây phút bắt đầu hiện hữu, con người phải được kẻ khác nhìn nhận các quyền làm người, trong đó có quyền được sống là quyền bất khả xâm phạm của mọi người vô tội.

Cộng tác vào chính việc phá thai là một lỗi nặng. Theo giáo luật, Hội Thánh ra vạ tuyệt thông cho kẻ phạm tội này. "Ai thi hành việc phá thai, và việc phá thai có kết quả, thì mắc vạ tuyệt thông tiền kết" (GL 1398), "do chính hành vi phạm tội" và theo những điều kiện đã được giáo luật dự liệu. Như thế Hội Thánh không có ý giới hạn lòng thương xót của Thiên Chúa, nhưng muốn nhấn mạnh tính cách nghiêm trọng của tội ác đã phạm, sự thiệt hại không sửa chữa được đã gây ra cho trẻ vô tội bị giết chết, cho cha mẹ của em và cho toàn xã hội.

b) Quyền được sống là quyền bất khả nhượng của mọi người vô tội. Đây là một yếu tố nền tảng của xã hội dân sự và luật pháp:

Ngay từ lúc thành thai, phôi thai phải được đối xử như một nhân vị, nên phải được hết sức bảo vệ toàn vẹn, chăm sóc và chữa trị như mọi con người.

c) Về mặt luân lý, *khám thai* là điều được phép làm, nếu nó tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi thai và của thai nhi, và nếu nó được nhắm tới sự bảo tồn hay chữa trị chính phôi thai hay thai nhi. Việc khám thai nghịch với luật luân lý cách nghiêm trọng, khi có ý khám thai để căn cứ vào kết quả có thể dẫn đến phá thai. Khám thai không thể trở thành phiên tòa tuyên án tử hình.

"Sản xuất những phôi thai con người với dụng ý khai thác như một vật liệu sinh vật học tiện dụng là phản đạo đức".

5. Giết chết để tránh đau:

a) Phải đặc biệt tôn trọng sự sống của những người tàn tạ, yếu ớt. Những người bệnh hoạn tật nguyền phải được nâng đỡ để sống một cuộc sống càng bình thường càng tốt.

Với bất cứ lý do nào và bất cứ phương thế nào, việc trực tiếp giết chết để tránh đau vẫn là nhằm chấm dứt sự sống của những người tật nguyền, đau yếu hoặc hấp hối. Về phương diện luân lý, việc này không thể chấp nhận được.

b) Có thể ngưng các phương thức trị bệnh quá tốn kém, mạo hiểm, dị thường hoặc không tương xứng với những kết quả mong muốn. Luân lý không đòi buộc phải chữa bệnh với bất cứ giá nào. Chúng ta không muốn giết người, nhưng chấp nhận không thể ngăn cản được sự chết.

Dù bệnh nhân sắp chết, vẫn phải tiếp tục chăm sóc bình thường. Về mặt luân lý, việc sử dụng các loại thuốc giảm đau, để làm dịu bớt sự đau đớn của người hấp hối, ngay cả khi có nguy cơ rút ngắn cuộc sống vẫn được xem là xứng hợp với nhân phẩm, miễn là không nhắm đến cái chết như mục đích hay như phương tiện, nhưng chỉ được tiên đoán và chấp nhận như điều không thể tránh. Săn sóc người hấp hối là một hình thức đặc biệt của đức bác ái vô vị lợi, cần được khuyến khích.

6. Tự sát:

a) Mỗi người chịu trách nhiệm về sự sống của mình trước mặt Thiên Chúa là đấng ban sự sống. Chính Người vẫn là Chủ tối thượng của sự sống. Chúng ta có bổn phận đón nhận với lòng biết ơn và gìn giữ sự sống để tôn vinh Thiên Chúa và được cứu độ. Chúng ta là người quản lý chứ không phải là chủ của sự sống mà Chúa đã trao ban. Chúng ta không có quyền định đoạt về mạng sống mình.

b) Ta không được tuyệt vọng về phần rỗi đời đời của những người tự tử. Thiên Chúa có thể thu xếp cho họ có cơ hội sám hối để được ơn tha thứ, bằng những đường lối mà chỉ một mình Người biết. Hội Thánh vẫn cầu nguyện cho những người hủy hoại mạng sống mình.

II. TÔN TRỌNG PHẨM GIÁ CON NGƯỜI:

1. Tôn trọng linh hồn tha nhân:

a) Gương xấu là thái độ hoặc cách sống làm cho người khác bắt chước làm điều xấu. Kẻ làm gương xấu cám dỗ người thân cận, làm hại đến nhân đức và sự chính trực của họ, và có thể đưa người anh em đến cái chết về phần linh hồn. Nếu vì làm một điều xấu hay bỏ một điều tốt, mà lôi kéo tha nhân đến chỗ phạm một lỗi nặng, thì gương xấu ấy là một lỗi nặng.

b) Gương xấu đặc biệt nghiêm trọng khi người gây gương xấu có uy thế hay người vấp phạm vì gương xấu là kẻ yếu đuối. Chúa Giêsu đã chúc dữ: "Ai làm cớ cho một trong những tín hữu của Thầy sa ngã, thì thà treo cối đá lớn vào cổ nó mà xô cho chìm xuống biển còn hơn" (Mt 18,6) (x.1 Cr 8,10-13). Gương xấu còn nghiêm trọng hơn nữa khi do người có bổn phận dạy dỗ và giáo dục kẻ khác gây ra. Đức Giêsu đã quở trách các kinh sư và các Pharisêu: họ như sói đội lốt chiên (x.Mt 7,15).

2. Tôn trọng sức khỏe:

Đức tiết độ giúp con người tránh mọi thái quá như: ăn uống quá độ, rượu chè, say sưa lạm dụng thuốc lá và y dược. Những người say rượu hoặc say mê tốc độ, gây nguy hiểm cho tha nhân và ngay chính mình trên đường bộ, đường thủy và đường hàng không, đều phạm tội nặng.

Việc sử dụng ma túy gây tác hại nặng nề cho sức khỏe và mạng sống con người. Chỉ trừ trường hợp trị liệu, sử dụng ma túy là một lỗi nặng. Bí mật sản xuất và buôn bán ma túy là tội ác, vì cộng tác trực tiếp vào các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật luân lý, do hậu quả lôi cuốn người ta phạm tội.

3. Tôn trọng con người và nghiên cứu khoa học:

Những thí nghiệm khoa học, y học hoặc tâm lý học, trên những con người hoặc các nhóm người, có thể góp phần vào việc chữa bệnh và tiến bộ của y tế công cộng.

a. Những *nghiên cứu và thí nghiệm trên con người* không thể biện minh cho những hành vi tự chúng vẫn nghịch với phẩm giá con người và luật luân lý. Ngay cả sự ưng thuận của đương sự cũng không biện minh được cho những hành vi đó. Về mặt luân lý, không được phép thí nghiệm trên con người nếu thấy trước những rủi ro không cân xứng hay có thể tránh được cho mạng sống và sự toàn vẹn tâm sinh lý của đương sự. Những thí nghiệm như thế không phù hợp với phẩm giá của con người, nhất là khi không có sự hiểu biết và ưng thuận của đương sự và của những người có quyền theo pháp luật.

b. Việc *ghép các bộ phận cơ thể* phù hợp với luật luân lý nếu các nguy hiểm và rủi ro về thể xác và tâm lý nơi người cho, cân xứng với lợi ích của người nhận. Hiến các bộ phận sau khi chết là điều cao quí đáng khen thưởng, và phải được khuyến khích như một biểu lộ tình liên đới quảng đại. Về phương diện luân lý, không thể chấp nhận lấy bộ phận nếu người cho, hoặc những thân nhân có quyền, không minh thị đồng ý. Cũng vậy, về phương diện luân lý, không thể chấp nhận việc trực tiếp gây tàn phế hoặc cái chết cho một người, dù nhằm mục đích kéo dài đời sống của những người khác.

4. Tôn trọng sự toàn vẹn của thân thể:

Nạn bắt cóc và giữ làm con tin, gây kinh hoàng và tạo áp lực nặng nề cho những nạn nhân. Về phương diện luân lý, những việc này là bất chính. Dùng khủng bố để đe dọa, gây thương tích và giết người bừa bãi là đi ngược lại công bình và bác ái cách nghiêm trọng. Tra tấn thể xác hay tinh thần để điều tra, để trừng phạt tội phạm, đe dọa đối phương, để trả thù, là đều nghịch với sự tôn trọng con người và phẩm giá con người.

Ngoài những trường hợp trị liệu, việc cố tình cắt bỏ, hủy hoại hoặc triệt sản, thực hiện trên những người vô tội đều nghịch với luật luân lý (x.DS 3722).

5. Tôn trọng người chết:

Phải lưu tâm săn sóc những người hấp hối để giúp họ sống những giây phút cuối đời cách tốt đẹp và bình an. Thân nhân phải nâng đỡ họ bằng lời cầu nguyện và lo cho họ lãnh nhận các bí tích đúng lúc, để chuẩn bị họ gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống.

Hội Thánh cho phép hỏa táng nếu việc này không phương hại tới đức tin vào sự sống lại của thân xác.

III. BẢO VỆ HÒA BÌNH:

1. Cố ý thù ghét người khác là điều nghịch với đức ái. Thù ghét tha nhân là một tội khi cố tình ước muốn điều dữ cho người ấy, và sẽ là một tội nặng khi muốn cho họ bị tai hại nặng nề: "Còn Thầy, Thầy bảo anh em: phải yêu kẻ thù, và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi anh em, như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời" (Mt 5,44-45).

Hòa bình trên trần thế là hình bóng và hoa trái của bình an của Đức Kitô, "Thủ lãnh Hòa Bình" thời Mêsia (Is 9,5). Nhờ máu đổ ra "trên Thập Giá, Người đã tiêu diệt sự thù hận" ngay trong thân xác Người (Ep 2,16). Người đã giao hòa loài người với Thiên Chúa và làm cho Hội Thánh trở thành bí tích hiệp nhất nhân loại và kết hợp nhân loại với Thiên Chúa. "Chính Người là bình an của chúng ta" (Ep 2,14). Người tuyên bố "phúc thay ai xây dựng hòa bình" (Mt 5,9).

2. Xa lánh chiến tranh:

Những người có trách nhiệm bảo vệ công ích, phải thận trọng phán đoán khi thẩm định các điều kiện cho một cuộc chiến

tự vệ chính đáng. Trong trường hợp này, Nhà Nước có quyền và bổn phận đề ra cho công dân những nghĩa vụ cần thiết để bảo vệ tổ quốc.

"Bao lâu con người còn là những kẻ tội lỗi, hiểm họa chiến tranh còn đe dọa, và vẫn còn đe dọa cho đến khi Chúa Kitô quang lâm. Tuy nhiên, nhờ kết hiệp trong bác ái, con người thắng vượt tội lỗi, và cũng thắng vượt bạo lực cho tới khi lời sau đây được hoàn tất: "Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày, rèn giáo mác nên liềm nên hái. Dân này nước nọ sẽ không còn vung kiếm đánh nhau và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến" (Is 2,4).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. "Chỉ Thiên Chúa là chủ tuyệt đối của sự sống" nghĩa là thế nào?

Sự sống bắt nguồn từ Thiên Chúa, đó chính là ân huệ Thiên Chúa trao ban cho con người. Sự sống thật là cao quý vì đã được chuộc bằng chính giá máu Con Thiên Chúa. Con người không ai được vi phạm sự sống của mình và của người khác. Chỉ Thiên Chúa mới có quyền trên sự sống của con người.

2. Thế nào là tôn trọng sự sống?

- Tôn trọng sự sống là tôn trọng thân xác, tinh thần, thiêng liêng.

- Sự sống là ân huệ Thiên Chúa trao ban cho con người, chúng ta có bổn phận chăm sóc, giữ gìn. Tôn trọng sự sống tức là tôn trọng Thiên Chúa. Có những quyền lợi cần được bảo vệ để nói lên sự tôn trọng phẩm giá con người: quyền được sống, quyền có những phương tiện bảo đảm cuộc sống, quyền cư trú, quyền được chăm sóc sức khoẻ, quyền có công ăn việc làm…

- Vì con người hơn con vật ở chỗ con người có lý trí. Con người có cuộc sống tinh thần, cuộc sống này cũng cần được bảo vệ: quyền tự do tư tưởng và bày tỏ những suy nghĩ của mình, quyền được tôn trọng danh dự, tự do tôn giáo.

- Ngoài ra con người còn có đời sống tâm linh là thiêng liêng: không nên ngăn cản người khác làm bổn phận thiêng liêng, hoặc hèn nhát không dám tuyên xưng niềm tin của mình trước mặt mọi người.

CÂU CHUYỆN VEN ĐƯỜNG

Một số người thoảng qua cuộc đời ta,
Một số khác ở lại đôi chút và ghi dấu trong tim ta,
Và từ dạo đó, ta dường như không còn như xưa nữa.

Khuyết danh.

Trên một con đường vắng, một chiếc xe đang phóng nhanh chợt đột ngột thắng gấp lại và tấp vào lề đường. Ai đó vừa ném một viên đá vào cánh cửa chiếc xe. Bước ra khỏi xe, liếc nhìn chỗ xe bị ném, người lái xe bực tức chạy nhanh đến tóm ngay thằng bé đứng gần đó – chắc chắn nó là tác giả của vết trầy trên chiếc xe. Trước đó anh đã thấy nó vẫy xe, chắc là để đi nhờ. "Không cho đi nhờ mà mày làm như vậy hả?". Anh vừa gằn giọng vừa nắm chặt cổ áo đẩy cậu bé sát vào chiếc xe...

Cậu bé lắp bắp sợ hãi: "Em xin lỗi! nhưng em... em... không biết làm cách nào khác. Nếu em không ném vào xe thì anh đã không dừng xe... Nãy giờ em đã vẫy biết bao nhiêu xe mà không có ai chịu dừng".

Nói đến đó, nước mắt cậu bé lăn dài trên má. Cậu chỉ tay về vệ cỏ phía bên kia đường. "Có một người... anh ấy bị ngã và chiếc xe lăn của anh ấy cũng ngã. Em tình cờ đi ngang qua thấy vậy nhưng không thể đỡ nổi anh ấy vì anh ấy nặng quá".

Giọng ngắt quãng vì những tiếng nấc liên tục, cậu bé nài nỉ: "Anh có thể giúp em đưa anh ấy trở lại chiếc xe lăn được không ạ? Anh ấy ngã chắc là đau và đang bị chảy máu".

Lời nói của cậu bé khiến anh thanh niên không thể thốt lên được lời nào. Anh thấy cổ mình như nghẹn lại vì bất ngờ và xúc động. Anh đến đỡ người bị ngã trở lại ngồi ngay ngắn trên chiếc xe lăn, băng vết thương và cùng cậu bé kéo xe lên đường. Người bị ngã cảm ơn anh rồi chiếc xe bắt đầu lăn đi về phía đường ngược lại, cậu bé phụ đẩy phía sau. Anh dõi mắt nhìn theo cho đến khi hình ảnh cậu bé và chiếc xe lăn khuất hẳn.

Anh bước thật chậm về phía chiếc xe của mình, cảm giác giận dữ trong anh không còn nữa và những bước chân ngập ngừng cũng không thể diễn tả hết tâm trạng của anh lúc này. Anh quyết định không sửa lại vết trầy trên xe. Anh muốn nó sẽ nhắc anh về câu chuyện xúc động hôm nay, về một điều mà trước nay anh không để ý đến và cũng không có thời gian để ý đến.

Anh đã không nhận ra, không có được lòng trắc ẩn như cậu bé kia, anh đã tiếc thời gian và đi quá nhanh đến nỗi phải có một ai đó ném một viên đá mới làm anh dừng lại.

Bài 15

SỐNG TRONG SẠCH

"Ngươi không được ngoại tình" (Xh 20,14, Đnl 5,17).

"Anh em nghe luật dạy người xưa rằng: "Chớ ngoại tình". Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: "Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi" (Mt 5,27-28).

I. "THIÊN CHÚA SÁNG TẠO CON NGƯỜI CÓ NAM CÓ NỮ..."

1. "Thiên Chúa là tình yêu, Ngài sống mầu nhiệm hiệp thông và tình yêu nơi chính bản thân. Khi tạo dựng con người theo hình ảnh mình... Thiên Chúa trao ban cho người nam và người nữ thiên chức; do đó họ có khả năng và trách nhiệm sống yêu thương và hiệp thông" (FC 11).

Mỗi người, nam cũng như nữ, phải nhìn nhận và chấp nhận phái tính của mình. Sự khác biệt và bổ sung cho nhau về thể xác, tinh thần và tâm linh hướng đến đời sống hôn nhân và gia đình. Sự hòa hợp của đôi vợ chồng và của xã hội tùy thuộc phần nào vào việc hai bên nam nữ bổ túc, đáp ứng và nâng đỡ lẫn nhau.

2. "Khi tạo dựng con người có nam có nữ, Thiên Chúa cho họ bình đẳng về nhân phẩm" (x.FC 22, x.GS 49,2). "Con người là một nhân vị, vì thế người nam và người nữ bình đẳng với nhau, cả hai được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa"(x.MD 6).

Đức Giêsu đã đến trả lại cho thụ tạo tình trạng tinh tuyền nguyên thủy của chúng. Trong Bài Giảng Trên Núi, Người đã giải thích chính xác ý định của Thiên Chúa: "Anh em đã nghe luật dạy người xưa rằng: "Chớ ngoại tình". Còn Thầy, Thầy bảo anh em: "Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì ngoại tình trong lòng với người ấy rồi" (Mt 5,27-28). "Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp loài người không được phân ly" (Mt 19,6).

Truyền thống của Hội Thánh hiểu điều răn thứ sáu đề cập đến mọi lãnh vực về phái tính của con người.

(Xem phụ lục 1 ở cuối sách: "Đồng tính luyến ái và chuyển giới tính)

II. ƠN GỌI SỐNG KHIẾT TỊNH:

Sống khiết tịnh là làm chủ phái tính, nhờ đó thống nhất được đời sống thể lý và tinh thần. Phái tính cho thấy con người thuộc về thế giới vật chất và sinh học, nhưng khi được hội nhập vào tương quan giữa người với người, trong đó người nam và người nữ hiến thân cho nhau trọn vẹn và vĩnh viễn, phái tính mới có giá trị thực sự nhân linh. Như vậy, đức khiết tịnh liên quan đến toàn thể nhân vị và đòi hiến thân trọn vẹn.

1. Toàn thể nhân vị:

a. Người khiết tịnh giữ được toàn bộ sức mạnh của sự sống và tình yêu có nơi mình; Sự toàn vẹn này bảo đảm sự thống nhất của nhân vị chống lại mọi thái độ làm tổn thương đến sự thống nhất đó. Người khiết tịnh không chấp nhận cuộc sống hai mặt, cách nói hai ý (Mt 5,37).

b. Đức khiết tịnh bao hàm việc tập luyện sự tự chủ, để sống như một con người. Rõ ràng con người phải chọn lựa: hoặc chế ngự các đam mê và được bình an; hoặc làm nô lệ chúng và trở nên bất hạnh (Hc 1,22). "Phẩm giá con người đòi họ phải hành động theo một sự lựa chọn ý thức và tự do, được tác động và quyết định bởi một xác tín cá nhân chứ không phải chỉ dưới hiệu quả các thôi thúc của bản năng hoặc của một sự cưỡng chế bên ngoài. Con người đạt đến phẩm cách đó khi tự giải thoát khỏi mọi nô dịch của các đam mê, nhờ tự do chọn lấy điều thiện, con người theo đuổi cùng đích của mình và khôn khéo thực sự tạo cho mình những phương tiện thích ứng" (x.GS 17).

c. Muốn sống khiết tịnh phải giữ đức tiết độ, vì nhân đức này dùng lý trí để hướng dẫn các đam mê và những thèm muốn giác quan của con người.

Muốn tự chủ phải luyện tập lâu dài và công phu. Không bao giờ có thể coi như đã tập xong, phải cố gắng suốt đời, ở mọi lứa tuổi (x.Tt 2,1-6), phải đặc biệt cố gắng vào một số giai đoạn hình thành nhân cách, như tuổi nhi đồng và thiếu niên.

d. Đức khiết tịnh là một nhân đức luân lý, nhưng đó cũng là hồng ân của Thiên Chúa, một ân sủng, một hoa trái của Thánh Thần (x.Gl 5,22). Chúa Thánh Thần ban cho người tín hữu sức mạnh để noi theo (x.1Ga 3,3) sự thanh khiết của Đức Kitô.

2. Những cách sống khiết tịnh:

a. Mọi tín hữu đều được mời gọi sống khiết tịnh. Kitô hữu là người đã "mặc lấy Đức Kitô" (Gl 3,27), khuôn mẫu của đời sống khiết tịnh. Ai tin vào Đức Kitô đều được mời gọi sống đời khiết tịnh tùy theo bậc sống của mình. Khi nhận bí tích Thánh Tẩy, người tín hữu cam kết giữ đức khiết tịnh trong đời sống tình cảm.

b. "Mỗi người giữ đức khiết tịnh tùy theo bậc sống của mình: người này trong bậc trinh khiết hay độc thân của đời thánh hiến, một cách thức dễ dàng tận hiến trọn vẹn tâm hồn cho Thiên Chúa; kẻ khác trong bậc gia đình hay độc thân, tùy theo luật luân lý xác định". Người có gia đình được mời gọi giữ đức khiết tịnh trong đời sống vợ chồng; người độc thân giữ đức khiết tịnh khi sống tiết dục.

3. Những lỗi phạm đến đức khiết tịnh:

a) Dâm ô là ham muốn sai trái hay hưởng thụ vô độ khoái lạc tình dục. Khoái lạc tình dục trở thành sai trái, khi con người chỉ tìm hưởng thụ để thỏa mãn chính mình, chứ không nhằm mục đích truyền sinh và kết hợp trong tình yêu.

b) Thủ dâm là cố tình kích thích cơ quan sinh dục nhằm gây khoái lạc tình dục. "Dựa theo truyền thống ngàn đời và bất biến, huấn quyền cũng như cảm thức luân lý của các tín hữu không ngần ngại khẳng định rằng, thủ dâm tự bản chất là một hành động sai trái nghiêm trọng", vì "tự ý sử dụng khả năng tình dục ngoài quan hệ vợ chồng bình thường, dù với động lực nào đi nữa, cũng là sai mục đích".

c) Tà dâm là quan hệ xác thịt ngoài hôn nhân giữa một người nam và một người nữ. Đây là lỗi nặng, xúc phạm đến nhân phẩm và phái tính của con người, vốn qui về lợi ích của đôi vợ chồng, cũng như sinh sản và giáo dục con cái. Ngoài ra, tà dâm còn là một gương xấu nghiêm trọng khi làm băng hoại giới trẻ.

d) Sách báo và tranh ảnh khiêu dâm, cố ý phơi bày những hành vi tình dục thầm kín thực sự hay mô phỏng ấn phẩm khiêu dâm, xúc phạm đến đức khiết tịnh vì làm biến chất hành vi ái ân là việc trao ban thầm kín của vợ chồng với nhau; chúng làm tổn thương nặng nề đến phẩm giá của những người dự phần (diễn viên, kẻ kinh doanh, khán giả), vì người này trở thành đối tượng

cho một thú vui thô lỗ và là nguồn lợi nhuận bất chính cho người kia. Ấn phẩm khiêu dâm đưa tất cả những người tham gia vào thế giới ảo tưởng. Đó là một lỗi nặng. Chính quyền phải ngăn cấm việc sản xuất và phổ biến những ấn phẩm khiêu dâm này.

e) Mại dâm xúc phạm đến phẩm giá của người bán dâm vì họ biến mình thành trò vui xác thịt cho người mua dâm. Kẻ mua dâm phạm tội nặng nơi bản thân: họ vi phạm đức khiết tịnh đã cam kết khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, và làm ô uế thân xác là đền thờ Chúa Thánh Thần (1Cr 6,15-20). Mại dâm là một đại họa cho xã hội, thường là phụ nữ hành nghề, nhưng cũng có đàn ông, trẻ em cũng như thiếu niên (trong hai trường hợp cuối, tội thêm nặng vì gây gương mù, gương xấu). Mại dâm bao giờ cũng là tội trọng.

g) Hiếp dâm là dùng bạo lực bắt kẻ khác quan hệ nhục dục với mình. Đây là tội phạm đến công bằng và bác ái. Hiếp dâm tự nó là một hành vi xấu xa, tội này lại càng nặng nề hơn nữa, khi cha mẹ hay người giáo dục lạm dụng thân xác các em được ủy thác cho họ.

4. Đức khiết tịnh và sự đồng tính luyến ái:

a. *Đồng tính luyến ái* là những liên hệ giữa những người nam hay nữ cảm thấy bị lôi cuốn tính dục với người đồng phái nhiều hơn với người khác phái. Các hành vi này nghịch với luật tự nhiên vì loại bỏ chủ đích truyền sinh của hành vi tính dục, cũng không xuất phát từ nhu cầu bổ túc thực sự về tình cảm và tính dục. Những hành vi này không thể chấp nhận được trong bất cứ trường hợp nào.

b. Đừng quên một số người đã có *khuynh hướng đồng tính luyến ái thâm căn*. Đối với đa số những người này, khuynh hướng lệch lạc ấy là một thử thách. Chúng ta phải đón nhận họ với lòng tôn trọng, thông cảm và tế nhị, tránh đối xử bất công.

III. TÌNH YÊU VỢ CHỒNG:

1. **Trong hôn nhân**, ái ân trở thành dấu chỉ và bảo đảm của sự hiệp thông tinh thần. Giữa hai tín hữu, dây liên kết hôn nhân được thánh hóa bằng bí tích.

a) "Nhờ khả năng tính dục, người nam và người nữ hiến thân cho nhau qua những hành vi dành riêng cho vợ chồng.

Tính dục không chỉ là hành vi sinh lý, nhưng liên can đến những điều thâm sâu nhất của nhân vị. Tính dục chỉ thực sự xứng đáng với con người, khi nó là thành phần không thể thiếu của tình yêu giữa người nam và người nữ đã cam kết hiến thân cho nhau trọn vẹn suốt đời (FC 11).

"Những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự hiến thân cho nhau nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong hoan lạc và biết ơn" (x.GS 49,2).

b) Chính Đấng Sáng Tạo... đã muốn rằng trong nhiệm vụ truyền sinh đôi vợ chồng cảm thấy một sự vui thú và thỏa mãn nơi thân xác và tinh thần. Vì vậy, vợ chồng chẳng làm điều gì xấu khi tìm kiếm và tận hưởng sự khoái lạc đó. Họ đón nhận những gì Đấng Sáng Tạo đã ban cho. Tuy nhiên, họ phải biết giữ tiết độ.

Nhờ sự kết hợp của vợ chồng, hai mục đích của hôn nhân được thực hiện: lợi ích của chính đôi vợ chồng và lưu truyền sự sống. Không thể tách rời hai ý nghĩa hoặc hai giá trị này của hôn nhân mà không làm biến chất đời sống tinh thần của vợ chồng cũng như phương hại đến lợi ích của hôn nhân và tương lai của gia đình.

Như thế tình yêu vợ chồng đòi hỏi người nam và người nữ vừa phải chung thủy vừa phải sẵn sàng đón nhận con cái.

2. Sự thủy chung của vợ chồng: (GL 1646-1648)

"Đấng Sáng Tạo đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và yêu thương của đôi vợ chồng. Đời sống chung này được gầy dựng do giao ước hôn nhân nghĩa là sự ưng thuận cá nhân và không thể rút lại (GS 48,1). Cả hai hiến thân cho nhau vĩnh viễn và trọn vẹn. Họ không còn là hai, nhưng đã trở thành một thân thể duy nhất. Khi đã tự do cam kết, hôn ước buộc đôi vợ chồng không được tiêu hủy hoặc lập một hôn ước khác. "Sự gì Thiên Chúa đã liên kết, thì loài người không được phân ly" (Mc 10,9) (x.Mt 19,1-12, 1 Cr 7,10-11).

3. Chức năng truyền sinh:

a) Truyền sinh là một ân huệ, một mục tiêu của hôn nhân, vì tình yêu vợ chồng tự nhiên hướng về việc sinh sản con cái.

Con cái là hoa quả và thành tựu của tình yêu vợ chồng, hiện diện ngay trong việc vợ chồng hiến thân cho nhau, chứ không phải một cái gì từ bên ngoài được ghép vào. Vì thế Hội Thánh "bảo vệ sự sống" (x.FC 30) và dạy rằng "mọi hành vi ân ái phải tự nó mở ngỏ cho việc truyền sinh" (HV 11). Đây là điều chính Thiên Chúa đã muốn và con người không được tách rời.

b) Vì được mời gọi thông truyền sự sống, đôi vợ chồng tham dự vào quyền năng sáng tạo và tư cách làm cha làm mẹ cùng với Thiên Chúa (Ep 3,14, Mt 23,9). "Trong khi thi hành bổn phận truyền sinh và giáo dục (điều phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng), đôi vợ chồng biết rằng mình cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa sáng tạo và như trở thành những người diễn đạt tình yêu của Người. Do đó, họ sẽ chu toàn bổn phận trong tinh thần trách nhiệm của một con người và của Kitô hữu" (x.GS 50,2).

c) Một khía cạnh đặc biệt của trách nhiệm đó là điều hòa truyền sinh. Khi có lý do chính đáng, đôi vợ chồng có quyền kéo dài khoảng cách giữa các lần sinh nở. Chính họ phải chứng thực rằng ước muốn đó không do ích kỷ, nhưng xứng hợp với lòng quảng đại chính đáng của bậc làm cha mẹ có trách nhiệm. Ngoài ra, họ phải xử sự theo những tiêu chuẩn khách quan của luân lý.

4. Con cái là quà tặng của Thiên Chúa:

Thánh Kinh và Thánh Truyền coi những gia đình đông con là một dấu chỉ phúc lành của Thiên Chúa và lòng quảng đại của cha mẹ (x.GS 50,2).

a) Thật đau khổ cho những đôi vợ chồng không con. "Ông Abraham thưa: Lạy Đức Chúa, Chúa sẽ ban cho con cái gì? Con ra đi mà không con cái" (St 15,2). Rakhen nói với chồng mình là Giacóp: "Xin cho tôi được có con, không thì tôi chết mất" (St 30,1)

Những nghiên cứu nhằm giải quyết chứng vô sinh rất đáng khuyến khích, với điều kiện chúng phải "phục vụ con người, phục vụ các quyền bất khả nhượng cũng như lợi ích đích thực và toàn vẹn của con người, đúng theo dự định và ý muốn của Thiên Chúa" (x."Donum vitae" 2).

b) Đứa trẻ không phải là một của nợ, nhưng là moat món quà. "Món quà ưu việt của hôn nhân" là một con người. Không

được coi đứa trẻ như một vật sở hữu, như người ta thường nghĩ là mình có "quyền trên con cái". Trong lãnh vực nầy, đứa trẻ thực sự có những quyền: quyền được sinh ra trong tình yêu của cha mẹ, và quyền được tôn trọng như một con người ngay từ lúc mới thành thai.

c) Tin Mừng cho thấy vô sinh thể lý không phải là một điều dữ tuyệt đối. Đôi vợ chồng nào, sau khi đã tận dụng mọi trợ giúp chính đáng của y khoa, vẫn phải chịu nỗi đau khổ vô sinh, được mời gọi liên kết với Thập Giá của Chúa là nguồn mạch mọi phong phú thiêng liêng. Họ có thể sống quảng đại bằng cách nhận nuôi những đứa trẻ bị bỏ rơi hoặc tham gia công tác phục vụ tha nhân.

IV. NHỮNG XÚC PHẠM ĐẾN PHẨM GIÁ HÔN NHÂN:

1. Ngoại tình là thất tín của vợ chồng. Khi hai người nam nữ có quan hệ tính dục với nhau, dù là nhất thời mà trong đó có ít nhất một người đã kết hôn thì cả hai phạm tội ngoại tình. Các ngôn sứ tố giác tội ngoại tình là tội trọng vì là một trong các hình thức thờ ngẫu tượng (Hs 2,7; Gr 5,7; 13,27).

Ngoại tình là điều bất công. Người phạm tội đó bỏ không thực hiện những cam kết của mình, làm tổn hại đến dây liên kết hôn nhân là dấu chỉ của sự giao ước, vi phạm quyền của người phối ngẫu và xâm phạm định chế hôn nhân khi lỗi phạm hôn ước. Người ấy làm phương hại đến lợi ích của việc sinh sản và của con cái vốn cần đến sự kết hợp bền vững của cha mẹ.

2. Ly hôn: Chúa Giêsu nhấn mạnh đến ý định ban đầu của Đấng Sáng Tạo là hôn nhân bất khả phân ly (x.Mt 5,31-32; 19,3-9; Mc 10,9; Lc 16,18; 1Cr 7,10-11). Người bãi bỏ những khoan nhượng trong luật cũ (x.Mt 19,7-9).

Giữa hai người đã chịu bí tích Thánh Tẩy, "hôn nhân đã ký kết và hoàn hợp thì không thể bị tháo gỡ bởi bất cứ quyền lực nhân loại nào, bất cứ vì lý do gì, ngoại trừ cái chết". Trong một số trường hợp đã được Giáo Luật dự liệu, đôi vợ chồng có thể được phép *ly thân* nhưng vẫn còn duy trì dây liên kết hôn nhân (GL 1151-1155).

Nếu việc ly hôn về phần đời là phương cách duy nhất còn lại để bảo đảm một số quyền lợi chính đáng, chăm sóc con

cái hoặc bảo vệ gia sản, thì có thể tạm chấp nhận mà không lỗi về luân lý.

3. Ly dị vi phạm nghiêm trọng luật tự nhiên, phế bỏ khế ước mà vợ chồng đã tự do ưng thuận để sống với nhau cho đến chết. Ly dị làm tổn hại giao ước cứu độ mà bí tích Hôn Phối là dấu chỉ. Tái hôn dù được luật đời công nhận càng làm cho tình trạng đổ vỡ thêm tệ hại: người tái hôn, sau khi ly dị, phạm tội ngoại tình công khai và thường xuyên:

Ly dị là phi luân vì làm xáo trộn gia đình và xã hội. Việc xáo trộn này kéo theo nhiều tổn hại nghiêm trọng: cho người phối ngẫu vì bị ruồng bỏ; cho con cái phải đau khổ vì cha mẹ phân ly, và lắm khi còn bị dằng co không biết theo ai; cho xã hội vì hiệu quả lây lan của nó, nó thực sự là một tai ương cho xã hội.

4. Những xúc phạm khác đến phẩm giá hôn nhân:

a) Tội loạn luân là quan hệ tính dục giữa những người họ hàng cùng huyết tộc hoặc hôn thuộc, mà luật cấm kết hôn với nhau (Lv 18,7-20). Thánh Phaolô lên án trọng tội này. Tội loạn luân phá vỡ quan hệ gia đình và cho thấy sự thoái hóa trở về thú tính.

Có thể gọi là loạn luân, những lạm dụng tính dục do những người trưởng thành đối với trẻ con hoặc thiếu niên đã được ủy thác cho họ. Người phạm tội này phải chịu trách nhiệm gấp đôi: một mặt vì gây gương xấu xâm phạm đến sự toàn vẹn thể lý và luân lý của các người trẻ, và để lại hậu quả tai hại suốt đời, mặt khác vì họ lỗi trách nhiệm giáo dục của mình.

b) Tự do sống chung là khi một người nam và một người nữ sống như vợ chồng nhưng không chịu tiến hành hôn nhân chính thức theo luật. Kiểu nói tự do sống chung là dối trá, vì có nghĩa gì một sự kết hợp trong đó hai con người không cam kết với nhau và do đó cũng chứng tỏ rằng họ không tín nhiệm nơi người kia, nơi chính mình, hoặc ở tương lai?

Ngày nay, nhiều người đòi hỏi *"quyền thử nghiệm"*, khi có ý định kết hôn. Dù những người quan hệ tính dục tiền hôn nhân có quyết tâm kết hôn, cũng không thể bảo đảm quan hệ liên vị giữa họ là chân thật và thủy chung, và nhất là giữ cho quan hệ này khỏi những ý muốn ngông cuồng và nông nổi (x."Persone humana" 7). Về phương diện luân lý, sự kết hợp xác thịt chỉ hợp

pháp khi đã chính thức kết hôn. Tình yêu không chấp nhận thử nghiệm; nhưng đòi hỏi hiến thân cho nhau trọn vẹn và dứt khoát (x.FC 80).

V. THANH LUYỆN TÂM HỒN:

Tâm hồn là trung tâm của nhân cách luân lý: "Từ trong lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình và tà dâm" (Mt 15,19). Muốn chiến đấu chống lại nhục dục chúng ta phải thanh luyện tâm hồn và sống tiết độ: Hãy sống đơn sơ, trong trắng bạn sẽ nên như trẻ thơ không biết đến điều ác đang hủy hoại cuộc sống con người (Hermas, mand. 2,1).

Thiên Chúa cho những người có "lòng trong sạch ngay thẳng" được ngắm nhìn Thiên Chúa tận mắt và trở nên giống Người (x.1Cr 13,12; 1Ga 3,2). Sự trong sạch của tâm lòng là điều kiện tiên quyết để được 'thấy Thiên Chúa'. Ngay từ bây giờ, người có lòng trong sạch biết nhìn mọi sự theo cái nhìn của Thiên Chúa, biết đón nhận tha nhân như người "thân cận", biết nhận ra thân xác của mình cũng như của người khác, là đền thờ của Chúa Thánh Thần, là phản ánh của Thiên Chúa tuyệt mỹ.

VI. CHIẾN ĐẤU ĐỂ SỐNG TRONG SẠCH:

1. Bí tích Thánh Tẩy thanh luyện chúng ta khỏi mọi tội lỗi. Nhưng người tín hữu còn phải tiếp tục chiến đấu chống lại nhục dục và những thèm muốn bất chính. Với ân sủng của Chúa, họ sẽ chiến thắng: Nhờ kinh nguyện

♦ Nhờ nhân đức và ơn khiết tịnh, vì đức khiết tịnh giúp họ biết yêu thương với tấm lòng ngay thẳng và không san sẻ.

♦ Nhờ ý hướng trong sạch luôn nhắm đến cứu cánh đích thực của con người: nghĩa là, với cái nhìn đơn sơ, họ lo tìm kiếm.

♦ Sống nết na, chúng ta bảo vệ được điều huyền nhiệm về con người và tình yêu. Người nết na biết nhẫn nại và điều độ trong quan hệ yêu đương, lo thực hiện đầy đủ các điều kiện của sự dâng hiến và dấn thân vĩnh viễn giữa người nam và người nữ. Nết na chính là đoan trang. Người nết na cẩn thận trong cách ăn mặc, biết im lặng hay dè dặt tránh những tò mò thiếu lành mạnh. Người nết na cũng là người kín đáo.

2. Chúng ta phải giữ nết na trong tình cảm cũng như thể xác. Chẳng hạn người nết na chống lại việc phơi bày thân xác con

người để thỏa mãn thị dục trong quảng cáo, hoặc chống lại việc khai thác bí mật đời tư trên phương tiện truyền thông. Người nết na không chạy theo những quyến rũ của thời trang và các trào lưu tư tưởng thời thượng.

Chủ trương sống phóng túng phát xuất từ quan niệm sai lạc về tự do. Muốn có tự do đích thực, điều tiên quyết là con người phải được giáo dục; phải dạy cho người trẻ biết tôn trọng sự thật, các đức tính, phẩm giá luân lý và thiêng liêng của con người.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Nói rằng "nết na" trong cách phục sức, biểu lộ tình cảm phải được luyện tập và hướng dẫn nghĩa là gì?

Cha ông mình dạy: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Lời nói, hành động, trang phục thể hiện tác phong của người ấy.

Thí dụ: Học sinh, công nhân, tiếp viên, diễn viên…. Biết trang phục sao cho đúng hoàn cảnh đúng vai trò cũng là một nét văn hoá cần học hỏi. Tránh đua đòi chạy theo thời trang ăn mặc lố lăng gây phiền hà cho người khác. Trang phục cũng biểu lộ lòng kính trọng với những người xung quanh, với bạn bè, người trên….. Nói năng lễ phép, kính trên, nhường dưới, hoà nhã với mọi người. Với bản thân, biết tự chủ và giữ gìn sức khoẻ, làm đẹp thân xác đúng cách cũng là một cách ca ngợi Thiên Chúa vì thân xác ta là tặng phẩm quý giá Thiên Chúa trao ban, phải chăm sóc, giữ gìn và rèn luyện những đức tính tốt vì con người dễ dàng chiều theo những thói hư tật xấu nếu không biết học hỏi và tu dưỡng những đức tính cần thiết cho con người.

2. Video "đen" nghĩa là gì? Tại sao giáo hội và cả xã hội cũng cấm?

- "Đen" nghĩa là bôi đen tư tưởng, hành động dẫn con người đến sai lạc, đến những hành vi xấu.

- Video "đen" là những cuốn phim mang nội dung xấu khai thác phần hạ, tình cảm lệch lạc, dễ dẫn người ta vào lầm lỗi. Vì thế loại phim ảnh đồi trụy này cả Giáo Hội và xã hội đều lên án và nghiêm cấm lưu hành.

CÚ SỐC ĐẦU TIÊN CỦA MỘT ÔNG BỐ TRẺ

Khi tôi ngồi viết bài này, con trai tôi đã được 3 tháng tuổi, và một trong những ông bạn thân thiết nhất của tôi thì đang bắt đầu trải qua 24h 'bi kịch' đầu tiên của một ông bố trẻ. Tôi thấy hắn ta viết một 'status' trên facebook của bản thân và không ngừng kêu gào về việc 'làm thế nào để thay tã cho con' hay 'tại sao vợ mình lại không ngừng khóc lóc kêu đau kể cả khi đã… đẻ xong rồi?".

Tôi rất phân vân giữa việc gửi cho ông bạn thân một tin nhắn 'an ủi' hay là cứ âm thầm ngồi rung đùi ở nhà để hắn ta cũng phải trải qua những giây phút cực 'shock' như tôi đã từng? Cuối cùng thì tôi quyết định ngồi dậy, đi đến bên chiếc laptop của mình và tranh thủ lúc con trai ngủ để viết ra đây vài dòng lưu ý với các ông bố trẻ. Cũng coi như là 'món quà' mừng ông bạn chính thức lên chức. 'Bí kíp sống sót' của tôi hẳn sẽ có chút tác dụng với cánh đàn ông lần đầu làm bố.

Làm sao đây, tôi không biết... bế con! Ngay khi em bé của chúng ta mới chào đời, chắc chắn điều đầu tiên khiến các ông bố như tôi đây lo lắng, đó chính là chúng ta… không biết bế con. Cơ sự này sẽ xảy ra ngay khi các cô hộ lý xinh đẹp trao cho chúng ta đứa con của mình. Nhìn đứa trẻ sơ sinh bé xíu xiu chưa bằng cái phích, mong manh dễ vỡ còn hơn…thủy tinh, rất nhiều ông bố trẻ lo lắng sẽ làm đau con hay thậm chí là bế không đúng cách có thể khiến con…gãy xương. Tôi cũng không ngoại lệ.



Hãy nhớ, bạn không cần phải trở thành siêu nhân, anh hùng hay ông bố của năm, chỉ cần trở thành người bố tuyệt vời nhất của chính con bạn. *(Ảnh minh họa)*

Tuy nhiên, đừng quá căng thẳng. Tôi đã rất mạnh dạn nhờ mẹ mình, mẹ vợ và cả các cô hộ lý xinh đẹp hướng dẫn mình cách bế con. Chỉ mất 1,2 ngày đầu lóng ngóng. Về sau, tôi đã hoàn toàn tự tin với khả năng ẵm bế trẻ sơ sinh của mình.

Chỉ có một 'vũ khí hạng nặng' duy nhất có thể làm cho chúng ta, những ông bố trẻ, thôi băn khoăn về chuyện bế ẵm,

đó chính là… phân của con. Ngửi phân, dọn phân và rửa mông cho con dường như đã trở thành một phần tất yếu đầy… thi vị trong cuộc sống mới của tôi khi đó. Trẻ sơ sinh không biết nói và chúng dùng phân của mình như một phương thức nhằm thông báo cho bố mẹ về tình trạng sức khỏe của con. Cách tốt nhất để tôi kiểm soát tình trạng của con trai mình, đó là 'nghiên cứu' thật kỹ những cái bỉm tôi thay.

Như đã 'google' từ trước, tôi biết rằng trong những ngày đầu này, trẻ sẽ đi 'phân su' màu đen. Tuy nhiên, tôi lại không tiếp tục đọc những dòng tiếp theo mà đã vội vã bỏ máy tính đi… nhậu với mấy ông bạn. Chính vì vậy, tôi vô cùng hoảng hốt khi thấy con trai mình bỗng nhiên ngừng đi tiêu phân su mà chuyển sang một dạng lỏng lỏng màu vàng mù tạt, lại có dính cả những hạt nhỏ y như hạt vừng. Tôi hoảng hốt tột độ vì nghĩ là mình đã cho con uống sữa không sạch, hay đường ruột của bé bị hỏng? liệu gan và thận có vấn đề gì không…? Tôi nhìn thấy cái bỉm với số phân 'kỳ lạ' này vào lúc 3h sáng và không thể ngủ nổi được nữa.

Tuy nhiên, không phải quá hoảng hốt như vậy nếu các ông bố trẻ đọc bài viết này của tôi. Hãy nhớ, toàn bộ phân của trẻ sơ sinh có màu vàng mù tạt hạt như vậy là bình thường. Đó chính là loại phân 'hoa cà hoa cải' nổi tiếng mà chúng ta hay nghe. Lý do tại sao phân lại dính hạt? Đó có lẽ là một trong những bí ẩn lớn nhất của nhân loại. Hoặc có thể bác sĩ nhi khoa của vợ chồng tôi đã giải thích cho tôi, nhưng tôi đã ngủ gật lúc đó với đôi mắt lờ đờ vì thức đêm lo lắng.

Ngủ cũng không yên

Tôi chắc chắn rằng bố mẹ bạn, bố mẹ vợ của bạn và rất nhiều những ông bạn chiến hữu đã có con đều nhắc nhở bạn rằng "hãy tranh thủ ngủ ngay khi con ngủ". Điều này nhắc lại một lần nữa không bao giờ thừa. Tôi đã từng nghĩ rằng mình có thể thức đêm làm việc (hay chơi game) từ 12h đếm đến suốt 5h sáng mà không làm sao thì việc trông con ban đêm hẳn không vấn đề gì. Tuy nhiên thực tế không đơn giản như vậy, thức đêm trông con mệt và vất vả hơn thức đêm để làm việc (hay chơi game) rất nhiều. Các ông bố trẻ ban đầu sẽ không bao giờ có thể ngủ được hơn 60 phút liên tục. Tôi cũng vậy. Không phải vì con trai tôi quấy khóc và tỉnh giấc giữa đêm mà đơn giản là vì lần đầu làm bố, tôi rất lo lắng liệu con có ngủ ngon hay không, có trở mình

và liệu con có thể bị ngạt hay thậm chí là… mắc hội chứng đột tử khi ngủ hay không. Vậy là cứ mỗi 30 phút, tôi lại nhỏm dậy, quan sát kỹ con mình để đảm bảo rằng con vẫn đang ngủ ngon.

Vấn đề ở đây là, vì trẻ sơ sinh quá bé, ta không thể nhìn thấy được ngực chúng đang phập phồng và thậm chí khi tôi đưa tay lên mũi con để đảm bảo rằng con đang thở, tôi cũng không cảm nhận được gì. Kinh nghiệm rút ra ở đây là, hãy đặt nhẹ tay lên ngực con và cảm nhận hơi thở của bé.

Chúng ta, những ông bố trẻ đã từng xem trên tivi rất nhiều những bộ phim, trong đó, các bà mẹ khi trở về từ bệnh viện vẫn luôn tươi cười, xinh đẹp và tỏa ra hạnh phúc rạng ngời. Nếu đã nhìn thấy vợ tôi khi ra viện, hẳn các ông bố trẻ sẽ nhận ra rằng phim ảnh chỉ toàn những điều… dối trá. Vợ tôi, bụng vẫn như đang còn một đứa nữa chưa lấy ra, đôi mắt thâm quầng vì thức đêm chăm con, mái tóc rối buộc vội và ngực thì đang không ngừng nhỏ sữa. Vô cùng thảm hại.

Công việc của các ông bố trẻ trong vài tuần tiếp theo không chỉ là chăm sóc em bé, mà còn là chăm sóc vợ. Hãy làm cho cô ấy cảm thấy mình vẫn đẹp và rạng rỡ. Mua kem chống rạn da, gội đầu cho vợ và hát những bài hát tình cảm ngớ ngẩn của hai người… Một người bố tốt không chỉ biết chăm sóc con của mình - anh ta sẽ chăm sóc của toàn bộ gia đình mình.

Đến bao giờ con mới... đi nhậu với bố?

Nói thật là niềm vui đón con chào đời sẽ nhanh chóng tan biến và các ông bố trẻ sẽ phải đối diện với sự chán ngán vì qui trình chăm con mệt mỏi và cuộc sống bị đảo lộn. Điều này là sự thật. Tôi cũng như rất nhiều ông bố trẻ đã mất đến 9 tháng trời chờ đợi con ra đời. Tôi tưởng tượng ra rất nhiều hoạt động có thể cùng làm với cậu con trai của mình. Đưa nó đi xem phim, xem bóng đá, dạy nó chơi tennis, hay thậm chí là dắt nó ra… quán nhậu với các chiến hữu. Những chuyện đó sẽ đến thôi. Nhưng hiện tại bây giờ, và trong 2,3 tháng tới, tất cả những hoạt động của con trai tôi vẫn sẽ chỉ là ăn, ngủ và ..ị

Do đó, tôi khuyên các ông bố hãy đừng kỳ vọng quá nhiều để rồi hụt hẫng hay sốt ruột. Trẻ sơ sinh lớn nhanh lắm. Hãy tận hưởng từng giây phút bên con, chăm cho chúng ăn, thay bỉm cho chúng, hát cho chúng ngủ. Hãy nhớ, bạn không cần phải trở thành siêu nhân, anh hùng hay ông bố của năm, chỉ cần trở thành người bố tuyệt vời nhất của chính con bạn. Thế là đủ!

ƯỚC MUỐN CUỐI CÙNG CỦA MỘT TÊN TỬ TÙ

Một tử tù đang chờ thi hành án, anh cầu xin một điều ước cuối cùng là một cây bút chì và một tờ giấy. Sau khi viết cho một vài phút, anh nhờ nhân viên bảo vệ nhà tù gửi giúp bức thư này cho người mẹ ruột của mình.

Trong thư anh viết ...

Mẹ, nếu có công lý trong thế giới này, con và mẹ nên bị kết án tử hình cùng nhau. Mẹ cũng có tội cũng như con vì những gì con đã làm. Mẹ hãy nhớ lại đi, khi con ăn cắp chiếc xe đạp của thằng bé gần nhà. Mẹ đã giúp con giấu chiếc xe đạp đó đi để bố không nhìn thấy nó. Mẹ có nhớ lần con lấy trộm tiền từ ví của người hàng xóm không? Mẹ đã đi siêu thị mua sắm cùng với con. Mẹ có nhớ ai đã bênh vực con khi con cãi lại bố đến nỗi bố phải bỏ đi không? Bố chỉ muốn sửa dạy con vì con đã gian lận trong bài thi và cuối cũng là con phải bị đuổi học. Mẹ ơi, lúc đó con chỉ là một đứa trẻ, không lâu sau con đã trở thành một thiếu niên hư nghịch và bây giờ con đang là một tử tù chờ thi hành án.

Mẹ ơi, lúc đó con chỉ là một đứa trẻ con cần được bao biện, nhưng cái thực sự con cần là được sửa trị. Nhưng thôi, con tha thứ cho mẹ! Con chỉ muốn viết thư này để nó có thể đến được nhiều người khác đang làm cha làm mẹ, với hi vọng rằng, họ có thể nhận ra điều tạo nên người tốt kẻ xấu trên thế giới này là sự giáo dục. Cảm ơn mẹ đã cho con cuộc sống và cũng đã giúp con đánh mất nó.

Đứa con tử tù của mẹ.

"Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà bạn có thể sử dụng để thay đổi thế giới." **(Nelson Mandela)**

Bài 16

SỐNG CÔNG BÌNH

"Người không được trộm cắp" (Xh 20,15; Đnl 5,19).

"Chớ tham của người".

Điều răn thứ bảy cấm lấy hoặc giữ tài sản của kẻ khác cách bất công, cấm làm hại của cải họ bất cứ bằng cách nào. Điều răn này dạy phải giữ công bằng và bác ái trong việc quản lý những của cải trần thế và thành quả lao động của con người. Vì công ích, điều răn này đòi phải tôn trọng quyền chung hưởng các của cải trần thế và quyền tư hữu. Người Kitô hữu cố gắng sử dụng mọi của cải trần thế để phụng sự Thiên Chúa và thực thi bác ái huynh đệ.

I. QUYỀN CHUNG HƯỞNG CỦA CẢI TRẦN THẾ VÀ QUYỀN TƯ HỮU:

1. Từ khởi thủy, Thiên Chúa trao địa cầu và các tài nguyên cho nhân loại chung sức quản lý, để con người chăm sóc, chế ngự chúng bằng lao động và hưởng dùng hoa trái của địa cầu (St 1,26-29). Của cải trong trần gian được dành cho toàn thể nhân loại. Tuy nhiên, để bảo đảm an toàn cho cuộc sống con người khỏi nghèo đói và bị bạo lực đe dọa, Thiên Chúa chia trái đất thành nhiều phần. Cho con người quyền sở hữu của cải là chính đáng để bảo đảm tự do và phẩm giá con người, để mỗi người đáp ứng được các nhu cầu căn bản của họ và của những ai họ có trách nhiệm coi sóc. Quyền này cũng phải nói lên tình liên đới tự nhiên giữa người với người.

2. Khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình sở hữu cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác nữa" (GS 69,1). Người sở hữu một tài sản là người được Thiên Chúa quan phòng trao cho nhiệm vụ quản lý, để làm cho của cải này sinh hoa lợi và thông phần lợi ích cho người khác, trước tiên là cho những người thân của mình.

II. TÔN TRỌNG CON NGƯỜI VÀ TÀI SẢN:

1. Điều răn thứ bảy cấm trộm cắp, nghĩa là cấm chiếm đoạt tài sản tha nhân bất chấp ý muốn chính đáng của sở hữu chủ. Nếu có thể đoán trước được sự ưng thuận của chủ hoặc sự khước từ của họ nghịch với lẽ phải và với quyền chung hưởng của cải trần thế thì việc chiếm hữu tài sản không còn là tội ăn cắp. Như thế, trong trường hợp khẩn cấp và rõ ràng, và không còn cách nào để đáp ứng cho các nhu cầu cấp thời và thiết yếu (thức ăn, chỗ ở, áo quần...), thì được quyền sử dụng tài sản tha nhân (x.GS 69,1).

Mọi hình thức chiếm đoạt và cầm giữ cách bất công tài sản tha nhân, dù không nghịch với dân luật, vẫn nghịch với điều răn thứ bảy, như cố tình không trả của đã mượn, giữ lại của rơi, buôn gian bán lận (Đnl 25,13-16), trả lương thiếu công bằng (Đnl 24,14-15, Gcb 5,4) lợi dụng sự không biết và khó khăn của tha nhân để tăng giá (Am 8,4-6).

2. Về phương diện luân lý, những việc sau đây bất hợp pháp: đầu cơ, làm biến động giá cả cách giả tạo với mục đích trục lợi cho mình nhưng làm thiệt hại cho tha nhân; hối lộ, làm sai lệch phán đoán của những người có bổn phận quyết định theo luật pháp; chiếm đoạt và sử dụng tài sản tập thể làm của riêng; làm ăn thiếu trách nhiệm, lậu thuế, giả mạo các chi phiếu và hóa đơn, chi tiêu quá mức, lãng phí. Cố ý gây thiệt hại tài sản tư nhân hoặc công cộng là nghịch với luật luân lý và phải bồi thường.

3. Phải giữ lời hứa, và thực hiện đầy đủ các hợp đồng đã cam kết trong mức độ công bằng và hợp lý. Đời sống kinh tế và xã hội tùy thuộc rất nhiều vào các hợp đồng thương mại, những giao kèo thuê mướn hoặc lao động. Mọi hợp đồng đều phải được thỏa thuận và thi hành với thiện ý.

Các hợp đồng phải tuân theo *công bằng giao hoán* quy định những sự trao đổi giữa các cá nhân và giữa các tổ chức trong sự tôn trọng đúng mức các quyền lợi của nhau. Công bằng giao hoán phải được triệt để tôn trọng, vì nó buộc con người bảo toàn các quyền tư hữu, hoàn trả nợ nần và tuân giữ các nghĩa vụ đã tự do giao kết. Không có công bằng giao hoán thì không thể có một hình thức công bằng nào khác.

Cần phân biệt công bằng giao hoán với công bằng pháp lý quy định những bổn phận công bình của người công dân đối với cộng đồng, và với công bằng phân phối qui định việc cộng đồng phải thực hiện cho người công dân tương xứng với những đóng góp và những nhu cầu của họ.

Tất cả những người đã tham gia vào việc trộm cắp một cách nào đó, hoặc đã thừa hưởng mà biết rõ là của phi pháp, đều phải hoàn trả cân xứng theo trách nhiệm và lợi lộc đã hưởng, ví dụ những người đã truyền lệnh hoặc giúp đỡ, hoặc tàng trữ, che giấu.

4. *Các trò đỏ đen* (cờ bạc v.v...) hoặc cá cược, tự chúng không nghịch với phép công bằng, nhưng về phương diện luân lý, không thể chấp nhận được khi chúng cướp đi những cái cần thiết để nuôi sống bản thân và người khác. Cờ bạc biến kẻ ham mê thành nô lệ. Cờ gian bạc lận là một lỗi nặng, trừ khi gây thiệt hại rất nhẹ đến độ người bị thiệt thấy việc đó không đáng kể.

Đấng Sáng Tạo đã ban cho con người quyền bá chủ trên các vật vô tri và những sinh vật khác, nhưng không phải quyền tuyệt đối, vì phải để ý đến ảnh hưởng trên đời sống của tha nhân, kể cả những thế hệ tương lai; quyền này đòi chúng ta phải trân trọng sự toàn vẹn của vạn vật (x.CA 37-38). Thú vật là những thụ tạo của Thiên Chúa và được Ngài ân cần chăm sóc (Mt 6,2). Chúng hiện hữu để ca tụng và tôn vinh Ngài. Hành hạ hay giết hại thú vật cách vô ích là điều trái với phẩm giá con người. Cũng thế, chi phí những số tiền quá đáng cho thú vật, lẽ ra phải ưu tiên làm giảm bớt sự khốn cùng của con người, thì cũng là một việc bất xứng. Người ta có thể thương thú vật, nhưng không được dành cho chúng tình yêu, chỉ xứng với con người.

5. "Mặc khải Kitô giáo đưa ta đến sự hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội" (x.GS 23,1). Qua Tin Mừng, Hội Thánh nhận được mặc khải trọn vẹn chân lý về con người. Khi chu toàn sứ vụ loan báo Tin Mừng, Hội Thánh nhân danh Đức Kitô, xác nhận cho con người biết phẩm giá riêng và ơn gọi hiệp thông của con người. Hội Thánh dạy cho con người biết các yêu sách của công lý và hòa bình, hợp với ý định khôn ngoan của Thiên Chúa.

Hội Thánh quan tâm đến các khía cạnh trần thế của công ích vì chúng qui hướng về Sự Thiện tối thượng, là cứu cánh tối hậu của chúng ta. Hội Thánh cố gắng phổ biến những lập trường đúng đắn đối với của cải trần thế và với các quan hệ kinh tế xã hội.

Sự ham mê tiền của quá độ đưa đến những hậu quả tai hại. Đây là một trong những nguyên nhân gây rối loạn trật tự xã hội (GS 63,3; LE 7; CA 35).

III. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI:

1. Phát triển kinh tế và gia tăng sản xuất đều nhằm phục vụ những nhu cầu của con người. Đời sống kinh tế không chỉ nhằm vào việc gia tăng các sản phẩm, lợi nhuận hoặc quyền lực, nhưng trước tiên là để phục vụ con người: con người toàn diện và toàn thể cộng đồng nhân loại. Hoạt động kinh tế được điều hành theo các phương pháp riêng nhưng phải tôn trọng các khuôn khổ luân lý và công bằng xã hội, để đáp ứng ý định của Thiên Chúa về con người (x.GS 64)

Mỗi người có quyền nhờ lao động mà có được các phương thế để nuôi sống bản thân và những người thân, cũng như phục vụ cộng đồng nhân loại.

2. Mỗi người có quyền có sáng kiến trong sinh hoạt kinh tế, sử dụng chính đáng các tài năng của mình để góp phần làm ra nhiều của cải cho mọi người được hưởng, và gặt hái những hiệu quả chính đáng do các nỗ lực của mình. Họ phải để tâm tuân theo các qui định do chính quyền hợp pháp đề ra vì công ích (x.CA 32,34).

Mọi người phải được quyền làm việc và chọn nghề, không bị kỳ thị bất công, nam hay nữ, người khỏe mạnh hay tàn tật, người địa phương hay người nơi khác (x.LE 19,22-23). Tùy hoàn cảnh xã hội phải giúp đỡ để các công dân có công ăn việc làm (x.CA 48).

Người lao động có quyền hưởng đồng lương công bằng. Không trả hoặc giữ tiền lương lại, là một tội bất công nghiêm trọng (x.Lv 19,13; Đnl 24,14-15; Gcb 5,4). Để định giá tiền lương cho công bằng, phải lưu ý đến các nhu cầu và đóng góp của mỗi người.

IV. YÊU THƯƠNG NGƯỜI NGHÈO:

1. Thiên Chúa chúc phúc cho ai giúp đỡ người nghèo và kết án ai lãnh đạm với họ. "Ai xin thì hãy cho; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi" (Mt 5,42) "Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy" (Mt 10,8). "Khi tặng những thứ cần thiết cho người nghèo, chúng ta không làm vì lòng quảng đại cá nhân, nhưng là hoàn trả cho họ những gì thuộc về họ. Qua đó, chúng ta chu toàn một trách nhiệm công bằng hơn là thực hiện một hành vi bác ái" (T.Grêgôriô Cả).

2. Việc từ thiện là những hành vi bác ái, qua đó chúng ta giúp đỡ tha nhân những gì cần thiết cho thể xác và tinh thần (Is 58,6-7; Dt 13,3). Dạy dỗ, khuyên nhủ, an ủi, khích lệ, cũng như tha thứ, nhẫn nhục, chịu đựng là hành vi bác ái về mặt tinh thần. Công việc từ thiện về mặt vật chất phải kể: cho kẻ đói ăn, cho kẻ vô gia cư tạm trú, cho kẻ rách rưới ăn mặc, thăm viếng bệnh nhân và kẻ tù đày, chôn xác kẻ chết (Mt 25,31-46). Trong các hành vi đó, bố thí (Tb 4,5-11; Kn 17,22) là một trong những chứng cứ chính yếu của tình bác ái huynh đệ; đó cũng là hành động đẹp lòng Thiên Chúa (Mt 6,2-4).

Khi thánh Rôsa thành Lima bị mẹ trách vì đã đem những kẻ nghèo, những bệnh nhân vào nhà, thánh nữ trả lời: "Khi chúng ta phục vụ người nghèo và người bệnh là chúng ta phục vụ chính Đức Giêsu. Chúng ta không được lơ là trong việc giúp đỡ tha nhân, vì chúng ta phục vụ Chúa Giêsu trong anh em".

V. CÁC HAM MUỐN BẤT CHÍNH:

1. Khi đói chúng ta thèm ăn, khi lạnh chúng ta mong được sưởi ấm, những ham muốn giác quan này thúc đẩy chúng ta tìm thỏa mãn. Những ham muốn này tự chúng là tốt, nhưng chúng ta thường không giữ mức độ hợp lý nên tham của người. Điều răn thứ mười cấm ham muốn và ước ao chiếm hữu thái quá của cải thế trần, cấm tham lam vì ham mê của cải và thế lực do của cải đem lại, điều răn này còn cấm ước muốn làm điều bất công hại đến tài sản người khác. Điều răn này không cấm chúng ta ước ao có được những gì của người khác, bằng những phương thế chính đáng. Huấn giáo cổ truyền cho thấy, trong thực tế, "những người phải chiến đấu nhiều nhất để chống lại những ham muốn tội lỗi này" và cần được "nhắc nhở phải giữ điều răn này nhất":

"Đó là... những nhà buôn bán mong hàng hóa khan hiếm và đắt đỏ, buôn phiền vì không được độc quyền để mặc sức mua rẻ bán đắt; những kẻ muốn người khác gặp hoạn nạn để thừa cơ thu lợi... Những thầy thuốc mong cho người ta bệnh tật, những luật gia mong cho có nhiều vụ kiện cáo quan trọng... (x.Giáo lý Rôma 3,37)

2. Điều răn thứ mười dạy chúng ta không được ganh tị. Khi muốn khuyến giục vua Đavít hối lỗi, ngôn sứ Nathan đã thuật chuyện một người nghèo chỉ có một con chiên và thương yêu nó như con mình, và một người giàu tuy có vô số chiên cừu, nhưng tham lam và bắt con chiên của người nghèo (2Sm 12,1-4). Tham lam và ganh tị có thể đưa tới những việc làm tệ hại nhất (St 4,3-7, 1V 21,1-29)

Ganh tị là một trong bảy mối tội đầu. Người ganh tị buồn phiền khi thấy kẻ khác có của cải và ước ao chiếm đoạt. Nếu ai, vì ganh tị, muốn cho người khác gặp hoạn nạn nặng nề, thì mắc tội trọng: Kẻ ganh tị thường hay buồn bực nên thiếu đức bác ái, người tín hữu phải nhân hậu thay vì ganh tị. Ganh tị thường do kiêu ngạo, nên người tín hữu phải tập sống khiêm nhường.

VI. ƯỚC MUỐN NHỮNG ĐIỀU HỢP Ý CHÚA THÁNH THẦN:

1. Thiên Chúa ban lề luật và ân sủng để giúp con người thoát khỏi tính tham lam và ganh tị, khi dạy con người ước ao sự toàn thiện, biết ước muốn những điều hợp ý Chúa Thánh Thần, Đấng làm no thỏa lòng người.

Thiên Chúa luôn nhắc nhở con người đề phòng sự quyến rũ của những thứ "ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt và đáng quí vì làm cho mình được tinh khôn" (St 3,6)

2. "Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó"(Mt 5,3). Các mối phúc cho chúng ta biết phải sống thế nào để được hạnh phúc, ân sủng, tốt đẹp và bình an. Đức Giêsu tán dương niềm vui của người nghèo vì Nước Trời đã thuộc về họ (Lc 6,20); Ngôi Lời coi "tinh thần nghèo khó" là tinh thần của người tự nguyện sống khiêm nhường và từ bỏ.

Ai phó thác vào sự quan phòng của Cha trên trời, được giải thoát khỏi những âu lo về ngày mai (Mt 6,25-34). Ai tín thác vào Chúa sẽ được hưởng hạnh phúc Chúa hứa ban cho người nghèo: Họ sẽ được thấy hạnh phúc.

VII. TÔI MUỐN THẤY THIÊN CHÚA:

Khi ao ước hạnh phúc đích thực, con người được giải thoát khỏi mọi ràng buộc bất chính với của cải trần thế, để cuối cùng được chiêm ngắm nhan thánh Chúa và hưởng hạnh phúc bên Người.

Với ơn Chúa trợ giúp, Dân Thánh còn phải chiến đấu để đạt tới những điều phúc lộc Chúa hứa. Để được thấy và ở với Thiên Chúa, Kitô hữu phải chế ngự dục vọng, và nhờ ơn Chúa, chiến thắng các quyến rũ của lạc thú và quyền lực.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Chúa nói "người giàu có khó vào nước trời" nghĩa là gì? Chẳng lẽ giàu có là một tội?

Giàu có không phải là tội, trái lại đó là ân phúc Chúa ban cho con người. Người giàu có khó vào nước trời chứ không phải là không vào được. Vì khi giầu có ta càng có nhiều ràng buộc khiến ta dễ bị chi phối và khó có thể thanh thản chu toàn bổn phận đối với Thiên Chúa, với anh chị em. Nếu người giàu biết sử dụng những gì Chúa ban để giúp đỡ chia sẻ với những người xung quanh, nỗ lực sống Tin Mừng và bác ái thì của cải thật sự trở nên hồng phúc và ân huệ của Thiên Chúa ban cho.

2. Tiền bạc do mồ hôi, nước mắt tôi làm ra, tôi không cướp giật của ai, tôi muốn dùng thế nào tuỳ ý, sao Chúa lại bắt tôi giúp đỡ người khác? bạn nghĩ thế nào?

"Tiền bạc là do tôi làm ra" nhưng nếu Thiên Chúa không ban cho sức khỏe, tài năng những cơ hội, không có Thiên Chúa hỗ trợ làm sao tôi có thể tạo ra được những của cải ấy. Chúa nói "Làm bởi bay mà cho bởi Ta", vì Thiên Chúa là Đấng ban phát nên Chúa có quyền đòi hỏi. Nếu chúng ta ích kỷ tham lam không biết chia sẻ cho người kém may mắn hơn, chúng ta biết trả lời sao khi Chúa chất vấn ta về những gì Ngài đã trao cho ta quản lý, ta đã sử dụng như thế nào?

GIẤY CHỨNG NHẬN LÀM NGƯỜI!

Trên đoàn tàu, cô soát vé hết sức xinh đẹp cứ nhìn chằm chằm vào người đàn ông lớn tuổi đi làm thuê. Cô soát vé liếc nhìn vào tay anh, cười trách móc: *Vé tàu!*

Người đàn ông lớn tuổi lục khắp người từ trên xuống dưới một hồi, cuối cùng tìm thấy vé, nhưng cứ cầm trong tay không muốn chìa ra.

- Đây là vé trẻ em.

Người đàn ông đỏ bừng mặt, nhỏ nhẹ đáp: *Vé trẻ em chẳng phải ngang giá vé người tàn tật sao?*

Giá vé trẻ em và người tàn tật đều bằng một nửa vé, đương nhiên cô soát vé biết. Cô nhìn kỹ người đàn ông một lúc rồi hỏi: *Anh là người tàn tật? - Vâng, tôi là người tàn tật.*

- Vậy anh cho tôi xem giấy chứng nhận tàn tật.

Người đàn ông tỏ ra căng thẳng. Anh đáp: *Tôi không có giấy tờ. Khi mua vé cô bán vé bảo tôi đưa giấy chứng nhận tàn tật, không biết làm thế nào, tôi đã mua vé trẻ em.*

Cô soát vé cười gằn: *Không có giấy chứng nhận tàn tật, làm sao chứng minh được anh là người tàn tật?*

Người đàn ông im lặng, khe khẽ tháo giày, rồi vén ống quần lên. *Anh chỉ còn một nửa bàn chân.*

Cô soát vé liếc nhìn, bảo: *Tôi cần xem chứng từ, tức là quyển sổ có in mấy chữ "Giấy chứng nhận tàn tật", có đóng con dấu của Hội người tàn tật!*

Người đàn ông giải thích: *Tôi không có tờ khai gia đình của địa phương, người ta không cấp sổ tàn tật cho tôi. Hơn nữa, tôi làm việc trên công trường của tư nhân. Sau khi xảy ra tai nạn ông chủ bỏ chạy, tôi cũng không có tiền đến bệnh viện giám định.*

Trưởng tàu nghe tin, đến hỏi tình hình. Người đàn ông một lần nữa trình bày với trưởng tàu, tôi là người tàn tật, tôi đã mua một chiếc vé có giá trị bằng vé của người tàn tật…

Trưởng tàu cũng hỏi: *Giấy chứng nhận tàn tật của anh đâu?*

Người đàn ông nói không có giấy chứng nhận tàn tật, nhưng cho trưởng tàu xem nửa bàn chân của mình.

Ngay đến nhìn Trưởng tàu cũng không nhìn, cứ nhất quyết nói: *Chúng tôi chỉ xem giấy chứng nhận, không xem người.*

Có giấy chứng nhận tàn tật mới là người tàn tật, như vậy mới được hưởng chế độ ưu đãi vé người tàn tật. - Anh mau mau mua vé bổ sung.

Người đứng tuổi bỗng thẩn thờ. Anh lục khắp lượt các túi trên người và hành lý, chỉ có hơn 50 ngàn đồng, hoàn toàn không đủ mua vé bổ sung. Anh nhăn nhó và nói với Trưởng tàu như khóc: Sau khi bàn chân tôi bị máy cán đứt một nửa, không bao giờ còn đi làm được nữa. Không có tiền, ngay đến về quê cũng không về được. Nửa vé này cũng do bà con đồng hương góp mỗi người một ít để mua giùm, xin ông mở lòng thương, tha cho tôi.

Trưởng tàu nói kiên quyết: *Không được*

Thừa dịp cô soát vé nói với Trưởng tàu: *Bắt anh ta lên đầu tàu xúc than, coi như làm lao động nghĩa vụ.*

Nghĩ một lát, Trưởng tàu đồng ý: *Cũng được!*

Một đồng chí lão thành ngồi đối diện với người đàn ông đứng tuổi tỏ ra chướng tai gai mắt, đứng phắt lên nhìn thẳng vào mắt vị Trưởng tàu, hỏi: *Anh có phải là đàn ông không?*

Vị Trưởng tàu không hiểu, hỏi lại: *Chuyện này có liên quan gì đến tôi có là đàn ông hay không?*

- Anh hãy trả lời tôi, anh có phải là đàn ông hay không? Anh đưa giấy chứng nhận đàn ông của mình cho mọi người xem?

Mọi người cười rộ lên. Thừ người ra một lát, vị Trưởng tàu nói: *Một người đàn ông to lớn như tôi đang đứng đây, lẽ nào lại là đàn ông giả?*

Vị lão thành lắc lắc đầu, nói: *Tôi cũng giống anh chị, chỉ xem chứng từ, không xem người, không có giấy chứng nhận đàn ông thì không phải là đàn ông.* Vị Trưởng tàu không biết ứng phó ra sao.

Cô soát vé đứng ra giải vây cho Trưởng tàu. Cô nói với vị lão thành: *Tôi không phải đàn ông, có chuyện gì ông cứ nói với tôi.*

Đồng chí lão thành chỉ vào mặt chị ta, nói: *Cô hoàn toàn không phải người!* Cô soát vé bỗng nổi cơn tam bành, nói the thé: *Ông ăn nói cẩn thận một chút. Tôi không là người thì là gì?*

Đồng chí lão thành vẫn bình tĩnh, cười ranh mãnh, ông nói: *Cô là người ư? Cô đưa giấy chứng nhận "người" của cô ra xem nào.* Mọi hành khách chung quanh lại cười ầm lên một lần nữa.

Chỉ có một người không cười. Đó là người đàn ông trung niên bị cụt chân. Anh cứ nhìn trân trân vào mọi thứ trước mặt. Không biết tự bao giờ, mắt anh đẫm lệ, không rõ anh tủi thân, xúc động, hay thù hận....

"Sống trên đời cần có một tấm lòng, để khỏi bị gió cuốn đi...."

TÔI YÊU NGƯỜI

Có một cậu bé ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: "Tôi ghét người". Từ khu rừng có tiếng vọng lại: "Tôi ghét người". Cậu hoảng hốt quay về sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng lại có người ghét cậu.

Người mẹ nắm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: «Giờ thì con hãy hét thật to: «Tôi yêu người». Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: «Tôi yêu người». Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu: «Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu con.

Bài 17

TÔN TRỌNG SỰ THẬT

Ngươi không được làm chứng gian hại người (Xh 20,16).

Các ngươi còn nghe luật dạy người xưa rằng: "Chớ bội thề, nhưng hãy trọn lời thề đối với Chúa" (Mt 5,33)

Điều răn thứ tám dạy cấm xuyên tạc chân lý trong khi giao tiếp với tha nhân. Qui định luân lý này bắt nguồn từ ơn gọi của Dân Thánh làm chứng nhân cho Thiên Chúa của mình, Đấng là chân lý và muốn có chân lý.

Khi nói hoặc làm điều gì xâm phạm đến chân lý, con người từ chối sống ngay thẳng về luân lý. Làm như vậy là bất trung nặng nề với Thiên Chúa và do đó phá hủy nền tảng của Giao Ước.

I. SỐNG TRONG CHÂN LÝ:

1. Cựu Ước chứng nhận: Thiên Chúa là nguồn mạch chân lý. Lời Người là chân lý (Cn 8,7; 2Sm 7,28). Luật Người là chân lý (Tv 119, 142). "Lòng tín trung Người tồn tại đến muôn đời" (Tv 119,90; Lc 1,50). Bởi vì Thiên Chúa là "Đấng Chân Thật" (Rm 3,4), nên mọi thành phần Dân Ngài được mời gọi sống trong chân lý (Lc 1,50).

Tự nhiên, con người hướng đến chân lý. Con người biết mình phải tôn trọng và làm chứng cho sự thật: "Vì có phẩm giá, mọi người được thôi thúc và có bổn phận tìm kiếm chân lý, trước tiên là chân lý về tôn giáo. Họ thấy mình phải tha thiết với sự thật ngay khi nhận biết sự thật và điều chỉnh toàn bộ đời sống theo các đòi hỏi của sự thật" (Ga 14,26).

2. Khi chân lý được thể hiện trong hành động và lời nói, chúng ta gọi là chân chính, thành thật hoặc thẳng thắn. Chân lý hoặc chân thật là nhân đức giúp con người thành thật trong hành vi và lời nói, không gian dối, giả vờ, đạo đức giả.

"Người ta sẽ không thể sống chung với nhau được nếu không tín nhiệm nhau, nghĩa là nếu không cho nhau biết sự thật" (DH 2). Đức tính chân thật đòi chúng ta cho người khác biết sự thật họ có quyền biết. Người chân thật vừa lương thiện, vừa cẩn mật: nói điều phải nói và giữ kín điều phải giữ kín. Theo đức công bình, "người ta phải sống thành thật với nhau" (T.Tôma Aquinô).

II. "LÀM CHỨNG CHO CHÂN LÝ":

1. Trước mặt Philatô, Đức Kitô tuyên bố: "Tôi đã đến thế gian là để làm chứng cho sự thật" (Ga 18,37). Người Kitô hữu "đừng hổ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa" (2Tm 1,8). Trong những hoàn cảnh cần phải làm chứng cho đức tin, người Kitô hữu phải tuyên xưng không úp mở, theo gương thánh Phaolô trước mặt các thẩm phán. Người Kitô hữu phải cố gắng để "lương tâm không có gì đáng trách trước mặt Thiên Chúa và người ta" (Cv 24,16).

2. Mọi Kitô hữu dù sống ở đâu, đều phải lấy gương mẫu đời sống và chứng từ lời nói để biểu dương con người mới mà họ đã mặc lấy nhờ bí tích Thánh Tẩy, và sức mạnh của Chúa Thánh Thần mà họ đã được củng cố nhờ bí tích Thêm Sức" (AG 11).

3. Tử đạo là chết để làm chứng cho chân lý đức tin, nên là lời chứng cao quí nhất. Sống kết hợp với Đức Kitô, khi chịu chết, vị tử đạo làm chứng cho Đấng đã chết và đã sống lại. Những vị tử đạo làm chứng cho chân lý đức tin và đạo lý Kitô giáo bằng cái chết anh hùng. "Hãy để tôi trở nên mồi ngon cho ác thú. Chính nhờ chúng mà tôi sẽ được về với Thiên Chúa" (T.Inhaxiô thành Antiôkia).

III. NHỮNG XÚC PHẠM ĐẾN CHÂN LÝ:

1. Chứng dối và thề gian: Công khai nói nghịch với sự thật là một lỗi nặng. Trước tòa án, lời nói như thế là chứng dối (Pr 19,9). Khi nói dối mà còn thề, thì đó là thề gian. Chứng dối và thề gian sẽ dẫn đến một người vô tội bị kết án hoặc can phạm được gỡ tội hoặc gia tăng hình phạt cho bị cáo (Pr 18,5), làm cho các thẩm phán đi đến những phán quyết lệch lạc.

2. Vì phải tôn trọng thanh danh của người khác, chúng ta không được có thái độ và lời nói có thể gây hại cho họ. Chúng ta có lỗi khi:

♦ ***Phán đoán hồ đồ***, nghĩa là khi không có đủ cơ sở mà minh nhiên hoặc mặc nhiên cho rằng một người có lỗi về luân lý.

♦ ***Nói xấu*** nghĩa là khi không có lý do khách quan chính đáng mà lại tiết lộ những tật xấu và những lỗi lầm của kẻ khác cho những người chưa biết (Kn 21,28);

♦ *Vu khống* tức là khi dùng những lời ngược với sự thật mà làm hại thanh danh kẻ khác và tạo cớ cho người ta phán đoán sai lầm về người ấy.

3. Phải loại trừ mọi lời nói hoặc thái độ như *nịnh hót, a dua, tâng bốc* hoặc lấy lòng để thúc đẩy kẻ khác làm điều xấu và ăn ở đổi bại. *Tâng bốc là một lỗi nặng nếu đồng lõa với các thói xấu hoặc các tội nặng*. Ý muốn giúp đỡ hoặc tình bạn không biện minh được cho lời nói giả dối. Tâng bốc *là một tội nhẹ khi chỉ vì muốn làm vui lòng người khác*, tránh một điều xấu, thoát khỏi một tình thế khó khăn hay để đạt được những lợi ích chính đáng.

a) Khoe khoang hoặc khoác lác là một lỗi nghịch với sự thật. Mỉa mai cũng là tội khi có ý châm biếm một cách cư xử nào đó của người khác để hạ giá họ.

b) "Nói dối là nói sai sự thật, với ý định đánh lừa kẻ khác". Chúa Giêsu kết án nói dối như một công việc của ma quỉ "cha các ngươi là ma quỉ"... vì sự thật không ở trong nó. Khi nói dối là nó nói theo bản tính của nó, vì nó là kẻ nói dối và là "cha sự gian dối" (Ga 8,44).

c) Khi nói dối người ta trực tiếp xúc phạm đến chân lý. Nói dối là nói hay hành động nghịch với chân lý để lừa gạt. Nói dối làm hại đến tương quan giữa con người với chân lý và con người với nhau, nên kẻ nói dối xúc phạm đến tương quan nguyên thủy giữa con người và lời nói của con người với Chúa.

Tội nói dối nặng hay nhẹ tùy theo mức độ làm sai lạc chân lý, tùy theo các hoàn cảnh và ý định của kẻ nói dối, tùy theo những thiệt hại mà nạn nhân của nó phải hứng chịu. Khi nói dối chỉ là tội nhẹ, cũng trở thành tội trọng nếu vi phạm nặng nề đến công bình và bác ái.

d) Tội nói dối bao giờ cũng là điều phải lên án, vì làm mất giá trị lời nói trong khi lời nói có nhiệm vụ truyền thông cho kẻ khác chân lý mình đã biết. Lời nói cố ý lừa gạt kẻ khác, là lỗi phạm đến công bằng và bác ái. Tội này càng nặng hơn khi có nguy cơ gây ra những hậu quả tai hại cho người bị lừa gạt.

Nói dối vì xúc phạm đến đức tính chân thật, thực sự là một hành vi thô bạo đối với kẻ khác, xâm phạm đến khả năng nhận thức là điều kiện để họ phán đoán và quyết định. Nói dối gây chia rẽ giữa người với người và mọi tệ hại do chia rẽ mà ra.

Nói dối là tai họa cho mọi xã hội, làm cho người ta không còn tin tưởng nhau và phá hoại những mối tương giao trong xã hội.

e) Ai lỗi phạm đến công bình và chân lý, đều phải đền bù, dù đã được thứ tha. Khi không thể đền bù cách công khai, thì phải làm kín đáo; nếu không thể đền bù cách trực tiếp cho người bị hại, thì phải đền bù về tinh thần vì đức bác ái. Ai lỗi phạm đến thanh danh kẻ khác, cũng phải đền bù như thế. Phải đền bù tinh thần và đôi khi về mặt vật chất, tương xứng với thiệt hại đã gây ra. Đây là nghĩa vụ lương tâm.

IV. TÔN TRỌNG CHÂN LÝ:

Con người có quyền được thông truyền chân lý nhưng không phải vô điều kiện. Ai cũng phải sống phù hợp với luật bác ái huynh đệ của Tin Mừng. Vì thế, trong những hoàn cảnh cụ thể, đòi hỏi mỗi người phải suy xét xem có nên hay không nên tỏ bày sự thật theo yêu cầu.

Không ai bị bắt buộc phải nói sự thật cho người không có quyền được biết (Hc 27,16; Pr 25,9-10).

1. Bí mật toà giải tội là thánh thiêng và không được tiết lộ vì bất kỳ lý do nào. "Bí mật toà giải tội là bất khả vi phạm; do đó tuyệt đối cấm linh mục giải tội tiết lộ về hối nhân bất cứ điều gì, bằng lời nói hoặc một cách nào khác, và vì bất cứ lý do gì (GL 983,1)".

2. Những bí mật nghề nghiệp - ví dụ của các nhà chính trị, quân nhân, y sĩ, luật gia - hoặc chuyện tâm sự được yêu cầu giữ kín, phải được giữ bí mật trừ trường hợp ngoại lệ nếu việc giữ bí mật sẽ gây ra cho người đã nói ra, hoặc cho người đã tiếp nhận hoặc cho một đệ tam nhân, những thiệt hại nặng nề và chỉ có thể tránh được khi nói sự thật. Dù không buộc phải giữ kín, không được tiết lộ những chuyện riêng tư có thể gây tổn hại cho tha nhân, trừ khi có lý do hệ trọng và tương xứng.

Chúng ta phải *tôn trọng bí mật đời tư của người khác*. Ai có trách nhiệm về các phương tiện thông tin khi phục vụ công ích vẫn phải tôn trọng cách tương xứng các quyền lợi của cá nhân. Phải lên án việc ngành thông tin xen vào đời tư của những người hoạt động chính trị hoặc được công chúng biết đến, nếu xâm phạm đến cuộc sống riêng tư và sự tự do của họ.

V. SỬ DỤNG NHỮNG PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI:

Các phương tiện truyền thông phải phục vụ công ích (IM 11). Xã hội có quyền được biết những tin tức phổ biến dựa trên sự thật và tự do, công bằng và tình liên đới.

1. "Việc thực thi đúng đắn quyền nầy đòi việc truyền thông phải luôn xác thực khi trình bày nội dung và phải đầy đủ mà vẫn giữ được công bình và bác ái; ngoài ra, cách thức truyền thông cũng phải lương thiện và thích hợp, nghĩa là cả trong việc săn tin và loan tin, tuyệt đối phải tuân giữ các luật luân lý, các quyền lợi chính đáng và phẩm giá của con người" (IM 5).

2. Vì bổn phận nghề nghiệp, những người có trách nhiệm thông tin, khi phổ biến tin tức phải phục vụ chân lý nhưng không được lỗi phạm đức bác ái. Họ cũng phải để tâm vừa tôn trọng bản chất các sự kiện vừa tôn trọng những giới hạn khi phê bình người khác. Không bao giờ được bôi nhọ người khác.

3. Chính quyền phải thông báo kịp thời và đúng đắn những thông tin liên hệ đến lợi ích của đại chúng hoặc giải đáp những bận tâm chính đáng của dân chúng. Không gì có thể biện minh cho việc dùng những phương tiện truyền thông đưa ra những thông tin sai lạc để lèo lái dư luận; làm như vậy là xâm phạm đến tự do của cá nhân và các nhóm.

VI. CHÂN LÝ, THẨM MỸ VÀ NGHỆ THUẬT THÁNH:

1. Con người diễn tả chân lý bằng nhiều hình thức khác nhau, bổ túc cho nhau, nhất là khi phải nói lên điều không thể diễn tả bằng lời: những gì sâu thẳm của lòng người, những tâm tình siêu vượt của linh hồn và mầu nhiệm Thiên Chúa. Trước khi tự mặc khải cho con người bằng lời chân lý, Thiên Chúa đã tỏ mình qua ngôn ngữ phổ quát của công trình sáng tạo lao động, tác phẩm của Lời và Đức Khôn Ngoan của Ngài, qua trật tự và sự hài hòa của vũ trụ mà cả trẻ thơ lẫn nhà khoa học đều khám phá được (Kn 13,5) "vì các thụ tạo càng lớn lao đẹp đẽ thì càng giúp ta nhận ra Đấng Tạo Thành" (Kn 13,3).

2. "Được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa" (St 1,26), con người diễn tả chân lý về tương quan của mình với Thiên Chúa Sáng Tạo bằng vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật. Nghệ

thuật là một hình thức diễn tả đặc trưng của con người, vượt lên trên nhu cầu kiếm sống mà con người có chung với các sinh vật khác. Nghệ thuật là sự tràn đầy thoải mái của những nội tâm phong phú, phát sinh từ một tài năng được Đấng Sáng Tạo phú ban, và từ cố gắng của chính con người. Nghệ thuật là một dạng thức khôn ngoan thực tiễn, kết hợp trí thức với kỹ năng (Kn 7,17) để tạo dáng cho chân lý của một thực tại, bằng ngôn ngữ phù hợp với giác quan. Nghệ thuật có phần giống như hoạt động của Thiên Chúa trong công trình sáng tạo, bao lâu được khởi hứng từ sự thật về vạn vật và tình yêu đối với chúng. Như mọi hoạt động khác của con người, nghệ thuật không tìm cứu cánh tuyệt đối nơi chính mình, nhưng được định hướng và trở nên cao quí nhờ cùng đích của con người.

3. Nghệ thuật thánh sẽ chân thật và đẹp đẽ, khi hình dạng thích ứng với chủ đích: đó là nhắc nhở chúng ta dùng đức tin và tâm tình thờ phượng để tôn vinh Thiên Chúa siêu việt, Đấng Tuyệt Mỹ vô hình vì là chân lý và tình yêu, đã xuất hiện trong Đức Kitô, "Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa" (Dt 1,3), "Nơi Người tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể" (Cl 2,9). Vẻ đẹp thần linh đã được phản chiếu nơi Đức Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa, nơi các thiên thần và các thánh. Nghệ thuật thánh đích thực đưa con người đến tâm tình thờ phượng, cầu nguyện và yêu mến Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc, Đấng Thánh Thiện và Thánh Hóa con người.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Những nết xấu nghịch lại với việc tôn trọng sự thật là gì?

Những nết xấu nghịch lại với việc tôn trọng sự thật là: ăn gian, nói dối, vu khống, lừa đảo, trộm cắp, làm mất danh dự người khác… Những điều này gây nên sự bất hoà, cuộc sống xáo trộn, con người trở nên nghi kỵ, bất an.

2. Sao nói rằng "sự thành thật rất cần cho đời sống chung"?

Với nhau, giúp nhau tìm chân lý, cùng hướng đến cuộc sống hạnh phúc, Vì thế mỗi người trong chúng ta phải biết tôn trọng sự thật trong lời nói, tư tưởng, hành động. Đó là điều căn

bản cho sự hợp tác, trong đoàn thể cũng như trong xã hội. Sự thành thật là nền tảng cho sự hoà hợp. Với bản thân, người chân thành được mọi người tín nhiệm, luôn cảm thấy an vui, bình yên. Người biết tôn trọng sự thật là người biết tôn trọng Thiên Chúa vì Thiên Chúa là sự thật và chân lý.

HÀNH ĐỘNG CAO ĐẸP CỦA CẢNH SÁT NHẬT BẢN

Ngày 2 tháng 7 vừa qua, Đức Tổng Giám mục Jun Ikenaga, SJ. của Tổng Giáo Phận Osaka - Chủ tịch Hội đồng Giám mục Công giáo Nhật Bản đã gửi cho Chủ tịch Ủy ban An ninh quốc gia (NPSC) và Tổng Cục Trưởng Cảnh sát Quốc gia (NPA) một lá thư. Trong đó, Đức Tổng lên tiếng phản đối và yêu cầu có biện pháp ngăn chặn các vụ việc đột nhập vào nhà thờ để điều tra hay truy bắt người; Và ngài đòi buộc cảnh sát phải tôn trọng tôn giáo và các quyền căn bản của con người.

Sở dĩ Đức Cha Chủ tịch Hội đồng Giám mục Công giáo Nhật Bản đã viết thư lên án và phản đối việc làm của của các Cảnh sát là vì: Hôm 27 tháng 5, lễ Chúa Thánh Thần Hiện xuống, cảnh sát Nhật Bản đã đột nhập vào nhà thờ Công giáo Kaizuka ở thành phố Kawasaki, Tỉnh Kanazawa, để điều tra và bắt giam một người đi dự lễ ở đó vì người này đã phạm tội liên quan đến việc nhập cư, nhưng không có lệnh của tòa. Vụ việc đã khơi lên các cuộc phản đối trong giáo phận Yokohama và trên cả nước.

Đứng trước sự việc lên tiếng phản đối của Đức Cha Chủ tịch Hội đồng Giám mục Nhật Bản và phản ứng của tín hữu, Cục Cảnh sát quốc gia (NPA) đã ra thông báo chính thức yêu cầu các đồn cảnh sát trên cả nước tôn trọng tôn giáo và tất cả các quyền khác của con người. Cục này còn yêu cầu đừng bao giờ để một việc như thế tái diễn trong tương lai.

Trong thư phúc đáp gửi tới Đức Tổng Ikenaga đề ngày 12 tháng 7, Cảnh sát trưởng NPA - Yasuhiro Shirakawa báo cho Đức Tổng biết ông đã thảo luận vấn đề này với NPSC và sau khi cân nhắc kỹ đã phát hành thông báo chính thức này cho lực lượng cảnh sát trên cả nước.

Trong lá thư của ông Shirakawa, với đề tựa: "Về việc đẩy mạnh hoạt động của cảnh sát tôn trọng các quyền cơ bản của con người cách thích đáng", có các điểm chính được nêu ra như sau:

Trước hết, thông báo gọi việc đột nhập vào nhà thờ Kaizuka là một "vụ việc xâm phạm vô cớ" và kính chuyển lời xin lỗi của Cảnh sát tỉnh Kanagawa đến giáo phận Yokohama. Tiếp đến, "Việc (Cảnh sát) vào làm nhiệm vụ ở bất kỳ nơi nào đều phải tuân thủ pháp luật. Ngoài ra, sự việc dù có diễn biến thế nào thì mọi hành động của cảnh sát phải đặc biệt thể hiện sự tôn trọng quyền tự do tôn giáo và tất cả các quyền cơ bản của con người".

Sau cùng, thông báo kêu gọi phải có sự lãnh đạo và đào tạo nhân viên hành pháp tốt hơn trong các khu vực để bảo đảm các vụ việc như thế không tái diễn ra trong tương lai. Đặc biệt là với những người chỉ huy các hoạt động trong lĩnh vực này cần phải được nâng cao nhận thức về những chỉ thị này và đảm bảo mệnh lệnh họ đưa ra đúng với các chỉ thị này.

Qua lời xin lỗi và hành động sửa sai của Cục Cảnh sát quốc gia Nhật Bản, người ta lại một lần nữa thấy được nhân cách cao đẹp và hành động cao thượng của Cục Cảnh sát Nhật Bản. Trước việc thi hành quá lố nhiệm vụ của mình, Cảnh sát đã có những hành động sai lầm. Tuy nhiên, khi nhận ra đó là những hành động sai lầm thì họ lên tiếng xin lỗi và khắc phục ngay hành động sai trái đó.

Việc làm trên xem ra có vẻ rất đỗi bình thường, giản đơn trong các nước tự do dân chủ, nhưng không dễ thấy được trong các nước độc tài. Hẳn con người sống mà có chút lương tri và sự hiểu biết thì sẽ không bao giờ họ dám cắn người đồng loại… "Chỉ có súc vật mới quay lưng lại với nỗi đau của người đồng loại mà chăm chút cho bộ lông của mình."

Nguyễn Thế Dân.

Bài 18

CẦU NGUYỆN

Đối với tôi, cầu nguyện là sự hướng lòng lên, là cái nhìn đơn sơ hướng về trời, là tiếng kêu tri ân và yêu mến cả trong cơn thử thách lẫn trong lúc vui mừng. (T.Têrêxa Hài đồng)

I. CẦU NGUYỆN XÉT NHƯ HỒNG ÂN CỦA THIÊN CHÚA:

Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa hay là cầu xin Thiên Chúa ban cho những điều xứng hợp (T.Gioan Đamascênô). Chúng ta cầu nguyện từ vị trí nào? Từ chỗ cao của tính kiêu căng và ý riêng của chúng ta, hay "từ vực thẳm" (Tv 130,1) của một trái tim khiêm nhường và thống hối? "Ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên" (Lc 18,14). Khiêm nhường là nền tảng của cầu nguyện, "chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải" (Rm 8,26). Khiêm nhường là thái độ đón nhận cách nhưng không hồng ân cầu nguyện: trước mặt Thiên Chúa, con người là kẻ ăn xin (T.Augustin)

"Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban!" (Ga 4,10). Sự kỳ diệu của việc cầu nguyện được mạc khải bên bờ giếng, nơi chúng ta đến tìm nước cho mình. Nơi đó, Đức Kitô đến gặp mọi người. Người đi bước trước trong việc tìm chúng ta và xin nước uống. Chúa Giêsu khát; lời xin của Người phát xuất từ cõi sâu thẳm của Thiên Chúa, Đấng khát mong chúng ta. Dù ta biết hay không, cầu nguyện là cuộc gặp gỡ giữa sự khao khát của Thiên Chúa với sự khao khát của chúng ta. Thiên Chúa khao khát chúng ta khao khát Ngài (T.Augustin).

"... Hẳn chị đã xin và Người đã ban cho chị nước hằng sống" (Ga 4,10). Hóa ra, lời cầu xin của chúng ta lại là một lời đáp. Là lời đáp lại tiếng than trách của Thiên Chúa hằng sống "chúng đã bỏ Ta là mạch nước trường sinh để làm những hồ nứt rạn, không giữ được nước" (Gr 2,13), là lời đáp của đức tin trước lời hứa ban ơn cứu độ cách nhưng không, là lời đáp của tình yêu trước nỗi khao khát của Người Con duy nhất.

II. CẦU NGUYỆN XÉT NHƯ GIAO ƯỚC:

Kinh nguyện của con người phát xuất từ đâu? Thưa từ chính con người toàn diện đang cầu nguyện, dù bằng lời hay cử điệu. Sách Thánh đôi khi nói đến linh hồn hoặc tinh thần - hơn một nghìn lần - nói đến trái tim. Chính trái tim cầu nguyện. Nếu lòng ta xa cách Thiên Chúa thì cầu nguyện cũng vô ích.

Theo cách nói Hípri hay Thánh Kinh, trái tim là trung tâm hiện hữu của con người. Trái tim là nơi thầm kín của riêng ta; lý trí hay người ngoài không dò thấu được; chỉ có Thánh Thần Thiên Chúa mới có thể thăm dò và thấu suốt được. Vượt trên mọi khuynh hướng tâm lý, trái tim vẫn là nơi quyết định. Trái tim là nơi con người chân thật với mình nhất, để chọn lựa sự sống hay sự chết. Đó cũng là nơi gặp gỡ để sống các mối tương quan, vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa: Trái tim là nơi của giao ước.

Cầu nguyện Kitô giáo là một tương quan giao ước giữa Thiên Chúa và con người trong Đức Kitô. Đó là hoạt động của Thiên Chúa và hành động của con người. Lời cầu nguyện xuất phát từ Chúa Thánh Thần và từ chúng ta, hoàn toàn hướng về Chúa Cha, trong sự kết hợp với ý chí nhân loại của Con Thiên Chúa làm người.

III. CẦU NGUYỆN XÉT NHƯ HIỆP THÔNG:

1. Trong Giao Ước Mới, cầu nguyện là mối tương quan sống động của con cái Thiên Chúa với Cha vô cùng nhân hậu của mình, với Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô và với Chúa Thánh Thần. Hồng ân Nước Trời là "sự kết hợp của toàn thể Ba Ngôi Chí Thánh với toàn thể tâm trí con người" (T.Grêgôriô Nazian). Sống cầu nguyện là luôn sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa Chí Thánh và trong sự hiệp thông với Ngài. Việc hiệp thông sự sống này lúc nào cũng có thể thực hiện được, vì nhờ bí tích Rửa tội chúng ta đã nên một với Đức Kitô (Rm 6,5). Lời cầu nguyện mang đặc tính Kitô giáo khi đó là sự hiệp thông với Đức Kitô và được triển nở trong Hội Thánh là Thân Thể Người. Các chiều kích của Cầu nguyện cũng chính là chiều kích của tình yêu Đức Kitô (Ep 3,18-21).

2. Thiên Chúa không ngừng kêu gọi mỗi người đến gặp gỡ Ngài cách huyền nhiệm trong việc cầu nguyện. Thánh Kinh trình bày việc Abraham và Giacóp cầu nguyện như một cuộc chiến đấu của đức tin để giữ lòng tín thác vào Thiên Chúa trung thành và xác tín rằng Ngài sẽ ban chiến thắng cho kẻ kiên trì.

Lời nguyện của Môsen đáp lại sáng kiến của Thiên Chúa hằng sống muốn cứu độ Dân Ngài. Đây là hình ảnh báo trước lời chuyển cầu của Đấng Trung Gian duy nhất là Đức Giêsu Kitô. Lời cầu nguyện của dân Chúa được triển nở dưới bóng nhà Chúa, Hòm Bia giao ước và Đền Thờ dưới sự hướng dẫn của các vị mục tử, đặt biệt là vua Đavít, và của các ngôn sứ.

Các ngôn sứ kêu gọi dân chúng hoán cải tâm hồn và trong khi nhiệt thành tìm kiếm thánh nhan Thiên Chúa, như Êlia, các ngài chuyển cầu cho toàn dân.

3. Các Thánh Vịnh là tuyệt tác về cầu nguyện trong Cựu Ước, gồm hai yếu tố không thể tách rời: vừa có tính cá nhân vừa có tính cộng đoàn. Các Thánh Vịnh bao trùm mọi chiều kích của lịch sử: giúp nhớ lại những lời hứa của Thiên Chúa đã được thực hiện và nói lên niềm hy vọng Đấng Mêsia sẽ ngự đến.

Các Thánh Vịnh được Đức Kitô sử dụng để cầu nguyện và đã được hoàn tất nơi Người, vẫn luôn chiếm vị trí thiết yếu trong kinh nguyện của Hội Thánh Người. Các Thánh Vịnh luôn thích hợp với mọi người thuộc bất cứ hoàn cảnh và thời đại nào.

4. Trong Tân Ước, khuôn mẫu tuyệt hảo của cầu nguyện là lời cầu nguyện đầy tình con thảo của Chúa Giêsu. Người thường cầu nguyện nơi vắng vẻ và kín đáo. Kinh nguyện của Người đầy tâm tình gắn bó yêu thương, tuyệt đối tin tưởng là mình sẽ được nhận lời và vâng phục thánh ý Chúa Cha dù phải chấp nhận Thập Giá.

Chúa Giêsu dạy các môn đệ cầu nguyện với tâm hồn trong sạch, với đức tin sống động, luôn kiên nhẫn, và sự dạn dĩ của người con. Người kêu gọi họ tỉnh thức và mời gọi họ dâng lên Thiên Chúa những lời khẩn cầu nhân danh Người. Chính Chúa Giêsu Kitô cũng nhận những lời cầu nguyện chúng ta dâng lên Người.

Kinh nguyện của Đức Maria, trong lời Xin Vâng và trong bài ca "Magnificat" của Mẹ, có nét đặc thù là sự quảng đại hiến dâng trọn bản thân Mẹ trong đức tin.

Chúa Thánh Thần là Đấng dạy dỗ và nhắc cho Hội Thánh nhớ những gì Chúa Giêsu đã nói, chính Người dạy Hội Thánh về đời sống cầu nguyện bằng cách gợi lên những lối diễn tả mới cho các hình thức kinh nguyện quen thuộc: chúc tụng, cầu xin, chuyển cầu, tạ ơn và ca ngợi.

IV. TRUYỀN THỐNG CẦU NGUYỆN:

Mọi vui buồn, mọi biến cố và nhu cầu, đều là dịp để chúng ta dâng lên Thiên Chúa kinh nguyện tạ ơn. Tham dự vào kinh tạ ơn của Đức Kitô, cả cuộc đời người Kitô hữu là bài ca tạ ơn Thiên Chúa: "Anh em hãy tạ ơn Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh" (1Tx 5,18).

Chúng ta dâng kinh nguyện ca ngợi, thuần túy vô vị lợi, để ca khen, tôn vinh Thiên Chúa, không chỉ vì những việc Ngài đã làm cho ta, mà còn vì Ngài là Thiên Chúa.

1. Lời Chúa: Hội Thánh tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu... hãy siêng năng đọc Thánh Kinh để học biết "khoa học siêu việt của Chúa Giêsu Kitô"... Nhưng mọi người cũng nên nhớ rằng kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì "chúng ta ngỏ lời với Người khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Người nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn thần linh" (T.Ambrôxiô)

2. Phụng vụ của Hội Thánh: Sứ mạng của Đức Kitô và Chúa Thánh Thần là công bố, hiện thực và thông truyền mầu nhiệm cứu độ trong Phụng vụ của Hội Thánh; sứ vụ ấy được tiếp nối nơi tâm hồn người cầu nguyện. Các linh phụ đôi khi so sánh tâm hồn với bàn thờ. Kinh nguyện tiếp nhận Phụng vụ và đồng hóa với phụng vụ trong khi và sau khi được cử hành. Dù con người cầu nguyện "nơi kín đáo" (Mt 6,6), lời nguyện của họ vẫn là kinh nguyện của Hội Thánh, là sự hiệp thông với Ba Ngôi Chí Thánh.

3. Các nhân đức đối thần: Chúng ta đi vào kinh nguyện cũng như đi vào phụng vụ, qua cửa hẹp là đức tin. Qua những dấu chỉ về sự hiện diện thần linh, chúng ta tìm kiếm và trông mong Thánh Nhan Đức Chúa, chúng ta muốn lắng nghe và suy niệm Lời Ngài.

4. "Hôm nay": Chúng ta học biết cầu nguyện vào một số thời gian nhất định, bằng cách lắng nghe Lời Chúa và tham dự mầu nhiệm Vượt Qua của Người; Người còn ban Thánh Thần để giúp chúng ta cầu nguyện trong mọi lúc, trong mọi biến cố của cuộc sống hằng ngày. Khi dạy ta cầu nguyện với Cha Trên Trời, Đức Giêsu cũng dạy về sự quan phòng của Chúa Cha (Mt 6,11.34). "Ngày hôm nay, ước gì anh em nghe tiếng Chúa! Người phán: các ngươi, chớ cứng lòng" (Tv 95,7-8).

Cầu nguyện trong mọi biến cố: Của cuộc sống hằng ngày, là một trong những điều bí ẩn của Nước Trời được mặc khải cho những kẻ bé mọn, những người tôi tớ của Đức Kitô, những người nghèo theo các Mối Phúc.

5. Con đường cầu nguyện: Trong truyền thống kinh nguyện sống động, mỗi Giáo Hội giới thiệu cho các tín hữu ngôn ngữ kinh nguyện của mình: những lời kinh, bài hát, cử điệu và hình ảnh... tùy theo bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa.

a) Kinh nguyện dâng lên Chúa Cha: Đức Kitô là con đường cầu nguyện duy nhất của người Kitô hữu. Kinh nguyện cộng đoàn hay cá nhân, khẩu nguyện hay tâm nguyện, chỉ đạt tới Chúa Cha nếu chúng ta cầu nguyện nhân danh Chúa Kitô. Nhân tính thánh thiện của Đức Giêsu chính là con đường, nhờ đó Thánh Thần dạy chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa là Cha.

b) Kinh nguyện dâng lên Chúa Giêsu: Được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và cử hành phụng vụ, kinh nguyện của Hội Thánh dạy cho ta biết cầu nguyện với Chúa Giêsu. Dù chủ yếu được dâng lên Chúa Cha, trong mọi truyền thống phụng vụ, kinh nguyện này đều có những hình thức kinh nguyện hướng về Chúa Kitô. Kêu cầu thánh danh Chúa Giêsu là con đường đơn giản nhất để cầu nguyện liên tục. Khi chăm chú và khiêm tốn kêu cầu liên tục như vậy, chúng ta không "lải nhải nói nhiều" (Mt 6,7), nhưng "nắm giữ Lời Chúa và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả" (Lc 8,15). Lời nguyện này có thể thực hiện "mọi lúc", vì đây không phải là một việc khác bên cạnh công việc ta đang làm, nhưng là công việc duy nhất: yêu mến Thiên Chúa; nhờ đó mọi hoạt động của ta được sinh động và có giá trị trong Đức Giêsu.

Hội Thánh tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu, y như đã kêu cầu thánh danh Người trong kinh nguyện, vì đây là trái tim của Ngôi Lời Nhập Thể đã yêu thương nhân loại đến nỗi bị đâm thâu vì tội lỗi chúng ta. Kitô hữu còn có thói quen cầu nguyện theo Đường Thánh Giá: những chặng đàng, từ dinh Philatô đến Núi Sọ và Mộ Đá, đưa chúng ta theo bước Chúa Giêsu, Đấng đã dùng Thánh Giá mà cứu chuộc nhân loại.

c) "Lạy Chúa Thánh Thần, xin Ngài ngự đến": Nếu không được Thánh Thần giúp sức cho, không ai có thể nói rằng: "Giêsu là Đức Chúa"(1Cr 12,3). Mỗi khi chúng ta bắt đầu cầu nguyện với Chúa Giêsu, thì chính Chúa Thánh Thần dùng ân sủng dự phòng của Ngài, đưa chúng ta vào con đường cầu nguyện. Ngài dạy chúng ta cầu nguyện khi nhắc ta nhớ đến Chúa Kitô. Vì thế, Hội Thánh mời gọi chúng ta cầu xin Chúa Thánh Thần mỗi ngày, nhất là khi khởi sự và kết thúc công việc quan trọng.

Hình thức truyền thống để cầu khẩn Chúa Thánh Thần là kêu xin Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, để Cha ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần là Đấng Bảo Trợ (Lc 11,13). Chúa Giêsu nhấn mạnh phải cầu khẩn nhân danh Người, ngay cả khi Người hứa ban tặng Thánh Thần Chân Lý (Ga 16,13; 15,26; 14,17). Lời nguyện đơn giản và trực tiếp nhất trong truyền thống là: "Lạy Chúa Thánh Thần, xin Ngài ngự đến". Mọi truyền thống phụng vụ đều có khai triển lời nguyện này trong các tiền xướng và thánh thi: "Lạy Chúa Thánh Thần, Xin Ngài ngự đến tràn ngập tâm hồn các tín hữu Chúa, và xin nhóm lửa tình yêu Chúa trong lòng họ" (Ca tiếp liên lễ Hiện Xuống).

d) Hiệp thông với Thánh Mẫu của Thiên Chúa: Trong kinh nguyện, Chúa Thánh Thần kết hiệp chúng ta với Ngôi Vị của Chúa Con, nơi nhân tính vinh quang của Người. Nhờ và trong nhân tính ấy, khi chúng ta cầu nguyện như những người con Thiên Chúa, chúng ta hiệp thông với Mẹ của Đức Giêsu trong Hội Thánh (Cv 1,14).

Các Giáo Hội khai triển việc cầu nguyện với Thánh Mẫu của Thiên Chúa, bằng cách tập trung suy niệm các mầu nhiệm cuộc đời Chúa Kitô, vì Đức Maria đã cộng tác đặc biệt vào các hoạt động của Chúa Thánh Thần.

Thời Trung Cổ, các tín hữu Tây Phương phát triển việc lần hạt Mân côi như một hình thức đạo đức bình dân thay thế các giờ kinh Phụng Vụ. Trong Giáo Hội Đông Phương, hình thức kinh cầu Đức Bà còn rất gần với Phụng Vụ Giờ Kinh dạng hợp xướng của các Giáo Hội Bizantin; Trong khi đó, những truyền thống Armeni, Copte và Siriaque lại ưa chuộng các thánh thi và thánh ca bình dân về Mẹ Thiên Chúa.

Trong kinh nguyện, Hội Thánh lữ hành được liên kết với toàn thể các thánh và nhờ các ngài chuyển cầu cho mình. Trong Hội Thánh, các tín hữu tìm được sự giúp đỡ cho việc cầu nguyện nơi các thừa tác viên có chức thánh, đời sống thánh hiến, huấn giáo, các nhóm cầu nguyện việc linh hướng.

6. Những nơi xứng hợp nhất để cầu nguyện là "chỗ cầu nguyện" cho cá nhân hay gia đình, các đan viện, các địa điểm hành hương, và nhất là nhà thờ, nơi dành riêng cho kinh nguyện phụng vụ của cộng đoàn giáo xứ và nơi đặc biệt để tôn thờ Thánh Thể.

Đời sống cầu nguyện: Cầu nguyện là sống với một tâm hồn đã được Thiên Chúa đổi mới. Cầu nguyện phải làm cho đời sống chúng ta sinh động mọi lúc. Truyền thống của Hội Thánh đề ra cho các tín hữu những dịp cầu nguyện để nuôi dưỡng đời sống nội tâm. Nhịp cầu nguyện hằng ngày là: kinh sáng và kinh tối, trước và sau các bữa ăn, các giờ kinh Phụng Vụ. Hằng tuần, Kitô hữu phải thánh hóa ngày Chúa nhật chủ yếu bằng kinh nguyện, mà trọng tâm là Thánh Lễ. Hằng năm, chu kỳ phụng vụ và các đại lễ là những nhịp căn bản cho đời sống cầu nguyện của Kitô hữu.

V. NHỮNG HÌNH THỨC CẦU NGUYỆN:

1. Khẩu nguyện: Đời sống Kitô hữu không thể thiếu khẩu nguyện. Việc Chúa Giêsu thinh lặng cầu nguyện đã thu hút các môn đệ, nhưng Người dạy họ một lời khẩu nguyện: Kinh Lạy Cha. Như Tin Mừng cho thấy, Đức Giêsu không chỉ đọc kinh chung theo phụng vụ của hội đường, mà còn lớn tiếng cầu nguyện riêng, từ lời hân hoan chúc tụng Chúa Cha cho đến lời xao xuyến trong vườn Dầu.

Bản tính con người đòi hỏi kết hợp giác quan với tâm tình khi cầu nguyện. Con người có hồn và xác nên cần bộc lộ những

tâm tình ra bên ngoài. Lời cầu nguyện tha thiết nhất là lời khẩn cầu với cả tâm hồn và thể xác.

2. Suy gẫm: Suy gẫm là đối diện với điều mình đọc và đối chiếu với bản thân. Nhờ đó, cuốn sách cuộc đời được mở ra. Chúng ta chuyển từ những tư tưởng sang thực tại. Tùy theo lòng khiêm tốn và đức tin, chúng ta nhận thức những chuyển động nội tâm nhận định để biết ý Chúa. Điều chính yếu là phải thực thi chân lý để đến cùng Ánh Sáng: "Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì?"

Có bao nhiêu bậc thầy linh đạo thì có bấy nhiêu phương pháp suy gẫm. Mỗi Kitô hữu phải chọn cho mình một phương pháp thích hợp để suy gẫm đều đặn; nếu không, tâm hồn họ sẽ giống như ba loại đất đầu tiên trong dụ ngôn Người Gieo Giống (Mc 4,4-7). Nhưng phương pháp chỉ là người hướng dẫn, điều quan trọng là chúng ta phải để Chúa Thánh Thần hướng dẫn mà tiến bước, theo Đức Kitô trên con đường cầu nguyện.

3. Chiêm niệm: Chiêm niệm là gì? "Chiêm niệm chính là một cuộc trao đổi thân tình giữa hai người bạn, thường chỉ là một mình đến với Thiên Chúa mà ta biết là Đấng yêu thương ta" (T.Têrêsa Cả).

a. Chiêm niệm lúc nào và bao lâu tùy thuộc vào quyết tâm của ta, quyết tâm này bộc lộ các điều kín nhiệm trong lòng. Không phải khi nào có thời giờ ta mới cầu nguyện, nhưng phải dành thời giờ cho Chúa, với quyết tâm không rút lại thời gian này, dù gặp thử thách và khô khan khi cầu nguyện. Không phải lúc nào cũng có thể suy gẫm, nhưng lúc nào cũng có thể chiêm niệm, bất chấp những tình trạng về sức khỏe, công việc và tâm tình. Nơi mà ta tìm kiếm và gặp gỡ Thiên Chúa, trong khiêm nhu và tín thác chính là lòng ta.

b. Tương tự như khi cử hành phụng vụ Thánh Thể, khi chiêm niệm chúng ta phải "cầm trí", hoàn toàn phó thác cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn, ý thức Chúa ngự trong tâm hồn, giục lòng tin đến trước nhan Chúa Đấng đang đợi chờ ta, phải rũ bỏ mọi thứ giả dối và hướng lòng về Chúa, Đấng yêu thương ta, để phó dâng bản thân cho Ngài như một lễ vật cần Ngài thanh luyện và biến đổi.

c. Chiêm niệm là cao điểm của đời cầu nguyện. Trong chiêm niệm "Chúa Cha ban cho chúng ta được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người, để con người nội tâm nơi chúng ta được vững vàng; nhờ lòng tin, được Đức Kitô ngự trong tâm hồn; cho chúng ta được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức mến" (Ep 3,16-17).

d. Chiêm niệm là lắng nghe Lời Chúa. Đây không phải là một thái độ thụ động, nhưng là thái độ vâng phục của người tin Chúa, sự đón nhận vô điều kiện của người tôi tớ, sự gắn bó yêu thương của người con. Khi đó, cùng với Chúa Con, Đấng đã trở thành người tôi tớ, và với Đức Maria, Người Nữ Tì khiêm tốn của Thiên Chúa, chúng ta thưa với Chúa Cha "xin vâng".

e. Chiêm niệm cho ta hiệp nhất với Đức Kitô trong kinh nguyện theo mức độ cho chúng ta tham dự vào mầu nhiệm của Người. Mầu nhiệm Đức Kitô được Hội Thánh cử hành trong bí tích Thánh Thể, và được Chúa Thánh Thần làm cho sống động trong chiêm niệm, để chúng ta bày tỏ các mầu nhiệm đó qua hành vi đức mến.

f. Chiêm niệm là một hiệp thông tình yêu có sức đem lại sự sống thần linh cho nhiều người, nếu chúng ta chấp nhận bước đi trong đêm tối đức tin. Đức Kitô đã trải qua Đêm hấp hối và Đêm âm phủ để bước vào Đêm Phục Sinh. Đây là ba đỉnh cao của Đức Giêsu. Chúa Thánh Thần chứ không phải "xác thịt yếu đuối" đã giúp Đức Giêsu sống Giờ ấy trong chiêm niệm. Chúng ta phải sẵn lòng thức một giờ với Người.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Bạn hãy tìm trong Thánh Kinh xem Đức Kitô cầu nguyện khi nào?

Chúa Giêsu thường cầu nguyện với Chúa Cha mọi nơi mọi lúc. Đặc biệt trước khi làm công việc quan trọng như:

+ Chúa ăn chay cầu nguyền 40 ngày đêm trước khi khởi sự đi rao giảng.

+ Làm phép lạ, chọn các môn đệ.

+ Sau một ngày giảng dạy Chúa lên núi cầu nguyện.

+ Cầu nguyện trong Vườn Cây Dầu trước cuộc vượt qua, trên Thánh Giá...

2. "Cầu nguyện là hơi thở của linh hồn" bạn hiểu thế nào?

Hơi thở rất cần cho sự sống. Thiếu hơi thở sự sống không còn. Đối với linh hồn cũng thế. Cầu nguyện giúp ta gắn bó với Thiên Chúa, bộc lộ tình yêu, lòng tin tưởng vào Thiên Chúa. Không cầu nguyện đức tin sẽ chết, sự sống thiêng liêng sẽ không còn.

Mẫu gương sống đạo:

VÔ ĐỊCH TRƯỢT BĂNG QUỐC TẾ KIM YUNA: LÀM DẤU THÁNH GIÁ MỖI KHI TRANH TÀI.

Trần Mạnh Trác 2/17/2014.

Cô làm dấu Thánh Giá không phải vì thói quen hoặc để cầu may, cô đã đoạt nhiều giải vô địch trước khi gia nhập đạo Công Giáo và trước khi biết đến dấu Thánh Giá là gì.

Kim Yuna, 24 tuổi, đã từng là một cái tên ưa chuộng trong mọi gia đình Hàn Quốc vào năm 2007 khi cô bị gẫy xương đầu gối sau một tai nạn tranh tài. Vị bác sĩ điều trị cho cô là một người Công Giáo và chính ông này đã giới thiệu cô với các Sơ đang phục vụ tại đó.



Cô đã trở lại đạo, cô lấy tên Thánh bằng chữ Latin là "Stella Maris" có nghĩa là Đức Mẹ Sao Biển.

Sau khi theo đạo, cô luôn luôn đeo ảnh Đức Mẹ Ban Ơn trên trang phục, đeo vòng nhẫn Hạt Mân Côi trên ngón tay (mà nhiều người hâm mộ đã lầm tưởng đó là chiếc nhẫn đính hôn), cô luôn làm dấu Thánh Giá trước và sau mọi cuộc biểu diễn.

Những dấu hiệu tôn giáo như vậy thường tạo ra ác cảm và không đem lại lợi lộc gì trong nền văn hoá thế tục hiện nay. Trong cuộc thi Olympic đang diễn ra ở Sochi, người ta đã ra luật không cho phép đeo bất kỳ thứ gì có tính cách quảng bá. Nhiều người nghĩ rằng qui luật mới này nhắm vào chính cô.

Những qui luật chống đạo như vậy không phải là hiếm, ngay chính ở Hoa Kỳ đã từng có một qui luật nhắm vào ngôi siêu sao Foot Ball Tim Tebow không cho anh viết bất kỳ số ký hiệu Thánh Kinh nào trên quầng mắt, và ngày nay Tim Tebow không còn được chơi cho đội banh nào nữa.

Riêng cô Kim Yuna, cô vẫn thắng giải. Cô đã giành được huy chương vàng Olympic 2010 tại Canada, trở thành lực sĩ Hàn Quốc đầu tiên chiếm giải trượt băng nghệ thuật Thế vận hội. Cô lập nhiều kỷ lục Olympic mới. Kim Yuna hiện là quán quân giải trượt băng Thế Giới.

Cô đang hy vọng sẽ chiếm một huy chương vàng Olympic thứ hai nữa trước khi về hưu và trở thành một quan chức cho Olympic mùa Đông năm 2018, sẽ tổ chức ở Hàn Quốc.

Nhắc lại Hàn Quốc đã nhận được vinh dự làm chủ nhà cho Olympic năm 2018 một phần là nhờ ở sự vận động và tên tuổi của cô.

Với Á Châu, Kim Yuna là hiện thân của nghệ thuật trượt băng. Trước mùa Thế Vận Hội, vào ngày 17 tháng 6 năm 2012 cô Kim đã trình diễn cho chương trình Artistry On Ice ở Trung Quốc và bà Li Sheng, chủ tịch ban tổ chức, cho biết đã phải bỏ ra hai năm trời để thuyết phục cô Kim tham dự. Bà nói thêm: "Sự tham dự của cô tạo ra một bước đột phá cho Artistry On Ice, và cho lịch sử trượt băng nghệ thuật của Trung Quốc, mặc dù cô chỉ tham gia một phần rất nhỏ ở Thượng Hải mà thôi."

Sự danh tiếng và tiền bạc không làm cho cô Kim quên đi những người nghèo khổ, tính đến năm 2009 thì cô đã đóng góp hơn 2.0 tỷ won ($1.7 triệu Mỹ Kim) cho các công việc từ thiện.

Riêng năm 2012 cô đã tặng một số tiền là 70 triệu won (59,300 mỹ kim) cho một tổ chức từ thiện Công Giáo để xây dựng 100 trường ở Nam Sudan. Cách sống đức tin công khai của cô cũng đã là nguồn cảm hứng cho nhiều người. Môt chủng sinh cuả Tổng Giáo Phận Detroit là Phạm Evan đã viết cho CNA/EWTN News rằng 'Thầy' đã rất ấn tượng bởi hành động cầu nguyện cuả cô.

Gương sống chứng nhân một cách công khai này, Thầy Phạm nói, gợi cảm hứng cho Thầy cởi mở hơn với việc chia sẻ niềm tin với người khác. Thầy giải thích thêm rằng khi lớn lên, Thầy đã "rất lo lắng về đức tin của mình "Đặc biệt là cầu nguyện ở nơi công cộng. "Tôi không muốn 'người ta nghĩ rằng tôi là một người kỳ lạ,' "Thầy nói thêm rằng việc công khai bày tỏ niềm tin thường" tạo ra một mục tiêu để nhắm bắn ngay trên trán của bạn" cho những ý kiến tiêu cực, cười nhạo và đàn áp.

Khi nhìn thấy cô Kim cầu nguyện trên băng, sự sợ hãi của Thầy đã bị thách thức. "Đó là một hành động thường xuyên của cô ấy", Thầy nói. "Wow. Thật đúng là một chứng nhân, "hành động đó khiến Thầy tự hỏi mình: "Nếu cô ấy làm được điều này, tại sao tôi không thể làm được như vậy?" "Yuna Kim đã dạy tôi về 'các cơ hội thể hiện đức tin Công Giáo một cách công khai,'" Thầy Phạm nói.

XIN THẦY HÃY DẠY CHO CON TÔI

Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này, rằng không phải tất cả mọi người đều công bằng, tất cả mọi người đều chân thật. Nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu biết cứ mỗi một kẻ vô lại ta gặp trên đường phố thì ở đâu đó sẽ có một con người chính trực; cứ mỗi một chính trị gia ích kỷ, ta sẽ có một nhà lãnh đạo tận tâm. Bài học này sẽ mất nhiều thời gian, tôi biết; nhưng xin hãy dạy cho cháu biết rằng một đồng đôla kiếm được do công sức lao động của mình còn quý giá hơn nhiều so với năm đôla nhặt được trên hè phố…

Xin thầy dạy cho cháu biết cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cháu tránh xa sự đố kỵ. Xin dạy cháu biết được bí quyết của niềm vui chiến thắng thầm lặng. Dạy cho cháu biết được rằng những kẻ hay bắt nạt người khác nhất lại là nhữngkẻ dễ bị đánh bại nhất...

Xin hãy giúp cháu nhìn thấy thế giới kỳ diệu của sách... nhưng cũng cho cháu có đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn muôn thuở của cuộc sống: đàn chim tung cánh trên bầu trời, đàn ong bay lượn trong ánh nắng và những bông hoa nở ngát bên đồi xanh. Xin giúp cháu có niềm tin vào ý kiến riêng của bản thân, dù tất cả mọi người xung quanh đều cho rằng ý kiến đó hoàn toàn sai lầm... Xin hãy dạy cho cháu biết cách đối xử dịu dàng với những người hoà nhã và cứng rắn với những kẻ thô bạo. Xin tạo cho cháu sức mạnh để không chạy theo đám đông khi tất cả mọi người đều chỉ biết chạy theo thời thế.

Xin hãy dạy cho cháu biết phải lắng nghe tất cả mọi người những cũng xin thầy dạy cho cháu biết cần phải sàng lọc những gì nghe được qua một tấm lưới chân lý để cháu chỉ đón nhận những gì tốt đẹp... Xin hãy dạy cho cháu biết cách mỉm cười khi buồn bã, xin hãy dạy cháu biết rằng không có sự xấu hổ trong những giọt nước mắt. Xin hãy dạy cho cháu biết chế giễu những kẻ yếm thế và cẩn trọng trước sự ngọt ngào đầy cạm bẫy. Xin hãy dạy cho cháu rằng có thể bán cơ bắp và trí tuệ cho người ra giá cao nhất, nhưng không bao giờ cho phép ai ra giá mua trái tim và tâm hồn mình. Xin hãy dạy cho cháu ngoảnh tải làm ngơ trước một đám đông đang gào thét... và đứng thẳng người bảo vệ những gì cháu cho là đúng... Xin hãy đối xử dịu dàng với cháu nhưng đừng vuốt ve nuông chiều cháu bởi vì chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên được những thanh sắt cứng rắn.

Xin hãy dạy cho cháu biết rằng cháu phải luôn có niềm tin tuyệt tối vào bản thân, bởi vì khi đó cháu sẽ luôn có niềm tin tuyệt đối vào nhận loại. Đây quả là một yêu cầu quá lớn, tôi biết, thưa thầy. Nhưng xin thầy cố gắng hết sức mình, nếu được vậy, con trai tôi quả thật là một cậu bé hạnh phúc và may mắn.

(Trích thư của Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln gửi thầy hiệu trưởng ngôi trường nơi con trai ông theo học)

Bài 19

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN

Đối với chúng ta, cầu nguyện là hồng ân của Thiên Chúa và là một lời đáp quyết liệt. Cầu nguyện luôn đòi phải nỗ lực. Các thánh nhân trong Cựu Ước, Đức Maria, các thánh, và chính Đức Kitô đều dạy chúng ta: cầu nguyện là một cuộc chiến đấu. Chiến đấu chống lại ai? Chiến đấu với bản thân ta và chống lại các mưu chước của ma quỷ cám dỗ, vì chúng làm mọi cách để con người bỏ cầu nguyện, không kết hợp với Thiên Chúa. Người ta cầu nguyện thế nào thì cũng sống như vậy, vì ta sống như ta cầu nguyện. Khi ta không muốn thường xuyên hành động theo Thánh Thần của Đức Kitô, thì ta không thể thường xuyên cầu nguyện nhân danh Người. Cuộc "chiến đấu thiêng liêng" để người Kitô hữu sống đời sống mới, không thể tách rời khỏi cuộc chiến trong cầu nguyện.

I. NHỮNG TRỞ NGẠI CHO VIỆC CẦU NGUYỆN:

1. Trước hết, để có thể cầu nguyện, chúng ta phải đương đầu với những quan niệm sai lạc của mình cũng như của những người xung quanh. Có người coi cầu nguyện chỉ đơn thuần là một hoạt động tâm lý; có người lại cho là một nỗ lực tập trung tư tưởng để tâm trí được an định. Người khác lại giản lược cầu nguyện vào những thái độ và lời kinh theo nghi thức. Trong thâm tâm, nhiều Kitô hữu cho rằng cầu nguyện là mất giờ, không thể dung hợp với những gì họ đang phải làm: họ không có giờ để cầu nguyện. Có những người mong tìm kiếm Thiên Chúa bằng cầu nguyện, nhưng lại sớm nản lòng, vì họ không biết rằng cầu nguyện không phải là việc của riêng họ mà còn do ơn Chúa Thánh Thần.

2. Kế đến chúng ta phải cảnh giác để khỏi bị lây nhiễm những não trạng của thế gian này, chẳng hạn:

♦ Có người cho rằng chỉ những gì lý trí và khoa học chứng minh được mới là chân lý, trong khi cầu nguyện là mầu nhiệm vượt quá ý thức và vô thức của con người.

♦ Có người đánh giá mọi sự theo sản phẩm và thành quả nên cho việc cầu nguyện là vô ích vì phi sản xuất.

♦ Có người lấy khoái lạc và tiện nghi làm thước đo chân thiện mỹ; thực ra cầu nguyện chính là yêu mến chân thiện mỹ đích thực, là say mê Vinh Quang của Thiên Chúa hằng sống và chân thật.

♦ Có người coi cầu nguyện là một cách trốn đời, tránh cuộc sống hiếu động; thật ra cầu nguyện không phải là trốn khỏi dòng đời, cắt đứt với cuộc sống.

3. Cuối cùng, chúng ta cần phải đương đầu với những gì chúng ta cảm nhận được như những thất bại trong việc cầu nguyện: chán nản vì khô khan, buồn phiền vì mình không tiến dâng tất cả cho Chúa, (vì chúng ta có nhiều của cải), thất vọng vì Chúa không theo ý mình, kiêu ngạo nên chai lỳ trong tình trạng bất xứng của tội nhân, dị ứng với việc cầu nguyện vì cho rằng cầu nguyện là xin xỏ và việc cho không của Chúa... Những điều này luôn luôn dẫn đến cùng một kết luận: cầu nguyện để làm gì? Muốn thắng được những trở ngại này, chúng ta phải chiến đấu để biết khiêm nhường, tín thác và kiên trì.

II. TÂM HỒN KHIÊM TỐN VÀ TỈNH THỨC:

1. Đương đầu với những khó khăn khi cầu nguyện:

a. Khó khăn thường gặp trong việc cầu nguyện là "**chia trí**". Chúng ta không tập trung vào lời đọc và ý nghĩa của lời kinh trong khẩu nguyện; sâu xa hơn, vào chính Đấng mà ta đang gặp gỡ trong khẩu nguyện (phụng vụ hay cá nhân), suy gẫm và chiêm niệm. Nguyên việc xua đuổi sự chia trí này là đã mắc bẫy. Lúc đó chúng ta chỉ cần trở về với chính lòng mình: chia trí cho thấy điều lòng ta đang bận tâm; ý thức được điều đó, chúng ta sẽ khiêm tốn hơn trước mặt Chúa; lòng khiêm tốn này sẽ nhắc nhở chúng ta phải yêu mến Người trên hết mọi sự và dâng tâm hồn ta để xin Người thanh tẩy. Như thế, đây là lúc phải chiến đấu: chọn lựa phục vụ ông chủ nào (Mt 6,21-24).

b. Về mặt tích cực, cuộc chiến đấu chống lại cái tôi thích chiếm hữu và thống trị đòi hỏi phải tỉnh thức và tiết độ. Khi kêu gọi các môn đệ "**tỉnh thức**", Đức Giêsu luôn đặt điều này trong mối quan hệ với Người, và với việc Người đến vào ngày sau hết cũng như mỗi ngày: vì ngày nào cũng là "Ngày Hôm Nay" của Thiên Chúa. Chàng Rể đến vào nửa đêm, nên ta không được để cho ánh sáng đức tin tàn lụi: "Nghĩ về Ngài lòng con tự nhủ: hãy tìm kiếm Thánh Nhan" (Tv 27,8).

c. Những người thành tâm muốn cầu nguyện thường gặp khó khăn là **sự khô khan**. Tình trạng khô khan thường xảy đến trong chiêm niệm; khi ta cảm thấy xa cách Chúa, không còn hứng thú với những ý nghĩ hoài niệm và tâm tình thiêng liêng. Đây là lúc chúng ta chỉ còn lấy đức tin mà gắn bó với Đức Kitô trong cơn hấp hối và trong mồ tối. "Hạt lúa gieo vào lòng đất, nếu chết đi nó mới sinh nhiều hạt khác" (Ga 12,24). Nếu tình trạng khô khan xảy ra vì đức tin của ta thiếu nền tảng vững chắc, vì Lời Chúa đã rơi xuống đá sỏi, chúng ta cần chiến đấu để hoán cải nội tâm.

2. Đương đầu với những cám dỗ khi cầu nguyện:

a. Cơn cám dỗ thường gặp nhất, được che đậy khéo léo nhất, là **thiếu lòng tin**. Đây chưa phải là thái độ dứt khoát không tin Chúa, nhưng trong thực tế nghiêng chiều về một cái gì khác. Khi bắt đầu cầu nguyện, chúng ta thấy có trăm ngàn công việc và lo toan, có lẽ cần phải làm ngay, cần phải ưu tiên hơn: một lần nữa, chúng ta thấy rõ lòng mình và sự chọn lựa ưu tiên của mình. Có khi ta chạy đến Thiên Chúa như hy vọng cuối cùng, nhưng liệu ta có thực lòng tin Người không. Có khi chúng ta kêu xin Chúa cứu giúp, nhưng lòng vẫn đầy tự cao. Trong mọi trường hợp, thái độ thiếu lòng tin chứng tỏ ta chưa thực sự khiêm tốn: "Không có Thầy, anh em không làm gì được" (Ga 15,5).

b. Tính tự cao còn dẫn đến một cám dỗ khác là sự "**nguội lạnh**". Các bậc thầy linh đạo coi đây là một hình thức suy nhược do thiếu khổ chế, chểnh mảng canh thức, lơ là đời sống nội tâm. "Tinh thần hăng say nhưng thể xác lại yếu hèn"(Mt 26,41). Trèo cao té nặng. Thất vọng, đau khổ là mặt trái của lòng tự cao. Ngược lại, người khiêm tốn không lạ gì về sự khốn cùng của mình, nhờ vậy họ càng thêm lòng trông cậy và kiên trì trong cầu nguyện.

III. LÒNG TIN TƯỞNG CỦA NGƯỜI CON:

Lòng tin tưởng của con cái Thiên Chúa sẽ bị thử thách và được chứng thực "khi gặp gian truân" (Rm 5,3-5). Khó khăn lớn nhất xảy ra khi ta khẩn cầu cho chính mình hay chuyển cầu cho người khác. Có người thôi không cầu nguyện nữa, vì nghĩ rằng Thiên Chúa không nhận lời mình cầu xin. Ở đây, có hai vấn nạn: Tại sao chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa không nhận lời? Làm thế nào để lời cầu xin được Thiên Chúa nhận lời?

1. Tại sao phàn nàn Chúa không nhận lời?

Nghĩ cũng lạ! Khi ngợi khen hay tạ ơn Thiên Chúa vì các ơn lành Người ban, ta không hề để ý xem những lời đó có đẹp lòng Ngài hay không; trái lại khi xin gì chúng ta đòi phải được ngay. Vậy chúng ta nghĩ Thiên Chúa là ai khi cầu nguyện: Ngài là phương tiện để ta sử dụng hay Người là Cha của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta?

a. Chúng ta có xác tín rằng: "Chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải" (Rm 8,26). Những điều chúng ta cầu xin Thiên Chúa có đúng là "những ơn lành cần thiết" không? Cha trên trời biết rõ điều chúng ta cần, trước khi chúng ta xin (Mt 6,8); nhưng Ngài chờ chúng ta kêu xin, vì phẩm giá của con cái Thiên Chúa đòi chúng ta phải có tự do. Vậy chúng ta phải cầu nguyện với Thần khí Tự Do của Ngài, để có thể thực sự nhận biết ước muốn của Ngài (Rm 8,27).

b. "Anh em không có là vì anh em không xin. Anh em xin mà không được là vì anh em xin với tà ý, để lãng phí trong việc hưởng lạc" (Gc 4,2-3). Nếu chúng ta cầu xin với một tấm lòng chia năm xẻ bảy như hạng "bất trung" (Gc 4,4), Thiên Chúa không thể nhận lời, vì Người muốn điều tốt lành cho ta, muốn ta được sống. "Hay anh em nghĩ là Lời Kinh Thánh sau đây là vô nghĩa: Thần khí mà Thiên Chúa đã đặt trong chúng ta ước muốn đến phát ghen lên?" (Gc 4,5). Thiên Chúa "phát ghen" vì chúng ta, đó là dấu cho thấy Người thật lòng yêu thương chúng ta. Chúng ta hãy ước muốn theo Chúa Thánh Thần và chúng ta sẽ được nhậm lời:

c. "Bạn đừng buồn nếu bạn không được Thiên Chúa ban ngay điều bạn xin; vì Người muốn cho bạn được nhiều ích lợi hơn nữa, nhờ bạn kiên trì kết hiệp với Người trong cầu nguyện. Người muốn tôi luyện những ước muốn của chúng ta trong cầu nguyện, để chúng ta có khả năng đón nhận những gì Người sẵn lòng ban" (T.Augustino).

2. Làm thế nào để lời cầu nguyện của chúng ta được Thiên Chúa chấp nhận?

a. Mặc khải về cầu nguyện trong nhiệm cục cứu độ cho biết chúng ta có thể tin vì dựa vào hành động của Thiên Chúa trong lịch sử. Hành động tuyệt vời của Người, cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh

của Đức Kitô đã khơi lên trong ta lòng tin tưởng phó thác của người con thảo. Đối với Kitô hữu, cầu nguyện là cộng tác với Chúa Quan Phòng, với ý định yêu thương Người dành cho nhân loại.

Theo thánh Phaolô, chúng ta dám tin tưởng như thế (Rm 10,12-13), vì Chúa Thánh Thần cầu nguyện trong lòng chúng ta và vì Chúa Cha, Đấng đã ban Con Một của Người cho chúng ta (Rm 8,26-39), hằng trung tín yêu thương ta. Ơn đầu tiên Chúa ban cho người cầu nguyện là tâm hồn họ được biến đổi.

b. Nhờ Đức Giêsu cầu nguyện mà lời cầu xin của chúng ta được Thiên Chúa nhận lời. Chẳng những là gương mẫu, Người còn cầu nguyện trong chúng ta và với chúng ta nữa. Chúa Con chỉ tìm kiếm những gì đẹp lòng Chúa Cha, không lẽ chúng ta là nghĩa tử lại bận tâm về các quà tặng hơn cả Đấng ban tặng sao?

c. Đức Giêsu cũng đứng vào vị trí của chúng ta và vì lợi ích của chúng ta mà cầu nguyện cho chúng ta. Mọi lời khẩn cầu của chúng ta đều được thâu tóm lại một lần trong tiếng kêu lớn của Người trên Thập Giá, và đã được Chúa Cha nhận lời khi cho Người sống lại; vì thế Người không ngừng chuyển cầu cho chúng ta bên tòa Chúa Cha (Dt 5,7; 7,25; 9,24). Khi cầu nguyện nếu chúng ta kết hiệp với lời cầu nguyện của Đức Giêsu trong lòng tín thác và dạn dĩ của người con thảo, chúng ta sẽ nhận được mọi điều cầu xin nhân danh Người; hơn thế nữa, chúng ta không những nhận ơn này tới ơn khác mà còn nhận được chính Thánh Thần là nguồn mạch mọi hồng ân.

IV. KIÊN TRÌ TRONG TÌNH YÊU:

1. "Hãy cầu nguyện không ngừng" (1Tx 5,17). "Hãy nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha, trong mọi hoàn cảnh và về mọi sự" (Ep 5,20). "Theo ơn Thần khí hướng dẫn, anh em hãy dùng mọi lời kinh và mọi tiếng van nài mà cầu nguyện luôn mãi. Anh em hãy chuyên cần tỉnh thức và cầu xin cho toàn thể Dân Thánh" (Ep 6,18). "Chúng ta không được truyền dạy là phải lao động, phải canh thức và giữ chay liên lỉ, nhưng chúng ta có luật là phải cầu nguyện không ngừng". Nhiệt tình cầu nguyện không ngừng chỉ có thể phát xuất từ tình yêu. **Cầu nguyện là cuộc chiến của tình yêu khiêm tốn, tin tưởng và kiên trì, chống lại thân xác nặng nề và ươn lười của chúng ta.**

Tình Yêu này mở lòng ta đón nhận ba thực tại hiển nhiên của đức tin, rất rõ ràng và sống động.

Lúc nào chúng ta cũng có thể cầu nguyện: dù đời có nhiều bão tố, thời giờ của người tín hữu là thời giờ của Đức Kitô Phục Sinh, Đấng "đang ở với chúng ta mỗi ngày" (Mt 28,20). Thời giờ của ta ở trong tay Thiên Chúa: "Bạn có thể cầu nguyện thường xuyên và sốt sắng khi đang ở ngoài chợ hay đi dạo một mình, khi đang mua bán ở cửa hàng hay đang làm bếp" (T.Gioan Kim Khẩu).

2. Cầu nguyện là một nhu cầu sống còn. Chúng ta có thể thấy ngay bằng chứng ngược lại: nếu không để Thánh Thần hướng dẫn, chúng ta sẽ lại rơi vào ách nô lệ của tội lỗi (Gl 5,16-25); làm sao Thánh Thần có thể trở thành "sự sống" của ta, nếu lòng ta xa Ngài?

Không có gì sánh được với cầu nguyện: nhờ cầu nguyện, chúng ta làm những điều tưởng chừng không thể làm nổi, làm dễ dàng những điều tưởng chừng khó khăn. Người cầu nguyện thì không thể phạm tội (T.Gioan Kim Khẩu).

"Ai cầu nguyện chắc chắn sẽ được cứu độ; ai không cầu nguyện chắc chắn sẽ bị án phạt" (T.Anphongsô Ligôri).

3. Cầu nguyện và sống đạo là hai việc không thể tách rời. Cả hai cùng xuất phát từ tình yêu và sự quên mình vì yêu; cả hai cùng nhắm đến chỗ hòa hợp với ý định yêu thương của Chúa Cha trong tâm tình mến yêu của người con thảo; cả hai cùng giúp tín hữu hiệp thông với Chúa Thánh Thần để được biến đổi ngày càng nên giống Đức Giêsu Kitô; cả hai cùng thể hiện tình yêu thương mọi người, bắt nguồn từ tình yêu Đức Kitô đã yêu thương ta. "Tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy thì Người sẽ ban cho anh em. Điều Thầy truyền cho anh em là hãy yêu thương nhau" (Ga 15,16-17).

Ai cầu nguyện liên lỉ cũng biết kết hiệp kinh nguyện với việc làm và việc làm với kinh nguyện. Chỉ như vậy, chúng ta mới thực hiện được nguyên tắc cầu nguyện liên lỉ (Ôrigênê).

4. Kinh nguyện của Đức Giêsu vào Giờ của Người:

Khi đến Giờ, Đức Giêsu cầu nguyện cùng Chúa Cha (x.Ga 17). Đây là kinh nguyện dài nhất của Người được Tin Mừng ghi lại; Kinh Nguyện này bao hàm toàn thể nhiệm cục Sáng Tạo và

Cứu Độ, cả cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Người. Cũng như cuộc vượt qua đã diễn ra một lần dứt khoát, kinh nguyện vào Giờ của Đức Giêsu luôn luôn là của riêng Người, luôn hiện diện trong phụng vụ của Hội Thánh.

Truyền thống Kitô giáo gọi kinh nguyện này là "lời nguyện Hiến tế" của Đức Giêsu. Đây là kinh nguyện của Vị Thượng Tế. Kinh nguyện gắn liền với Hiến Tế và cuộc Vượt Qua, trong đó Người tự hiến trọn vẹn cho Chúa Cha.

Với lời cầu nguyện Vượt Qua và Hiến Tế này, tất cả đã được thâu tóm trong Người (Ep 1,10): Thiên Chúa và vũ trụ, Ngôi Lời và xác phàm, sự sống vĩnh cửu và thời gian; tình yêu tự hiến và tội lỗi phản bội tình yêu, các môn đệ đang hiện diện và những người sẽ tin vào Người nhờ lời của các ngài, mầu nhiệm tự hạ và vinh quang của Con Thiên Chúa. Đây là Kinh Nguyện Hiệp Nhất.

5. Đức Giêsu đã hoàn thành công trình của Chúa Cha; cũng như hiến tế, lời nguyện của Người trải rộng đến ngày tận thế. Kinh nguyện vào giờ của Người hoàn tất thời gian cuối cùng và đưa tới ngày viên mãn. Với tư cách là Con Một được Chúa Cha ban cho mọi sự. Chúa Giêsu tự hiến trọn vẹn cho Chúa Cha; như thế, Người chứng tỏ mình hoàn toàn tự do nhờ quyền năng Chúa Cha đã ban cho Người trên mọi xác phàm. Chúa Con, Đấng đã tự hạ mang thân phận tôi đòi, chính là Đức Chúa, Chúa Tể muôn loài. Vị Thượng Tế chuyển cầu cho chúng ta, cũng là Đấng cầu nguyện trong ta và là Thiên Chúa nhận lời chúng ta cầu xin.

Khi đã thuộc về Đức Giêsu, trong Người chúng ta có thể đón nhận từ bên trong, lời cầu nguyện Người dạy: "Lạy Cha". Lời nguyện tư tế hoàn tất tự bên trong những lời nguyện xin chính của kinh Lạy Cha: nguyện Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện, xin cho con người được cứu độ và thoát khỏi sự dữ.

Cuối cùng, chính trong kinh nguyện này, Đức Giêsu mặc khải và dạy chúng ta: Ai biết Chúa Cha cũng nhận biết Chúa Con; ai nhận biết Chúa Con cũng nhận biết Chúa Cha (Ga 17,3.6-10.25); nhận biết này chính là mầu nhiệm của đời sống cầu nguyện.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. "Cầu nguyện là cuộc chiến nội tâm", "chiến đấu" với ai? với điều gì? cuộc chiến này có cần thiết không?

- Cầu nguyện là một cuộc chiến nội tâm với chính mình. Vì khi cầu nguyền là ta thành tâm giãi bày với Thiên Chúa ý của mình và sẵn sàng vâng theo ý Ngài. Thiên Chúa luôn lắng nghe ta nhưng Chúa thực hiện như thế nào, lúc nào là tuỳ ý Ngài. Ta phải biết tin tưởng và tôn trọng Thiên Chúa.

- Với cám dỗ đừng cầu nguyện vì mặc cảm khô khan, cầu cạnh, xin xỏ, bị lừa hoặc nản chí vì không được nhận lời sinh ngã lòng, kiêu căng không còn cậy trông vào Thiên Chúa.

- Cuộc chiến này khiến ta cảm thấy tổn thương, bất an trong tâm hồn. Vì thế ta luôn luôn phải cậy trông tin tưởng phó thác nơi Thiên Chúa.

2. "Cầu nguyện là mở lòng cho hy vọng" nghĩa là gì?

Cầu nguyện giúp ta thêm can đảm, đối diện và đón nhận thực tế, nhìn nhận thực tại một cách sáng suốt hơn, tỉnh táo hơn. Vì cuộc đời không phải hoàn toàn đau khổ. Đối diện với thực tế để tránh ảo vọng (sống trong đau khổ, không lối thoát) không tuyệt vọng trước thất bại. Nhìn nhận "thất bại là mẹ thành công" để tiếp tục hành động, không buông xuôi đổ thừa cho số phận. Vì ta biết rằng: Có Chúa đang đồng hành bên ta. Ngài luôn dìu dắt và nâng đỡ ta từng bước trong cuộc đời. Tuy có lúc Chúa để ta gặp thử thách giúp thanh luyện và tăng thêm lòng can đảm cho ta.

MỘT NGƯỜI GIÀU CÓ

Một ngày, một ông lão đi qua, nhìn thấy vẻ mặt ủ ê của một anh chàng, bèn hỏi: "Chàng trai, sao trông cậu buồn thế, có việc gì không vui à?"

- Cháu không hiểu tại sao cháu làm việc chăm chỉ, vất vả mà vẫn nghèo. Chàng trai buồn bã nói.

- Nghèo ư, cháu là một người giàu có đấy chứ.

- Chưa ai nói với cháu như vậy cả, cháu rất nghèo.

- Giả như ta chặt một ngón tay cái của cháu, ta trả cháu 3 đồng vàng, cháu có đồng ý không? - Không ạ.

- Giả như ta chặt của cháu một bàn tay, ta trả cháu 30 đồng vàng, cháu đồng ý không? - Không bao giờ.

- Vậy ta muốn lấy đi đôi mắt của cháu, ta trả cháu 300 đồng vàng, cháu thấy thế nào? - Cũng không được.

- Vậy, ta trả cháu 3.000 đồng vàng để cháu trở thành một ông lão như ta, già cả, lú lẫn được không?

- Đương nhiên là không.

- Cháu muốn giàu. Vậy ta sẽ đưa cho cháu 30.000 đồng tiền vàng để lấy đi mạng sống của cháu, cháu thấy thế nào?

- Cháu cảm ơn ông! Cháu đã hiểu cháu cũng là một người giàu có.

Trong cuộc sống, rất nhiều người thường than thân trách phận mà không hiểu thực ra mình còn hạnh phúc hơn rất nhiều người khác. Bạn hãy xem:

- Nếu sáng nay tỉnh dậy, cảm thấy mình khỏe mạnh, thì bạn đã hạnh phúc hơn rất nhiều người không còn cơ hội sống đến ngày mai.

- Nếu bạn chưa bao giờ phải trải qua sự tàn phá của chiến tranh, sự đơn độc, lạnh lẽo trong nhà tù, chưa bị đói rét rình rập, thì bạn đã may mắn hơn 500 triệu người trên trái đất.

- Nếu trong tủ lạnh nhà bạn có thức ăn, bạn có quần áo để mặc, có tiền để tiêu, thì bạn đã hạnh phúc hơn biết bao người nghèo đói vô gia cư trên thế giới. Nếu bạn có tài khoản trong ngân hàng, thì bạn đã được xếp vào nhóm 8% những người giàu có trên thế giới.

- Nếu bố mẹ bạn vẫn còn sống và vẫn sống vui vẻ hạnh phúc bên nhau, thì bạn thuộc số ít nhóm người hạnh phúc nhất trên thế giới. Nếu trên khuôn mặt bạn lúc nào cũng nở một nụ cười tươi tắn, bạn luôn cảm thấy lạc quan yêu đời, thì bạn là người vô cùng hạnh phúc bởi trên thế giới có rất nhiều người muốn lạc quan như bạn mà cũng không được.

- Nếu bạn được ôm người thân vào lòng hay được dựa vào bờ vai của họ để nói lên tâm sự của mình, thì bạn đã hạnh phúc hơn rất nhiều những người không bao giờ nhận được tình yêu từ người khác. Nếu bạn đọc được những dòng chữ này,

thì bạn hạnh phúc hơn 2 tỷ người không thể đọc được trên trái đất này.

Sau khi đọc xong những dòng chữ này, bạn có thể nhìn lại mình qua gương và mỉm cười. "Hóa ra, mình cũng là một người giàu có."

"Hãy xem chim trời: chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng. Anh em lại chẳng quý giá hơn chúng sao? Hỏi có ai trong anh em, nhờ lo lắng, mà kéo dài đời mình thêm được dù chỉ một gang tay?" (Mt 6,26).

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khoẻ và chắc mẩy. Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ". Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.

Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới. Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn. Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới ...

Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân mà hãy can đảm bước đi, âm thầm chịu nát tan để góp cho cánh đồng cuộc đời một cây lúa nhỏ - cũng như sự chọn lựa của hạt giống thứ hai.

Chúa dạy ta phải biết sống hy sinh cho người khác, biết nhận cái khó khăn, bất lợi về phần mình để mang đến hạnh phúc, vui tươi cho những người xung quanh. Hy vọng đây cũng sẽ là sự lựa chọn của bạn khi đứng trước cánh đồng cuộc sống bao la này...

Bài 20

ĐỜI TA ĐI VỀ ĐÂU?

I. CHẾT.

1. Đời ta sẽ qua đi nhưng đang hướng về cõi sống thật. Sự chết sẽ chấm dứt cuộc đời trần thế của ta, nhưng Thiên Chúa tạo thành ta để được sống muôn đời. Sự chết chỉ là giao điểm, là cửa ngõ đưa ta vào đời hằng sống. Hiểu biết sự chết soi sáng ý nghĩa đời sống.

Platon nói: "Suy nghĩ về sự chết là suy nghĩ về sự sống đích thực". Từ sự chết có thể rút ra nhiều bài học hữu ích dạy ta sống cho có ý nghĩa. Louis Lavelle nói: "Ai quay mặt khỏi sự chết để tận hưởng cuộc đời thì cũng quay mặt khỏi cuộc sống".

2. Sự chết dạy cho ta biết sống khiêm tốn: trong cuộc sống ngắn ngủi, ta không thể thỏa mãn mọi ước vọng của mình, vì thế đừng nuôi những tham vọng quá sức mình. Thực tế và khiêm tốn sẽ làm cho đời sống bình an và thoải mái. Trước những cái tương đối, mau qua, người tín hữu phải tìm kiếm và xây dựng những gì là chân thật, bền vững. Ý thức được điều này là mỗi người có số ngày tháng nhất định để sống nên cần khai thác tối đa, đừng phung phí. Thời giờ mất đi không bao giờ lấy lại được. Sự chết đến bất ngờ nên phải tỉnh thức và đợi chờ. Không đợi chờ trong buồn thảm, thụ động nhưng trong lòng sốt mến, trong hy vọng và cầu nguyện.

Lòng vâng phục Chúa Cha trọn vẹn biến đổi nỗi chết thành lối vào ơn cứu độ. Nhờ Đức Kitô, nỗi chết mang lại ý nghĩa tích cực với Kitô hữu: qua Bí tích Thánh tẩy, Kitô hữu đã "chết cách nhiệm tích" với Đức Kitô để sống đời sống mới. Thánh Phaolô dạy: "Một chút gian truân tạm thời trong hiện tại sẽ mang lại cho chúng ta cả khối vinh quang vô tận, tuyệt vời" *(2Cr 4,17)*.

3. Niềm tin giúp ta nhận ra rằng bộ mặt thế giới này sẽ qua đi. Nhưng sự chờ mong một "trời mới, đất mới" không làm giảm sút, trái lại càng thôi thúc chúng ta quan tâm vun trồng trái đất và góp phần xây dựng xã hội loài người ngày một tốt đẹp hơn.

II. CHẾT TRONG ĐỨC GIÊSU KITÔ:

Muốn được phục sinh với Đức Kitô, chúng ta phải cùng chết với Người, ta phải "lìa bỏ thân xác này để được ở bên Chúa" (2Cr 5,8). Chết là "ra đi" hồn lìa khỏi xác. Hồn sẽ họp lại với xác trong ngày kẻ chết sống lại.

1. Chết: "Trước cái chết, bí ẩn về thân phận con người lên cao đến tột độ" (GS 18). Con người phải chết, đó là điều tự nhiên. Nhưng, đức tin cho chúng ta biết, chết là "tiền công trả cho tội lỗi" (Rm 6,23) (St 2,17). Và đối với người chết trong ân sủng Đức Kitô, chết là tham dự vào cái chết của Chúa để cùng được tham dự vào sự Phục Sinh của Người (Rm 6,3-9; Pl 3,10-11).

Chết là chấm dứt cuộc đời trần thế. Cuộc đời chúng ta được tính bằng thời gian. Trong khoảng thời gian đó, chúng ta thay đổi, già đi rồi chết, bình thường như mọi sinh vật khác trên mặt đất. Thực tại này cho chúng ta cái nhìn bức thiết hơn về cuộc sống. Nhớ đến cái chết, chúng ta phải nhớ là đời người có hạn:

"Vào thời thanh xuân, con hãy nhớ đến Đấng Sáng Tạo... trước khi bụi trở về với đất như cũ và sinh khí trở về với Đấng đã ban nó cho con" (Gv 12,1.7).

2. Chết là hậu quả của tội lỗi. Mặc dù theo bản tính tự nhiên con người phải chết, nhưng Thiên Chúa đã muốn nó không phải chết. Cái chết đi ngược lại với ý định của Thiên Chúa sáng tạo và nó bước vào trần gian như hậu quả của tội lỗi (x.Kn 2,23-24). "Giả như con người không phạm tội thì đã không phải chết" (GS 18), nên "cái chết là kẻ thù cuối cùng con người cần phải chiến thắng".

3. Cái chết được biến đổi nhờ Đức Kitô. Dù là Con Thiên Chúa, Đức Giêsu đã chịu chết vì mang thân phận con người. Đứng trước cái chết, tuy sợ hãi (Mc 14, 33-34; Dt 5,7-8), Người đã chấp nhận nó vì hoàn toàn và tự nguyện tùng phục ý Chúa Cha. Nhờ vâng phục, Đức Giêsu đã biến đổi cái chết từ chỗ là lời nguyền rủa trở thành lời chúc lành (Rm 5,19-21).

III. Ý NGHĨA SỰ CHẾT THEO KITÔ GIÁO:

1. Nhờ Đức Kitô, chết mang một ý nghĩa tích cực. "Đối với tôi, sống là Đức Kitô và chết là một mối lợi" (Pl 1,21). "Đây là lời đáng tin cậy: Nếu ta cùng chết với Người, chúng ta sẽ cùng sống với Người" (2Tm 2,11). Kitô giáo đem lại ý nghĩa mới cho cái chết: nhờ bí tích Thánh Tẩy, Kitô hữu đã "cùng chết với Đức Kitô" cách bí nhiệm để sống một đời sống mới. Nếu chúng ta chết trong ân sủng Đức Kitô, cái chết thể xác sẽ kết thúc việc "cùng chết với Đức Kitô" mỗi ngày để hoàn tất việc tháp nhập chúng ta vĩnh viễn vào Người nhờ công trình cứu độ của Người.

Qua cái chết, Thiên Chúa gọi chúng ta về với Ngài. Vì thế đối với cái chết, Kitô hữu có thể mong ước như Thánh Phaolô: "Ao ước của tôi là ra đi để được ở với Đức Kitô" (Pl 1,23); theo gương Đức Kitô, họ có thể biến cái chết của mình thành một hành vi vâng phục và yêu mến đối với Chúa Cha (Lc 23,46): *"Tôi muốn gặp Thiên Chúa và để gặp Ngài tôi phải chết"* (T.Têrêsa Avila). *"Tôi không chết, nhưng đang bước vào cõi sống* (T.Têrêsa).

2. Cái nhìn Kitô giáo về sự chết được diễn tả đặc biệt trong phụng Vụ: *"Lạy Chúa! Đối với chúng con là những tín hữu, sự sống thay đổi chứ không mất đi; và khi nơi trú ngụ dưới trần bị hủy diệt, chúng con được về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên quê trời"*.

Chết là kết thúc cuộc lữ hành trần thế, kết thúc thời gian Thiên Chúa gia ân và thương xót để con người sống cuộc đời trần thế theo ý Chúa và quyết định số phận tối hậu của mình. Khi chấm dứt "cuộc đời trần thế duy nhất này" (x.LG 48), chúng ta sẽ không trở lại với những cuộc sống trần thế khác. "Con người chỉ chết một lần" (Dt 9,29), không "đầu thai" sau khi chết.

3. Hội Thánh khuyên chúng ta chuẩn bị cho giờ chết *"Lạy Chúa, chúc tụng Chúa vì chị Chết mà không ai thoát khỏi được. Vô phúc cho người chết trong tội trọng và diễm phúc cho người được chết trong ân nghĩa Chúa, vì cái chết lần thứ hai sẽ không làm cho họ đau khổ"* (T.Phanxicô Assisi).

Việc kẻ chết sống lại được Thiên Chúa từng bước mặc khải cho Dân Người. Niềm hy vọng "xác loài người ngày sau sống lại" đã trở thành cần thiết như là hậu quả nội tại của đức tin vào Thiên Chúa sáng tạo con người trọn vẹn cả hồn và xác.

Đấng tạo thành trời đất cũng là Đấng trung thành giữ Giao Ước với Abraham và miêu duệ. Chính trong viễn tượng sáng tạo và giao ước, Dân Chúa bắt đầu bày tỏ niềm tin vào sự Phục Sinh. Giữa những thử thách, các vị tử đạo thuộc gia đình Macabê tuyên xưng: "Vua trời đất sẽ cho chúng tôi phục sinh để được sống vĩnh cửu, bởi chúng tôi chết vì tuân giữ lề luật của Người" (2Mcb 7,9). "Chúng tôi thà chết do tay người phàm mà giữ vững niềm hy vọng được Thiên Chúa cho phục sinh ..." (2Mcb 7,14).

Những người Pharisêu và nhiều người đương thời với Chúa Giêsu hy vọng vào sự sống lại. Chúa Giêsu đã giảng dạy rõ ràng về việc kẻ chết sống lại. Với người Sađốc không tin sự phục sinh, Người nói: "Vì các ông không biết Kinh Thánh và quyền năng Thiên Chúa mà các ông lầm" (Mc 12,24). Đức tin về sự sống lại dựa trên đức tin vào "Đấng không phải là Chúa của kẻ chết nhưng là Chúa của kẻ sống" (Mc 12,27).

IV. NGƯỜI CHẾT SẼ PHỤC SINH THẾ NÀO?

1. "Phục sinh" là gì? Khi chết, hồn lìa khỏi xác, thân xác con người lâm cảnh hư nát trong khi linh hồn đến gặp Thiên Chúa, nhưng trong tình trạng chờ đợi được tái hợp với thân xác vinh quang. Thiên Chúa toàn năng sẽ làm cho thân xác chúng ta vĩnh viễn không còn hư nát nữa, khi hợp nhất nó với linh hồn nhờ hiệu năng của Chúa Giêsu Phục Sinh.

2. Ai sẽ phục sinh? Mọi người đã chết đều sẽ phục sinh: "Ai đã làm điều lành thì sẽ sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sẽ sống lại để bị kết án" (Ga 5,29).

3. Phục sinh thế nào? Đức Kitô đã phục sinh với chính thân xác mình: "Hãy nhìn chân tay Thầy coi: đúng là Thầy đây mà" (Lc 24,39). Nhưng Người không trở về với đời sống trần thế. Cũng vậy, trong Người, "mọi người sẽ sống lại với thân xác của mình, thân xác họ đang có bây giờ", nhưng thân xác đó "sẽ biến đổi thành thân xác vinh hiển" thành "thân xác có thần khí" (1Cr 15,44)

4. "Thân xác con người phục sinh như thế nào" là điều vượt quá sức tưởng tượng và hiểu biết của chúng ta. Chúng ta chỉ hiểu được trong đức tin. Dầu vậy, khi rước Mình Máu Thánh Chúa, chúng ta được nếm trước việc thân xác chúng ta được biến đổi nhờ Đức Kitô:

V. PHỤC SINH VỚI ĐỨC KITÔ:

1. Đức Kitô sẽ cho chúng ta sống lại "ngày sau hết" nhưng có thể nói, chúng ta đã phục sinh với Đức Kitô rồi. Thật vậy, nhờ Chúa Thánh Thần, cuộc đời Kitô hữu đã dự phần vào cái chết và sự Phục Sinh của Đức Kitô ngay từ đời này: *"Anh em đã được mai táng cùng với Đức Kitô, khi chịu Phép Rửa, lại cùng được sống lại với Người, bởi anh em đã tin vào quyền năng của Thiên Chúa, Đấng làm cho Người sống lại từ kẻ chết ... Vậy bởi anh em đã sống lại cùng với Đức Kitô, thì anh em hãy tìm kiếm những gì trên trời, nơi Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa"* (Cl 2,12; 3,1).

2. Trong khi chờ đợi ngày ấy, xác và hồn của tín hữu đã được vinh dự "thuộc về Đức Kitô". Vì thế, phải tôn trọng thân xác của mình cũng như của kẻ khác, nhất là khi thân xác phải chịu đau đớn: *Thân xác là để phụng sự Thiên Chúa vì Chúa là chủ thân xác. Thiên Chúa đã làm cho Đức Kitô sống lại, cũng sẽ cho chúng ta sống lại. Nào anh em chẳng biết thân xác anh em là chi thể của Đức Kitô sao? ...Anh em đâu còn thuộc về mình nữa... Vậy anh em hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh em* (lCr 6,13-15.19-20).

3. Ngay sau khi qua đời, mỗi người nhận lãnh phần thưởng phạt đời đời, trong một cuộc phán xét riêng do Đức Kitô, Đấng phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Theo gương Đức Kitô, Hội Thánh luôn nhắc nhở tín hữu về "thực tế u buồn và bi thảm của cái chết đời đời" (x.DCG 69) còn gọi là "hỏa ngục".

Hình phạt chính của hỏa ngục là đời đời bị tách khỏi Thiên Chúa; vì chỉ nơi Thiên Chúa con người mới tìm được sự sống và hạnh phúc, là cùng đích và khát vọng của mình.

4. Hội Thánh cầu nguyện để không ai bị hư mất: "Lạy Chúa, xin đừng bao giờ để con lìa xa Chúa". Thực ra không ai có thể tự cứu lấy mình được, nhưng "Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ" (1Tm 2,4) và đối với Ngài "mọi sự đều có thể được" (Mt 19,26).

Nước Thiên Chúa sẽ viên mãn trong ngày tận thế. Sau phán xét chung, những người công chính được vinh thăng cả hồn lẫn xác để hiển trị muôn đời với Đức Kitô, và toàn thể vũ trụ sẽ được đổi mới. Trong cuộc sống vĩnh cửu, Thiên Chúa có "toàn quyền trên muôn loài".

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Sự chết soi sáng ý nghĩa đời sống của ta như thế nào?

Sự chết cho chúng ta hiểu rằng đời sống này rồi sẽ qua đi. Bệnh hoạn, sự chết giúp ta biết được con người là giới hạn. Sự chết dạy ta sống khiêm tốn, cuộc sống ngắn ngủi ta không thể thỏa mãn hết mọi ước vọng của mình. Đừng có quá nhiều tham vọng về sức khoẻ, tiền tài, danh vọng. Hãy tận dụng những điều kiện Thiên Chúa trao ban để sinh công phúc. Đừng quay lưng với sự chết vì khi ta biết mình sẽ chết thế nào thì ta sẽ biết sống thế nào cho hợp lý.

2. Thánh Phaolô có ý dạy gì khi nói: "những đau khổ ở đời này làm sao sánh với vinh quang mai sau".

Đứng trước thử thách đau khổ ta đừng nghĩ chúng tồn tại mãi và chúng rất to lớn. Đau khổ gian nan có giới hạn. Chúng giúp ta rèn luyện con người lập nhiều công đức. Đó là thành phần ơn cứu độ. Gian truân, đau khổ sẽ qua nau, biết từ bỏ ý riêng và đón nhận ý Chúa chính là niềm vui ơn cứu độ. Vì "ai gieo trong nước mắt sẽ gặt trong hân hoan".

MỘT MÓN QUÀ NOEL LÀM XÚC ĐỘNG THẾ GIỚI

Trần Mạnh Trác 11/30/2012



Anh Lawrence DePrimo 25 tuổi chỉ là một nhân viên cảnh sát thuường ở thành phố vĩ đại New York City, vĩ đại đến nỗi người ta đặt cho nó cái hỗn danh là Big Apple (quả táo bự.) Ai đã ghé qua thành phố này thì cũng biết nó bự đến nỗi chẳng ai thèm đếm xỉa đến ai cả, cuộc sống bon chen, công việc dồn dập, mỗi người lo riêng cho cuộc sống của mình.

Do đó một hành động bác ái đột xuất cuả anh DePrimo đáng lẽ sẽ chẳng ai biết tới. Anh cũng nghĩ như vậy và rất đỗi

ngạc nhiên khi có người đề cập đến nó. "I had no idea it was going to be such a big deal" ("Có gì mà phải nói chứ") anh cho biết như vậy.

Số là hai tuần trước khi anh đi tuần ở khu Time Square trong một đêm giá lạnh, anh phải đi 2 đôi vớ mà vẫn thấy buốt, anh nhìn thấy một người đàn ông vô gia cư không có giày. Anh tả lại "Đôi chân cuả ông ta bị sưng lên bằng cả cái bàn tay tôi như thế này. Tôi động lòng trắc ẩn. Chẳng nghĩ gì sâu sa cả. Tôi dừng lại và hỏi nếu ông ta có muốn một đôi vớ cho ấm không?"

Người đàn ông bất hạnh trả lời không. Cảm ơn lòng tốt của anh và thêm vào "May God bless you" (Xin Chúa ban phước lành cho ông)

Thật là bất ngờ, anh DePrimo nói tiếp "Này đây một người nghèo mạt đến nỗi một đôi vớ cũng không có, thế mà lại có một tấm lòng vĩ đại để mà xin Chúa ban phước lành cho tôi. Thật là một sự... vô cùng tận... tuyệt vời"

Anh DePrimo sau đó chạy tới tiệm bán giày Sketchers để mua một đôi giày ủng, không biết số giày là bao nhiêu cho nên anh lại phải chạy ra chỗ người vô gia cư một lần nữa. Sự việc không lọt qua mắt cuả ông quản lý tiệm giày Jose Cano và ông ta đã giúp giảm giá đôi giày để anh DePrimo chỉ phải trả như là giá cuả một nhân viên của tiệm. (Xin xem ghi chú *)

"Bạn biết không, chúng tôi hiểu rằng ông cảnh sát này đang vội giúp người khác, và ông ta không có nhiều thời giờ. Cho nên tự nhiên chúng tôi phải cố giúp đỡ làm sao cho mọi việc được suôn sẻ thêm lên" Ông Cano nói.

Anh DePrimo đã không hỏi tên của người đàn ông khốn khổ là gì, nhưng anh không thể quên giây phút kỳ diệu khi trao quà, anh tâm sự "Ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi và cười toe toét, cái cười kéo dài từ tai này qua đến tai nọ. Và một lần nữa ông ta xin Chúa ban phước lành cho tôi và cầu chúc cho tôi được an toàn. Tôi thực tình không thể tin vào tai mình được. Các ông thấy không, chỉ là một món quà nhỏ bé thôi, thế mà ông ta lại cảm tạ nồng nhiệt đến như thế".

Anh DePrimo cất giữ tấm biên lai của đôi giày vào túi áo chống đạn của anh để nhắc nhở cho anh đến những người bạc phận. Sau đó anh vội vã tiếp tục cuộc đi tuần của mình.

Nhưng hành động của anh DePrimo không khỏi lọt vào ống kính của du khách từ xa đến. Bà Jennifer Foster, ở thành phố Florence, tiểu bang Arizona đang đi chơi NYC và bà đã lấy máy điện thoại của mình để chụp cảnh người cảnh sát và vô gia cư.

Bà đã gửi tấm hình và viết thư cho văn phòng cảnh sát NYPD rằng bà cũng đã nhìn thấy người đàn ông xấu xố không có giày ấy:

"Ngay khi tôi định đi tới ông ta, thì một nhân viên cảnh sát của quí sở đã xuất hiện. Anh ta nói: 'Tôi đã có giày đúng số 12 cho ông đây, đôi giày này là giày cho mọi thời tiết. Nào mình thử xem nào.' Và anh ta đã cúi xuống đất và giúp người đàn ông đi vớ và giày vào. Anh cảnh sát ấy không kỳ vọng một điều gì từ người đàn ông cả và anh cũng không hề biết là tôi đang chứng kiến. Tôi đã làm việc trong ngành công lực từ 17 năm qua. Tôi chưa bao giờ xúc động đến như thế. Tôi không biết tên của anh cảnh sát. Nhưng quan trọng hơn, theo tôi nghĩ, là tất cả chúng ta cần được nhắc nhở về những lý do thực sự của ngành công lực. Cho nên việc làm của người cảnh sát này là một vinh dự cho nghề nghiệp của chúng ta và đồng thời cũng nhắc nhở cho tôi cũng như cho tất cả những nhân viên công lực ở Arizona mà tôi đã chia sẻ câu chuyện rằng lòng tốt của con người vẫn không bị mất."

Văn phòng Cảnh Sát NYPD đã đăng tấm hình và bức thư của bà Foster lên trang nhà trong Facebook.

Cho đến thứ Ba vừa qua, số shares (gửi cho nhau) của bài viết Facebook đã lên tới 77 ngàn, số người đánh dấu là 'thích' lên đến 322 ngàn và số người viết bình luận thêm vào là 20 ngàn. Những lời khen ngợi đến từ khắp nơi trên thế giới, kể cả những nơi xa xôi như Úc Châu và Malaysia.

**Ghi chú: theo tin mới nhất thì đôi giầy trị giá $100. Quả là một món quà to lớn.*

ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI VÀ CHUYỂN GIỚI TÍNH:

MỘT NHẬN ĐỊNH TRÊN PHƯƠNG DIỆN KHOA HỌC VÀ LUÂN LÝ CÔNG GIÁO

BS Trần Như Ý Lan

Trên thế giới hiện nay có nhiều chính trị gia nổi tiếng, đồng tính công khai, gặt hái nhiều thành công to lớn trong sự nghiệp chính trị như nữ Bộ trưởng tài chính của Úc và là thượng nghị sĩ bang Adelaide, bà Penny Wong. Tân đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, ông Ted Osius, được xem là nhà ngoại giao xuất sắc, đồng thời là người đồng tính công khai thứ bảy mà Tổng thống Obama đã bổ nhiệm giữ chức vụ đại sứ của Hoa Kỳ. Sự kiện này được đưa ra như một chứng cứ về sự quân bình, trưởng thành tâm cảm của những người đồng tính luyến ái và biện minh hôn nhân đồng tính. Như linh mục Xavier Thévenot, SDB, một giáo sư thần học luân lý từng nhận định, nhiều người Công giáo hiện nay, đặc biệt là giới trẻ, cảm thấy bối rối khi chạm trán với những biến đổi sâu sắc về phong hóa trong xã hội. Họ cảm thấy giáo huấn Giáo Hội Công giáo dường như tỏ ra xa lạ với thế giới quanh mình. Đồng thời họ cũng băn khoăn, tự hỏi những khám phá mới của khoa học trong lãnh vực tính dục, y sinh học... có thật sự đưa con người tiến bộ không? Phải làm thế nào để trở nên "người hơn" trong thế giới nhiều biến động hôm nay?

2 Bài viết này là một cố gắng nhỏ bé thử xem xét hai vấn đề khá "nóng bỏng" trong lãnh vực tính dục ngày nay: Đồng tính luyến ái và chuyển giới tính. Có vài hiểu lầm giữa đồng tính luyến ái và chuyển giới tính. Bài viết đề cập đến hai vấn đề này trên phương diện khoa học và luân lý Công giáo.

PHÂN BIỆT GIỚI TÍNH TRÊN PHƯƠNG DIỆN Y KHOA

I. GIỚI TÍNH BÌNH THƯỜNG

Nam: người mang bộ nhiễm sắc thể 46XY, cơ quan sinh dục bên trong gồm 2 tinh hoàn, bộ phận sinh dục ngoài là nam.

Nữ: người mang bộ nhiễm sắc thể 46 XX, cơ quan sinh dục bên trong gồm 2 buồng trứng, tử cung, bộ phận sinh dục ngoài là nữ.

Giới tính bao gồm năm khía cạnh: bộ nhiễm sắc thể, cơ quan sinh dục bên trong, bộ phận sinh dục ngoài, nội tiết tố (hormone) giới tính, và tâm lý giới tính. Ở một con người bình thường, năm khía cạnh này phải thống nhất và hài hòa. Nội tiết tố có thể xem như là các sứ giả hóa học thông tin cho các mô (tissues) trong cơ thể để mang lại các sự thay đổi chuyển hóa khác nhau. Ở người nữ, nội tiết tố sinh dục là oestrogen và progesterone. Oestrogen được sản xuất chủ yếu bởi buồng trứng (ở nửa đầu chu kỳ kinh nguyệt và thêm progesterone vào nửa chu kỳ sau) và bởi bánh nhau khi có thai. Oestrogen chịu trách nhiệm về phát triển dậy thì và cho các đặc tính thể lý ở người nữ như cơ quan sinh dục trong, cơ quan sinh dục ngoài, vú. Nó bảo đảm sự tăng trưởng niêm mạc tử cung trong nửa chu kỳ đầu của kinh nguyệt và chuẩn bị nội mạc tử cung sẵn sàng nuôi dưỡng thai khi có thai. Androgens là các nhóm nội tiết tố sinh dục nam đem lại cho người đàn ông các đặc tính "nam," hay gọi tắt là nam tính. Các nội tiết tố này thiết yếu cho chức năng tình dục và sinh sản. Chúng cũng chịu trách nhiệm cho sự phát triển các đặc tính giới tính phụ nơi người nam bao gồm sự tăng trưởng của lông và râu trên thân thể, phát triển bắp cơ và xương. Nội tiết tố tình dục chủ yếu của nam là testosterone, chịu trách nhiệm cho quá trình dậy thì, vốn được sản xuất chủ yếu bởi tinh hoàn (testis). Chức năng khác của testosterone là thay đổi dây thanh âm để tạo ra giọng nam; gây xung động tình dục và chức năng tình dục; sự tăng trưởng và chức năng của tuyến tiền liệt (prostate gland); sản xuất tinh trùng (sperm production). Tuyến yên (pituitary gland), một tuyến nhỏ nằm trong não, kiểm soát bài tiết nội tiết tố của tinh hoàn (ở nam) và buồng trứng (ở nữ). Tuyến yên điều khiển tinh hoàn hay buồng trứng thông qua hai nội tiết tố: – Luteinising hormone (LH) và Follicle stimulating hormone (FSH) – cũng được gọi là gonadotrophins. Tuyến yên lại chịu sự kiểm soát của một tuyến

lân cận cũng nằm trong não, gọi là tuyến dưới đồi (hypothalamus). Vậy, bất cứ rối loạn nào ở tinh hoàn, buồng trứng, tuyến yên, tuyến dưới đồi đều có thể gây rối loạn sản sinh nội tiết tố nam hay nữ. Vùng vỏ của tuyến thượng thận (adrenal glands) còn tiết ra nội tiết tố nam, androgen. Hoạt tính sinh dục của androgen vỏ thượng thận rất ít, chỉ rõ khi có sự bài tiết gia tăng bệnh lý.

II. LƯỠNG TÍNH (INTERSEX)

Đây là trường hợp bệnh lý do rối loạn phát triển hệ thống cơ quan sinh dục vào thời kỳ bào thai. Hệ sinh dục của con người gồm có ba phần: các tuyến sinh dục trong, đường sinh dục và các bộ phận sinh dục ngoài. Chúng có nguồn gốc cấu tạo khác nhau và chịu ảnh hưởng của các tác nhân khác nhau khi hình thành. Việc bộ phận sinh dục ngoài không rõ ràng được gọi là tình trạng lưỡng tính (từ ngữ "bình dân" hay được sử dụng là "ái nam ái nữ").

1. LƯỠNG TÍNH THẬT: Rất hiếm. Những người này có cả tinh hoàn và buồng trứng (tách riêng hay nhập chung thành tuyến tinh hoàn – buồng trứng) nhưng chúng thường không có tính năng hoạt động. Khi đứa trẻ mới ra đời, có thể các bác sĩ đã phát hiện thấy cơ quan sinh dục ngoài phát triển không có giới tính rõ ràng, dương vật rất nhỏ và có khi nứt ở niệu đạo. Vào thời kỳ dậy thì, ở người đó có thể đồng thời xuất hiện cả các đặc tính nam và nữ, thậm chí có cả kinh nguyệt. Nhiễm sắc thể là 46XX/46XY (một số tế bào mang 46XX và một số tế bào mang 46 XY) hoặc là loại hình hỗn hợp của cả hai loại trên. Nguyên nhân gây lưỡng tính thật là có bất thường trong quá trình tăng trưởng phân định giới tính. 5 Phần lớn các trường hợp "ái nam ái nữ" thường gặp là lưỡng tính giả.

2. LƯỠNG TÍNH GIẢ: Lưỡng tính giả ở nữ: Bệnh nhân là nữ, có buồng trứng hẳn hoi, nhưng do tuyến thượng thận sản xuất quá nhiều nội tiết tố nam androgen nên bộ phận sinh dục ngoài bị "nam hóa", như âm vật phì đại, hai môi lớn to và dính nhau như bìu. Trường hợp nam hóa nặng có thể tạo nên đoạn niệu đạo – âm vật giống như ở người nam có tinh hoàn ẩn. Nguyên nhân thường gặp nhất là hội chứng thượng thận– sinh dục. Một số trường hợp do mẹ có dùng thuốc chứa androgen khi mang thai, mẹ bị u buồng trứng nam hóa (u buồng trứng tiết ra androgen). Lưỡng tính giả ở nam: Bộ nhiễm sắc thể vẫn là 46 XY như mọi đàn ông khác, nhưng bộ phận sinh dục lại giống nữ. Nguyên nhân là nội tiết tố nam testosterone và MIS – một chất cần cho sự phát triển giới tính nam – không được tiết ra đủ.

Bệnh nữ hóa có tinh hoàn: Người bệnh có tinh hoàn và có bộ nhiễm sắc thể 46XY, là đàn ông nhưng cơ quan sinh dục ngoài không nhạy cảm với testosterone nên không biệt hóa thành dương vật. Họ có âm đạo (thường bị tịt một đầu, không có tử cung, có vòi tử cung nhưng kém phát triển). Đến khi dậy thì, vú lớn lên nhưng không hành kinh, lông mu ít hay không có. Các tinh hoàn thường ở trong bụng hay ống bẹn, cũng có khi ở môi lớn. Về phương diện phôi thai học, các người này giống lưỡng tính giả ở nam, song họ không có cảm giác lưỡng tính mà coi mình là phụ nữ do bộ phận sinh dục ngoài giống như người nữ bình thường, được nuôi dạy như nữ.

Loạn sinh tuyến sinh dục kết hợp: Các trường hợp này cũng rất hiếm: Bệnh nhân có tinh hoàn một bên, bên kia không rõ ràng. Cấu trúc đường sinh dục thường là nữ, song đôi khi cũng 6 có vài cấu trúc dạng nam. Các bộ phận sinh dục ngoài có thể là nữ, nam hay pha trộn cả hai. Khi dậy thì, bệnh nhân không phát triển vú, không hành kinh. Các trường hợp nghi ngờ lưỡng tính cần được bác sĩ khám kỹ để tìm nguyên nhân, từ đó xác định biện pháp xử lý. Các người đàn ông bị hội chứng Klinefelter – mang thừa nhiễm sắc thể nữ (47XXY) – giờ đây vẫn có thể có con, nếu được trải qua phẫu thuật để phục hồi tinh trùng.

III. CÓ HAY CHĂNG GIỚI TÍNH THỨ BA?

Theo Hãng tin AFP, ngày 2–4–2014, Tòa án Tối cao Úc ra phán quyết thừa nhận sự tồn tại của "giới tính thứ ba", không phải là nam hoặc nữ. Tòa án Tối cao Úc cho rằng không phải tất cả mọi người đều bị buộc phải xác nhận mình là nam hay nữ. Năm 2013, Đức thông qua luật cho phép trẻ sơ sinh mang đặc điểm của cả nam và nữ được đăng ký giới tính không xác định. Chúng ta nghĩ gì về sự kiện này? Một mặt, đúng như vừa trình bày ở trên, chúng ta thấy có những người lưỡng tính, khó xác định nam hay nữ, nên việc Đức thông qua luật cho phép trẻ sơ sinh mang đặc điểm của cả nam và nữ được đăng ký giới tính không xác định là có thể hợp lý. Trong tương lai, những đứa trẻ này cần được y học giúp đỡ để xác định giới tính và ổn định tâm lý. Mặt khác, từ "giới tính thứ ba" là không hợp lý, có thể gây nhiều lầm lẫn. Thật vậy, truyền thống xã hội xây dựng gia đình ổn định dựa trên hiểu biết hai giới tính nam và nữ. Lưỡng tính là một bệnh lý, như y học đã xác định, không nên "bình thường hóa" bệnh lý bằng cách gọi tên là "giới tính thứ ba".

IV. CHUYỂN GIỚI TÍNH (TRANSGENDER)

Theo thống kê về giới tính học của thế giới, tỉ lệ thích chuyển giới ở nam là 1/30.000 người. Ở nữ, tỷ lệ này là 1/100.000 người. Những người này, bộ nhiễm sắc thể, cả tuyến sinh dục bên trong lẫn bộ sinh dục bên ngoài hoàn toàn bình thường, nhưng do một yếu tố nào đó chưa xác định, họ có rối loạn về tâm lý giới tính, cảm thấy không hài lòng về phái tính của mình, ước ao sống phái tính ngược lại. Một số người tìm cách phẫu thuật để chuyển giới.

ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Trước kia, có nhiều quan niệm sai lầm và hình ảnh rập khuôn về các người đồng tính luyến ái và các hành vi tình dục của họ, làm nhiều người trong chúng ta nhìn họ bằng con mắt không mấy thiện cảm, đặc biệt trong xã hội Việt–Nam, khi chưa có nhiều nghiên cứu sâu xa nghiêm túc về nhóm người đồng tính luyến ái. Hơn nữa, tỉ lệ nhiễm HIV xảy ra cao hơn ở những người nam đồng tính hay người nam luyến ái cả hai giới dường như củng cố thêm các phê phán ác cảm hay phân biệt đối xử đối với các người đồng tính.

I. SỰ MÔ TẢ RẬP KHUÔN VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Một trong các vấn đề đầu tiên của đồng tính luyến ái là sự giải phóng khỏi các suy nghĩ, mô tả rập khuôn, và một số hình thức phân biệt đối xử. Có nhiều hiểu lầm từ phía xã hội và đa số dân chúng đối với các người đồng tính luyến ái. Các kiểu mô tả thiên kiến về người đồng tính luyến ái như là bất bình thường, vô trách nhiệm, bệnh lý, nguy hiểm... Sự không chấp nhận của xã hội khiến nhiều người đồng tính cố gắng che giấu khuynh hướng tình dục của họ, để họ có thể sống một cách êm thắm không bị dị nghị trước mắt xã hội. James Harrison kêu gọi sự chú ý về điều mà có lẽ chúng ta không ý thức: "Các người đồng tính là các người đồng nghiệp mà chúng ta tôn trọng, các người thân thuộc mà chúng ta yêu mến. Họ là bạn bè, cô dì chú bác..." Khi một người ý thức được khuynh hướng đồng tính của mình, người ấy cũng thường ý thức được sự khác biệt của mình với đa số dân chúng. Hội đồng Giám mục tại Anh quốc nhận xét: "Ý thức về sự khác biệt, thuộc về một nhóm thiểu số, làm cho người đồng tính chịu đựng vấn đề giống như các loại nhóm thiểu số khác, nhưng còn thêm một điều là giữ kín sự khác biệt đó...Trong một xã hội mà họ là đối tượng của sự trêu chọc và khinh miệt, nói chung người đồng tính cảm thấy tự ti, và cô

độc mà các người khác khó lòng, hay không thể hiểu được."Dường như xã hội bị cuốn vào cái vòng xoáy: phản ứng xã hội không dung nạp lan rộng đối với người đồng tính khiến cho họ giữ kín khuynh hướng của mình, sự giữ kín này càng làm cho đa số dân chúng ít hiểu biết về họ, và từ đó càng tạo ra sợ hãi, hiểu lầm, mô tả thiên kiến, phân biệt đối xử của xã hội đối với nhóm người đồng tính.

II. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN BIỆT

1. CĂN TÍNH TÍNH DỤC (sexual identity): mỗi cá nhân đều có căn tính tính dục, có thể chia làm bốn loại. **Giới tính sinh học** (biological sex): dựa trên trạng thái thể lý của chúng ta là nam hay nữ. **Căn tính giới tính** (gender identity): là chúng ta cảm nhận thế nào là nam, là nữ. Căn tính giới tính bắt đầu hình thành từ hai tuổi, khi bé trai ý thức mình khác bé nữ, hay bé nữ thấy có điều gì mà bạn nam không giống mình. Ý thức này đóng góp phần quan trọng trong hình thành nhân cách là nam, là nữ. **Vai trò theo giới tính** (gender roles): là những hy vọng, trông đợi của xã hội về hành vi cá nhân dựa trên giới tính sinh học. Điều này khá rõ ràng. Ví dụ từ lúc sinh ra, bé gái được cho đồ chơi búp–bê, thêu may, lựa màu hồng, màu vàng, bé trai chơi súng, máy bay, lựa màu xanh, màu trắng. Trong đời sống, người mẹ hay la con trai: "đừng khóc nhè như con gái", hay khuyên dạy "con trai phải can đảm". Hiểu biết vai trò nam nữ trong xã hội ngày nay thay đổi nhiều do phong trào nữ quyền và nền thần học nữ giới. **Khuynh hướng tình dục** (sexual orientation): chỉ đến cái giới tính sinh học mà chúng ta bị hấp dẫn. Khác phái tính luyến ái (heterosexual) là bị hấp dẫn bởi phái khác. Luyến ái cả hai phái (bisexual) là bị hấp dẫn bởi cả hai phái trong các thời điểm khác nhau. Đồng tính luyến ái (homosexual) là bị hấp dẫn thể lý bởi người cùng phái tính.

2. ĐỊNH NGHĨA Vài định nghĩa về người đồng tính luyến ái thường được dùng: – là những người ít nhiều, một cách thường xuyên cảm thấy một ước muốn tình dục hướng về, và một đáp ứng tình dục đối với người cùng giới tính, và tìm cách thỏa mãn ước ao này với người đồng phái. – là một người "trong đời sống trưởng thành được thúc đẩy bởi một sự hấp dẫn tình dục đối với người cùng phái tính và thường (nhưng không một cách nhất thiết) dấn thân vào các tương quan tình dục với người đồng phái." – là người "cảm thấy thoải mái và được khẳng định khi thân mật với người đồng tính, trong khi với người khác phái thì họ cảm thấy yếu ớt, bất bình, sợ hãi, hay đơn giản là dửng dưng hay ít thoải mái khi có cơ hội gần gũi

tình dục, hay khi nó xảy ra. "Như vậy, nói chung, một người đồng tính luyến ái, một cách cơ bản, là người dửng dưng với sự hấp dẫn thể lý của người khác phái và nghiêng chiều một cách vững bền và chủ yếu để tìm kiếm sự thỏa mãn tình dục và/hay thỏa mãn tình cảm và hạnh phúc trong tương quan với người cùng phái. Còn các người thỉnh thoảng có kinh nghiệm thích người cùng phái không có nghĩa là người đó đồng tính luyến ái. Có những người không bao giờ một cách rõ ràng có hành vi hay tiếp xúc tình dục với người cùng phái, nhưng thật sự là đồng tính luyến ái bởi khuynh hướng thường xuyên và sâu xa bị hấp dẫn tình dục bởi người cùng phái, chỉ với người cùng phái họ mới có thể tìm được cảm giác hạnh phúc. Đồng tính luyến ái là một hiện tượng phức tạp. Các nhà nghiên cứu Bell and Weinberg khám phá ra sự khác biệt lớn lao đáng kể trong nếp sống và nhân cách trong số hơn một ngàn nam nữ đồng tính luyến ái được phỏng vấn trong nghiên cứu của họ.

3. PHÂN BIỆT – Luyến ái cả hai giới (bisexuals): là người chuyển từ luyến ái người khác phái tính sang luyến ái người cùng giới mà đa số nguyên nhân chưa rõ ràng. Có trường hợp người nam có vợ con bình thường, nhưng sau một thời gian bỗng thấy dửng dưng với vợ, không còn thèm muốn vợ và quan hệ tình dục với người nam khác. Có thể có trường hợp mà nguyên nhân là quan hệ với người vợ không được hạnh phúc. Ngoài ra, tôi gặp một trường hợp, một nữ bệnh nhân kể rằng bà lấy chồng năm 19 tuổi, có hai người con, nhưng đến năm 23 tuổi, tự nhiên mất kinh nguyệt và trở nên thích người nữ. Bà ấy ý thức điều này là bất thường, bà cố gắng chống lại khuynh hướng này nhưng không cưỡng được ham muốn người đồng giới, cuối cùng bà bỏ chồng con và sống chung với một người phụ nữ khác. Có thể nghĩ đến chăng trường hợp ở đây có liên quan đến thay đổi nội tiết tố trong người phụ nữ ấy, một loại bệnh lý thật sự? – **Giả đồng tính luyến ái** (Pseudo–homosexuals): họ là người khác phái tính luyến ái nhưng vì có môi trường thuận lợi tiếp xúc với người cùng phái, nên dấn thân trong các hành vi đồng tính luyến ái để thoả mãn tình dục. Đây là trường hợp nơi một số trại lính, trại giam, cư xá sinh viên và có thể ngay cả trong chủng viện hay dòng tu. Các hành vi đồng tính luyến ái trong đời tu thường liên quan đến đời sống thiếu trưởng thành trong tình cảm và nhân cách, và đôi khi sử dụng quyền lực một cách sai lạc trong tương quan giữa một người bề trên và bề dưới.

III. VÀI HIỂU BIẾT TÂM SINH LÝ – LUẬT TỰ NHIÊN

Vài quan sát cần được ghi nhận. Cần lưu ý, trong khi hành vi tình dục phần lớn phát xuất từ sự chọn lựa hay quyết định có ý thức, còn khuynh hướng tình dục của một người thì không như vậy. Người ta không chọn cho mình khuynh hướng tình dục. Không ai hình thành một cách đơn giản trí khôn họ để trở thành khác phái tính luyến ái hay đồng tính luyến ái. Có kinh nghiệm về đồng tính luyến ái riêng rẽ và trong thời kỳ nhất định không có nghĩa là người ấy đồng tính luyến ái. Một số thanh niên, một cách đặc biệt, có thể kinh nghiệm sự hấp dẫn tình dục với người cùng phái và có thể đôi khi dấn thân vào hoạt động tình dục công khai với người cùng phái, nhưng các kinh nghiệm này thông thường chỉ phản ánh sự hiếu kỳ và biểu hiện của một trong các giai đoạn của phát triển tâm lý tính dục. Như thế, các biểu hiện này không chỉ ra rằng các thanh niên ấy là đồng tính hay sẽ trở thành đồng tính suốt đời. Trong ánh sáng của các quan sát này, có thể rút ra hai điều:

Cần phân biệt giữa khuynh hướng đồng tính của một người với hành vi tình dục đồng tính rõ ràng xảy ra do sự hấp dẫn thể lý mà người đó cảm thấy đối với một người cùng phái; Bởi vì không phải mọi hành vi tình dục đồng tính công khai đều phản ánh một khuynh hướng đồng tính thật sự, chúng ta phải công nhận rằng có hiện tượng giả đồng tính luyến ái. Có một sự tương đồng ở đây giữa người khác phái tính luyến ái và người đồng tính luyến ái. Những người khác phái tính luyến ái không cố ý chọn cho mình khuynh hướng đó, mà nhận thức khuynh hướng của mình một cách tự nhiên. Cũng như thế, các người đồng tính luyến ái không làm các chọn lựa có ý thức rằng bị hấp dẫn tình dục bởi các người cùng giới. Đúng hơn, vào một thời điểm trong quá trình phát triển, người đồng tính khám phá ra họ bị lôi kéo tình dục về người cùng giới. Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ đã từ lâu thừa nhận điều trên. Năm 1973 các giám mục Hoa Kỳ đã viết: "Có thể nói một cách không sai rằng một người nam hay nữ không ước muốn trở thành đồng tính luyến ái. Vào một thời điểm nhất định trong đời sống, một người khám phá ra rằng anh ấy/chị ấy là đồng tính và thường chịu đựng một số chấn thương tâm lý. "Một số nhà tâm lý học, như William Kraft cho rằng khuynh hướng đồng tính luyến ái tự nó không phải là không lành mạnh, nhưng hành vi đồng tính mới là vấn đề. Năm 1976, các giám mục Hoa Kỳ viết: "Vài người tìm thấy rằng họ không có lỗi gì đóng góp vào khuynh hướng đồng tính của họ. "Năm

1990 các giám mục Hoa Kỳ xác định tính vô tội của khuynh hướng đồng tính: "bởi vì nó không được tự do chọn lựa, nên không phải là tội lỗi. Câu này rất quan trọng vì nó khẳng định rằng do khuynh hướng tình dục không phải tự ý chọn lựa, nên khuynh hướng tình dục của một người, cho dù đồng tính luyến ái tự nó không phải là vấn đề của đánh giá luân lý. Tuy nhiên, theo ý riêng tôi, không phải bởi vì khuynh hướng đồng tính luyến ái của một người không do người đó chọn lựa, chỉ "phát hiện" ra khuynh hướng đó trong chính mình tại một giai đoạn nào đó của đời sống, mà chúng ta có thể xem khuynh hướng đồng tính đó là "tự nhiên", "bình thường". Thí dụ, một người chợt phát hiện ra mình mắc bệnh, chẳng hạn như mắc bệnh Tự Miễn (là một loại bệnh mà tế bào lympho trong cơ thể người bệnh không nhận ra được tế bào của chính mình, nên tạo ra kháng thể tự chống lại tế bào của chính mình, và hậu quả là người bệnh bị tổn thương ở nhiều cơ quan và sau cùng là cái chết), **tuy họ không chọn lựa, nhưng bệnh Tự Miễn vẫn là một bệnh lý cần điều trị và phải điều trị.** Tài liệu "Tuyên Ngôn về một số vấn đề liên quan đến đạo đức tính dục" 1986 của Bộ Giáo lý Đức tin khẳng định: "Mặc dù sự nghiêng chiều cách riêng của người đồng tính không phải là một tội, nhưng đó là ít nhiều khuynh hướng mạnh mẽ hướng về một sự xấu luân lý nội tại (thực hiện hành vi tình dục đồng tính) và vì vậy sự nghiêng chiều tự nó phải bị xem như là một rối loạn khách quan." Bộ Giáo lý Đức tin thừa nhận rằng các người đồng tính thường "quảng đại và hiến dâng", tuy nhiên **"khi họ thực hiện hành vi đồng tính thì họ tự khẳng định bên trong chính mình một sự nghiêng chiều tình dục rối loạn."**

Tài liệu 1986 của Bộ Giáo lý Đức tin đã phân biệt thêm các nguyên nhân ngoại lai tạo nên khuynh hướng đồng tính: "Khuynh hướng đến từ sự giáo dục sai lầm, do sự thiếu sót trong phát triển tình dục bình thường, do thói quen, do gương xấu, hay do các nguyên nhân tương tự khác, và là tạm thời, hay ít nhất là không phải không thể chữa lành được." Một số người đồng tính ở đây được mô tả như nạn nhân của một loại kém may mắn, hay một loại rối loạn nào đó. Một số thần học gia lý luận rằng tự nó–sự ước muốn quan hệ tình dục với người đồng phái tính– không có gì sai trái, vì ngay cả người khác phái tính luyến ái cũng có khi ước muốn tình dục với người khác không phải là vợ hay chồng của mình, hay người tu sĩ ở một giây phút nào đó, chợt thấy mình ước ao tình dục với một ai đó. Đúng là ước muốn tình dục với một ai đó không phải chồng

hay vợ mình, là sai khách quan, nhưng chưa phải là sự xấu luân lý. Điều làm cho ước muốn đó trở nên xấu là khi người ấy **chiều theo** ý muốn đó, dù mới trong ý nghĩ; còn nếu bản thân đương sự đấu tranh với chính mình để vượt qua ước muốn sai trái, thì họ không những không phạm lỗi, mà còn có "công trạng" chiến đấu. Thật ra, cho dù người đồng tính không thực hiện hành vi tình dục đồng tính, thì cảm quan luân lý tự nhiên cũng cho thấy rằng khuynh hướng đồng tính là một điều gì trái ngược với tự nhiên, vì tình dục con người vốn phải được đặt nền tảng trên sự yêu thương tương hỗ, hài hòa giữa người nam và người nữ. Đó là một trong những sự việc hiển nhiên của đời sống, mà con người bình thường tự nhiên chấp nhận không cần chứng minh. Và, thực tế nhiều sự thật trong đời sống được nhìn nhận như lẽ đương nhiên, như là vợ chồng phải là một nam và một nữ, con cái phải hiếu thảo với cha mẹ, vợ chồng phải trung thành, nhớ ơn kẻ giúp mình,... ai làm điều trái ngược với các điều trên, tự nhiên bị dư luận phê phán. Bạn có thể chấp nhận hay không chấp nhận chân lý hiển nhiên, nhưng chân lý vẫn là chân lý. **Sự chối bỏ chân lý không thể biến đổi chân lý thành điều không đúng**. Từ ngữ la–tinh "per se nota" (dịch sát nghĩa: được biết trong chính nó) được dùng cho nguyên lý này. Cảm quan này giải thích tại sao thông thường khi người ta phát hiện ra một ai đó là đồng tính luyến ái, phản ứng tự nhiên của họ là thấy "kỳ kỳ"... Về mặt y khoa, người nam và người nữ rất khác biệt nhau trong cấu trúc thể lý và tâm lý. Bởi vì họ khác nhau và tương hỗ cho nhau, và hài hòa với nhau, cho nên khi người nam và nữ kết hợp thân xác, thì khả năng thụ thai, sinh con là hoàn toàn có thể. Văn hóa Á Đông nói đến hỗ tương âm dương trong vận hành vũ trụ và trong chính con người. Khi mất hài hòa âm dương thì sinh ra bệnh lý. Trường hợp hai người nam hoặc hai người nữ quan hệ thân xác, thì việc thụ thai là điều hoàn toàn không thể có được. Điều này trái với luật tự nhiên. Sinh sản là một trong những khía cạnh tình dục nơi thực–động vật và nơi con người. Một số người có thể phản biện rằng các phụ nữ mãn kinh cũng có tình dục, nhưng không thể sinh con, hoặc có một số cặp vợ chồng vô sinh do bệnh lý bẩm sinh hay mắc phải. Điều đó là đúng, nhưng những người này vẫn hành động theo hỗ tương nam–nữ tự nhiên. Một người có thể có khuynh hướng đồng tính luyến ái nhưng không dấn thân các hành vi đồng tính luyến ái. Khuynh hướng này phức tạp và có thể tự nó không có tự do chọn lựa nhưng bị điều kiện hóa bởi một số điều kiện tâm sinh

lý mỗi người. Tuy nhiên hành vi đồng tính luyến ái có thể được tự do chọn lựa. **Người thực hiện hành vi đồng tính luyến ái có thể không có trách nhiệm về khuynh hướng đó của họ, nhưng họ có trách nhiệm về những gì họ chọn lựa và những gì họ làm**. Vì vậy cái giá để là một người đồng tính lành mạnh là loại bỏ tất cả mọi hành vi tương quan tình dục đồng tính.

IV. GIÁO HUẤN GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VỀ ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

1. NỀN TẢNG KINH THÁNH

Vincent Genovesi S.J, lưu ý hai điểm trước khi tìm hiểu chi tiết vài đoạn Kinh Thánh liên quan đến đề tài đồng tính luyến ái. Trước hết, như học giả Tân ước Victor Paul Furnish nhắc nhở, người ta "không luôn luôn đồng ý về thẩm quyền của Kinh thánh nên được hiểu thế nào, cách riêng trong các giáo huấn cụ thể về luân lý." Lời nhắc nhở này phù hợp cho việc tìm hiểu giáo huấn luân lý trong cả Cựu ước và Tân ước. Các tác giả thánh cũng chịu ảnh hưởng bởi lịch sử và văn hóa thời họ sống, và có một mục đích và đối tượng xác định trong trí tác giả. Về các giáo huấn liên quan các vấn đề luân lý cụ thể của thánh Phaolô, theo Furnish, cần có sự biện biệt khôn ngoan, không nên chấp nhận một cách đương nhiên và tôn kính như "con bò vàng", cũng không thể loại bỏ hoàn toàn. Furnish giải thích rằng thánh Phaolô lúc đó đang viết cho các cộng đoàn Kitô hữu cụ thể với các đặc điểm văn hóa, chính trị, xã hội mà Ngài hiểu rõ, và rất khác với xã hội ngày nay, vì vậy chúng ta phải giải thích các thư của Ngài, bao gồm cả các huấn thị về luân lý.

Thứ hai, cũng như các từ ngữ "khác phái tính luyến ái", "luyến ái cả hai phái", các khái niệm "đồng tính luyến ái", "người đồng tính" được tìm hiểu, phân tích hiểu rõ hơn nhờ các nghiên cứu tâm lý học hiện đại, và sự hiểu biết này chưa có trong thời Kinh Thánh được viết ra. Khái niệm "khuynh hướng đồng tính luyến ái" có lẽ chưa có trong tâm trí tác giả thánh, và các điều về đồng tính luyến ái mà Kinh Thánh nói đến hầu như để chỉ hành vi đồng tính. Xét đoạn văn St 19: trong nhiều thế kỷ truyền thống Kitô giáo chấp nhận quan điểm rằng đoạn văn này chỉ ra tội mà từ đó thành Sôđom bị phá hủy là hành vi đồng tính, hành vi này vì thế còn có được gọi là "sodomy". Tuy nhiên, vài đoạn khác của Kinh Thánh dường như cho thấy sự hiểu trên không đúng. Thí dụ, ngôn sứ Giêrêmia nói rằng tội của Sôđom là ngoại tình, nói dối, và sự không muốn hối cải (Gr 23, 14); ngôn sứ Ezêkiel công bố rằng tội của dân thành Sôđom là

"kiêu ngạo, phè phỡn ham ăn uống, tự cao tự đại, tự mãn", "không ra tay giúp đỡ người nghèo khổ bần cùng, chúng tự cao tự đại và làm điều ghê tởm" (Ed 16,49–50). Sách Khôn Ngoan xác định các tội lỗi của Sôđom như điên cuồng, kỳ thị, không đón tiếp khách lỡ đường (Kn 19,13–14). 17 Trong Tin mừng Luca và Matthêu, chúng ta thấy Chúa Giêsu nói đến Sôđom trong bối cảnh là Ngài sai các môn đệ vào các thành phố rao giảng Tin Mừng, Ngài dặn các môn đệ nếu thành phố nào không đón tiếp các ông thì hãy ra khỏi thành đó, giũ bụi dép, và Ngài nói rằng trong ngày Nước Thiên Chúa đến, thành phố đó sẽ bị phạt còn nặng hơn thành Sôđom (Lc 10,10–12; Mt 10,14–15). Ở đây, Chúa Giêsu dường như liên kết Sôđom với tội không hiếu khách. Tuy nhiên, hai đoạn 2 Pr 2,4–10 và Giuđa 7 đúng là giải thích câu chuyện của Sôđom nghiêng về tội tình dục. Vậy, có thể kết luận rằng khó thuyết phục khi kết luận tội của Sôđom là tội phạm hành vi đồng tính; tuy nhiên, cũng không có gì vô lý khi kể rằng một trong các tội của Sôđom là có hành vi đồng tính. Vài đoạn Cựu ước rõ ràng kết án hành vi đồng tính: Lv 18, 22, "Ngươi không được ăn nằm với đàn ông như đàn bà, đó là điều ghê tởm." Lv 20, 13 "Khi người đàn ông nào nằm với người đàn ông như nằm với người đàn bà, thì cả hai đã làm điều ghê tởm, chúng phải bị xử tử, máu chúng đổ xuống đầu chúng." Tác giả thánh loại trừ khỏi Dân của Thiên Chúa những ai hành xử theo đồng tính luyến ái. Dựa vào giải thích của Martin Noth, Genovesi gợi ý rằng cần xem xét đoạn văn trên trong bối cảnh chung của toàn bản văn, đó là các quy luật về sự thánh thiện, trong đó có cả cấm đoán "Ngươi không được đến gần một người đàn bà đang bị ô uế vì kinh nguyệt, để lột trần chỗ kín của nó" (Lv 18,19), và nếu hai vợ chồng quan hệ thân xác vào lúc người vợ đang có kinh nguyệt thì cũng bị "khai trừ khỏi dân chúng" (Lv 20,18). Genovesi lý luận rằng vì rõ ràng điều kết án trong Lv 18,19 và Lv 20,18 là không đúng với hiểu biết hiện nay, nên giá trị của đoạn kết án hành vi đồng tính cũng phải xem xét lại. Tuy nhiên, chúng ta thấy dù có bị ảnh hưởng văn hóa, nhưng lại có sự thống nhất, hằng định vững bền trong Kinh Thánh, Tân ước nối tiếp Cựu ước, cùng kết án hành vi đồng tính, như Bộ Giáo lý Đức tin đã khẳng định: "Thật đúng là văn chương Kinh Thánh phụ thuộc vào các thời kỳ khác nhau... Giáo Hội ngày nay rao giảng Tin Mừng cho một thế giới vốn khác nhau về nhiều phương diện so với ngày xưa... Điều nên chú ý là, trong sự hiện diện của sự đa dạng đáng kể như thế, nhưng lại có một sự hằng định rõ ràng trong chính Kinh Thánh về vấn đề luân lý của hành vi đồng tính. Giáo

thuyết của Giáo Hội về vấn đề này vì vậy không phải dựa trên vài câu rời rạc dùng cho sự lý luận thần học dễ dàng, nhưng trên nền tảng vững chắc của một bằng chứng Kinh Thánh hằng định. Cộng đoàn đức tin ngày nay, trong sự kế tục không đứt đoạn với các cộng đoàn Do Thái và Kitô hữu mà bên trong đó Kinh Thánh cổ xưa đã được biên soạn, tiếp tục được nuôi dưỡng bởi cùng Kinh Thánh và bởi Thần Khí Chân Lý mà Kinh Thánh là Lời của Thần Khí đó. Một cách chính yếu, cần nhìn nhận rằng Kinh Thánh không được hiểu một cách chính xác khi chúng được giải thích theo một cách thức đối nghịch với Truyền Thống sống động của Giáo Hội. Một cách đúng đắn, việc giải thích Kinh Thánh phải hòa hợp một cách căn bản với Truyền Thống đó." Thật vậy, sách Sáng Thế từ xa xưa tuyên bố rõ ràng rằng Thiên Chúa đã dựng nên con người là nam và nữ: "Vì thế người nam lìa bỏ cha mẹ mình để kết hợp với vợ mình và cả hai trở thành một thịt" (St 2, 24). Trong chương 19 Tin Mừng Matthêu, Chúa Giêsu trích dẫn đoạn này và nói từ khởi đầu nó đã như thế rồi. Bộ Giáo lý Đức tin cũng giải thích: "Dựa trên nền tảng của sự trình bày luật thần quyền, một quan điểm cánh chung đã được thánh Phaolô khai triển trong 1 Cr 6,9 khi ngài đề nghị cùng một giáo thuyết và liệt kê những ai hành xử theo đồng tính luyến ái vào số các người sẽ không được vào Nước Thiên Chúa. Đoạn Rm 1, 18–32, vẫn xây dựng trên các truyền thống luân lý của các vị tiền bối, nhưng trong bối cảnh mới của sự chạm trán giữa Kitô giáo và xã hội ngoại giáo thời của ngài, thánh Phaolô sử dụng hành vi đồng tính luyến ái như một thí dụ của sự mù quáng đã chinh phục con người. Thay vì sự hòa hợp nguyên thủy giữa Đấng Tạo Hóa và thụ tạo, sự méo mó gay gắt của thờ ngẫu tượng đã dẫn đến mọi loại quá trớn luân lý. Thánh Phaolô không tìm thấy một thí dụ nào rõ ràng hơn về sự bất hòa hợp này là các quan hệ đồng tính luyến ái. Cuối cùng, 1 Tm 1, hoàn toàn tiếp nối với lập trường Kinh Thánh, tách những kẻ đã loan truyền giáo thuyết sai lạc và trong câu 10, minh nhiên gọi những ai làm hành vi đồng tính luyến ái là kẻ tội lỗi."

2. HUẤN QUYỀN HIỆN NAY

Trên phương diện thần học luân lý, không thích hợp để gắn nhãn hiệu một người là đồng tính luyến ái, ngay cả khi họ có khuynh hướng này. Bởi vì, điều cơ bản hơn là nhân vị nơi mỗi người. Thật vậy, chính Giáo Hội cũng không xem mỗi người là khác phái tính luyến ái hay đồng tính luyến ái và nhấn mạnh rằng mỗi con người có căn tính cơ bản: đó là tạo thành của Thiên Chúa, và bởi ân sủng, trở thành con cái của Thiên Chúa và thừa hưởng sự sống vĩnh cửu.

Lập trường truyền thống và hiện thời của Giáo Hội Công giáo Rôma có thể tóm tắt như sau: Giáo hội Công giáo truyền thống cho đến nay lên án hành vi đồng tính luyến ái vì nó trái với luật tự nhiên. Hành vi đồng tính luyến ái không được chấp nhận trong mọi hoàn cảnh. Đồng tính luyến ái phá vỡ cấu trúc truyền thống của gia đình, là căn bản tốt lành của xã hội và thúc đẩy xã hội phát triển. Con người sinh ra là nam và nữ theo hình ảnh của Thiên Chúa trong kế hoạch quan phòng của Ngài. Hôn nhân là bối cảnh tự nhiên và mẫu mực cho các diễn tả tình dục (x. Rm 1,26–27). Thực tế hôn nhân đồng tính phá vỡ cấu trúc gia đình truyền thống vốn là căn bản tốt lành xây dựng xã hội và nuôi dưỡng con người (x. Giáo lý Hội Thánh Công giáo số 2357, 2387).

V. QUYỀN CÔNG DÂN VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH LUẬT PHÁP VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG TÍNH

Người đồng tính được hưởng đầy đủ quyền công dân. Cho đến nay hôn nhân đồng tính được hợp pháp hóa trên 14 quốc gia: Hà Lan (2001), Bỉ (2003), Tây Ban Nha (2005), Canada (2005), Nam Phi (2006), Na Uy (2008), Thụy Điển (2009), Bồ Đào Nha (2010), Iceland (2010), Argentina (2010), Đan Mạch (2012), Uruguay (2013), New Zealand (2013), và Pháp (2013). Luật pháp các nước này cho phép các người đồng tính luyến ái đầy đủ các quyền lợi hợp pháp, trách nhiệm và sự bảo vệ mà hôn nhân mang lại cho họ. Tại ba nước Hoa Kỳ, Mexico và Brazil, chỉ có một số bang cho phép các cặp đồng tính kết hôn. Tại Việt Nam, từ tháng 7 năm 2013, dự thảo sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình liên quan hôn nhân đồng tính trải qua nhiều kỳ họp thảo luận, tham vấn ý kiến. Đã có lúc việc kết hôn của người đồng tính tưởng như được công nhận, tuy nhiên (may thay!) về sau, cánh cửa cho hôn nhân đồng tính vẫn khép lại. Ủy ban Thường vụ Quốc hội hiện tại đề nghị bỏ điều "cấm hôn nhân cùng giới" và chuyển thành "không thừa nhận". Từ quan điểm của Giáo Hội Công giáo về tính không hợp luân lý của hành vi đồng tính, dễ thấy được, Giáo Hội Công giáo vẫn luôn không đồng ý việc kết hôn giữa người đồng tính, tuy tôn trọng phẩm giá của các người đồng tính và kêu gọi đối xử bình đẳng. Có nhiều tài liệu bàn về bản chất hôn nhân Công giáo, trong giới hạn bài viết, tôi không đi sâu về điều này. Chỉ muốn thêm rằng những gì là tự nhiên, thì cũng hiển nhiên. Các lập luận ủng hộ, hay các hợp pháp hoá hôn nhân đồng tính và các phán quyết của các quan toà sẽ không bao giờ khiến cho các hành vi đồng tính hoặc hôn nhân đồng tính trở nên đúng.

VI. VÀI ĐIỂM NHẤN VỀ MỤC VỤ CHO NGƯỜI ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Với các người mà khuynh hướng đồng tính xuất hiện có tính không bền vững, thì có "trách nhiệm đạo đức" là cố gắng hướng về những tương quan yêu thương với người khác phái. Với nhiều lý do, (ví dụ để có được sự tôn trọng, để tránh bị chất vấn về khuynh hướng tình dục của họ, bởi vì ước muốn trở thành cha mẹ, bởi vì họ cảm thấy vô nghĩa nếu theo đuổi đời sống độc thân nhưng lại sợ hãi bị kết án vì hành vi đồng tính luyến ái) một số người nam, nữ đồng tính luyến ái đã cố gắng thử các quan hệ khác phái và cả hôn nhân. Ngay cả với ý hướng tốt nhất và nỗ lực tối đa, các người này thường thấy rằng họ không có khả năng thiết lập được một cuộc hôn nhân khác phái thật sự với đầy đủ ý nghĩa chia sẻ và hiệp thông yêu thương vợ chồng. Trong các trường hợp này không có sự hòa hợp hỗ tương lẫn nhau của hai con người, sự nhận định theo đó là không có sự hợp nhất hôn nhân hiệu lực giữa hai người. Thật vậy, vì họ thiếu khả năng cần có là hoàn thành nền tảng của nhu cầu tình cảm yêu thương của một cuộc sống chung của hai người khác phái. Vấn đề đặt ra là sau thất bại của các cố gắng thiết lập tình yêu với người khác phái, các người đồng tính này có thể có những hành vi tình dục đồng tính mà không "phạm tội"?

Nữ thần học gia luân lý Hoa Kỳ, Lisa Cahill gợi ý rằng hôn nhân khác phái là mẫu mực cho hôn nhân Công giáo, nhưng các nhà luân lý tính dục Công giáo nên xem xét "khi nào, tại sao, và như thế nào" thì có thể có vài "ngoại lệ" (exception)? Cahill gợi ý rằng hành vi đồng tính luyến ái như mô tả trên nên được xét là "không mẫu mực nhưng là trường hợp ngoại lệ có thể biện minh một cách khách quan." Khả năng ngoại lệ này chỉ giới hạn đối với các hành vi đồng tính giữa các người có mối tương quan bền vững và dấn thân yêu thương nhau thật sự. Điều gợi ý này của Lisa Cahill rõ ràng không được chấp nhận bởi Huấn quyền. Xét trường hợp các người đồng tính dấn thân trong những mối tương quan yêu thương độc nhất, bền vững, Các Giám Mục Công giáo Anh quốc công bố rằng "thật là một sự tương đồng giả tạo và không thể chấp nhận" khi so sánh những tương quan như thế với sự hiệp nhất của hôn nhân khác phái tính. Bất cứ hoạt động tình dục nào xảy ra trong các tương quan đồng tính bền vững vẫn luôn là sai lạc một cách khách quan, nhưng mục tử và người giải tội cần "phân biệt giữa các hành vi tình dục vô trách nhiệm, tùy tiện với các liên kết lâu bền giữa hai

người đồng tính, các người cảm thấy không thể kéo dài cuộc sống độc thân mà không có các diễn tả tình dục." Khi ấy vị mục tử phải lưu ý rằng chăm sóc mục vụ phải xem xét cá nhân trong tình huống hiện tại của anh ấy/chị ấy, với tất cả sức mạnh và yếu đuối của cá nhân ấy." Tuy tỏ ra thương cảm các người đồng tính dấn thân trong mối tương quan bền vững và đôi khi có diễn tả bằng hành vi tình dục, Giáo Hội Công giáo vẫn luôn thừa nhận rằng hành vi đồng tính luôn là điều xấu khách quan, Huấn quyền nhấn mạnh rằng các người này phải nhắm đến, và phấn đấu cho việc loại trừ tất cả hành vi tình dục đồng tính trong suốt đời sống. Các giám mục Công giáo Hoa Kỳ họp tại Baltimore tuyên bố trong một tài liệu chăm sóc người đồng tính năm 1981:"Giống như các người khác phái tính luyến ái, các người đồng tính tiêu biểu cho tình huống trong đó người ấy tìm thấy chính mình, và từ đó khởi điểm cho việc đáp ứng cá nhân đối với tiếng gọi của Đức Kitô đến sự hoàn hảo. Đáp ứng tiếng gọi này không có nghĩa là người ấy bắt buộc phải thay đổi khuynh hướng này. Đúng hơn, tiếng gọi đòi hỏi người ấy phải sống khiết tịnh trong khuynh hướng đó. Sứ vụ của Giáo Hội Công giáo cho các người đồng tính luyến ái, nam và nữ, luôn là một sứ vụ mục vụ. Nó không chỉ đơn thuần lặp lại thách thức Đức Kitô đặt để cho một thế hệ; nó tìm kiếm để làm việc với từng cá nhân, xem xét đến sức mạnh và yếu đuối của từng người, và giúp cá nhân thực hiện trách nhiệm một cách trọn vẹn có thể trong từng tình huống giây phút cuộc sống." Các mục tử và người tư vấn phải nhạy cảm đối với các biến động bên trong, có thể là phần kinh nghiệm của những người đồng tính luyến ái. Như các giám mục Anh quốc nói: "Các người đồng tính có thể cảm thấy rằng thiên nhiên trong một cách nào đó đã lừa dối họ và tạo ra những căng thẳng không đáng...họ có thể bị xâu xé khi khám phá rằng...khuynh hướng tình dục nơi họ không phải do lỗi cá nhân mà lại làm phát sinh làn sóng chống đối, chối bỏ trong xã hội...họ có thể cảm thấy rằng Giáo Hội đang đòi hỏi các mẫu mực không thể được." Thật ra, ngay cả những người khác phái tính luyến ái mà độc thân, cũng có nhiều lúc cảm thấy đòi hỏi tình dục thân xác, nhưng không vì thế mà họ có thể tìm đến các quan hệ thân xác ngoài hôn nhân. Vậy những người đồng tính luyến ái cũng được mời gọi vượt thắng nhu cầu tình dục thân xác bằng các biện pháp tâm lý và thiêng liêng như cầu nguyện, tăng cường đời sống trí thức và siêu nhiên, mở rộng hoạt động bác ái phục vụ tha nhân, người bệnh tật nghèo khổ...

Một số điểm thông tin cần thiết, theo linh mục Vincent Genovesi, SJ: – Thiếu chính xác khi cho rằng phần lớn những người đồng tính là bị hấp dẫn thể lý với trẻ em và ước muốn quan hệ tình dục với đối tượng này. – Đừng nghĩ một cách đương nhiên là tâm lý các người có khuynh hướng đồng tính là không ổn định hay người ấy dâm dục. – Không chính xác khi nói rằng các người đồng tính đơn giản chỉ cần sức mạnh của ý chí để có thể tái định hướng các quan tâm tình dục của họ. Thật vậy, không có con đường dễ dàng để tái định hướng tình dục hiệu quả, và do đó các người đồng tính luyến ái không nên bị chỉ trích một cách quá đương nhiên nếu họ ngần ngại về việc tái thích ứng tình dục qua trị liệu. – Không đúng khi khẳng định rằng những người đồng tính có tỉ lệ rối loạn tâm thần cao. – Không chính xác khi giả định rằng những người khuynh hướng đồng tính giới hạn chỉ trong một số tầng lớp xã hội hay nghề nghiệp nào đó. Các giám mục Hoa Kỳ khuyên các mục tử và các vị giải tội tránh cả hai thái độ khắc nghiệt và buông thả, khi tư vấn các người có hành vi đồng tính. Cần lưu ý không nên nói với các người đồng tính rằng họ không chịu trách nhiệm cho hành động của họ, các giám mục tuy nhiên cũng quan sát trong trong phần lớn trường hợp các người đồng tính không có hoàn toàn tự do của ý chí, điều này chỉ ra rằng có sự giảm nhẹ trách nhiệm luân lý cho các hành vi tình dục đồng tính của họ. Các người có khuynh hướng đồng tính nên được động viên đào sâu đời sống thiêng liêng. Cùng lúc họ nên được giúp để ý thức rằng cho dù dùng biện pháp nào để bắt đầu một nếp sống mới, "rất có thể sẽ có tái phạm bởi vì thói quen lâu dài, nhưng điều này không được cho phép để trở thành một dịp cho sự tự ti vô ích."

VII. ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI VÀ ƠN GỌI TU TRÌ, LINH MỤC

Bộ Giáo dục Công giáo năm 2005 ra Chỉ thị "Về các tiêu chuẩn để nhận định ơn gọi đối với các người có khuynh hướng đồng tính luyến ái, trong việc thâu nhận vào chủng viện và chức thánh," nói rằng các thanh niên thực hành hành vi đồng tính luyến ái, hay có khuynh hướng đồng tính vững bền, không được thâu nhận vào các chủng viện, cũng được áp dụng cho các dòng tu. Đức giáo hoàng Benedictô XVI chấp thuận hướng dẫn này và cho phép ấn hành ngày 31 tháng 8, năm 2005. Theo CWNews 3.11.2008, tại một cuộc họp báo trong đó ban hành các nguyên tắc chỉ đạo về việc dùng Tâm lý học trong việc tiếp nhận và đào tạo các ứng sinh cho chức linh mục của Bộ Giáo dục Công giáo, Đức hồng y Zenon Grocholewski, Tổng

Trưởng, đã tái khẳng định rằng các người có khuynh hướng đồng tính vững bền, dù không thực hành hành vi tình dục đồng tính cũng không thể được truyền chức linh mục. Ngài nói: "Không nhất thiết ứng sinh nầy phải thực hành tình dục đồng tính mới bị loại khỏi việc truyền chức, mà ngay cả khi không phạm tội, nhưng có khuynh hướng sâu sắc, thì cũng không được chấp nhận cho thừa tác vụ linh mục chính là vì tự bản chất chức linh mục nói lên một tình phụ tử thiêng liêng. Ở đây chúng ta không nói người ấy có phạm tội hay không, mà khuynh hướng ăn rễ sâu nầy vẫn còn hay không." Giáo Hội Công giáo, tuy đồng cảm với các người có khuynh hướng đồng tính vững bền, vẫn luôn khẳng định đồng tính luyến ái là một kiểu lệch lạc nào đó, trái với tự nhiên, và không tương hợp với việc thực thi chức linh mục, trong việc thiết lập quan hệ với tha nhân.

Bài viết tiếp tục với đề tài chuyển giới tính, mà trong cuộc sống, đôi khi lẫn lộn với đồng tính luyến ái, hay lưỡng tính.

CHUYỂN GIỚI TÍNH

Vấn đề chuyển giới tính mới chỉ nổi cộm tại Việt Nam khoảng thập kỷ nay. Chưa có nhiều nghiên cứu sâu xa nghiêm túc về vấn đề này. Một cách khiêm tốn, bài viết đề cập trên phương diện lý thuyết ít ỏi biết được. Như trên đã định nghĩa, theo y học, chuyển giới là trường hợp một người hoàn toàn là người nam về mặt sinh học – nghĩa là bộ nhiễm sắc thể 46XY, có bộ phận sinh dục nam hoàn chỉnh – gồm tinh hoàn, thừng tinh, ống dẫn tinh, tuyến tiền liệt, dương vật, giọng nói trầm, không có bầu ngực, không tuyến sữa..., nhưng lại cảm nhận mình là người nữ, khát khao là người nữ nên muốn chuyển đổi giới tính thành người nữ; hoặc ngược lại, một người nữ mang bộ nhiễm sắc thể 46 XX, có bộ phận sinh dục nữ hoàn chỉnh, có buồng trứng, tử cung, vòi trứng, âm đạo, hàng tháng có kinh nguyệt, có vú phát triển, có tuyến sữa nhưng vẫn cứ cảm nhận mình là nam và muốn trở thành người nam! Khát khao này đôi lúc rất mãnh liệt khiến người ấy thậm chí không muốn sống nếu không được chuyển giới. Tại Việt Nam, một số người chuyển giới được biết đến như chuyên gia trang điểm Cindy Thái Tài, ca sĩ Cát Tuyền, ca sĩ Khánh Chi Lâm, Hương Giang idol, cô giáo Phạm Lê Quỳnh Trâm, nhà thiết kế Franky Nguyễn...

1. Tiến Trình Y Học Để Chuyển Giới

Việc chuyển đổi giới tính là cả một quá trình lâu dài và phức tạp. Có thể tóm tắt như sau: – **Khám lâm sàng**, làm tất cả các xét

nghiệm cần thiết. Tiến hành tư vấn tâm lý. – **Dùng thuốc nội tiết liên tục trong một thời gian** nhằm giúp một số bộ phận cơ thể họ thay đổi. Ở nam giới – muốn thành nữ giới – sự thay đổi ấy là lông, râu giảm bớt, giọng nói trở nên trong trẻo, các cơ bắp tay, chân nhỏ lại nhưng vú, mông thì to ra, tinh hoàn teo nhỏ. Ở nữ giới – muốn thành nam giới– cơ bắp to ra, giọng nói trở nên trầm, kinh nguyệt hết, lông, râu mọc nhiều hơn. Thuốc nội tiết có một số tác dụng phụ của việc phải sử dụng, như chóng mặt, cao huyết áp, thay đổi tính tình, tăng cân, trầm cảm...". – **Phẫu thuật**. Sau điều trị bằng thuốc nội tiết, một số bộ phận trong cơ thể đã thay đổi hết mức, người chuyển giới sẽ được làm phẫu thuật, bao gồm cắt bỏ cơ quan sinh dục trong, phẫu thuật bộ phận sinh dục ngoài để tạo hình bộ phận sinh dục mới, nâng ngực cho to lên (nếu muốn thành đàn bà) hoặc thu nhỏ bộ ngực (nếu muốn là đàn ông). Phải trải qua vài lần phẫu thuật mới có thể hoàn chỉnh. Về việc phẫu thuật, một số bác sĩ cho rằng cuộc giải phẫu sẽ đem lại hậu quả tích cực cho tâm lý của đương sự. Nhưng sâu xa, vẫn là một sự thay đổi giả tạo và vì thế đương sự vẫn không cảm thấy thanh thản bình an. Do đó, một cách khách quan giải phẫu không phải là thần dược như một số người nghĩ. – Sau khi làm xong, cả đàn ông lẫn đàn bà đều không còn khả năng sinh đẻ. Hơn nữa, **phải sử dụng thuốc nội tiết – hầu như suốt đời** nên ắt hẳn ảnh hưởng đến sức khỏe như sốc thuốc, tai biến nghẽn mạch, giảm tuổi thọ... – Theo một vài báo cáo, chi phí tốn cho các ca giải phẫu chuyển giới ở nước ngoài khoảng 10.000 – 12.000 USD, mức thấp hơn là 4.000 – 6.000 USD. Thêm vào đó, chi phí chích nội tiết tố từ 120.000– 200.000 đồng/2 ống/tuần. Một số người chuyển giới tự mua và chích nội tiết tố, không có sự tư vấn của chuyên gia y tế đã dẫn đến những hệ lụy khó lường. Bên cạnh đó, người chuyển giới còn cần được theo dõi, nâng đỡ trong nhiều năm về mặt thể trạng, tâm lý và quá trình hội nhập cộng đồng. Theo Nghị định 88 và Thông tư số 29 của Nhà nước Việt Nam về xác định lại giới tính thì chỉ những bệnh viện có đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đặc biệt là nhân lực – đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực liên quan đến xác định lại giới tính, phải được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cho phép thì mới được xác định lại giới tính. Trong Nghị định 88 cũng giải thích rõ về trường hợp được phẫu thuật xác định lại giới tính: 1/lưỡng tính thật;

2. Lưỡng tính giả hay các bệnh lý loạn tuyến sinh dục làm cho bộ phận sinh dục ngoài không rõ ràng. Hiện Việt Nam chưa cho phép hợp thức hóa giới tính mới ở những người vốn bình thường

mà chuyển giới, dù họ đã nhờ kỹ thuật tạo hình tạo cho mình một cơ thể hoàn toàn mới. Như thế, người chuyển giới gần như bị mất quyền nhân thân khi vì giới tính trong giấy tờ khác với giới tính hiện có và ngoại hình của họ. Chính điều ấy đã khiến những người đã chuyển giới lâm vào cảnh "mình chẳng phải mình". Cô giáo Quỳnh Trâm là một thí dụ, cơ sở địa phương chấp nhận cho cô đổi giấy tờ nhân thân từ "nam" sang "nữ", nhưng sau đó quyết định này bị chính quyền cấp cao hơn bác bỏ.

II. QUAN ĐIỂM CÔNG GIÁO

Phần này, tôi trình bày lại theo vài suy tư của nhà thần học luân lý Xavier Thévenot, mà tôi thấy thích đáng.

1. Phải nhìn nhận ước muốn chuyển giới tính chưa phải là một điều xấu luân lý (vì chính đương sự không chọn lựa cho mình ước muốn này), nhưng như một khiếm khuyết khách quan rất nghiêm trọng làm đảo lộn cuộc sống đương sự cách sâu xa và lâu dài. Thực tế, người muốn chuyển giới và người chuyển giới gặp nhiều thách thức trong cuộc sống: sự lên án, ghét bỏ, thậm chí tẩy chay, xa lánh của gia đình bạn bè, xã hội, khó khăn tìm việc làm, sức khỏe giảm sút... Tuy nhiên, những người này vẫn có khả năng đảm nhận trách nhiệm về bản thân mình. Chúng ta cần khuyến khích nâng đỡ họ sống thử thách ấy cách tích cực. Chúng ta có thể đồng hành về mặt tâm lý, giúp tìm công việc thích hợp và ổn định, tìm bạn bè tốt, thấu hiểu, lắng nghe...

2. Huấn quyền dường như chưa lên tiếng rõ ràng về việc giải phẫu chuyển giới. Nhưng dựa trên truyền thống luân lý, ta có thể nhận định rằng Huấn quyền dứt khoát bác bỏ việc giải phẫu này. Giáo hội Công giáo luôn khẳng định con người không phải "làm chủ" thân xác mình, mà là người đón nhận ơn ban Thiên Chúa, là nam, là nữ, và phải sống hòa hợp với quy luật tự nhiên ở nơi chính thân xác của mình. Con người không thể tự do thay đổi giới tính của mình chỉ vì mình "khát khao" được là giới tính ngược lại với giới tính mình khi sinh ra. Đoạn trích trong huấn từ của Đức Piô XII với các bác sĩ ngày 13.9.1952 có thể làm sáng tỏ điều này: "Bệnh nhân không phải là chủ nhân trên hết của mình, cả thân xác lẫn tinh thần. Vì thế, bệnh nhân không thể sử dụng mình một cách tùy tiện như mình muốn. Ngay cả lý do khiến bệnh nhân làm thế tự nó cũng không đủ và không thuyết phục. Bệnh nhân bị ràng buộc vào cứu cánh nội tại mà bản tính đã định. Bệnh nhân có quyền sử dụng– dù bị giới hạn bởi cứu cánh tự nhiên– các khả năng và sức

lực của bản tính con người. Vì chỉ là người thừa hưởng chứ không phải là sở hữu chủ, nên bệnh nhân không có quyền vô hạn để làm những việc như hủy diệt hay cắt bỏ vì lý do chức năng". Trích đoạn trên, cách nay 62 năm, không trực tiếp đề cập đến việc cắt bỏ bộ phận sinh dục, cũng như việc chích nội tiết tố để chuyển giới. Tuy nhiên, ta có thể ngoại suy và áp dụng cho việc giải phẫu chuyển giới. Việc giải phẫu chuyển giới là một sự xấu khách quan nghiêm trọng, vì nó cắt bỏ vĩnh viễn các bộ phận căn bản và lành mạnh của con người. Tuy nhiên, mỗi người là một mầu nhiệm. Chúng ta cần tự hỏi: "Ta đã thật sự lắng nghe bệnh nhân một cách kiên trì để tìm ra ước muốn sâu xa của họ chưa?"; "Bệnh nhân đã được thông tin đầy đủ rõ ràng hậu quả của việc giải phẫu và việc dùng thuốc nội tiết tố chưa?" Gia đình của đương sự cũng cần được giúp đỡ để có thể thông cảm, nâng đỡ yêu thương đương sự đang cơn khủng hoảng tâm lý, tránh thái độ kết án, xa lánh.

KẾT

Người đồng tính luyến ái hay người ước muốn chuyển giới, cần có những anh chị em trên đường lữ thứ trần gian của họ. Chúng ta phải là chứng nhân tình yêu của Thiên Chúa, đón tiếp họ, và can đảm, khôn ngoan, thận trọng nói cho họ biết đòi hỏi của tình yêu Thiên Chúa, nhắc cho họ mục đích tối hậu của đời người là quê Trời. Mặt khác, có lẽ những người này cũng muốn chúng ta phải nhìn nhận họ là những anh chị em có thể làm chứng cho nhân loại về Thiên Chúa: Một Thiên Chúa đã dựng nên con người có nam, có nữ và biết rõ thân phận bụi đất của ta.

1. Tác giả chân thành cáo lỗi rằng do vài lý do khách quan, một vài tư tưởng của vài tác giả được sử dụng, nhưng tham chiếu trong bài viết này còn thiếu sót. 2 Xavier Thévenot, Repères étiques pour un monde nouveau, 1991, Bản dịch Việt ngữ "Để xây dựng một nền luân lý cho thế giới mới", của Đặng Xuân Thành, (Nhà Xuất bản Tôn Giáo, 2008), 5. 3 Nguyệt Phương, "Úc công nhận giới tính thứ ba", 4 Thiên Chương, "Những ngộ nhận thường gặp về người đồng tính", 5 James Harrison, "The Dynamics of Sexual Anxiety," Christianity and Crisis 37 (1977), 136–40, tại tr 137, trích dẫn trong Vincent J. Genovesi, In Pursuit of Love: Catholic Morality and Human Sexuality, 2nd ed. (Philippines, 2003), 250. 6 Năm 1981, Ủy Ban Công Ích Xã Hội Công giáo, một ủy ban làm việc của các giám mục Công giáo tại Anh và Wales, đã chuẩn bị một tài liệu mang tên "Giới thiệu về Chăm Sóc Mục vụ cho các người đồng tính." Trích dẫn ở đây từ trang 10–11, và được trích trong Vincent J. Genovesi, In Pursuit of Love, 252. 7

Vincent J. Genovesi, In Pursuit of Love, 249–253. 8 Judd Marmon, ed. Sexual Inversion (New York, Basic Books, 1965), 4, được trích trong Genosevi, 253. 32 9 William F. Kraft, "Homosexuality and Religious Life," Review for Religious 40 (1981), 371, được trích trong Genovesi, 253. 10 Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ, "Các Nguyên tắc Hướng Dẫn các vị Giải Tội trong vấn đề Đồng Tính Luyến ái," (Washington: United States Catholic Conference, 1973), 5. 11 Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ, "To Live in Christ Jesus: A Pastoral Reflection on the Moral Life" (Washington: United States Catholic Conference, 1976), 19. 12 Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ, "Human Sexuality: A Catholic Perspective for Education and Lifelong Learning," (Washington: United States Catholic Conference, 1991) 55. 13 Marvel Deutsch, MM, "Hôn nhân đồng tính có phản tự nhiên không?" 14 Độc giả có thể xem thêm hai tài liệu của Bộ Giáo lý Đức tin "Tuyên Ngôn về một số Vấn đề Liên quan đến Đạo Đức Tính Dục," 1975 và "Thư Gửi Các Giám Mục Giáo Hội Công giáo về Chăm Sóc Mục Vụ cho các người Đồng Tính Luyến Ái", 1986. 15 Vincent J. Genovesi, In Pursuit of Love, 268–270. 16 Martin Noth, Leviticus: A Commentary (London, 1965), 16, được trích dẫn trong Genovesi, 273. 17 Bộ Giáo lý Đức tin, "Thư Gửi Các Giám Mục Giáo Hội Công giáo về Chăm Sóc Mục Vụ cho các người Đồng Tính Luyến Ái," (1986), số 5. 18 Bộ Giáo lý Đức tin, "Thư Gửi Các Giám Mục Giáo Hội Công giáo về Chăm Sóc Mục Vụ cho các người Đồng Tính Luyến Ái," (1986), số 6. 19 Phúc Duy, "Những nước hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính" (theo AFP) 20 Kenny Nguyễn "Người đồng tính hiểu lầm tin được phép cưới" 21 Marvel Deutsch, MM, "Hôn nhân đồng tính có phản tự nhiên không?" 33 22 Bộ Giáo dục Công giáo, "Instruction: Concerning the Criteria for the Discernment of Vocations with regard to Persons with Homosexual Tendencies in view of their Admission to the Seminary and to Holy Orders," 23 Bản Tin Giáo Hội số 108 năm III tuần từ 11–18.11.2008. 24 "Chuyển đổi giới tính: Không thể một sớm một chiều", < http:// vn.news.yahoo.com/chuy–n–gi–t–nh–kh–ng–th–012943483. html> 25 Phan Dương, "Ước phẫu thuật chuyển giới để được sống 1 giờ là mình", 26 "Chuyển đổi giới tính: Không thể một sớm một chiều", < http:// vn.news.yahoo.com/chuy–n–gi–t–nh–kh–ng–th–012943483. html> 27 Xavier Thévenot, "Để xây dựng một nền luân lý cho thế giới mới", 142. 28 Phan Dương, "Thẩm định giới tính cô giáo Quỳnh Trâm, Bộ Y tế nói gì?", 29 Bùi Liêm, "Không đủ cơ sở pháp lý xác định cho anh thành 'chị'" 30 Xavier Thévenot, "Để xây dựng một nền luân lý cho thế giới mới", 141–144. 31 Xavier Thévenot, "Để xây dựng một nền luân lý cho thế giới mới", 138.